BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 9

TẬP MỘT



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA – ĐẶNG LƯU (Đồng Chủ biên)
DƯƠNG TUẤN ANH – LÊ TRÀ MY – NGUYỄN THỊ NƯƠNG
NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG – NGUYỄN THỊ MINH THƯƠNG

NGỮ VĂN 9

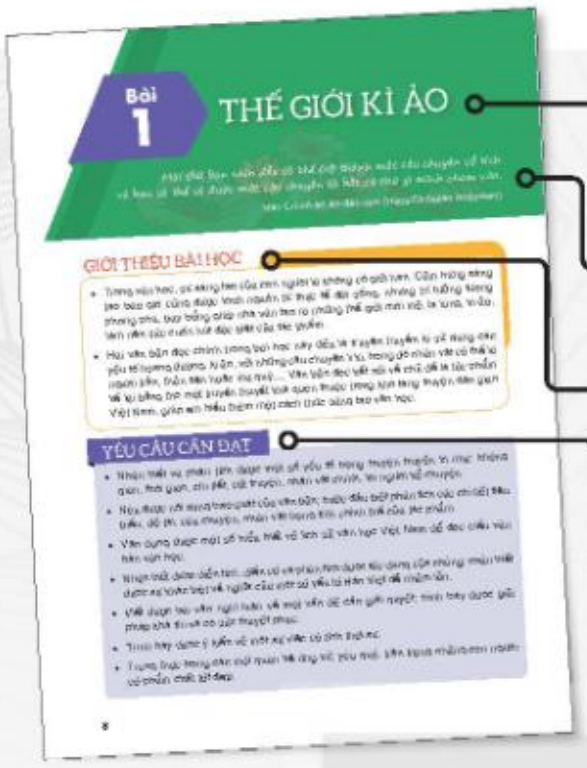
(Tái bản lần thứ hai)

TẬP MỘT

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

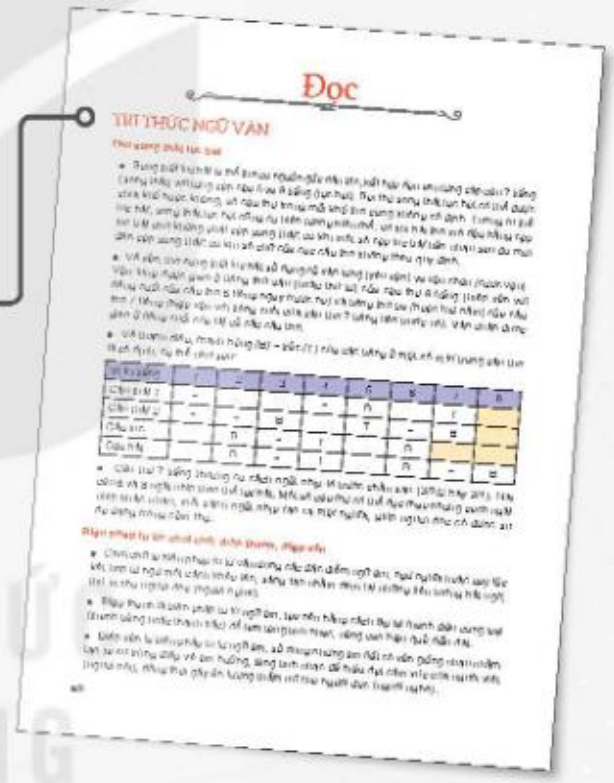


Tên bài giúp em định hướng được chủ đề của bài học, các văn bản đọc trong bài đều có nội dung xoay quanh chủ đề này.

Đề từ là phần gợi liên tưởng, suy nghĩ về chủ đề của bài học.

Giới thiệu bài học giúp em hình dung bao quát về chủ đề của bài học cũng như loại, thể loại văn bản được học trong bài.

Yêu cầu cần đạt là mục tiêu của mỗi bài học. Các hoạt động học tập của em theo hướng dẫn của bài học đều phải hướng đến những yêu cầu cần đạt này.



Tri thức ngữ văn cung cấp các kiến thức về loại, thể loại văn bản và kiến thức tiếng Việt. Em cần nắm vững các kiến thức này để đọc hiểu văn bản tốt hơn và vận dụng trong viết, nói và nghe.

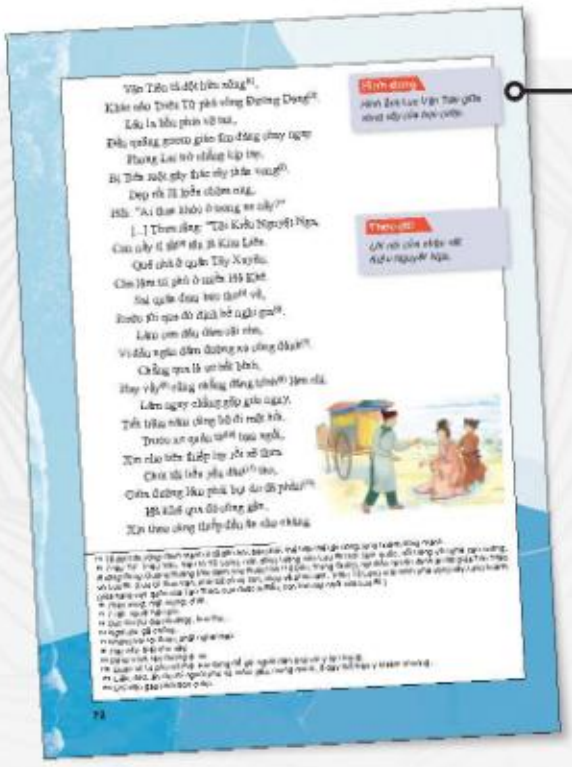


Trước khi đọc là phần tạo cho em cơ hội huy động kiến thức và trải nghiệm của bản thân có liên quan đến nội dung văn bản, chuẩn bị cho việc đọc hiểu văn bản.

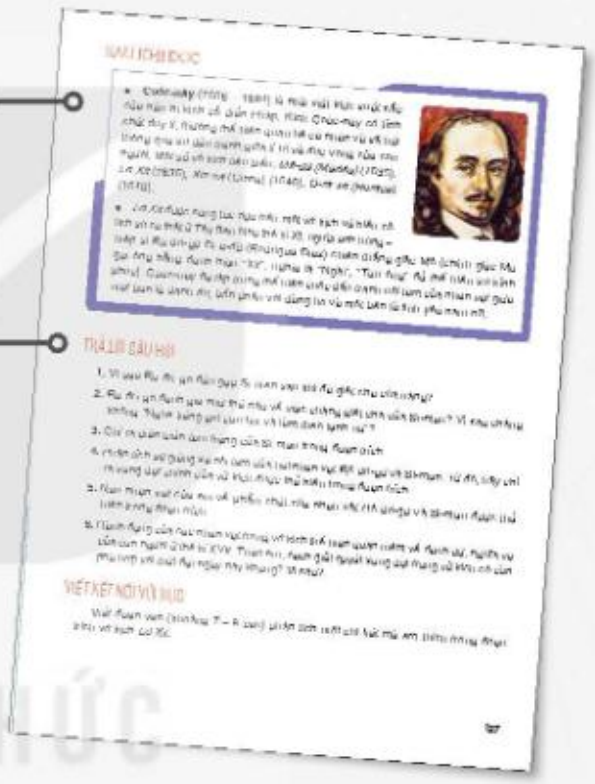
Ở phần **Đọc văn bản**, em đọc thầm hoặc đọc thành tiếng tuỳ vào mục đích đọc ở từng thời điểm. Mỗi bài học thường có hai văn bản đọc chính thuộc loại, thể loại văn bản được học trong bài và một văn bản đọc kết nối về chủ đề với các văn bản đọc chính.

Việc viết hoa trong sách *Ngữ văn 9* được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

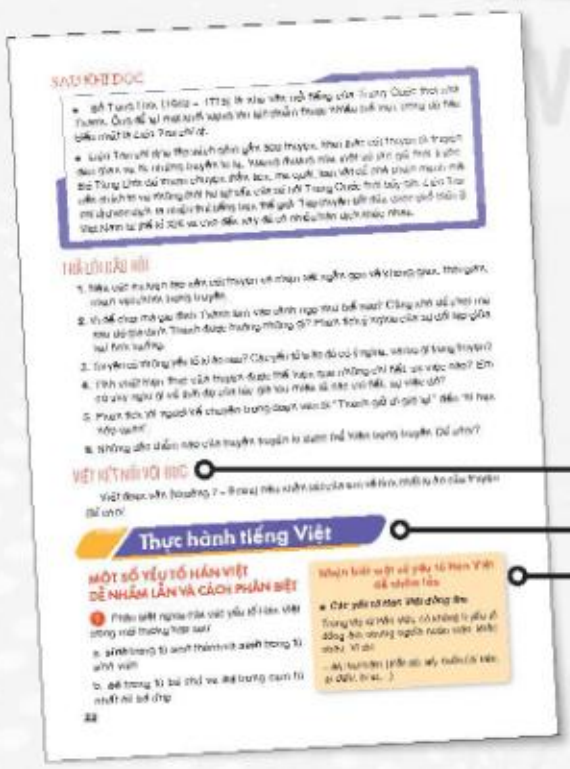


Câu hỏi trong khi đọc định hướng cho em cách đọc hiểu văn bản thông qua các chiến lược **theo dõi**, **suy luận**, **hình dung**, **dự đoán**,... về nội dung hoặc đặc điểm nghệ thuật của văn bản. Các câu hỏi trong khi đọc chỉ là những gợi ý, hướng dẫn để em đọc hiểu văn bản hiệu quả hơn.



Phần tìm hiểu **tác giả** cung cấp một số thông tin cơ bản, góp phần giúp em đọc hiểu văn bản tốt hơn. Thông tin về tác giả chỉ được đưa vào sách khi nó thực sự cần thiết đối với việc đọc hiểu văn bản. Em nên tìm hiểu những thông tin này sau khi đọc xong văn bản.

Trả lời câu hỏi là hoạt động **sau khi đọc**, qua đó thể hiện khả năng đọc hiểu văn bản của em. Lưu ý: Em cần chuẩn bị nội dung này trước khi học trên lớp.



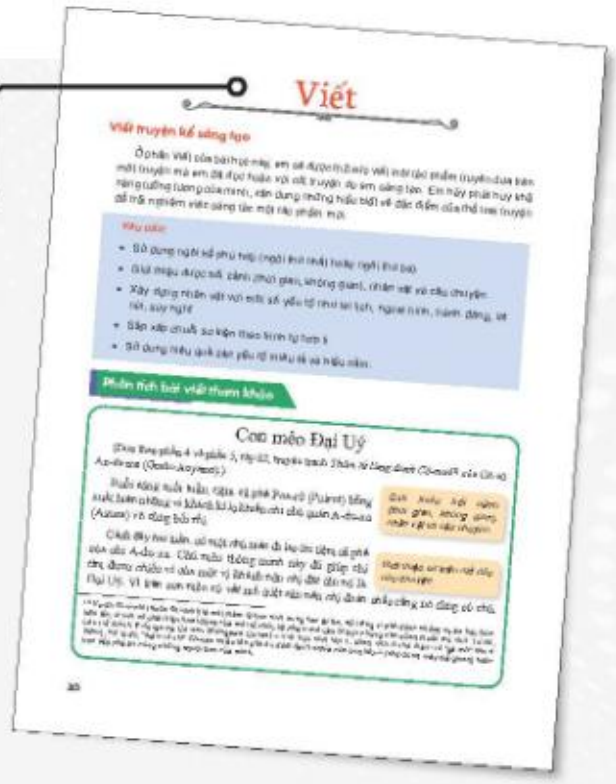
Viết kết nối với đọc yêu cầu viết đoạn văn dựa trên ý tưởng mà em có được từ việc đọc văn bản.

Thực hành tiếng Việt dành cho em cơ hội vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để nhận biết và phân tích các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt trong văn bản đọc.

Trong phần *Thực hành tiếng Việt*, ở những bài có kiến thức tiếng Việt mới (đã nêu trong Tri thức ngữ văn), có mục **"nhận biết"** được đặt trong khung bên phải, giúp em nắm vững kiến thức để hoàn thành bài tập tốt hơn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần **Viết** bao gồm yêu cầu đối với kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước. Em cần thực hiện các bước theo hướng dẫn của sách và của thầy cô để viết được bài văn theo yêu cầu.


Viết

Viết truyện kể sáng tạo

Ở phần Viết của bài học này, em sẽ được hướng dẫn viết một câu chuyện kể một truyện mà em đã đọc hoặc nghe, nói về truyện dự làm sáng tạo. Em hãy phát huy khả năng sưởng tượng (imagination), vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của thể loại truyện để trải nghiệm việc sáng tác một tác phẩm mới.

Yêu cầu

- Đó dung ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba).
- Giới thiệu được nội dung chính (thời gian, không gian), nhân vật và cốt truyện.
- Xây dựng nhân vật với một số yếu tố như lời thoại, ngoại hình, hành động, suy nghĩ.
- Sắp xếp chuỗi sự kiện theo trình tự hợp lí.
- Đó dung nhất quán giữa yếu tố thiếu kể và hiểu nhân.

Phân tích bài viết tham khảo

Con mèo Đại Úy

(Dựa theo truyện kể ở phần 3, nhà kể, truyện tranh Chân tài Đại Úy (Captain) của tác giả Ac-đrê-a (Qualo-Jouyaud).)

Buổi sáng sớm mùa thu, cả gia đình Pa-xcô (Pascal) bồng xuất hiện ở khoảng đất bị khoảng chó quen Ác-đrê-a (Audrey) rất đáng bảo nhị.

Chiều đây mưa phùn, có một nhị quen đi lạc đến tiệm cà phê của cậu Ác-đrê-a. Cậu nhận thông minh này đã giúp nhị tìm ra được nhiều nhị dân quý vị đã khẩn nhận nhị đến để nhị là Đại Úy. Vì thế con mèo có tiết sức quái nhân nhiều nhị đến và cũng có chó.

Nói và nghe là hoạt động tiếp nối đọc và viết. Em cần tìm hiểu kĩ quy trình và thực hiện theo hướng dẫn. Hãy tự tin trao đổi, thảo luận cùng các bạn và tích cực thể hiện ý kiến về các vấn đề được nêu ra.


Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại)

Sự việc có tính thời sự trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại là những sự việc có ảnh hưởng lớn đến nhiều người, để lại dư luận trong thời gian tương đối dài. Khi trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, cần thể hiện rõ thái độ và quan điểm của mình đối với sự việc đó. Bằng những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, em cần làm cho người nghe thấy được sự cần thiết phải có những hành động cụ thể nhằm giải quyết những hệ quả tiêu cực của sự việc đó.

1 TRƯỚC KHI NÓI

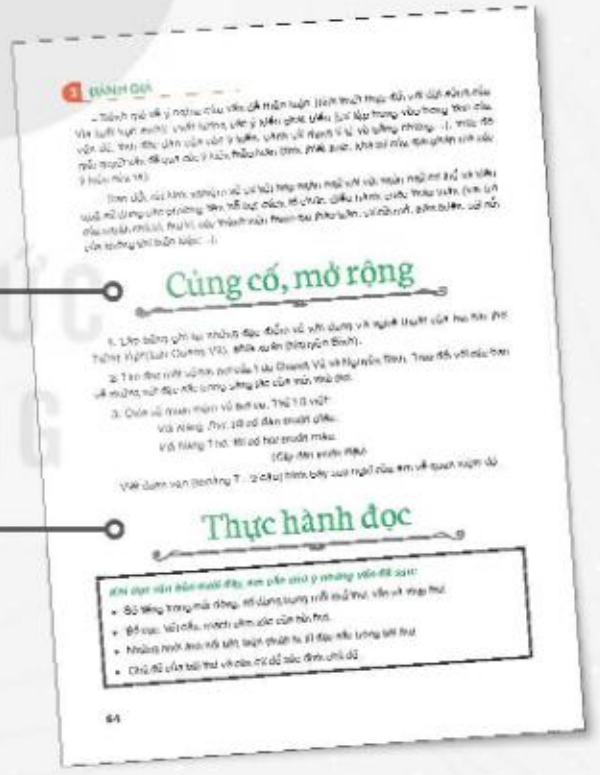
Để chuẩn bị nói, em cần lựa chọn sự việc có tính thời sự mà em quan tâm, có thể là những sự việc tích cực hoặc tiêu cực. Em cần tìm hiểu kĩ về sự việc đó, thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để có cái nhìn khách quan, toàn diện về sự việc.

Mục đích nói

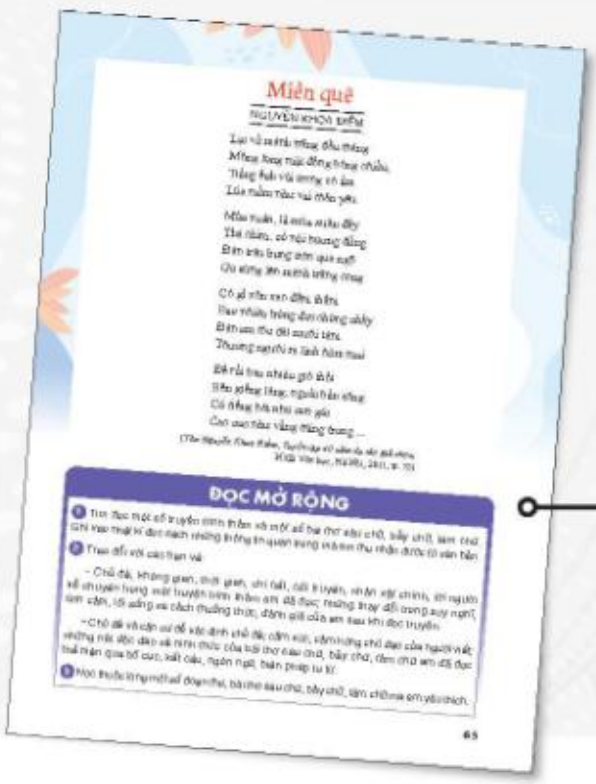
Người nghe

Củng cố, mở rộng ở cuối mỗi bài học là phần luyện tập tổng hợp một số kĩ năng và ôn lại những kiến thức cơ bản đã học. Phần này em có thể thực hiện ở nhà và trao đổi với thầy cô cùng các bạn sau khi đã tự hoàn thành nội dung học tập mà sách thiết kế.

Thực hành đọc là phần tạo cho em cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng được học trong bài để tự đọc một văn bản mới. Trước mỗi văn bản thực hành đọc có một số định hướng và gợi ý giúp em đọc hiểu văn bản tốt hơn.


Củng cố, mở rộng

Thực hành đọc


Miền quê

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

ĐỌC MỞ RỘNG

Đọc mở rộng là phần em tự tìm văn bản để đọc. Sách *Ngữ văn 9* thiết kế những mục riêng, có một số yêu cầu và gợi ý giúp em tìm được văn bản phù hợp và biết tự đọc một cách hiệu quả.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÀI 1. THẾ GIỚI KÌ ẢO	8
ĐỌC	9
Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ)	10
Thực hành tiếng Việt	17
Dế chọi (Bồ Tùng Linh)	18
Thực hành tiếng Việt	22
Sơn Tinh – Thuỷ Tinh (trích, Nguyễn Nhược Pháp)	24
VIẾT	27
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)	27
NÓI VÀ NGHE	33
Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)	33
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	34
THỰC HÀNH ĐỌC	35
Ngọc nữ về tay chân chủ (khuyết danh)	35
BÀI 2. NHỮNG CUNG BẬC TÂM TRẠNG	39
ĐỌC	40
Nỗi niềm chinh phụ (trích *Chinh phụ ngâm*, nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?))	41
Thực hành tiếng Việt	44
Tiếng đàn mưa (Bích Khê)	46
Thực hành tiếng Việt	47
Một thể thơ độc đáo của người Việt (Dương Lâm An)	49
VIẾT	52
Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)	52
NÓI VÀ NGHE	58
Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)	58
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	59
THỰC HÀNH ĐỌC	60
Nỗi sầu oán của người cung nữ (trích *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều)	60
BÀI 3. HỒN NƯỚC NẰM TRONG TIẾNG MẸ CHA	63
ĐỌC	64
Kim – Kiều gặp gỡ (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)	66
Thực hành tiếng Việt	70
Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga (trích *Truyện Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu)	71
Thực hành tiếng Việt	74
Tự tình (bài 2) (Hồ Xuân Hương)	75
VIẾT	77
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay)	77

NÓI VÀ NGHE 82

Trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay 82

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 83

THỰC HÀNH ĐỌC 84

Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du) 85

ĐỌC MỞ RỘNG 86

BÀI 4. KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG 87

ĐỌC 88

"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người (Nguyễn Đăng Na) 89

Thực hành tiếng Việt 93

Từ "Thằng quỷ nhỏ" của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi (Trần Văn Toàn) 95

Thực hành tiếng Việt 100

Ngày xưa (Vũ Cao) 102

VIẾT 103

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện) 103

NÓI VÀ NGHE 108

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (*Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*) 108

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 110

THỰC HÀNH ĐỌC 111

"Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng", một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường (Nguyễn Khắc Phi) 111

BÀI 5. ĐỐI DIỆN VỚI NỖI ĐAU 116

ĐỌC 117

Rô-mê-ô và Giu-li-ét (trích, Uy-li-am Sếch-xpia) 118

Thực hành tiếng Việt 121

Lơ Xít (trích, Coóc-nây) 123

Bí ẩn của làn nước (Bảo Ninh) 128

Thực hành tiếng Việt 130

VIẾT 132

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch) 132

NÓI VÀ NGHE 137

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học) 137

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 138

THỰC HÀNH ĐỌC 139

Âm mưu và tình yêu (trích, Giô-han Cơ-rít-xtốp-phơ Phri-đơ-rích Si-lơ) 139

ĐỌC MỞ RỘNG 141

ÔN TẬP HỌC KÌ I 142

Phụ lục 1: Bảng giải thích thuật ngữ 149

Phụ lục 2: Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài 151

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Trên tay các em là sách giáo khoa *Ngữ văn 9* thuộc bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Sách *Ngữ văn 9* sẽ giúp các em đạt được mục tiêu học tập trong năm học cuối của cấp Trung học cơ sở một cách hiệu quả.

Thống nhất với sách giáo khoa *Ngữ văn* cho cả cấp học, *Ngữ văn 9* thiết kế các bài học theo cách lồng ghép hệ thống loại, thể loại văn bản với hệ thống chủ đề. Nội dung mỗi bài học tiếp tục được tổ chức theo các mạch hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Tuy nhiên, là sách cho lớp cuối cấp, khi sắp xếp các bài học, *Ngữ văn 9* có tính đến thời điểm xuất hiện của văn bản được chọn làm ngữ liệu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tiếp nhận một số kiến thức về lịch sử văn học và vận dụng những kiến thức đó vào đọc, viết, nói và nghe.

Tập một có năm bài học, mỗi bài tập trung vào một loại, thể loại văn bản; các văn bản trong bài được kết nối với nhau theo chủ đề. Ba bài học đầu tiên dành cho một số thể loại đặc trưng của văn học trung đại có những tác phẩm được đánh giá là thành tựu lớn trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam giai đoạn này. Các em sẽ đi từ truyện truyền kì (bài 1. *Thế giới kì ảo*) qua thơ song thất lục bát (bài 2. *Những cung bậc tâm trạng*) và đến với truyện thơ Nôm (bài 3. *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha*). Tiếp đó là bài học về văn bản nghị luận văn học, mang lại cho các em cơ hội tìm hiểu con đường tiếp cận một tác phẩm văn chương (bài 4. *Khám phá vẻ đẹp văn chương*). Bài cuối của tập sách chuyển sang bi kịch, một thể loại văn học cổ điển ở phương Tây nhưng đến thế kỉ XX mới xuất hiện ở Việt Nam (bài 5. *Đối diện với nỗi đau*).

Tập hai có năm bài học, trong đó bốn bài thiết kế theo cách như ở tập một, nhưng loại, thể loại văn bản và chủ đề đều mang dấu ấn của đời sống đương đại, khơi gợi những suy nghĩ và cảm xúc tươi mới. Mở đầu là bài học về truyện trinh thám (bài 6. *Giải mã những bí mật*), sau đó là thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ (bài 7. *Hồn thơ muôn điệu*), tiếp theo là văn bản nghị luận xã hội (bài 8. *Tiếng nói của lương tri*) và văn bản thông tin (bài 9. *Đi và suy ngẫm*). Các loại, thể loại văn bản trong bốn bài này (truyện – thơ – văn bản nghị luận – văn bản thông tin), về cơ bản, được triển khai theo trình tự nhất quán với *Ngữ văn 6, Ngữ văn 7* và *Ngữ văn 8*. Như các lớp trước, bài 10 ở *Ngữ văn 9* dành cho dự án đọc sách: *Văn học – lịch sử tâm hồn*, các em được chọn đọc một số tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam để tự bổ sung vốn hiểu biết về những thành tựu của nền văn học dân tộc.

Sách *Ngữ văn*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* đã trở thành người bạn gắn bó với các em trong những năm qua. Cùng với *Ngữ văn 9*, các em sẽ hoàn thành tốt đẹp năm học này để đánh dấu một chặng đường có ý nghĩa quan trọng trong hành trình học tập của bản thân.

Chúc các em thành công!

CÁC TÁC GIẢ

Bài 1

THẾ GIỚI KÌ ẢO

Mọi thứ bạn nhìn đều có thể trở thành một câu chuyện cổ tích và bạn có thể có được một câu chuyện từ bất cứ thứ gì mình chạm vào.

Han Cri-xti-an An-đéc-xen (Hans Christian Andersen)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Trong văn học, sự sáng tạo của con người là không có giới hạn. Cảm hứng sáng tạo bao giờ cũng được khơi nguồn từ thực tế đời sống, nhưng trí tưởng tượng phong phú, bay bổng giúp nhà văn tạo ra những thế giới mới mẻ, lạ lùng, kì ảo, làm nên sức cuốn hút đặc biệt của tác phẩm.
- Hai văn bản đọc chính trong bài học này đều là truyện truyền kì sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo, với những câu chuyện li kì, trong đó nhân vật có thể là người trần, thần tiên hoặc ma quỷ,... Văn bản đọc kết nối về chủ đề là tác phẩm kể lại bằng thơ một truyền thuyết khá quen thuộc trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam, giúp em hiểu thêm một cách thức sáng tạo văn học.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.
- Nhận biết được điển tích, điển cố và phân tích được tác dụng của chúng; nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.
- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.
- Trung thực trong các mối quan hệ ứng xử; yêu quý, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện truyền kì

- Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự, phát triển mạnh mẽ ở thời trung đại, dùng yếu tố kì ảo làm phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Truyện truyền kì thuộc bộ phận văn học viết, tuy nhiên, trong quá trình sáng tạo, các tác giả cũng sử dụng nhiều yếu tố của văn học dân gian. Trong mỗi truyện truyền kì, yếu tố kì ảo và yếu tố hiện thực kết hợp, đan xen một cách linh hoạt. Qua những chi tiết kì ảo, người đọc có thể nhận thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như quan niệm và thái độ của tác giả.

- Cốt truyện: Truyện truyền kì có khi mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử lưu truyền rộng rãi trong nhân dân; có khi mượn từ truyện truyền kì Trung Quốc. Cốt truyện của truyện truyền kì được tổ chức chủ yếu dựa trên chuỗi sự kiện sắp xếp theo trật tự tuyến tính, có quan hệ nhân quả.

- Nhân vật: Thế giới nhân vật trong truyện truyền kì khá đa dạng, phong phú, trong đó nổi bật nhất là ba nhóm: thần tiên, người trần và yêu quái. Các nhân vật thường có những nét kì lạ, biểu hiện ở nguồn gốc ra đời, ngoại hình hay năng lực siêu nhiên,...

- Không gian và thời gian: Không gian trong truyện truyền kì thường có sự pha trộn giữa cõi trần, cõi tiên, cõi âm; các hình thức không gian này không tồn tại tách biệt mà liên thông với nhau. Thời gian cũng có sự kết hợp chặt chẽ giữa thời gian thực và thời gian kì ảo. Thời gian thực với các điểm mốc, các niên đại xác định góp phần tạo nên giá trị hiện thực của truyện truyền kì. Thời gian kì ảo thường được sử dụng khi nói về cõi tiên, cõi âm – nơi mọi thứ ngưng đọng, không biến đổi, không giới hạn.

- Ngôn ngữ: Truyện truyền kì sử dụng nhiều điển tích, điển cố.

Điển tích, điển cố

- Điển tích, điển cố là câu chuyện, sự việc hay câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong văn bản của các tác giả đời sau.

- Những tích truyện, kinh sách, từ ngữ, lời thơ,... khi đã thành điển tích, điển cố đều được xem là mẫu mực, giàu ý nghĩa, cho nên các tác giả thường sử dụng trong văn bản để gia tăng tính hàm súc, uyên bác, trang nhã, gợi liên tưởng phong phú cho người đọc. Điển tích, điển cố có quá trình hình thành và phát triển lâu dài, gắn với văn hoá, văn học của thời xa xưa. Do đó, để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố trong tác phẩm, người đọc cần tìm hiểu qua chú giải hoặc tra cứu tài liệu có liên quan.

Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn

Trong lớp từ Hán Việt, nhiều từ có những yếu tố đồng âm hoặc gần âm. Các yếu tố này có nghĩa khác nhau, do đó cần lưu ý để tránh nhầm lẫn khi sử dụng.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ

VĂN BẢN 2. *Dế chọi*, Bồ Tùng Linh

VĂN BẢN 3. *Sơn Tinh – Thuỷ Tinh* (trích), Nguyễn Nhược Pháp

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Em biết gì về vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến?

2. Em có ấn tượng sâu sắc với tác phẩm nào viết về người phụ nữ? Hãy chia sẻ ấn tượng đó của em.

ĐỌC VĂN BẢN

Chuyện người con gái Nam Xương[1]
(Nam Xương nữ tử truyện)

NGUYỄN DỮ

Theo dõi

Những chi tiết giới thiệu nhân vật Vũ Thị Thiết và Trương Sinh.

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thuỳ mị, nết na, lại thêm tư dung[2] tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh[3], xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm[4]. Trương tuy con nhà hào phú[5] nhưng không có học, nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu. Buổi ra đi mẹ chàng có dặn rằng:

– Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách phải biết giữ mình làm trọng, gặp khó nên lui, lường sức mà tiến, đừng nên tham miếng mồi thơm để lỡ mắc vào cạm bẫy. Quan cao tước lớn nhường để người ta. Có như thế, mẹ ở nhà mới khỏi lo lắng vì con được.

(1) *Nam Xương*: địa danh thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.
(2) *Tư dung*: dáng vẻ và nhan sắc.
(3) *Dung hạnh*: nhan sắc và đức hạnh.
(4) *Đi đánh giặc Chiêm*: cuối thời Trần (nửa sau thế kỉ XIV), quân Chiêm thường sang đánh phá, cướp bóc nước ta, quân ta nhiều phen phải chống đỡ vất vả.
(5) *Hào phú*: giàu và có thế lực.

Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:

– Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ[1], chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre[2] chưa có, mà mùa dưa chín quá kì[3], khiến cho tiện thiếp[4] băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú[5]! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san[6]!

Dự đoán

Theo em, kết cục của cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương sẽ như thế nào?

Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đầy tuần[7] thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trối[8] lại với nàng rằng:

– Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà không gắng ăn miếng cơm miếng cháo đặng cùng vui sum họp. Song, lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuông rền[9], số cùng khí kiệt[10]. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con. Chồng con nơi xa xôi chưa biết sống chết thế nào, không thể về đền ơn được. Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh[11] kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ.

Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.

Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trói, việc quân kết thúc. Trương Sinh về tới nhà, được biết mẹ đã qua đời, con vừa học nói. Chàng hỏi mồ mẹ, rồi bế đứa con nhỏ đi thăm; đứa trẻ không chịu, ra đến đồng, nó quấy khóc. Sinh dỗ dành:

---

(1) *Đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ*: ý nói thắng trận trở về, được ban thưởng.
(2) *Thế chẻ tre*: thế của quân đội mạnh như chẻ tre, có thể thắng trận nhanh chóng.
(3) *Mùa dưa chín quá kì*: ngày xưa, người đi lính thú, cứ đến mùa dưa chín thì được thay phiên nhau để về nhà; ý ở đây: sợ rằng đến hạn thay phiên mà chồng vẫn chưa được về.
(4) *Tiện thiếp*: từ người phụ nữ thời xưa dùng để tự xưng một cách khiêm nhường.
(5) *Đất thú*: nơi xa xôi ngoài biên ải.
(6) *Quan san*: chỉ nơi xa xôi (*quan* là cửa ải, *san* hay *sơn* là núi).
(7) *Tuần*: đơn vị tính thời gian của người xưa, gồm 10 ngày; mỗi tháng có 3 tuần, gọi là thượng tuần (10 ngày đầu tháng), trung tuần (10 ngày giữa tháng), hạ tuần (10 ngày cuối tháng).
(8) *Trối* (như *trăng trối*): dặn dò trước khi chết.
(9) *Nước hết chuông rền*: người xưa dùng đồng hồ nước, cho chảy theo kiểu nhỏ giọt để đo thời gian, khi nước chảy hết là lúc chuông báo sáng; ở đây ý nói thời gian qua nhanh, đời người đã đến lúc kết thúc.
(10) *Số cùng*: số phận đã ở vào thế cùng tận; *khí kiệt*: sức sống đã cạn kiệt; *số cùng khí kiệt* có nghĩa là đã cận kề cái chết.
(11) *Xanh*: ông trời – đấng siêu nhiên, có quyền năng tối thượng (theo quan niệm của người xưa).

– Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con ngây thơ nói:

– Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:

– Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe con nói vậy, đinh ninh là vợ hư, mối nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được.

Theo dõi

Trương Sinh có thái độ và hành động như thế nào sau khi nghe những lời nói của con?

Về đến nhà, chàng la um lên cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng:

– Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thoả tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết[1]. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa[2] chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra thì lại giấu không kể lời con nói; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói:

– Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất[3]. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu[4] kia nữa.

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:

– Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương[5], xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ[6]. Nhược bằng lòng chim dạ cá[7], lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

---

(1) *Giữ gìn một tiết*: ý nói giữ trọn lòng chung thuỷ với chồng.
(2) *Ngõ liễu tường hoa*: nơi diễn ra chuyện không đứng đắn trong quan hệ nam nữ.
(3) *Nghi gia nghi thất*: nên cửa nên nhà, ý nói thành vợ thành chồng, cùng gây dựng hạnh phúc gia đình.
(4) *Núi Vọng Phu*: núi đá hình dáng giống người đàn bà bồng con, có ở Lạng Sơn, Thanh Hoá, Nghệ An, Đắk Lắk,... nhắc sự tích người đàn bà bồng con ngóng chồng đến hoá đá.
(5) *Ngọc Mị Nương*: theo tích ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết *Mị Châu – Trọng Thuỷ*, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.
(6) *Cỏ Ngu mĩ*: điển tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ. (Khi Hạng Vũ thua trận, thế cùng, chạy đến Cai Hạ, Ngu Cơ rút gươm tự vẫn; tục truyền hồn nàng nhập vào cỏ bên bờ sông Ô thành cỏ Ngu mĩ nhân, thứ cỏ này khi thấy người ta xướng lên khúc *Ngu mĩ nhân*, kể chuyện Hạng Vũ – Ngu Cơ thì cành lá đều rung rinh, có vẻ như cảm động.)
(7) *Lòng chim dạ cá*: lòng dạ đổi thay, không chung thuỷ.

Nói xong nàng gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là nàng thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận[1] cũng động lòng thương, tìm vớt thây nàng, nhưng chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Một đêm phòng không vắng vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng:

Đối chiếu

Kết cục cuộc hôn nhân của Vũ Nương và Trương Sinh có đúng như dự đoán của em không?

– Cha Đản lại đến kia kìa!

Chàng hỏi đâu. Nó chỉ bóng chàng ở trên vách:

– Đây này!

Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi!

Suy luận

Câu chuyện sẽ như thế nào nếu không xuất hiện nhân vật Phan Lang?

Cùng làng với nàng, có người tên là Phan Lang, khi trước làm đầu mục[2] ở bến đò Hoàng Giang, một đêm chiêm bao thấy người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan Lang thấy có người phường chài đem vào biếu một con rùa mai xanh, sực nghĩ đến chuyện mộng, bèn đem thả con rùa ấy. Cuối đời Khai Đại[3] nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình[4] về nước, phạm vào cửa ải Chi Lăng[5], nhân dân trong nước, nhiều người sợ hãi phải chạy trốn ra ngoài bể, không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thấy Phan Lang dạt vào một cái động rùa ở hải đảo, có người đàn bà là Linh Phi trông thấy nói rằng:

– Đây là vị ân nhân cứu sống ta thuở xưa.

Linh Phi bèn lấy khăn dấu mà lau, lấy thuốc thần mà đổ, một chốc Phan Lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm đền dao[6] thật nguy nga lộng lẫy, mà chưa biết mình đã lọt vào cung nước của rùa thần. Linh Phi bấy giờ mình mặc áo gấm dát ngọc, chân đi giày có vân nạm vàng, cười bảo Phan Lang rằng:

– Tôi là Linh Phi trong động rùa, vợ vua biển Nam Hải, nhớ hồi còn nhỏ đi chơi ở bến sông bị người phường chài bắt được, ngẫu nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Gặp gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời xui khiến cho tôi có dịp đền ơn trả nghĩa?

Phi bèn đặt yến ở gác Triêu Dương để thết đãi Phan Lang. Dự tiệc hôm ấy có vô số những mĩ nhân, quần áo thướt tha, mái tóc búi xễ. Trong số đó, có một người mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống Vũ Nương. Phan có ý nhìn trộm, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người đàn bà ấy nói với Phan Lang rằng:

---

(1) *Tự tận*: tự kết liễu đời mình, đồng nghĩa với *tự tử*.
(2) *Đầu mục*: người đứng đầu một cộng đồng ở địa phương.
(3) *Khai Đại*: niên hiệu của vua Hồ Hán Thương, vua thứ hai thời nhà Hồ.
(4) *Trần Thiêm Bình*: một người tự nhận là con trai vua Trần Nghệ Tông, trốn sang Trung Quốc cầu viện nhà Minh để đánh nhà Hồ; tháng 5 năm 1406, quân Minh hộ tống Trần Thiêm Bình về nước, đến ải Chi Lăng, Trần Thiêm Bình bị phục binh quân đội nhà Hồ đón đánh, bắt được, đem về xử tội.
(5) *Chi Lăng*: tên làng, nay thuộc xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nơi đây có thung lũng dài và hẹp (gọi là Quỷ Môn Quan), nhiều lần là tử địa đối với các đội quân xâm lược phương Bắc.
(6) *Cung gấm đền dao*: chốn cung điện được làm bằng ngọc quý và trang hoàng bằng gấm vóc, chỉ cung điện sang trọng nói chung.

– Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư?

Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ Nương và gạn hỏi duyên cớ. Nàng nói:

– Tôi ngày trước không may bị người vu oan, phải gieo mình xuống sông tự tử. Các nàng tiên trong cung nước thương tôi vô tội, rẽ một đường nước cho tôi thoát chết, nếu không thì đã vùi vào bụng cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói:

– Nương tử[1] nghĩa khác Tào Nga, hờn không Tinh Vệ[2] mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước. Nay thóc cũ không còn, thóc mới vừa gặt, há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư?

Vũ Nương nói:

– Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa!

Phan nói:

– Nhà cửa tiên nhân[3] của nương tử, cây cối thành rừng, phần mộ tiên nhân của nương tử, cỏ gai rợp mắt. Nương tử dù không nghĩ đến, nhưng tiên nhân còn mong đợi nương tử thì sao?

Nghe đến đấy, Vũ Nương ứa nước mắt khóc, rồi quả quyết đổi giọng mà rằng:

– Có lẽ không thể gửi hình ẩn bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam[4]. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

Theo dõi

Điều gì khiến Vũ Nương muốn tìm về gặp chồng?

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn[5] đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

– Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

Lúc đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với họ Trương. Ban đầu Trương không tin. Nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói:

– Đây quả là vật dùng mà vợ tôi mang lúc ra đi.

---

(1) *Nương tử*: từ người đàn ông thời xưa dùng để chỉ hoặc gọi người phụ nữ một cách tôn kính.

(2) *Tào Nga*: tương truyền vào thời Đông Hán (Trung Quốc), Tào Nga khi ấy 14 tuổi, cha bị chết đuối, khóc thương thảm thiết, sau nàng gieo mình xuống sông, ít ngày sau, người ta thấy thi thể nàng ôm xác cha nổi lên; *Tinh Vệ*: con gái vua Viêm Đế, khi chết đuối hoá thành chim Tinh Vệ ngậm đá toan lấp biển; hai điển tích được dùng để nói: Vũ Nương chết vì bị nghi oan, khác cái chết của hai người con gái nói trên, Phan Lang dùng điển tích này có ý khuyên nàng nghĩ đến quê hương, gia đình, chồng con.

(3) *Tiên nhân*: người đời trước, chỉ cha ông, tổ tiên.

(4) *Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam*: đất Hồ ở phương bắc lắm ngựa quý, đất Việt ở phương nam lắm chim lạ, ngựa và chim ấy đưa vào Trung Quốc vẫn nhớ nước cũ; mỗi khi thấy gió bắc, dù ở đâu, ngựa Hồ vẫn hí lên; chim Việt luôn nhớ khí hậu ấm áp ở phương nam nên thường tìm cành cây phía nam để đậu. (Nàng Vũ Nương dùng điển tích này để nói nỗi lòng nhớ nhà, nhớ quê của mình.)

(5) *Hỗn*: tên một loài cá quả; *xích hỗn*: cá quả đỏ.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.



Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:

– Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.

Lời bình:

Than ôi! Những việc tựa tựa như nhau, thật là khó tỏ mà dễ hoặc[1]*. Cho nên quăng thoi đứng dậy*[2]*, tuy mẹ bậc đại hiền cũng phải phân vân, mất búa đổ ngờ*[3]*, tuy con người láng giềng cũng khó chối cãi, ý dĩ đầy xe, Quang Võ đổ ngờ lão tướng*[4]*, trói lại mà giết, Tào Tháo đến phụ ân nhân*[5]*, việc thị Thiết cũng giống như vậy. Nếu không được trời xét tâm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc đã chôn vào họng cá ở dưới lòng sông, còn đâu được lại thông tin tức để nết trinh thuần được nhất nhất bộc bạch ra hết. Làm người đàn ông, tưởng đừng nên để cho giai nhân oan uổng thế này.*

(Nguyễn Dữ, *Truyền kì mạn lục*, Trúc Khê Ngô Văn Triện *dịch*, dẫn theo *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 43 – 48)

---

(1) *Hoặc*: nghi ngờ.

(2) *Quăng thoi đứng dậy*: sách *Ngũ vận* kể chuyện ông Tăng Sâm là bậc đại hiền, có kẻ trùng tên ông gây án giết người, người ta tưởng là chính ông, đến báo cho mẹ ông biết, bà không tin; người thứ hai đến báo, bà vẫn chưa tin vì bà biết con bà không đời nào như thế; nhưng người thứ ba đến báo, bà đã đâm ngờ, đang ngồi dệt liền quăng thoi mà đứng dậy.

(3) *Mất búa đổ ngờ*: sách *Liệt tử* kể chuyện có người mất búa, nghi cho đứa con nhà láng giềng lấy, cho nên nhìn cách đi đứng, nói năng của nó đều thấy ra vẻ đứa ăn trộm; nhưng sau khi tìm được búa thì lại thấy đứa con nhà láng giềng không có vẻ gì là đứa ăn trộm cả.

(4) *Ý dĩ đầy xe, Quang Võ đổ ngờ lão tướng*: theo sách *Hán sử*, thời Đông Hán, Mã Viện đem quân sang cướp nước ta, thích ăn món ý dĩ, khi về nước, Mã Viện chở theo cả một xe ý dĩ; sau khi Mã Viện chết, có người dâng thư lên vua Hán nói là xe ấy chở toàn ngọc minh châu và da tê, vua Quang Võ nhà Hán tin là thật, đùng đùng nổi giận.

(5) *Trói lại mà giết, Tào Tháo đến phụ ân nhân*: sách *Tam quốc chí* kể chuyện Tào Tháo khi trốn chạy, đến nhà người bạn của cha là Lã Bá Xa; Lã Bá Xa sang thôn bên cạnh mua rượu để thết khách; ở nhà, Tào Tháo nghe đằng sau có tiếng mài dao, rồi có người nói "Trói lại mà giết", bèn xông vào giết sạch cả nhà người ta; vào đến vườn sau, thấy con lợn bị trói nằm đó, Tào Tháo mới biết giết nhầm người tốt, vội vã bỏ đi; đi được vài dặm, gặp Lã Bá Xa cưỡi lừa mang rượu về, Tào Tháo chém chết luôn vì sợ khi ông ta về thấy người nhà bị hại thì sẽ tìm cách giết mình.

SAU KHI ĐỌC

- **Nguyễn Dữ** (chưa rõ năm sinh và năm mất) quê ở Hải Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng), sống vào thế kỉ XVI (thời Lê – Mạc), từng đỗ cử nhân, làm quan một thời gian ngắn rồi về quê ẩn dật. Nguyễn Dữ có đóng góp quan trọng đối với thể loại truyện truyền kì. *Truyền kì mạn lục* là tác phẩm tiêu biểu nhất của Nguyễn Dữ, viết bằng chữ Hán, được đánh giá là "thiên cổ kì bút".

- *Chuyện người con gái Nam Xương* là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tập *Truyền kì mạn lục.* Với việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố kì ảo và yếu tố hiện thực trong tác phẩm, nhà văn đã thể hiện niềm xót xa, thương cảm đối với số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến cũng như sự nâng niu, trân trọng đối với những phẩm chất đẹp đẽ của họ.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Trình bày cốt truyện và nêu bố cục của tác phẩm.
2. Trong phần đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật những đặc điểm gì ở nhân vật Vũ Nương và Trương Sinh? Lời người kể chuyện có vai trò như thế nào trong việc khắc hoạ nhân vật?
3. Phân tích lời than của nhân vật Vũ Nương trước khi gieo mình xuống sông để làm rõ các khía cạnh:

   a. Nỗi đau đớn của nhân vật.

   b. Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì.
4. Cho biết những nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương. Nguyên nhân nào là chủ yếu?
5. Trong tác phẩm, nhân vật Phan Lang được khắc hoạ ở những không gian, thời gian nào? Nhân vật này có vai trò gì trong truyện?
6. Hình ảnh Vũ Nương trở về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Theo em, đoạn kết có màu sắc kì ảo này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?
7. Nêu chủ đề của tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* và trình bày suy nghĩ của em về chủ đề đó.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết "cái bóng" trong truyện.

Thực hành tiếng Việt

ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ

1 Đọc lại các chú thích ở chân trang của văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* và cho biết những trường hợp sử dụng điển tích, điển cố. Nếu sách giáo khoa không giải thích, em có hiểu được ý nghĩa của các câu văn có sử dụng điển tích, điển cố đó không? Vì sao?

2 Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

– *Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẩm buồm xa,* ***đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa****.*

– *Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng,* ***vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ****.*

– *Nương tử* ***nghĩa khác Tào Nga, hờn không Tinh Vệ*** *mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước.*

– *Vả chăng,* ***ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam****.*

a. Cho biết các cụm từ in đậm có đặc điểm gì chung.

b. Đọc chú thích để biết nghĩa của các cụm từ in đậm trong các câu trên.

c. Nêu tác dụng của việc sử dụng những cụm từ đó trong ngữ cảnh.

Nhận biết điển tích, điển cố

• Một điển tích, điển cố xuất hiện trong văn bản chỉ là từ ngữ. Nhưng đằng sau từ ngữ là một câu chuyện hay sự việc, câu kinh, câu thơ nào đó. Ví dụ:

(1) *Sương in mặt tuyết pha thân,*
Sen vàng lãng đãng như gần như xa.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Vua Hậu Chủ thời Ngũ Đại (Trung Quốc), do yêu bà phi, lấy vàng đúc thành những đoá sen, đem lót xuống đất bảo phi đặt chân lên đó mà dạo bước, rồi nói: mỗi bước đi nở một đoá sen vàng. *Sen vàng* thành điển tích chỉ bước chân của người đẹp.

(2) *Khoé thu ba gợn sóng khuynh thành.*

(Nguyễn Gia Thiều, *Cung oán ngâm khúc*)

Khuynh thành có nghĩa là nghiêng thành, lấy từ câu thơ của Lý Diên Niên thời Hán (Trung Quốc): *Nhất cố khuynh nhân thành/ Tái cố khuynh nhân quốc* (Ngoảnh lại một lần làm nghiêng thành, ngoảnh lại lần nữa làm nghiêng nước). *Khuynh thành khuynh quốc* hay *nghiêng nước nghiêng thành* là điển cố dùng để nói về sức mạnh của sắc đẹp ở người phụ nữ.

• Điển tích, điển cố được sử dụng trong văn bản của người Việt chủ yếu có nguồn gốc từ Trung Quốc hoặc từ văn học cổ trong nước. Bên cạnh đó, còn có một số điển tích, điển cố xuất phát từ văn học châu Âu. Chẳng hạn, chúng ta tiếp thu một số điển tích, điển cố từ thần thoại Hy Lạp cổ đại như: *gót chân A-sin* (Achilleus) nghĩa là điểm yếu chết người của cá nhân, đối tượng nào đó; *ngựa gỗ thành Tơ-roa* (Troy) chỉ đối tượng làm nội ứng để phá hoại một tổ chức, một quốc gia,... từ bên trong.

Tác dụng của điển tích, điển cố

Dùng điển tích, điển cố có tác dụng làm cho câu thơ, câu văn cô đúc, hàm súc, uyên bác, tránh nói thẳng những điều thô tục, sỗ sàng, giúp cho lời văn giữ được sự trang nhã. Ví dụ:

Bấy lâu nghe tiếng má đào
Mắt xanh chẳng để ai vào có không?

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Mắt xanh chữ Hán là "thanh nhãn", lấy tích Nguyễn Tịch thời Tấn khi tiếp người mình ưa thì nhìn thẳng nên để lộ tròng mắt xanh, khi tiếp người mình ghét thì nhìn nghiêng để lộ tròng mắt trắng. Trong lời Từ Hải, điển tích này có ý đánh giá rất cao cách nhìn người của Thuý Kiều.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Em đã chơi hay quan sát trò chọi dế bao giờ chưa? Em hiểu gì về trò chơi này?

2. Em suy nghĩ thế nào về hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi dế?

ĐỌC VĂN BẢN

Dế chọi

BỒ TÙNG LINH

Theo dõi

Thời gian, không gian và sự việc liên quan đến nhan đề của truyện.

Đời Tuyên Đức nhà Minh, trong cung rất chuộng trò chọi dế, hàng năm bắt dân gian dâng nộp. Vật này không phải sản ở Thiểm Tây[1] nhưng Tri huyện Hoa Âm (tỉnh Thiểm Tây) muốn lấy lòng quan trên đem hiến một con, quan tỉnh cho chọi thử thấy hay bèn đòi dâng nộp thường xuyên. Tri huyện lại đòi lí trưởng phải cung ứng, bọn du thủ du thực[2] ở chợ tìm bắt được con nào hay là nhốt vào lồng nuôi, coi như món hàng quý. Còn bọn lí dịch[3] giảo hoạt lấy lệ dâng nộp dế để sách nhiễu dân chúng, mỗi con nộp lên đủ làm mấy nhà khuynh gia bại sản.

Theo dõi

Hoàn cảnh của nhân vật chính trong truyện.

Trong huyện có Thành đã dự khoa Đồng tử[4] nhưng lâu không thi đỗ, tính chất phác nên bị bọn lí dịch gian giảo ép làm chức lí chính[5], tìm đủ cách chối từ mà không được, chưa đầy một năm thì chút ít gia sản đã cạn kiệt. Gặp kì nộp dế, Thành không dám sách nhiễu dân nhưng

(1) *Không phải sản ở Thiểm Tây*: không phải là thứ mà dân Thiểm Tây phải nộp.
(2) *Du thủ du thực*: những kẻ lêu lổng, không có nghề nghiệp và chỗ ở cố định.
(3) *Lí dịch*: chỉ chung những người có chức quyền ở địa phương ngày xưa.
(4) *Khoa Đồng tử*: khoa thi dành cho người trẻ tuổi hiểu kinh sách, làm được thơ văn, quy định về tuổi được dự thi có khác nhau qua các thời kì, như thời Hán thì từ 10 tuổi trở xuống, thời Đường thì 16 tuổi trở xuống; đến các thời Tống, Nguyên, Minh, Thanh, tuy gọi là khoa, song không phải là khoa thi thật sự, mà chỉ là quan lại phủ huyện sát hạch đưa danh sách lên, người trong danh sách có thể được hưởng một số ưu đãi, nhưng chỉ gọi là dự khoa Đồng tử chứ không có đỗ khoa Đồng tử.
(5) *Lí chính*: tương tự lí trưởng ở Việt Nam thời trước.

không có gì để bù, lo buồn chỉ muốn chết. Vợ nói "Chết thì có ích gì, chẳng bằng cứ tự tìm bắt, biết đâu cũng được một con", Thành cho là phải. Bèn sáng đi tối về, cầm ống trúc lồng tơ bới đất lật đá khắp bãi hoang tường đổ, làm đủ cách mà không được, có bắt được hai ba con thì nhỏ yếu không đủ quy cách. Quan trên theo hạn trách phạt, qua hơn mười ngày Thành đã bị đánh trăm trượng, hai mông máu me bê bết, ngay cả sâu con cũng không sao đi mà bắt nữa, trăn trở trên giường chỉ nghĩ tới việc tự tử.

Theo dõi

Bà đồng bói toán có liên quan đến những sự việc nào trong truyện?

Lúc ấy trong thôn có bà đồng gù lưng tới, bói toán như thần. Vợ Thành đem tiền lễ tới, thấy gái non bà già đứng chật cổng ngõ. Vào trong nhà thì có phòng kín buông rèm, ngoài rèm bày hương án, người tới bói thắp hương trong đỉnh[1] rồi vái lạy, bà đồng đứng bên hướng lên không khấn khứa, môi mấp máy không biết là nói gì, ai cũng kính cẩn đứng chờ. Lát sau trong rèm ném ra tờ giấy ghi rõ về việc người ấy muốn hỏi, không sai chút nào. Vợ Thành đặt tiền lễ lên án rồi thắp hương vái lạy như những người trước, khoảng ăn xong bữa cơm thì tấm rèm lay động, mảnh giấy ném ra. Giở ra xem không phải là chữ mà là bức vẽ, trong vẽ điện gác là chùa chiền, phía sau có hòn núi nhỏ đầy những tảng đá hình thù kì quái, gai góc tua tủa, có con dế nằm dưới, bên cạnh có con ếch như sắp nhảy lên, mở xem không hiểu nhưng thấy có con dế ám hợp với việc mình cầu khẩn nên cất vào người đem về đưa Thành xem.

Thành giở đi giở lại, nghĩ "Hay là bức vẽ này chỉ ta chỗ bắt dế chăng?". Nhìn kĩ quang cảnh trong đó thấy rất giống gác Đại Phật ở phía đông thôn, bèn gượng dậy chống gậy cầm bức vẽ tới sau chùa. Ở đó có ngôi mộ cổ, lần quanh thấy đá nằm ngổn ngang đúng như trong bức vẽ, bèn dò dẫm trong đám cây cỏ lắng nghe như tìm mũi kim hạt cải, bao nhiêu tâm trí sức mắt sức tai đều dốc ra hết nhưng không thấy gì cả. Đang còn tìm kiếm thì chợt có một con ếch nhảy ra, Thành càng ngạc nhiên vội đuổi theo. Con ếch nhảy vào đám cỏ, Thành theo vết vạch cỏ tìm thì thấy một con dế núp dưới gốc cây gai, vội chụp lấy thì nó chui vào kẽ đá, lấy cọng cỏ chọc vào nó vẫn nằm ì ra đó, đem ống đổ nước vào mới chịu chui ra, dáng vẻ rất khoẻ mạnh, Thành đuổi theo vồ được. Nhìn kĩ thấy nó mình to đuôi dài, cổ xanh cánh vàng, mừng quá nhốt vào lồng mang về. Cả nhà vui mừng, dù là được ngọc báu liên thành[2] cũng không bằng. Rồi thả nó vào chậu nuôi, cho ăn chu đáo, gìn giữ nâng niu chờ tới kì hạn nộp quan.

Thành có đứa con trai chín tuổi rình lúc cha không có nhà lén mở chậu ra xem. Con dế thừa cơ nhảy ra, nó đuổi theo mãi không được, đến khi chụp được vào tay thì dế đã gãy cẳng vỡ bụng, lát sau thì chết. Đứa nhỏ sợ quá khóc lóc tới kể với mẹ, mẹ nó nghe

---

[1] *Đỉnh*: đồ bằng đồng, miệng rộng, có ba chân, dùng để đốt trầm hương.

[2] *Ngọc báu liên thành*: ngọc quý có giá trị sánh ngang nhiều đất đai, thành quách. (Thời Chiến quốc, Tần vương nói với vua nước Triệu xin đem năm thành của nước Tần đổi lấy viên ngọc Biện Hoà của nước Triệu. Thành ngữ *ngọc báu liên thành* là lấy từ tích ấy.)

thế mặt tái mét, hoảng sợ nói "Đồ oan nghiệt hết sống rồi, cha ngươi về sẽ nói chuyện với ngươi", đứa nhỏ khóc lóc bỏ đi. Lát sau Thành về, nghe vợ kể lại như bị dội băng tuyết lên người, nổi giận đi tìm con nhưng không thấy đâu, kế[1] tìm thấy xác con dưới giếng, đổi giận thành thương gào khóc muốn tắt hơi. Vợ chồng quay mặt vào vách, nhà tranh không khói lửa nấu cơm, im lặng nhìn nhau không còn hi vọng gì nữa. Trời gần tối liệm xác con, tới bế lên thì thấy còn thoi thóp thở, cả mừng bế đặt lên giường, nửa đêm thì đứa nhỏ sống lại. Hai vợ chồng hơi nhẹ lòng, nhưng đứa nhỏ thần thái ngây ngốc như người gỗ, cứ ngủ mê mệt. Thành nhìn tới lồng dế rỗng không thì đứt hơi nghẹn cổ, cũng không nghĩ gì tới con nữa, từ đêm đến sáng không sao chợp mắt, trời đã sáng rõ vẫn nằm đờ buồn bã.

Dự đoán

Điều gì sẽ xảy ra sau khi con Thành sống lại nhưng "thần thái ngây ngốc như người gỗ, cứ ngủ mê mệt"?

Bỗng nghe tiếng dế gáy ngoài cửa, Thành giật mình vùng dậy nhìn thì dế vẫn còn sờ sờ, mừng rỡ chụp lấy. Con dế kêu to một tiếng nhảy đi, Thành đuổi mau theo lấy bàn tay chụp lên thì thấy trống không như không có gì, giở tay lên thì nó lại nhảy vọt lên. Thành đuổi mau theo tới góc tường thì không thấy đâu, ngơ ngẩn nhìn quanh thấy nó đậu trên vách, nhìn lại thấy vừa nhỏ vừa ngắn mà màu tía, không phải là con trước, cho là loại dở nhưng vẫn quanh quẩn nhìn ngó. Chợt con dế từ vách nhảy xuống tay áo, Thành ngắm kĩ thấy hình dáng như con chó, cánh hoa mai, đầu vuông chân dài, có vẻ như dế hay, bèn mừng giữ lại. Định đem lên nộp quan nhưng thấp thỏm lo không vừa ý quan, bèn nghĩ cho chọi thử xem sao.

Theo dõi

Con dế mới bắt được có gì kì lạ?

Trong thôn có gã thiếu niên hiếu sự nuôi một con dế, nói là loại "giải xác thanh" (dế xanh vỏ cua), hàng ngày đem chọi với dế của bạn bè đều thắng, muốn giữ để kiếm lợi, ai trả giá cao cũng không chịu bán. Nhân qua thăm Thành thấy con dế Thành nuôi, y bịt miệng ôm bụng cười, đưa dế của mình ra, bỏ vào lồng chọi. Thành nhìn thấy nó to lớn khoẻ mạnh càng thêm xấu hổ, không dám cho chọi thử. Thiếu niên cố ép, Thành nghĩ nuôi dế dở rốt lại cũng vô dụng, chi bằng cứ cho chọi thử mua vui, bèn cho dế vào lồng chọi. Con dế nhỏ nằm mọp xuống không động đậy, ngơ ngơ như gà gỗ. Thiếu niên lại cười rộ, lấy lông heo chọc vào râu, nó vẫn nằm im, thiếu niên lại cười, lại chọc. Con dế nổi giận xông thẳng ra, lúc sắp đánh thì phùng cánh gáy lớn, rồi vểnh râu cong đuôi nhảy xổ tới cắn cổ địch thủ. Thiếu niên cả sợ vội gạt hai con dế ra không cho chọi nữa, con dế hiên ngang gáy vang như báo cho chủ biết nó đã thắng trận. Thành mừng quá, đang cùng nhau ngắm nghía chợt có con gà sấn sổ xông tới mổ luôn một nhát vào dế. Thành kinh hãi bật dậy la hoảng, may là gà mổ không trúng, con dế nhảy ra hơn một thước.

[1] *Kế*: tiếp theo, sau đó.

Gà sấn theo mổ lia lịa, con dế đã nằm dưới móng gà, Thành thảng thốt không biết làm sao cứu, giẫm chân tái mặt. Nhưng gà lại rướn cổ lăn ra, tới gần nhìn thì thấy dế đã trên mào gà, cắn chặt không buông. Thành càng kinh ngạc mừng rỡ, vội bắt dế bỏ vào lồng.



Hôm sau đem dâng tri huyện, quan thấy dế nhỏ quát Thành, Thành kể lại chuyện lạ, quan không tin, cho chọi thử với dế của người khác đều thắng, lại đem gà ra thử thì quả như lời Thành nói. Tri huyện bèn thưởng cho Thành, hiến dế cho tuần phủ. Tuần phủ cả mừng liền cho dế vào lồng vàng hiến vua, dâng sớ tâu rõ cái hay của nó. Vào tới cung cho chọi thử với đủ thứ dế kì lạ của các nơi dâng lên như hồ điệp (dế bướm), đường lang (dế bọ ngựa), du lợi đạt (dế đánh dầu), thanh ti đầu (dế trán tơ xanh) thì con nào cũng thua. Mỗi khi nghe tiếng đàn sáo thì nó lại nhảy nhót theo điệu nhạc, mọi người càng lấy làm lạ. Vua rất vừa lòng, ban chiếu thưởng cho tuần phủ ngựa hay vải quý. Tuần phủ không quên kẻ hiến dế, không bao lâu tâu xin thưởng cho tri huyện một cấp trác dị[1]. Tri huyện mừng, cho Thành được miễn sai dịch, dặn học quan[2] cho Thành đỗ tú tài. Hơn năm sau con Thành bình phục, kể rằng mình hoá thành dế, khoẻ mạnh chọi giỏi, nay mới sống lại. Quan tỉnh lại trọng thưởng, không quá vài năm nhà Thành ruộng vườn trăm khoảnh, lầu gác nguy nga, trâu dê cả ngàn con, ra khỏi nhà thì mặc áo cừu cưỡi ngựa tốt, giàu sang hơn cả các nhà thế gia[3].

Đối chiếu

Điều em dự đoán ở trên có chính xác không?

Dị Sử thị nói:

Họ Thành vì sâu mọt mà nghèo, nhờ dế chọi mà giàu, áo cừu ngựa tốt vênh vang, lúc làm lí chính bị trách phạt chắc không nghĩ rằng mình được thế đâu. Trời đền đáp cho kẻ trưởng giả trọng hậu, tới nỗi tuần phủ tri huyện cũng được hưởng phúc ấm[4] nhờ con dế. Thường nghe một người lên trời, gà chó cũng thành tiên[5], đúng lắm thay!

(Bồ Tùng Linh, *Liêu Trai chí dị*, Cao Tự Thanh *dịch*,
NXB Văn hoá – Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 394 – 397)

---

[1] *Trác dị*: ngày xưa có lệ định kì kiểm tra công tội để thưởng phạt quan lại, những công lao đặc biệt và đột xuất được thưởng ngoài quy định và không theo niên hạn được gọi chung là *trác dị*.
[2] *Học quan*: quan phụ trách việc học hành, thi cử ngày xưa.
[3] *Thế gia*: gia tộc nhiều đời có người làm quan, có danh vọng và của cải.
[4] *Phúc ấm*: phúc đức của tổ tiên để lại cho con cháu.
[5] *Một người lên trời, gà chó cũng thành tiên*: dùng điển tích Hoài Nam Vương Lưu An tu luyện đắc đạo bay lên trời, lũ gà chó trong nhà được ăn thuốc luyện còn dư cũng đều trở thành tiên.

SAU KHI ĐỌC

- Bồ Tùng Linh (1640 – 1715) là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc thời nhà Thanh. Ông để lại một khối lượng lớn tác phẩm thuộc nhiều thể loại, trong đó tiêu biểu nhất là *Liêu Trai chí dị*.

- *Liêu Trai chí dị* là tập sách gồm gần 500 truyện, khai thác cốt truyện từ truyện dân gian và từ những truyện kì lạ, hoang đường của một số tác giả thời trước. Bồ Tùng Linh đã mượn chuyện thần tiên, ma quái, loài vật để phê phán mạnh mẽ nền chính trị và những thói hư tật xấu của xã hội Trung Quốc thời bấy giờ. *Liêu Trai chí dị* được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Tập truyện bắt đầu được phổ biến ở Việt Nam từ thế kỉ XIX và cho đến nay đã có nhiều bản dịch khác nhau.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu các sự kiện tạo nên cốt truyện và nhận xét ngắn gọn về không gian, thời gian, nhân vật chính trong truyện.
2. Vì dế chọi mà gia đình Thành lâm vào cảnh ngộ như thế nào? Cũng nhờ dế chọi mà sau đó gia đình Thành được hưởng những gì? Phân tích ý nghĩa của sự đối lập giữa hai tình huống.
3. Truyện có những yếu tố kì ảo nào? Các yếu tố kì ảo đó có ý nghĩa, vai trò gì trong truyện?
4. Tính chất hiện thực của truyện được thể hiện qua những chi tiết, sự việc nào? Em có suy nghĩ gì về thái độ của tác giả khi miêu tả các chi tiết, sự việc đó?
5. Phân tích lời người kể chuyện trong đoạn văn từ "Thành giở đi giở lại" đến "kì hạn nộp quan".
6. Những đặc điểm nào của truyện truyền kì được thể hiện trong truyện *Dế chọi*?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu nhận xét của em về tính chất kì ảo của truyện *Dế chọi*.

Thực hành tiếng Việt

MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT DỄ NHẦM LẪN VÀ CÁCH PHÂN BIỆT

1 Phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong mỗi trường hợp sau:

a. ***sinh*** trong từ *sinh thành* và ***sinh*** trong từ *sinh viên*

b. ***bá*** trong từ *bá chủ* và ***bá*** trong cụm từ *nhất hô bá ứng*

Nhận biết một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn

- ***Các yếu tố Hán Việt đồng âm***

Trong lớp từ Hán Việt, có không ít yếu tố đồng âm nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau. Ví dụ:

– ***ai*$_1$**: bụi bặm (*trần ai*); ***ai*$_2$**: buồn (*ai oán, ai điếu, bi ai,...*)

c. ***bào*** trong từ *đồng bào* và ***bào*** trong từ *chiến bào*

d. ***bằng*** trong từ *công bằng* và ***bằng*** trong từ *bằng hữu*

2 Tìm một từ Hán Việt có yếu tố đồng âm với yếu tố được in đậm trong các câu sau:

a. *Thành càng **kinh** ngạc mừng rỡ, vội bắt dế bỏ vào lồng.*

(Bồ Tùng Linh, *Dế chọi*)

b. *Vào tới cung cho chọi thử với đủ thứ dế **kì** lạ của các nơi dâng lên như hổ điệp (dế bướm), đường lang (dế bọ ngựa), du lợi đạt (dế đánh dầu), thanh ti đầu (dế trán tơ xanh) thì con nào cũng thua.*

(Bồ Tùng Linh, *Dế chọi*)

c. *Song Trương có tính đa **nghi**, đối với vợ phòng ngừa quá sức.*

(Nguyễn Dữ, *Chuyện người con gái Nam Xương*)

d. *Bấy giờ chàng mới tỉnh **ngộ**, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi!*

(Nguyễn Dữ, *Chuyện người con gái Nam Xương*)

3 Đặt bốn câu, mỗi câu sử dụng một từ tìm được ở bài tập 2.

4 Những từ in đậm trong các câu sau có yếu tố Hán Việt bị dùng sai. Hãy tìm hiểu nghĩa của các yếu tố đó để chỉnh sửa.

a. *Mỗi tác phẩm văn học là một **chính thể**, trong đó, các yếu tố có quan hệ với nhau rất chặt chẽ.*

b. *Trên thế giới có nhiều hình thức tổ chức nhà nước, thể hiện sự đa dạng về **chỉnh thể**.*

– ***bảo₁***: chăm sóc, giữ gìn (*bảo vệ, bảo dưỡng, bảo tàng,...*); ***bảo₂***: quý (*bảo vật, bảo kiếm, quốc bảo,...*)

Trong tiếng Hán, các yếu tố đồng âm như vậy được biểu thị bằng những chữ viết khác nhau, nhờ vậy, nghĩa của chúng có sự phân biệt rõ ràng. Trong tiếng Việt hiện đại, chữ quốc ngữ là hệ thống chữ viết ghi âm nên các yếu tố đồng âm gốc Hán hầu hết được viết giống nhau. Đây là một trong những nguyên nhân dễ làm nảy sinh hiện tượng nhầm lẫn về nghĩa. Một số người có thể không phân biệt được nghĩa của những yếu tố đồng âm ở các từ như *thương **thảo** – phương **thảo**, **thủ** trưởng – **thủ** môn, **đại** diện – **đại** ngôn,...*

- ***Các yếu tố Hán Việt gần âm***

Một số yếu tố Hán Việt gần âm cũng có thể gây nhầm lẫn về nghĩa. Ví dụ: ***tri*** là biết; ***trí*** là khả năng nhận thức, hiểu biết. Không phân biệt được nghĩa của ***tri*** và ***trí*** dễ dẫn đến việc dùng từ sai. Ví dụ: *Đội ngũ **tri thức** phải tiên phong trong công cuộc phát triển khoa học, công nghệ.* Câu này phải dùng từ ***trí thức*** mới đúng.

Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn

- ***Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận***

Ví dụ: ***di** cư* và ***di** sản* đều có yếu tố đồng âm ***di***. Nếu hiểu *di cư* nghĩa là "chuyển đến nơi khác, nước khác để sinh sống"; *di sản* là "tài sản của người đã mất để lại" thì sẽ biết rằng yếu tố ***di*** trong hai từ trên không cùng nghĩa. ***Di*** trong *di sản* nghĩa là "để lại"; ***di*** trong *di cư* nghĩa là "chuyển dịch". Khi đã hiểu được như vậy, ta có thể suy luận để biết ***di*** trong *di cảo, di động, di chứng, di dân, di truyền,...* thuộc về nghĩa nào.

- ***Tra cứu từ điển***

Khi có sự phân vân về nghĩa của yếu tố Hán Việt nào đó, cần tra cứu từ điển. Tìm hiểu cách giải nghĩa từng yếu tố kèm theo một số ví dụ về từ được từ điển nêu ra sẽ giúp ta nắm được nghĩa của yếu tố một cách chính xác.

5 Nghĩa của từ ***cải biên*** khác với nghĩa của từ ***cải biến*** như thế nào? Điều gì tạo nên sự khác nhau về nghĩa giữa hai từ đó?

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Sơn Tinh – Thuỷ Tinh

Trích, NGUYỄN NHƯỢC PHÁP[1]

I

Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng Vương thứ mười tám,
Mị Nương, xinh như tiên trên trần.
Tóc xanh viền má hây hây đỏ;
Miệng nàng hé thắm như san hô;
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ;
Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.
Hùng Vương thường nhìn con yêu quá,
Chắp tay ngẩng lên giời tạ ân;
Rồi cười bảo xứng ngôi phò mã,
Trừ có ai ngang vị thần nhân.
Hay đâu thần tiên đi lấy vợ!
Sơn Tinh, Thuỷ Tinh lòng tơ vương,
Không quản rừng cao, sông cách trở
Cùng đến Phong Châu xin Mị Nương.
Sơn Tinh có một mắt ở trán,
Thuỷ Tinh râu ria quăn xanh rì.

[1] Nguyễn Nhược Pháp (1914 – 1938) quê ở Hà Nội. Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại như kịch, truyện ngắn, thơ nhưng người đọc biết đến ông nhiều hơn cả ở tư cách nhà thơ với những bài thơ tiêu biểu như: *Ngày xưa, Chùa Hương, Tay ngà,... Sơn Tinh – Thuỷ Tinh* được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nguyễn Nhược Pháp.

Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.
Hai thần bên cửa thành thi lễ,
Hùng Vương âu yếm nhìn con yêu.
Nhưng có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều.
Thuỷ Tinh khoe thần có phép lạ;
Dứt lời tay hất chòm râu xanh,
Bắt quyết[1] hô mây to nước cả,
Giậm chân rung khắp làng gần quanh.
Ào ào mưa đổ xuống như thác,
Cây xiêu, cầu gãy, nước hò reo,
Lăn, cuốn, gầm, lay, tung sóng bạc.
Bò lợn và cột nhà trôi theo.
Mị Nương ôm Hùng Vương kinh hãi,
Sơn Tinh cười, xin nàng đừng lo;
Vung tay niệm chú: Núi từng dải,
Nhà lớn, đồi con lổm cổm[2] bò
Chạy mưa. Vua tuỳ con kén chọn,
Mị Nương khép nép như cành hoa:
"Con đây phận đào tơ bé mọn,
Nhân duyên cúi để quyền mẹ cha."
Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
Rồi bảo mai lửa hồng nhuốm sương[3],
Lễ vật thần nào mang tới trước,
Vui lòng vua gả nàng Mị Nương.
[...]

---

(1) *Bắt quyết*: động tác của bàn tay khi những nhân vật có khả năng siêu phàm làm phép hoặc khi các thầy pháp hành lễ.
(2) *Lổm cổm* (như *lổm ngổm*): từ gợi tả dáng bò thân nhô cao hẳn lên trên mặt nền, không có trật tự, không ra hàng lối.
(3) *Lửa hồng nhuốm sương*: ý nói khi mặt trời lên.

III

Sơn Tinh đang kèm theo sau kiệu.
Áo bào phơ phất nụ cười bay.
(Vui chỉ mê ai xinh mới hiểu.)
Thần trông kiệu nhỏ hồn thêm say.
Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
Bạch hổ dừng chân, lùi, vểnh tai.
Mị Nương tung bức rèm đỏ thắm,
Sơn Tinh trông thấy càng giương oai.
Sóng cả gầm reo lăn như chớp.
Thuỷ Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng.
Cá voi quác mồm to muốn đớp;
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng;
Càng cua lởm chởm giơ như mác;
Tôm kềnh chạy quắp đuôi xôn xao.
Sơn Tinh hiểu thần ghen, tức khắc
Niệm chú đất nẩy vù lên cao.
Hoa tay thần vẫy hùm, voi, báo;
Đuôi quắp, nhe nanh, giơ vuốt đồng,
Đạp long đất núi, gầm, xông xáo.
Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.
Mây đen hăm hở bay mù mịt,
Sấm ran, sét động nổ loè xanh.
Tôm cá xưa nay yên thin thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh…
Mị Nương kinh hãi ngồi trong kiệu.
Bỗng chợt nàng kêu, mắt lệ nhoà
(Giọng kiêu hay buồn không ai hiểu,
Nhưng thật dễ thương): "Ô! Vì ta!"

Thuỷ Tinh năm năm dâng nước bể[1],
Đục núi hò reo đòi Mị Nương.
Trần gian đâu có người dai thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường.

(Nguyễn Nhược Pháp, *Hoa một mùa*,
NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2018, tr. 217 – 223)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu những điểm giống nhau và khác nhau về cốt truyện, cách kể giữa truyền thuyết *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* với bài thơ cùng tên của Nguyễn Nhược Pháp.
2. Phép thuật của Sơn Tinh và Thuỷ Tinh thể hiện cụ thể như thế nào? Theo em, người kể chuyện có bộc lộ thái độ thiên vị đối với nhân vật nào không? Dựa vào đâu em kết luận như vậy?
3. Liệt kê những chi tiết miêu tả Mị Nương. Những chi tiết đó giúp em hình dung thế nào về nhân vật?
4. Cảnh giao tranh giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh được nhà thơ miêu tả bằng những chi tiết nào? Phân tích một chi tiết gây ấn tượng mạnh đối với em.
5. Tính chất kì ảo thể hiện như thế nào trong câu chuyện được kể bằng thơ này? Cách miêu tả những yếu tố kì ảo có gì đặc sắc?
6. Theo em, điều gì làm nên sức hấp dẫn của bài thơ *Sơn Tinh – Thuỷ Tinh*?

Viết

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

Con người vốn không thể tách rời tự nhiên. Chất lượng cuộc sống của con người phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ đó. Tuy nhiên, nhiều người vẫn rất mơ hồ về vấn đề này, dẫn đến những hành vi gây tổn hại cho môi trường tự nhiên, để lại hậu quả đáng tiếc. Trong phần Viết của bài học này, em hãy tập trung bàn luận về mối quan hệ qua lại giữa con người với tự nhiên, nhằm giúp người đọc nhận thức thấu đáo hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề, từ đó xác lập thái độ đúng đắn và biết hành động theo hướng tích cực.

[1] *Năm năm dâng nước bể*: hằng năm dâng nước biển.

Yêu cầu:

- Nêu được vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên để bàn luận.
- Trình bày được mối quan hệ hai chiều giữa con người với tự nhiên (trong phạm vi vấn đề nghị luận), triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực và tiêu biểu.
- Nêu được quan điểm trái chiều về vấn đề hoặc khía cạnh nào đó của vấn đề và phản bác một cách có cơ sở.
- Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết những bất ổn trong ứng xử của con người với tự nhiên.

Phân tích bài viết tham khảo

Con người đã làm gì với tự nhiên?

Giới thiệu vấn đề nghị luận.

"Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi." – đó là lời khẳng định của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn (Seattle) khi ông thay mặt cộng đồng mình bày tỏ thái độ đối với đất đai của tổ tiên và thế giới tự nhiên trước khi những thứ đó rơi vào tay người da trắng. Xét về ý nghĩa, những lời trên đây của Xi-át-tơn đã chạm tới một vấn đề vô cùng hệ trọng, không chỉ với riêng cộng đồng người da đỏ, mà còn với nhân loại nói chung: mối quan hệ mật thiết giữa con người với tự nhiên.

Trình bày ý kiến về vấn đề.

Quả vậy, giữa con người với tự nhiên có mối quan hệ phong phú, đa chiều. Đó là vấn đề muôn thuở. Tuy nhiên, không phải bao giờ con người cũng nhận thức được một cách sâu sắc, thấu đáo để biết ứng xử đúng đắn với tự nhiên.

Dùng lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 1: Thể chất của con người mang tính tự nhiên.

Trước hết phải hiểu rằng, về bản chất, con người mang tính tự nhiên và là một phần của tự nhiên. Thể xác của chúng ta là hiện thân của tự nhiên vì nó tuân thủ các quy luật như bất kì hiện tượng tự nhiên nào khác. Để duy trì sự sống, con người cần hít thở không khí, cần ăn uống cũng như trao đổi chất với môi trường. Khi ốm đau, bệnh tật, con người cần được chữa trị để trở lại trạng thái bình ổn tự nhiên. Nhờ những khám phá của sinh học, y học, chúng ta nhận biết rằng thân thể con người là một công trình kì diệu của tự nhiên. Việc hiểu biết bản chất tự nhiên của con người giúp ta có thái độ đúng đắn, biết tự trang bị những tri thức cơ bản để sống phù hợp với quy luật.

Tự nhiên còn là cả một thế giới bao quanh con người. Cỏ cây, hoa lá, chim muông, sông suối, núi rừng, mây gió, trăng sao, vũ trụ,... tất cả đều thuộc giới tự nhiên. Cái mát mẻ của tiết thu, cái lạnh giá của mùa đông, cái nóng nực của ngày hè; những nắng mưa, sấm chớp, bão tố, lụt lội, sóng thần, động đất,... đều là những hiện tượng tự nhiên. Hiểu như vậy mới thấy, cuộc sống của con người phụ thuộc vào tự nhiên đến mức nào. Tự nhiên cung cấp lương thực, thực phẩm; tự nhiên dạy cho con người biết sáng tạo trong lao động để làm ra những sản vật thiết yếu cho cuộc sống.

Dùng lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 2: Tự nhiên là thế giới bao quanh con người.

Không chỉ là nguồn sống về thể chất, tự nhiên còn là nguồn sống của tâm hồn con người, thông qua con đường sáng tạo nghệ thuật. So với muôn loài, sự kì diệu của con người thể hiện ở đời sống tâm hồn. Chỉ con người mới có nhu cầu sáng tạo nghệ thuật để tâm hồn được sống đủ đầy. Mọi hoạt động sáng tạo từ xưa đến nay đều không hề xa rời tự nhiên. Thanh âm của thế giới xung quanh gợi cho người nhạc sĩ những giai điệu lạ lùng; sắc điệu xanh tinh tế của bầu trời, dòng sông, cây cối,... đánh thức ở người hoạ sĩ cảm quan bén nhạy về sắc màu; vạn vật biến ảo theo mùa tác động đến cảm xúc con người luôn vẫy gọi ngòi bút các nhà thơ,... Biết bao tác phẩm văn học, hội hoạ, âm nhạc, điện ảnh,... hấp dẫn bởi đã tái hiện một cách tài tình vẻ đẹp của các đối tượng trong tự nhiên. Nhà văn Nga Mi-khai-in Pri-sơ-vin (Mikhail Prishvin) tâm sự: "Tôi đã tìm thấy thú vui lúc rảnh rang của mình như thế: tìm kiếm và khám phá trong tự nhiên những nét đẹp của tâm hồn con người" (*Đôi mắt của Mẹ Đất*). Thử hình dung, nếu loại bỏ tất cả những gì liên quan đến tự nhiên trong các tác phẩm nghệ thuật thì sự thể sẽ ra sao. Chắc chắn kho tàng nghệ thuật của nhân loại sẽ trống đi một mảng vô cùng lớn, không gì có thể bù đắp được.

Dùng lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 3: Tự nhiên còn là nguồn sống của tâm hồn con người.

Mặc dù có vai trò quan trọng như vậy, nhưng tự nhiên đã phải chịu sự đối xử hết sức tệ bạc của con người. Bao nhiêu sông suối đục ngầu vì chất thải từ các nhà máy. Biển cả ngập ngụa rác rưởi đến mức có những con cá voi khổng lồ chết vì hàng chục ki-lô-gam nhựa trong dạ dày. Khói bụi đầu độc bầu khí quyển bao quanh hành tinh xanh. Đất đai thấm nhiễm bao nhiêu thứ hoá chất độc hại. Những cánh rừng tự nhiên bị đốn chặt bừa bãi, khiến nhiều vùng đất biến thành sa mạc. Tài nguyên dưới lòng đất bị khai thác đến cạn kiệt... Sự can thiệp thô bạo của con người làm mất cân bằng sinh thái theo chiều hướng đáng sợ như vậy từng được gọi là "chinh phục tự nhiên".

Dùng lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 4: Con người đã đối xử tệ bạc với tự nhiên.

Con người đã phải trả giá đắt vì sự thiếu sáng suốt đó. Các hiện tượng thời tiết bất thường diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Trái Đất đang nóng lên, băng ở hai cực tan nhanh khiến nhiều vùng đất màu mỡ sẽ bị nước biển nhấn chìm. Nhiều loài sinh vật đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Tầng ô-dôn bị thủng, đe doạ sức khoẻ của con người... "Hiểm hoạ sinh thái" – lời cảnh báo đáng sợ đó đã vang lên ở nhiều diễn đàn quốc tế, buộc những người có trọng trách phải tìm cách cứu hành tinh xanh. Điều đó đang thu hút nỗ lực của nhiều nhà lãnh đạo các quốc gia có trách nhiệm, nhiều nhà khoa học có lương tri, những phong trào xã hội tiến bộ,... Gần đây, một số tín hiệu lạc quan đã xuất hiện cho thấy những nỗ lực kia không hoàn toàn vô vọng. Rạn san hô dưới đáy một số vùng biển đang dần dần hồi sinh, tầng ô-dôn trên bầu trời với nhiều lỗ thủng phần nào được phục hồi,... là những minh chứng sinh động. Song việc cải thiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên để cuộc sống nhân loại được duy trì và phát triển bền vững là một hành trình dài dằng dặc, đầy thách thức.

Dùng lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 5: Con người phải trả giá vì đã tác động vào tự nhiên một cách thiếu khoa học.

Như vậy, trả lại cho tự nhiên trạng thái bình thường, hợp quy luật được xem là việc bức thiết của nhân loại hiện nay. Hẳn có người cho rằng, việc lớn lao này là trách nhiệm của một số người có vị trí quan trọng trong xã hội. Nhận thức như thế là chưa đúng. Trên hành trình dài và đầy khó khăn đó, mỗi người trong chúng ta, không ai là người ngoài cuộc. Mọi việc dù lớn dù nhỏ đều có thể góp phần cải thiện tình hình. Trồng thêm một cây xanh, tắt bớt một thiết bị điện khi không cần thiết, hạn chế sử dụng hoá chất trong sản xuất nông nghiệp, tiết kiệm nước, giữ gìn môi trường sống quanh mình,... những việc tưởng nhỏ nhặt, thực ra rất có ý nghĩa, vì nó giúp ta hình thành một thói quen tốt, từ đó ý thức rõ hơn giá trị của việc mình làm, để có thể lan toả, tác động tích cực đến thái độ của nhiều người. Một khi thành nề nếp của cộng đồng, tác dụng của nó là không hề nhỏ.

Phản bác ý kiến trái chiều về một khía cạnh của vấn đề.

Tóm lại, tự nhiên luôn gắn bó khăng khít với mọi mặt trong cuộc sống của con người, nhưng chính con người đã tác động thô bạo, gây nhiều tổn hại nghiêm trọng đối với tự nhiên và đã phải gánh chịu hậu quả vì điều đó. Thực tế này đòi hỏi mỗi cá nhân cũng như cộng đồng phải có sự thay đổi. Sống hài hoà với tự nhiên, tôn trọng và bảo vệ tự nhiên bằng những hành động thiết thực,... đó là trách nhiệm của tất cả chúng ta.

Khái quát lại vấn đề nghị luận, nêu trách nhiệm của mọi người và đề xuất phương hướng hành động.

(*Theo* Hoàng Vĩnh, *Con người đã làm gì với tự nhiên?*, tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, tháng 4/2023)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm của người viết về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, góp phần giúp cộng đồng thấy được trách nhiệm trong việc bảo vệ tự nhiên.

Người đọc

Những người quan tâm đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và vấn đề bảo vệ môi trường.

a. *Lựa chọn đề tài*

Em cần huy động vốn kiến thức của mình, tham khảo sách báo, theo dõi thông tin trên các phương tiện truyền thông và quan sát thế giới xung quanh để chọn đề tài đáp ứng được yêu cầu. Có thể tham khảo một số đề tài sau:

– Vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất ở địa phương em.

– Khai thác và bảo vệ nguồn lợi hải sản trong phát triển kinh tế biển của nước ta.

– Quan điểm "sống xanh" và ý nghĩa của nó.

– Tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.

– Tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống của con người.

b. *Tìm ý*

Để tìm ý cho bài viết, có thể đặt ra và trả lời một số câu hỏi sau:

– *Vấn đề cần được giải quyết là gì?*

Câu hỏi này nhằm giúp người viết xác định rõ luận đề, làm cơ sở cho việc triển khai hệ thống luận điểm. Từ đó, hình thành ý tưởng, lựa chọn thông tin giúp người đọc hiểu tầm quan trọng của vấn đề và sự cần thiết phải bàn luận về vấn đề. Ví dụ, bài viết tham khảo nêu vấn đề mối quan hệ giữa con người với tự nhiên; ý nghĩa của mối quan hệ này; sự nhận thức chưa thấu đáo của một số người về điều đó; nhu cầu bàn luận sâu hơn về vấn đề.

– *Ý kiến của em về vấn đề như thế nào?*

Người viết cần trình bày rõ ý kiến của mình qua hệ thống luận điểm. Mỗi luận điểm dựa trên một khía cạnh của vấn đề. Chẳng hạn, ở bài viết tham khảo, người viết đã nêu các luận điểm gắn với những nội dung cụ thể (luận điểm 1: Thể chất của con người mang tính tự nhiên; luận điểm 2: Tự nhiên là thế giới bao quanh con người; luận điểm 3: Tự nhiên còn là nguồn sống của tâm hồn con người;...). Từng luận điểm đều được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và bằng chứng.

– *Có thể xuất hiện ý kiến nào trái ngược với ý kiến của người viết? Cần dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để phản bác?*

Khi bàn về từng khía cạnh của vấn đề, người viết cần hình dung những ý kiến trái chiều để tìm cách phản bác nhằm khẳng định chắc chắn hơn quan điểm của mình. Trong phạm vi các đề tài liên quan đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, có thể nảy sinh xu hướng coi đó là vấn đề to lớn, không phù hợp với khả năng giải quyết của từng cá nhân; hoặc đề cao tính cấp thiết của phát triển kinh tế mà coi nhẹ việc

bảo vệ môi trường sống,... Bài viết tham khảo đã đề cập một trong những quan niệm vừa nêu để phản bác.

– *Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề?*

Tuỳ vào vấn đề cụ thể và góc nhìn, trải nghiệm của mình mà người viết đề xuất giải pháp phù hợp. Chẳng hạn, bàn về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, bài viết tham khảo nêu giải pháp có tính đồng bộ: từ nhận thức tới hành động; từ vai trò của cá nhân đến vai trò của cộng đồng;... Các giải pháp gắn với chủ thể hành động và có tính khả thi.

c. *Lập dàn ý*

Trả lời các câu hỏi ở mục b, người viết sẽ tìm được các ý. Trên cơ sở đó, phân bổ, sắp xếp từng ý vào các phần của dàn ý; điều chỉnh, thay đổi vị trí của các ý sao cho hợp lí.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, nêu sự cần thiết của việc bàn luận về vấn đề.

– *Thân bài*:

+ Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề.

- Luận điểm 1: Bản chất của vấn đề nghị luận; quan hệ giữa con người với tự nhiên thể hiện ở vấn đề (nêu lí lẽ và bằng chứng).
- Luận điểm 2: Mặt tích cực của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và lợi ích có thể thu được (nêu lí lẽ và bằng chứng).
- Luận điểm 3: Mặt tiêu cực của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và hậu quả có thể gánh chịu (nêu lí lẽ và bằng chứng).
- ...

+ Nêu ý kiến trái chiều và phản bác.

+ Đề xuất giải pháp có tính khả thi để giải quyết vấn đề.

– *Kết bài*: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra.

2 VIẾT BÀI

– Bám sát dàn ý, nắm vững yêu cầu về nội dung của từng phần để viết bài.

– Vận dụng kinh nghiệm đã có và đọc lại bài viết tham khảo để viết phần Mở bài cho hấp dẫn; triển khai các luận điểm của phần Thân bài cho chặt chẽ, lô-gíc; viết phần Kết bài gây được ấn tượng.

– Phần Mở bài, Kết bài cũng như từng luận điểm của phần Thân bài nên viết thành một đoạn văn. Căn cứ yêu cầu cụ thể của việc triển khai ý để lựa chọn viết kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song hay phối hợp.

– Chú ý sử dụng từ ngữ liên kết để các câu trong đoạn và các đoạn trong bài có quan hệ chặt chẽ, mạch lạc.

– Dù viết ở lớp hay ở nhà, bài viết cũng cần được thực hiện trong thời lượng nhất định. Tuân thủ nghiêm túc điều này, em sẽ có khả năng chủ động về thời gian khi làm bài thi.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Dựa vào yêu cầu của kiểu bài, đối chiếu với dàn ý, đọc soát từng phần của bài viết để chỉnh sửa, hoàn thiện. Khi chỉnh sửa, cần chú ý các tiêu chí:

– Sự rõ ràng của vấn đề được nêu để bàn luận (ở phần Mở bài).

– Sự đầy đủ của các luận điểm cần triển khai (ở phần Thân bài).

– Sự chặt chẽ trong lập luận (thể hiện ở cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng, sức thuyết phục trong cách nêu ý kiến bác bỏ quan điểm trái chiều,...).

– Mức độ đáp ứng yêu cầu về quy cách trình bày, chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...).

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

1 TRƯỚC KHI NÓI

– Chọn đề tài trình bày: Muốn chọn được đề tài phù hợp với nội dung phần Nói và nghe của bài học, trước hết em cần hiểu thế nào là sự việc. Khác với *vấn đề* hoặc *hiện tượng*, *sự việc* là những gì đã diễn ra trong thực tế, gắn với thời gian, địa điểm, con người,... xác thực. Từ đó, em nhớ lại những gì đã biết qua các phương tiện truyền thông hoặc được chứng kiến hay nghe kể lại để chọn một sự việc có tính thời sự làm đề tài cho bài nói. Sau đây là một số gợi ý để em tham khảo:

+ Một vụ xả nước thải chưa qua xử lí.

+ Một vụ phá rừng phòng hộ.

+ Việc triển khai một dự án trồng cây, phủ xanh đất trống đồi trọc.

+ Người dân ở một địa phương ứng phó thành công một trận lũ lớn.

+ Việc khởi động một dự án bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm.

+ ...

Mục đích nói

Giúp người nghe hiểu đúng về một sự việc có tính thời sự liên quan đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, từ đó có thái độ và hành động phù hợp.

Người nghe

Những người quan tâm đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và vấn đề bảo vệ môi trường.

– Lập dàn ý cho bài nói:

+ Sau khi chọn được đề tài phù hợp, em hãy lập dàn ý cho bài nói với đầy đủ các phần Mở đầu, Triển khai, Kết thúc.

+ Cần ghi chú một số bằng chứng (sự việc thực tế, số liệu,...), từ ngữ then chốt để chủ động khi trình bày.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Mở đầu: Giới thiệu sự việc cần trình bày. Có thể kể một câu chuyện nhỏ, dẫn một tài liệu, dùng một bức ảnh hay đoạn phim để giới thiệu sự việc.

– Triển khai: Bám sát dàn ý để trình bày nội dung theo trật tự hợp lí, giúp người nghe dễ theo dõi, nắm bắt ý kiến. Có thể đặt câu hỏi về từng khía cạnh của sự việc để thu hút sự chú ý của người nghe (Ví dụ: *Bản chất của sự việc là gì? Sự việc có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của con người và sự phát triển của xã hội? Có ý kiến trái chiều nào về sự việc cần tranh luận, bác bỏ? Cần những giải pháp nào cho sự việc? Cần có hành động gì trước thực trạng đang diễn ra?*); diễn giải rõ ràng, thể hiện chủ kiến của người nói trước những khía cạnh đó.

– Kết thúc: Nêu ý nghĩa của sự việc đã trình bày, liên hệ trách nhiệm của mỗi người.

Lưu ý: Khi trình bày, cần phối hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện phi ngôn ngữ; luôn chú ý thái độ của người nghe để điều chỉnh khi cần thiết.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về những gì đã thực hiện trong phần Nói và nghe để rút kinh nghiệm. Khi trao đổi, cần đánh giá hoạt động của cả người nói và người nghe.

Người nghe	Người nói
Đánh giá về sự việc được người nói đề cập (chú ý mức độ phù hợp của đề tài so với yêu cầu đặt ra trong bài).	Giải thích lí do lựa chọn sự việc để trình bày ý kiến, phân tích thêm để thấy tính hợp lí của sự lựa chọn đó.
Thể hiện sự tán thành hoặc không tán thành với những ý kiến của người nói về các khía cạnh cụ thể của sự việc.	Lắng nghe để nắm bắt ý kiến trao đổi của người nghe về các khía cạnh cụ thể của sự việc.
Nhận xét về nội dung trình bày và cách trình bày của người nói.	Tiếp thu hoặc trao đổi lại những nhận xét, đánh giá của người nghe.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ vào vở bảng hệ thống hoá kiến thức về hai văn bản đọc (*Chuyện người con gái Nam Xương* và *Dế chọi*) gồm các mục: cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, yếu tố kì ảo, chủ đề và điền thông tin phù hợp với những mục đó.

2. Nêu vai trò của yếu tố kì ảo, chỉ ra mối quan hệ giữa thế giới kì ảo và thế giới hiện thực trong các văn bản đã đọc ở bài 1.

3. Qua hai tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* và *Dế chọi*, hãy rút ra những đặc điểm cơ bản của thể loại truyện truyền kì.

4. Tìm đọc thêm 3 – 4 truyện truyền kì hoặc truyện hiện đại có yếu tố kì ảo, ghi chép các thông tin cơ bản về cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, đặc điểm yếu tố kì ảo, chủ đề và nêu nhận xét về nội dung, nghệ thuật của từng truyện.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những đặc điểm của cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, lời người kể chuyện và lời nhân vật của một truyện truyền kì.
- Những tình huống truyện li kì kết hợp với các chi tiết đậm chất hoang đường tạo nên sự biến hoá bất ngờ, sức hấp dẫn của truyện.

Ngọc nữ về tay chân chủ[1]

(Ngọc nữ quy chân chủ)

KHUYẾT DANH

Khi đã luống tuổi, Ngọc Hoàng Thượng Đế sinh một người con gái, mặt hoa da tuyết, thợ giỏi khó vẽ hết tinh thần; nét hoạ cung đàn, tài giỏi không chỉ riêng nghề mọn. Nếu là một gã râu mày[2], thì quyết đứng hàng đầu khoa giáp[3]. Tuổi vừa đôi tám[4], tên gọi là Ngọc Tỷ. Ngọc Hoàng mở một lầu kén rể, biển đề là "Đãi phượng lâu[5]". Cho tất cả tự do đến ứng tuyển.

Sơn thần[6] nghe tin, bụng bảo dạ rằng:

– Núi là cao, hơn hết mọi nơi. Phượng lâu trúng tuyển, không ta thì ai? Ta mà lấy được Ngọc Tỷ thì sẽ coi như một vị bồ tát[7], ngày ngày đặt ngồi ngoài toà sen, cầu khẩn, ngắm chơi. Ở nhà, ta là chúa của điểu thú[8]; ra ngoài, ta là phò mã của Ngọc Hoàng, tôn quý biết dường nào!

Rồi cưỡi xe hươu trắng đi thẳng lên cửa nhà trời.

---

[1] *Chân chủ*: người chủ chân chính, xứng đáng. *Ngọc nữ về tay chân chủ* là truyện truyền kì được rút ra từ tập *Thánh Tông di thảo* – tập sách được viết bằng chữ Hán, gồm 19 tác phẩm, có cả truyền kì, ngụ ngôn và tạp kí. Hiện nay, các nhà nghiên cứu chưa thống nhất ý kiến về tác giả, thời điểm sáng tác của tập *Thánh Tông di thảo*.

[2] *Gã râu mày*: nam giới.

[3] *Khoa giáp*: người đỗ đạt trong các kì thi thời phong kiến.

[4] *Tuổi vừa đôi tám*: khoảng 16 tuổi.

[5] *Đãi phượng lâu*: lầu kén rể; quan niệm xưa xem trai gái kết đôi như chim phượng (con trống) và chim hoàng (con mái) quấn quýt bên nhau, theo đó, cầu hôn (hỏi vợ) được gọi một cách văn chương là *cầu hoàng*, còn kén rể thì được gọi là *đãi phượng*.

[6] *Sơn thần*: thần cai quản mọi thứ, mọi loài trên núi (theo quan niệm của người xưa).

[7] *Bồ tát*: người tu hành đắc đạo, đức độ cao, giàu lòng thương người (theo quan niệm của đạo Phật).

[8] *Điểu thú*: chim chóc, muông thú.

Thuỷ thần[1] nghe tin, cũng họp các loài thuỷ tộc bàn rằng:

– Nước chảy chỗ trũng, việc thường xưa nay. Bình phong bắn sẻ[2] không ta thì còn ai. Nếu ta lấy được Ngọc Tỷ, sẽ làm một cung bằng ngọc châu giữa bể, đêm cho nằm trong màn giao cẩm[3], mà ngắm nghía, mà chăm sóc. Dưới nước thì các loài thuỷ tộc là thần thiếp của ta, trên trời ta lại làm chủ nhân của Đế nữ, hiển vinh biết nhường nào!

Rồi cưỡi ngựa vẫy vùng, rẽ nước bay lên.

Hai thần gặp nhau ở ngoài ngọc môn[4], song song tiến vào. Một người cao mà đen, một người thấp mà trắng, cùng lạy trước sân rồng rồi song song cùng đứng.

Thượng Đế sai thị vệ truyền rằng:

– Hai vị ở đâu? Họ tên là gì? Đến đây có việc chi? Phải nói cho minh bạch.

Hai thần tiến lên xưng họ tên, rồi nói tiếp:

– Nghe nói bệ hạ mở lầu "Đãi phượng". Hai tiểu thần đây tuy không có sắc đẹp chín vẻ, tiếng khen bảy đức[5], nhưng thủ đoạn[6] cao cường, không kém gì điềm thái bình[7] ấy. Chỉ hiềm[8] chưa hiểu nguyện ước ba sinh[9] ra sao, ý định của bệ hạ thế nào mà thôi.

Ngọc Hoàng giả bộ tươi cười rằng:

– Trẫm ngự trị văn phương[10], hiện có một gái. Nếu kén được một người tài thuật tương ứng, trẫm sẽ gả ngay cho. Hai người có phép thần diệu gì, đều phải trổ tài cho trẫm xem.

Sơn thần nghe xong, tức thì xua tay lên quãng không, chỉ vào cung khuyết[11] ở trước mặt Ngọc Hoàng, lập tức biến thành gò núi. Có ngọn lờ mờ như Bích Phong, có chỗ rõ ràng như Quần Ngọc, có chim đẹp bay đậu, có thú lạ lại qua. Không phải nhích đi một bước mà cảnh tượng đã khác ngàn vạn lần. Một lát, quỷ khốc thần sầu[12], núi reo hang ứng, có hổ gầm gấu rống, có thứ rắn mồm nuốt được con voi, có thứ chim cánh giương như mây phủ. Những người hầu chung quanh, tai nghe mà tựa hồ không muốn nghe, mắt trông mà tựa hồ không dám trông.

Ngọc Hoàng gật đầu rằng:

– Tài giỏi!

Sơn thần lại cất tay xua một cái: cung khuyết lại y nguyên như cũ.

---

(1) *Thuỷ thần*: thần cai quản mọi thứ, mọi loài dưới nước (theo quan niệm của người xưa).

(2) *Bình phong bắn sẻ*: theo *Đường thư*, Đậu Nghị muốn kén rể, vẽ một con chim sẻ vào bình phong, khấn ngầm rằng ai bắn trúng cả hai mắt sẻ thì được Đậu Nghị gả con gái cho; Lý Uyên (sau là Đường Cao Tổ) bắn trúng cả hai mắt sẻ, lấy được con gái Đậu Nghị, do đó người ta gọi việc hỏi vợ là "bắn sẻ bình phong".

(3) *Giao cẩm*: một thứ lụa đẹp như gấm, người xưa truyền rằng do người Giao (ở dưới nước) dệt ra.

(4) *Ngọc môn*: cửa ngọc, ở đây chỉ cửa của lầu kén rể mà Ngọc Hoàng cho dựng lên.

(5) *Chín vẻ, bảy đức*: những đặc điểm tốt đẹp của chim phượng (hình ảnh tượng trưng cho người con trai đến cầu hôn).

(6) *Thủ đoạn*: phương pháp, biện pháp được áp dụng để đạt một mục đích nhất định (nghĩa trong văn bản).

(7) *Điềm thái bình*: dấu hiệu chim phượng xuất hiện; ý cả câu muốn nói: tuy không có đủ những đặc điểm tốt đẹp của chim phượng, nhưng tài giỏi không kém gì phượng, xứng đáng được vào lầu "đãi phượng".

(8) *Hiềm*: ngại, e ngại.

(9) *Nguyện ước ba sinh*: *ba sinh* là ba kiếp gồm quá khứ, hiện tại, tương lai (theo quan niệm của đạo Phật); *nguyện ước ba sinh* là lời thề nguyền gắn bó với nhau ba kiếp của lứa đôi nam nữ.

(10) *Văn phương*: nơi tốt đẹp.

(11) *Cung khuyết*: nhà lầu hai bên của hoàng cung, nơi vua ở.

(12) *Quỷ khốc thần sầu* (như *quỷ khốc thần kinh*): quỷ thần cũng phải khóc, phải sợ.

Thuỷ thần cũng thè lưỡi thư phù[1]. Bỗng, vạn ngõ ngàn cửa biển thành biển. Nước bạc vỗ trời, sóng to xoáy đất. Sóng dâng một lớp, núi chìm ngập đỉnh ngàn tầm; côn[2] nhảy ba ngàn, nước dựng như trăm cây thước. Hoặc phun lửa như cá cờ, hoặc vuốt râu thành cơn mưa. Một lát, cá rồng vắng vẻ, buồm gấm hoa bay liệng cung trăng; mây sắc bao che, cung Bồng Lai lờ mờ mặt nước. Rồi tiếng bát âm[3] nhộn nhịp, rồi giọng ca nữ véo von. Tai nghe phương nào cũng có tiếng hay, mắt nhìn vật gì cũng có sắc đẹp. Trong khoảnh khắc mà biến huyễn thành muôn hình trạng.

Ngọc Hoàng cũng gật đầu nói:

– Tài giỏi!

Thuỷ thần lại lè lưỡi thư phù; cửa ngõ y nguyên như cũ.

Ngọc Hoàng lấy làm vui lòng, sắc[4] cho hai thần ngồi chiếu bên tả[5], ban trà cho uống.

Hai thần đang có vẻ đắc ý, chợt thấy ngoài cửa lại có một người tiến vào. Người ấy dáng rồng bước hổ, mắt Thuấn mày Nghiêu[6], có vẻ tĩnh trọng như núi, có lượng bao hàm như biển, và đứng sừng sững ở trước sân.

Thị vệ quát to rằng:

– Đây là chốn tôn nghiêm. Hạng người nào? Hạng người nào? Tại sao không sụp lạy?

Người ấy chắp tay thưa rằng:

– Phượng lâu ứng tuyển, nào phải là nghi lễ chốn triều đình? Mắt sẻ chưa xuyên[7], đâu dám vội làm lễ chào ông nhạc[8]? Xin Ngọc Hoàng hãy khoan thứ cho.

Ngọc Hoàng nghe nói lấy làm lạ, cho ngồi chiếu bên hữu[9], khoan thai bảo rằng:

– Hai vị ở chiếu bên tả đều là người ứng tuyển vào lầu phượng. Giang sơn đã hẹp, nghệ thuật[10] lại cao, thực là người thứ nhất trong thiên hạ. Khách quý giường đông[11], phi người ấy thì còn ai? Ngươi có tài năng gì, mà dám đến tranh với người ta? Trẫm rất buồn cười nhà ngươi là con người bất trí[12].

Người ấy ung dung đứng lên nói:

– Bệ hạ nhầm rồi. Quỷ thần ở núi sông chỉ là một vật ở nơi đó thôi. Múa trí khoe tài, sao đáng đếm xỉa trong vòng trời đất? Sao không xem: ngôi cao vòi vọi mà những người

---

[1] *Thư phù*: hoạt động của thầy phù thuỷ (theo nghi lễ mê tín xưa), dùng cây hương đang cháy vẽ (*thư*) lên không, tạo thành bùa (*phù*) để trấn yểm ma quỷ; ở đây dùng với nghĩa khái quát, chỉ sự làm phép.
[2] *Côn*: một loại cá to ở biển, theo truyền thuyết có thể hoá thành chim bằng.
[3] *Tiếng bát âm*: tiếng của dàn nhạc cổ truyền có sử dụng tám loại nhạc khí khác nhau để tạo thành những âm thanh cơ bản (theo quan niệm xưa).
[4] *Sắc*: lệnh.
[5] *Bên tả*: bên trái.
[6] *Dáng rồng bước hổ*: chỉ sự mạnh mẽ về thể chất; *mắt Thuấn mày Nghiêu*: chỉ sự thông tuệ, sáng suốt; cả hai vế của thành ngữ này ý nói người có tướng mạo của bậc thiên tử.
[7] *Mắt sẻ chưa xuyên*: xem chú thích "bình phong bắn sẻ".
[8] *Ông nhạc*: bố vợ.
[9] *Bên hữu*: bên phải.
[10] *Nghệ thuật*: ý nói phép thuật.
[11] *Khách quý giường đông*: thời Tống (Trung Quốc), Hy Giản có con gái, muốn kén rể, cho người đến xem các con cháu của Vương Đạo, thấy người nào cũng giữ lễ, duy có Vương Hy Chi cứ ngồi phệ bụng ở giường bên đông, coi như không biết chuyện gì, Hy Giản liền gả con gái cho Hy Chi; do đó, người ta thường dùng "giường đông" để chỉ con rể.
[12] *Bất trí*: không có trí tuệ, thiếu suy nghĩ.

chiêm ngưỡng chỉ sợ đi sau; lượng biển bao la, mà những kẻ lại chầu tranh nhau đến trước. Tài trí trong thiên hạ, đều là tài trí của một người. Núi đúc khí thiêng, mong được tận trung mọi việc; sông theo dòng lớn, đâu không hiếu thuận một niềm. Thảng hoặc có thỏ nấp trong núi, kình múa ngoài khơi[1], thì sai người văn thần trọng vọng, cử người võ tướng lược thao. Bày trận theo thế rắn Thường Sơn[2], hành quân như nước dòng Giang Hán[3]. Núi có thể bạt đi, gò có thể san bằng, nước lớn có thể bắt lui, sông có thể cắt đứt. Bấy giờ sông yên núi vững, chỉ thấy một vẻ thanh cao. Thái Sơn, Hoàng Hà, ghi thề đới lệ[4]; Ngũ Nhạc, Tứ Độc, giữ lễ công hầu[5]. Bước lên núi cao tỏ lòng trung với trời, oai trùm biển rộng, nào ai dám chống[6]. Thiên tử trị bên ngoài, hoàng hậu trị bên trong; hải vật sơn hào, hưởng những vị quý ngon trong thiên hạ, so với bọn một gáo nước đã khoe nhiều, một nắm đá đã khoe lớn, khác nhau biết là chừng nào.

Ngọc Hoàng đẹp lòng, giơ tay nói:

– Giai tế[7]! Giai tế! Nếu ngươi không nói ra, trẫm sẽ bị những kẻ khoe khoang làm mê hoặc.

Hai người ở bên tả nghe thấy thế, ngồi ngẩn một lát, rồi bỏ cả ngựa xe lẻn về, không dám bàn việc hôn nhân nữa.

Lời bàn của Nam Sơn Thúc:

Cỏ dao đầy bãi, hình như con rùa đội mai; khe thẳm một hang, tựa hồ con trai ngậm ngọc[8]. Ôi, con gái nào không phải là con gái! Thế mà Sơn Thần khoe khôn, Hà Bá khoe giỏi, chung quy không ai được, chỉ vì lấy thuật bịp người thôi. Khi nghe lời nói của chân chủ, không những cao hơn hai thần kia, mà sau cùng lại có câu: "Hoàng hậu trị bên trong, thưởng những thức quý ngon trong thiên hạ", bấy giờ lòng kén rể của Ngọc Hoàng mới quyết định. Câu nói: "Long mạch đi ngàn dặm, kết huyệt chỉ một điểm"[9], đúng như ý nghĩa bài này.

(Khuyết danh, *Thánh Tông di thảo*, Nguyễn Bích Ngô *dịch và chú thích*, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 83 – 90)

---

[1] *Thỏ nấp trong núi, kình múa ngoài khơi*: ý nói có kẻ chống lại.

[2] *Thường Sơn*: một huyện thuộc tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc), ở đó có loài rắn tên là "suất nhiên" có khả năng đặc biệt, khi bị tấn công vào đầu thì đuôi tiếp ứng và ngược lại, khi bị tấn công vào giữa thân thì đầu đuôi tiếp ứng; các nhà quân sự mô phỏng phản ứng nhanh nhạy của loài rắn này để sáng tạo Trường xà trận.

[3] *Giang Hán*: sông Trường Giang và sông Hán Thuỷ (một chi lưu của sông Trường Giang), thường dùng với nghĩa khái quát, chỉ sông lớn; ở đây đoàn quân đang đi được ví như dòng sông lớn tuôn chảy.

[4] *Đới*: cái dải lưng, *lệ*: hòn đá mài; Hán Cao Tổ (Trung Quốc) lên làm vua, thề với các công thần rằng: "Hoàng Hà như đới, Thái Sơn như lệ, quốc dĩ vĩnh tồn, viên cập miêu duệ", nghĩa là: "Nước Hoàng Hà như dải lưng, núi Thái Sơn như hòn đá mài, nhà nước còn mãi đến con cháu đời sau"; ở đây ý nói núi sông yên vững mãi mãi.

[5] *Ngũ Nhạc*: năm ngọn núi cao, *Tứ Độc*: bốn con sông lớn; *Ngũ Nhạc, Tứ Độc, giữ lễ công hầu*: ý nói núi và sông đều quy thuận làm bầy tôi.

[6] Từ câu "Núi đúc khí thiêng..." đến đây, câu nào cũng một nửa nói sơn, một nửa nói thuỷ, có ý nói hơn hẳn sơn thần và thuỷ thần.

[7] *Giai tế*: rể quý, rể tốt.

[8] *Cỏ dao đầy bãi, hình như con rùa đội mai; khe thẳm một hang, tựa hồ con trai ngậm ngọc*: cỏ xanh mướt như ngọc dao mọc trùm bãi sông, trông xa vồng lên như hình mai rùa; khe nước sâu thẳm ẩn chứa thứ trân quý, như con trai ngậm ngọc; cả câu hàm ý ca ngợi vẻ đẹp rạng rỡ mà e ấp của ngọc nữ.

[9] *Long mạch đi ngàn dặm, kết huyệt chỉ một điểm*: trên mạch đất kéo dài ngàn dặm theo hình thái của núi sông có rất nhiều vị trí đem lại những điều tốt đẹp cho con người ở nơi đó, nhưng chỉ có một vị trí là tốt nhất (theo quan niệm của người xưa); ý nói trong những người đến xin được kết hôn với ngọc nữ, chỉ có chân chủ là người xứng đáng nhất.

Bài 2

NHỮNG CUNG BẬC TÂM TRẠNG

Nỗi riêng lớp lớp sóng dồi.

Nguyễn Du

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Con người luôn mang trong mình những nỗi niềm, khát vọng riêng tư. Đó có thể là niềm mong nhớ một người thân yêu ở nơi xa; niềm khao khát hạnh phúc, chờ đợi một điều tốt đẹp sẽ đến; nỗi sầu muộn, xót thương cho số phận mình khi cô quạnh; nỗi trăn trở, đau đáu trước bao thăng trầm của cuộc sống;... Những cung bậc tâm trạng ấy có thể được gửi gắm vào thơ, để lại cho người đọc nhiều xúc cảm và suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống.
- Các văn bản đọc chính trong bài học này bao chứa nhiều cung bậc xúc cảm khác nhau của con người, được sáng tác bằng thể thơ song thất lục bát, với sự kết hợp những câu thơ có số chữ khác nhau (7 chữ, 6 chữ và 8 chữ), tạo nên những âm hưởng vừa da diết, sâu lắng; vừa thân thương, gần gũi với tâm hồn người Việt Nam. Văn bản kết nối về chủ đề cung cấp thêm kiến thức về thể thơ song thất lục bát, giúp em hiểu rõ hơn về thể thơ này trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam, từ đó thêm trân trọng những sáng tạo của cha ông ta thuở trước.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu thương, đồng cảm với con người và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thơ song thất lục bát

- Song thất lục bát là thể thơ có nguồn gốc dân tộc, kết hợp đan xen từng cặp câu 7 tiếng (song thất) với từng cặp câu 6 và 8 tiếng (lục bát). Bài thơ song thất lục bát có thể được chia khổ hoặc không, số câu thơ trong mỗi khổ thơ cũng không cố định. Tương tự thể lục bát, song thất lục bát cũng có hiện tượng biến thể: có khi bài thơ mở đầu bằng cặp lục bát chứ không phải cặp song thất; có khi một số cặp lục bát liền nhau sau đó mới đến cặp song thất; có khi số chữ của các câu thơ không theo quy định.

- Về vần, thơ song thất lục bát sử dụng cả vần lưng (yêu vận) và vần chân (cước vận). Vần lưng được gieo ở tiếng thứ sáu (hoặc thứ tư) của câu thơ 8 tiếng (hiệp vần với tiếng cuối của câu thơ 6 tiếng ngay trước nó) và tiếng thứ ba (hoặc thứ năm) của câu thơ 7 tiếng (hiệp vần với tiếng cuối của câu thơ 7 tiếng liền trước nó). Vần chân được gieo ở tiếng cuối của tất cả các câu thơ.

- Về thanh điệu, thanh bằng (B) – trắc (T) của các tiếng ở một số vị trí trong câu thơ là cố định, cụ thể như sau:

Vị trí tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu thất 1	–	–	–	–	B	–	T	
Câu thất 2	–	–	B	–	T	–	B	
Câu lục	–	B	–	T	–	B		
Câu bát	–	B	–	T	–	B	–	B

- Câu thơ 7 tiếng thường có cách ngắt nhịp lẻ trước chẵn sau (3/2/2 hay 3/4). Hai câu 6 và 8 ngắt nhịp theo thể lục bát. Một số câu thơ có thể đọc theo những cách ngắt nhịp khác nhau, mỗi cách ngắt nhịp tạo ra một nghĩa, giúp người đọc có được sự đa dạng trong cảm thụ.

Biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh, điệp vần

- Chơi chữ là biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa hoặc quy tắc kết hợp từ ngữ một cách khéo léo, sáng tạo nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người đọc (người nghe).

- Điệp thanh là biện pháp tu từ ngữ âm, tạo nên bằng cách lặp lại thanh điệu cùng loại (thanh bằng hoặc thanh trắc) để làm tăng tính nhạc, nâng cao hiệu quả diễn đạt.

- Điệp vần là biện pháp tu từ ngữ âm, sử dụng những âm tiết có vần giống nhau nhằm tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính nhạc để biểu đạt cảm xúc của người viết (người nói), đồng thời gây ấn tượng thẩm mĩ cho người đọc (người nghe).

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Nỗi niềm chinh phụ* (trích *Chinh phụ ngâm*), nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)

VĂN BẢN 2. *Tiếng đàn mưa,* Bích Khê

VĂN BẢN 3. *Một thể thơ độc đáo của người Việt*, Dương Lâm An

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Đầu thế kỉ XVIII, nhiều cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước ta. Hãy nêu một cuộc chiến mà em biết.

2. Theo em, những cuộc tiễn đưa trong chiến tranh có gì khác biệt so với tiễn đưa trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống?

ĐỌC VĂN BẢN

Nỗi niềm chinh phụ[1]

Trích *Chinh phụ ngâm*[2], nguyên tác của ĐẶNG TRẦN CÔN, bản dịch của ĐOÀN THỊ ĐIỂM (?)

Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
Hà lương[3] chia rẽ đường này,
Bên đường trông bóng cờ bay ngùi ngùi.

Hình dung

Cảnh người chinh phụ tiễn biệt người chinh phu.

[1] Nhan đề do người biên soạn đặt.
[2] *Chinh phụ*: người phụ nữ có chồng ra trận. *Ngâm*: còn gọi là ngâm khúc, một thể loại thường dùng thể thơ song thất lục bát, viết về những nỗi niềm tâm sự, những xúc cảm sầu muộn, ai oán, xót thương. *Chinh phụ ngâm* (*Khúc ngâm của người phụ nữ có chồng ra trận*) còn có nhan đề khác là *Chinh phụ ngâm khúc*, do Đặng Trần Côn sáng tác trong khoảng năm 1740 – 1742 bằng chữ Hán, giãi bày tâm sự của một người vợ có chồng ra trận, mong mỏi ngày chồng chiến thắng trở về, được nhà vua ban thưởng và cùng nàng sống hạnh phúc. Tác phẩm đã được nhiều dịch giả dịch ra thơ Nôm, trong đó bản dịch thành công nhất được cho là của Đoàn Thị Điểm. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng bản dịch này của Phan Huy Ích (1750 – 1822).
[3] *Hà*: sông; *lương*: cầu; *hà lương*: cầu bắc qua sông, chỉ nơi hai vợ chồng chia tay.

Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu[1],

Kị[2] sau còn khuất nẻo Tràng Dương[3].

Quân đưa chàng ruổi[4] lên đường,

Liễu dương[5] biết thiếp đoạn trường[6] này chăng?

Tiếng địch[7] thổi nghe chừng đồng vọng[8],

Hàng cờ bay trông bóng phất phơ.

Dấu[9] chàng theo lớp mây đưa,

Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà.

Chàng thì đi cõi xa mưa gió,

Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.

Đoái trông theo đã cách ngăn,

Tuôn màu mây biếc trải ngần[10] núi xanh.

Chốn Hàm Kinh[11] chàng còn ngoảnh lại,

Bến Tiêu Tương[12] thiếp hãy trông sang.

Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương,

Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.

Theo dõi

Các từ ngữ miêu tả cảm xúc của người chinh phụ.

Hình dung

Tâm trạng của người chinh phụ sau khi chia li người chinh phu.

[1] *Doanh Liễu*: doanh trại Tế Liễu, nay thuộc khu vực tây nam thành phố Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc; theo *Sử kí*, năm 158 trước Công nguyên, Hán Văn Đế (202 – 157 trước Công nguyên) cử Chu Á Phu (? – 143 trước Công nguyên) đóng quân ở Tế Liễu chặn quân Hung Nô xâm phạm vào biên cương.

[2] *Kị*: kị binh, đội quân cưỡi ngựa.

[3] *Tràng Dương*: tên một cung điện gần thành Trường An (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc), nơi vua Hán thường tổ chức các cuộc đi săn.

[4] *Ruổi*: rong ruổi.

[5] *Liễu dương*: cây dương liễu, thường biểu trưng cho sự chia li, bởi người xưa có tục bẻ cành dương liễu tặng nhau khi tiễn biệt; nhà thơ Trung Quốc Dương Cự Nguyên (755 – 832?) trong bài thơ *Chiết dương liễu* (Bẻ nhành dương liễu) cũng dùng hình ảnh cây dương liễu để khắc hoạ cảnh chia tay.

[6] *Đoạn trường*: đứt ruột, ý chỉ nỗi xót xa, đau đớn vô cùng. (Theo *Sưu thần kí*, tương truyền, có người bắt được một con vượn con trên núi mang về. Vượn mẹ đi theo đến tận nhà, kêu la thảm thiết, rơi xuống đất chết. Người ấy bèn nhặt xác vượn mẹ về mổ bụng ra, thì thấy ruột của nó đã đứt thành từng khúc.)

[7] *Địch*: sáo; ở đây, tiếng sáo thổi ý chỉ thời khắc lên đường ra trận; Lý Bạch trong bài thơ *Tòng quân hành* (Bài hành tòng quân) có viết: "Địch tấu *Mai hoa khúc*, đao khai minh nguyệt hoàn" (Sáo thổi khúc nhạc *Hoa mai rụng*, vòng chuôi cây đao trong tay sáng như vành trăng).

[8] *Đồng vọng*: cùng trông nhau, cùng ngóng về nhau; câu thơ ý nói hai vợ chồng cùng ngóng về nhau trong tiếng sáo thổi.

[9] *Dấu*: dấu tích, ý nói hình bóng.

[10] *Ngần*: vết ngấn, vết hằn in.

[11] *Hàm Kinh*: kinh đô Hàm Dương đời nhà Tần, nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, nơi từng xảy ra nhiều trận chiến ác liệt.

[12] *Tiêu Tương*: nay thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. (Tương truyền, hai chị em Nga Hoàng và Nữ Anh cùng làm vợ vua Thuấn. Vua Thuấn đi giúp dân trừ hoạ lâu không về nên hai người vợ đi tìm. Hai người đi đến đất Tiêu Tương thì biết tin chồng đã mất, nên khóc đến chảy máu mắt. Máu dính lên thân trúc làm xuất hiện các đốm sẫm màu, gọi là trúc Tiêu Tương.)

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.

Ngàn dâu xanh ngắt một màu,

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

(*Những khúc ngâm chọn lọc*, tập I,
Lương Văn Đang – Nguyễn Thạch Giang – Nguyễn Lộc *giới thiệu, biên khảo, chú giải*,
NXB Giáo dục, 1994, tr. 41 - 42)

SAU KHI ĐỌC

- **Đặng Trần Côn** sống vào khoảng đầu thế kỉ XVIII, quê ở làng Nhân Mục (còn gọi là làng Mọc), nay thuộc Hà Nội. Ông đỗ Hương cống, làm quan tới chức Ngự sử đài chiếu khám[1]. Tác phẩm của ông thường chú trọng thể hiện những tình cảm riêng tư, những nỗi niềm trắc ẩn của con người. Ngoài *Chinh phụ ngâm khúc*, một số sáng tác khác của ông hiện còn được lưu lại như *Tiêu Tương bát cảnh*, ba bài phú *Trương Hàn tư thuần lô, Trương Lương bố ý, Khấu môn thanh*,...

Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748) hiệu là Hồng Hà nữ sĩ, quê ở tỉnh Hưng Yên. Nữ sĩ sáng tác văn thơ bằng cả chữ Hán và chữ Nôm, hiện còn lưu lại các tác phẩm như *Truyền kì tân phả, Nữ trung tùng phận* và một số bài thơ. Bản dịch *Chinh phụ ngâm* nổi tiếng hiện đang lưu hành được nhiều học giả khẳng định là của nữ sĩ.

- Bản dịch *Chinh phụ ngâm* gồm 408 câu thơ song thất lục bát[2]. Đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ* gồm 24 câu thơ (từ câu 41 đến câu 64) đã thể hiện những tình cảm đầy lưu luyến của người chinh phụ khi phải xa cách người chinh phu.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ*. Những đặc điểm này cho thấy thể thơ song thất lục bát có gì khác với thể thơ lục bát?
2. Xác định bố cục của đoạn trích và nêu nội dung chính của từng phần.
3. Đề xuất phương án ngắt nhịp bốn câu thơ sau và cho biết tác dụng của cách ngắt nhịp đó:

Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại,

Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.

Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương,

Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.

---

[1] *Ngự sử đài chiếu khám*: một chức quan văn nhỏ tại Ngự sử đài, cơ quan có nhiệm vụ giám sát và phản biện, nhằm can gián những việc được xem là không đúng hoặc chưa tốt của vua và quan lại.

[2] Có dị bản gồm 412 câu thơ song thất lục bát.

4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép đối trong những câu thơ sau:

a. *Chàng thì đi cõi xa mưa gió,*
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.

b. *Tuôn màu mây biếc trải ngần núi xanh.*

c. *Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại,*
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.

5. Nêu và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ cuối của đoạn trích.

6. Người chinh phụ tiễn người chinh phu ra trận với tâm trạng như thế nào? Qua tâm trạng đó của người chinh phụ, em hiểu gì thêm về giá trị của cuộc sống?

7. Em có ấn tượng nhất với hình ảnh nào trong đoạn trích? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích tâm trạng của người chinh phụ thể hiện trong bốn câu thơ sau:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc trải ngần núi xanh.

(*Chinh phụ ngâm*,
nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?))

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ

1 Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ trong các trường hợp dưới đây:

a. *Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.*

(Tục ngữ)

b. *Nấu đậu phụ cho cha ăn*
Sắc ích mẫu cho mẹ uống.

(Câu đối)

Một số cách chơi chữ thường gặp

- Dùng từ đồng âm. Ví dụ:

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già
*Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi **non**?*

(Ca dao)

Tác giả dân gian sử dụng yếu tố *non* (nghĩa là *núi*) đồng âm với yếu tố *non* (nghĩa là mới mọc, mới sinh, ít tuổi, trái nghĩa với *già*) để tạo tính chất hài hước, dí dỏm cho câu ca dao.

- Dùng từ gần âm (trại âm). Ví dụ:

*Sánh với Na-va "**ranh tướng**" Pháp*
Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương.

(Tú Mỡ)

c. *Giậu rào mắt cáo, mèo chui lọt*
Rổ nức[1] *lòng tôm, tép nhảy qua.*

(Nguyễn Huy Lượng)

d. *Bánh cả thúng sao gọi là bánh ít?*
Trầu cả khay sao dám gọi trầu không?

(Ca dao)

e. *Thấy nếp thì lại thèm xôi*
Ngồi bên thúng gạo nhớ nồi cơm thơm.

(Ca dao)

g. *Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá không đá con ngựa.*

(Vế đối cổ)

h. *Anh Hươu đi chợ Đồng Nai*
Bước qua Bến Nghé, ngồi nhai thịt bò.

(Ca dao)

i. *Con cá đối bỏ trong cối đá;*
Con mèo cái nằm trên mái kèo.
Trách cha mẹ em nghèo, anh nỡ phụ duyên em.

(Ca dao)

k. *Một trăm thứ dầu, dầu xoa không ai thắp;*
Một trăm thứ bắp, bắp chuối chẳng ai rang;
Một trăm thứ than, than thân không ai quạt;
Một trăm thứ bạc, bạc tình bán chẳng ai mua.

(Ca dao)

2 Nêu một trường hợp (trong giao tiếp hằng ngày hoặc trong tác phẩm văn học) có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng trong trường hợp đó có tác dụng gì?

Nhà thơ không dùng từ *danh tướng* (viên tướng có tài năng nức tiếng) mà trại âm thành "ranh tướng" (*ranh*: ma mãnh; bé, nhỏ, oắt con) để chế giễu tên tướng giặc một cách sâu cay.

- Dùng lối điệp âm. Ví dụ:

Mênh mông muôn mẫu một màu mưa
Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ.

(Tú Mỡ)

Nhà thơ dùng cách điệp âm "m", diễn tả vẻ mịt mờ của không gian đầy mưa, đồng thời tạo nét đặc sắc cho câu thơ.

- Dùng lối nói lái. Ví dụ:

*Cô **công** nói với cậu **rùa**,*
***Rồng** ở dưới đất, còn **cua** trên trời.*

(Ca dao)

Trong bài ca dao trên, từ chỉ tên loài vật ở câu lục đọc lái âm (phụ âm đầu của tiếng này ghép với phần vần của tiếng kia) thành tên loài vật khác ở câu bát (*công – rùa/ cua – rồng*), tạo cảm nhận thú vị, bất ngờ.

- Dùng từ trái nghĩa. Ví dụ:

*Ngọt thơm sau lớp vỏ **gai**,*
*Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp **lòng**.*
*Mời cô, mời bác ăn **cùng**,*
***Sầu riêng** mà hoá **vui chung** trăm nhà.*

(Phạm Hổ, *Quả sầu riêng*)

Sầu riêng là tên một loại trái cây, cũng đồng âm với từ ngữ trái nghĩa với *vui chung*, tạo nên ý thơ bất ngờ, thú vị.

- Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa. Ví dụ:

***Chàng Cóc** ơi! **Chàng Cóc** ơi!*
*Thiếp **bén** duyên chàng có thế thôi.*
***Nòng nọc** đứt đuôi từ đây nhé,*
*Ngàn vàng khôn **chuộc** dấu bôi vôi.*

(Hồ Xuân Hương, *Khóc Tổng Cóc*)

Bài thơ sử dụng một loạt từ là tên những con vật lưỡng cư như *chàng* (chẫu chàng), *cóc*, *bén* (nhái bén), *nòng nọc*, *chuộc* (chẫu chuộc), từ đó tạo ra sự hài hước, dí dỏm.

Những cách chơi chữ này có thể được sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau làm phong phú thêm cho tư duy, đồng thời tạo sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói.

[1] *Nức*: cạp miệng, vành của đồ đan bằng tre nứa.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy chia sẻ cảm nhận về một âm thanh hoặc bản nhạc từng khiến em xúc động.

ĐỌC VĂN BẢN

Tiếng đàn mưa

BÍCH KHÊ

Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng.
Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan[1];
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn,
Nước non rả rích giọng đàn mưa xuân.

Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống,
Cùng nước non mưa rụng hoa xuân.
Mưa rơi ngoài nội[2] trên ngàn,
Nghe trong ý khách giọt đàn mưa rơi.

Đầm mưa xuống, nẻo đồi mưa xuống.
Bóng dương tà[3]... rụng bóng tà dương[4];
Hoa xuân rơi với bóng dương.
Mưa trong ý khách mưa cùng nước non.

Rơi hoa hết mưa còn rả rích,
Càng mưa rơi càng tịch bóng dương
Bóng dương với khách tha hương
Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.

(*Thơ Bích Khê*,
NXB Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai, 2006, tr. 137 – 138)

Hình dung
Những sự vật, hiện tượng phụ hoạ cùng mưa.

Theo dõi
Những nơi mưa rơi xuống.

Theo dõi
Cách sử dụng các biện pháp tu từ.

Suy luận
Nguyên nhân khiến nhân vật "khách tha hương" rơi lệ.

(1) *Thềm lan*: thềm hoa lan, thềm nhà (cách nói tao nhã, văn chương).
(2) *Nội*: cánh đồng.
(3), (4) *Bóng dương tà, bóng tà dương*: bóng mặt trời lúc sắp lặn hẳn.

SAU KHI ĐỌC

- **Bích Khê** (1916 – 1946) quê ở tỉnh Quảng Ngãi. Sáng tác của ông thuộc các thể loại như thơ (thơ Đường luật, thơ tự do), tự truyện,... Bích Khê là nhà thơ có nhiều tìm tòi, cách tân trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945). Ông được đánh giá cao với những bài thơ đặc sắc, giàu tính nhạc. Một số tập thơ của ông: *Tinh huyết* (1939), *Mấy dòng thơ cũ* (1988), *Tinh hoa* (1997),...
- *Tiếng đàn mưa* nằm trong tập thơ *Tinh hoa* (tập hợp các sáng tác của Bích Khê từ năm 1938 đến năm 1944).



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong bài thơ *Tiếng đàn mưa*.

2. Xác định bố cục của bài thơ và nêu nội dung chính của từng phần.

3. Những từ ngữ nào được sử dụng nhiều lần trong bài thơ? Việc lặp lại những từ ngữ đó có tác dụng gì?

4. Nêu đặc điểm chung của những sự vật, hiện tượng phụ hoạ cùng mưa trong bài thơ. Theo em, tác giả muốn khắc hoạ tâm trạng gì qua những sự vật, hiện tượng ấy?

5. Chỉ ra mối liên hệ giữa hình ảnh nước non ở ba khổ thơ đầu với nội dung của hai câu thơ cuối.

6. Em có ấn tượng nhất với điều gì ở bài thơ? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nghĩ của em về bài thơ *Tiếng đàn mưa*.

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP THANH VÀ BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP VẦN

1 Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp dưới đây:

a. *Khóc anh không nước mắt*

Mà lòng đau như thắt

Nhận biết biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần

- Điệp thanh có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại một loạt âm tiết có cùng thanh điệu (thanh bằng hoặc thanh trắc). Ví dụ: hai câu thơ toàn thanh bằng sau đây đem lại âm hưởng nhẹ nhàng, êm dịu, như tiếng lòng của thi nhân muốn dịu lại, vơi đi những nỗi sầu:

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Gọi anh chửa thành lời

Mà hàm răng dính chặt.

(Hoàng Lộc, *Viếng bạn*)

b. *Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng*

Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông...

(Bích Khê, *Tì bà*)

c. *Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm*

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

2 Trong bài thơ *Tiếng đàn mưa*, biện pháp tu từ điệp thanh được Bích Khê sử dụng rất đặc biệt: điệp thanh theo từng nhóm âm tiết trong cùng một câu thơ. Hãy làm rõ tác dụng của biện pháp tu từ này trong bài thơ.

3 Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ điệp vần trong các đoạn thơ dưới đây:

a. *Rơi hoa hết mưa còn rả rích,*

Càng mưa rơi càng tịch bóng dương

Bóng dương với khách tha hương

Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.

(Bích Khê, *Tiếng đàn mưa*)

b. *Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa*

Một buổi trưa, nắng dài bãi cát

Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa

Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát...

(Tố Hữu, *Mẹ Tơm*)

Ô! Đêm nay trời trong như gương

Không làn mây vương không hơi sương.

(Hàn Mặc Tử, *Tiêu sầu*)

Điệp thanh cũng có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại thanh điệu theo từng nhóm âm tiết. Ví dụ: câu thơ *Đầm mưa xuống, nẻo đồi mưa xuống* (Bích Khê, *Tiếng đàn mưa*) có hai nhóm âm tiết giống nhau về thứ tự các thanh điệu bằng – bằng – trắc (*đầm mưa xuống/ đồi mưa xuống*). Biện pháp tu từ điệp thanh kết hợp với cách ngắt nhịp tạo nên tính nhạc cho câu thơ, đồng thời giúp người đọc cảm nhận những giọt mưa đang rơi mau ở khắp chốn.

- Điệp vần trong thơ có thể xuất hiện ở vị trí các âm tiết gieo vần: âm tiết cuối cùng của câu thơ (vần chân) hoặc âm tiết nằm ở khoảng giữa câu thơ (vần lưng), tạo tính liên kết, tính nhạc cho câu thơ. Ở một số bài thơ, việc gieo vần tạo được ấn tượng hoặc cảm xúc đặc biệt, có hiệu quả tu từ rõ nét, đó chính là điệp vần. Ví dụ, bài thơ sau đã gieo vần "e" (hoặc "oe") làm tăng thêm ấn tượng về cái lè nhè của người say rượu:

*Năm gian nhà cỏ thấp le **te**,*

*Ngõ tối đêm sâu đóm lập **loè**.*

Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,

*Làn ao lóng lánh bóng trăng **loe**.*

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt

*Mắt lão không vầy cũng đỏ **hoe**.*

Rượu tiếng rằng hay hay chẳng mấy,

*Độ năm ba chén đã say **nhè**.*

(Nguyễn Khuyến, *Thu ẩm*)

Điệp vần còn có thể xuất hiện ở những vị trí âm tiết không đóng vai trò gieo vần, tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng nhạc tính để chuyển tải cảm xúc cần biểu đạt trong thơ. Ví dụ, câu thơ sau điệp vần "ang" tạo âm hưởng mênh mang, rộng mở:

*Lá **bàng đang** đỏ ngọn cây*

*Sếu **giang mang** lạnh **đang** bay **ngang** trời.*

(Tố Hữu, *Tiếng hát sang xuân*)

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Một thể thơ độc đáo của người Việt

DƯƠNG LÂM AN

Thể thơ song thất lục bát là một sáng tạo văn học độc đáo của người Việt.

Những tác phẩm đầu tiên sáng tác bằng thể song thất lục bát là *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa* (chưa rõ tác giả, có thể được sáng tác trong thế kỉ XV) và *Đại nghĩ bát giáp thưởng đào giải văn* (Bài văn làm hộ tám giáp[1] thưởng cho cô đào[2] được giải, do Lê Đức Mao[3] sáng tác trước khi đỗ tiến sĩ năm 1505). Một điều thú vị là tác phẩm *Đại nghĩ bát giáp thưởng đào giải văn* cũng là một trong những trước tác văn học viết đầu tiên có những đoạn viết bằng thể thơ lục bát. Hiện chưa đủ căn cứ để xác định chính xác thời điểm ra đời của các tác phẩm đầu tiên viết bằng thể thơ lục bát và song thất lục bát. Dẫu vậy, có thể khẳng định rằng hai thể thơ này đều được người Việt sáng tạo trong thời gian khoảng thế kỉ XV – XVI, xuất hiện trước sau không lâu.

Thể thơ song thất lục bát và thể thơ lục bát tương đồng ở quy luật dùng thanh điệu và cách gieo vần ở cặp câu lục bát. Không xét đến các trường hợp lục bát biến thể, về cơ bản, thanh điệu được cố định ở câu lục (các vị trí tiếng thứ 2, 4 và 6) là bằng – trắc – bằng, còn thanh điệu ở câu bát (các vị trí tiếng thứ 2, 4, 6 và 8) là bằng – trắc – bằng – bằng; vần chân được gieo ở cả hai câu, còn vần lưng được gieo ở tiếng thứ 6 (có khi ở tiếng thứ 4) của câu bát. Sự khác biệt giữa hai thể thơ này căn bản nằm ở cặp câu song thất. Về thanh điệu, cặp câu song thất chú trọng quy chuẩn thanh điệu của các tiếng ở vị trí lẻ trong câu thơ (tiếng thứ 5 và 7 ở câu thất thứ nhất lần lượt là bằng – trắc; tiếng thứ 3, 5 và 7 ở câu thất thứ hai lần lượt là bằng – trắc – bằng). Về vần, mỗi câu thất đều có cả vần chân và vần lưng. Do vậy mà cứ 28 chữ (tiếng), tương đương với một nhóm bốn câu thơ, thì thể song thất lục bát có bảy tiếng gieo vần, trong khi thơ lục bát chỉ có sáu. Chẳng hạn, tác phẩm *Chinh phụ ngâm* (bản diễn Nôm[4]) mở đầu bằng những câu thơ sau:

Thuở trời đất nổi **cơn** gió ***bụi***,

Khách má **hồng** nhiều ***nỗi*** truân ***chuyên***.

---

(1) *Giáp*: đơn vị cư dân thời xưa, dưới cấp thôn.
(2) *Cô đào*: người nữ làm nghề hát ca trù.
(3) Lê Đức Mao (1462 – 1529) sinh tại tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), nổi tiếng về tài văn chương.
(4) *Diễn Nôm*: dịch một văn bản chữ Hán ra chữ Nôm.

Xanh **kia** thăm **thẳm** từng ***trên***,
Nào **ai** gây **dựng** cho ***nên*** nỗi ***này***?
Trống Tràng Thành lung ***lay*** bóng ***nguyệt***,
Khói Cam **Tuyền** mờ ***mịt*** thức ***mây***.
Chín **lần** gươm **báu** trao ***tay***,
Nửa **đêm** truyền **hịch** định ***ngày*** xuất ***chinh***[1]...

Những câu thơ dài và ngắn đan xen, cùng mật độ tiếng gieo vần lớn (trung bình mỗi bốn tiếng có một tiếng gieo vần) không một thể thơ nào ra đời trước đó có thể sánh bằng, khiến những câu thơ song thất lục bát luôn phối hợp hài hoà với nhau, tạo nên âm hưởng du dương, giàu nhạc tính.

Giàu nhạc tính là một điểm mạnh được thơ song thất lục bát phát huy ở một thể loại trữ tình trong văn học Việt Nam: ngâm khúc. Những khúc ngâm như bản diễn Nôm *Chinh phụ ngâm* được cho là của Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748), *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều (1741 – 1798), *Ai tư vãn* của Lê Ngọc Hân (1770 – 1799), *Tự tình khúc* của Cao Bá Nhạ (sống khoảng thế kỉ XIX), bản diễn Nôm *Tì bà hành* của Phan Huy Thực (1778 – 1844), bản diễn Nôm *Chức cẩm hồi văn* của Ngô Thế Vinh (1802 – 1856), *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận (1815 – 1866),... đã khẳng định một giai đoạn cực thịnh của ngâm khúc cũng như thể song thất lục bát trong khoảng thế kỉ XVIII – XIX. Mặc dù ngâm khúc trong văn học Việt Nam được sáng tác bằng nhiều thể thơ khác nhau, nhưng thể thơ song thất lục bát vẫn tạo cho ngâm khúc một dấu ấn riêng, biểu hiện những tâm trạng, cảm xúc trữ tình bi thương, kết tinh những giá trị nhân văn và hiện thực sâu sắc. Chẳng hạn, những câu thơ cuối tác phẩm *Ai tư vãn* của Lê Ngọc Hân khiến người đọc xúc cảm, suy ngẫm về số phận của một con người cũng như những biến thiên của thời cuộc:

Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy,
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!
Phút giây bãi bể nương dâu,
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?
Chữ tình nghĩa trời cao, đất rộng,
Nỗi đoạn trường còn sống, còn đau.
Mấy lời tâm sự trước sau,
Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

[1] Chữ in đậm là chữ nằm ở vị trí phải đảm bảo đúng luật bằng – trắc; chữ in đậm, nghiêng là chữ nằm ở vị trí gieo vần trong câu thơ.

Ngoài ngâm khúc, song thất lục bát còn được dùng trong nhiều thể loại văn học khác (ca trù, văn tế, thơ,...), với những tác phẩm nổi tiếng như *Đại nghĩ bát giáp thưởng đào giải văn* của Lê Đức Mao, *Tứ thời khúc vịnh* của Hoàng Sĩ Khải (sống khoảng thế kỉ XVI), *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du (1765 – 1820), *Khóc Dương Khuê* của Nguyễn Khuyến (1835 – 1909), bản dịch *Hải ngoại huyết thư*[1] của Lê Đại (1875 – 1952),... Dù ở thể loại nào, thơ song thất lục bát vẫn luôn thể hiện được khả năng truyền cảm mạnh mẽ mà sâu lắng. Để bày tỏ nỗi xót xa khi hay tin người bạn thân thiết không còn nữa, Nguyễn Khuyến đã viết những câu thơ song thất lục bát thật thấm thía trong bài thơ *Khóc Dương Khuê*:

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau.

Đầu thế kỉ XX, các nhà thơ danh tiếng như Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Á Nam Trần Tuấn Khải,... có nhiều sáng tác theo thể song thất lục bát. Một số nhà thơ hiện đại như Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Bích Khê, Hồ Dzếnh, Hàn Mặc Tử, Tố Hữu,... vẫn tiếp tục sử dụng song thất lục bát khi sáng tác, bởi vẻ đẹp, sức truyền cảm đặc biệt của thể thơ này. Tất nhiên, thay cho tâm trạng buồn thương thường trực trong quá khứ, những tác phẩm hiện đại viết theo thể song thất lục bát đã mang hơi thở của thời đại mới, truyền tải những tâm trạng, xúc cảm mới mẻ. Như với tác phẩm *Ba mươi năm đời ta có Đảng*, Tố Hữu đã mang sức sống tươi trẻ của nước Việt Nam mới gửi gắm vào trong những câu thơ song thất lục bát:

Màu áo mới nâu non nắng chói
Mái trường tươi roi rói ngói son
Đã nghe nước chảy lên non
Đã nghe đất chuyển thành con sông dài...

Ngày nay, thể thơ cổ điển này không còn thịnh hành, nhưng với mỗi người Việt Nam, những câu thơ song thất lục bát vẫn luôn đem lại ấn tượng về những tình cảm thân thương. Đó thực sự là một thể thơ đặc sắc mà người Việt đã sáng tạo nên để có thể gửi gắm vào trong đó tâm hồn sâu lắng của mình.

(*Theo* Dương Lâm An, *Một thể thơ độc đáo của người Việt*, tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, tháng 9/2023)

[1] Nguyên tác chữ Hán của Phan Bội Châu.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Theo thông tin trong văn bản, thể thơ song thất lục bát ra đời khi nào?
2. Đặc điểm hình thức nào giúp thơ song thất lục bát giàu nhạc tính?
3. Văn bản đề cập những điểm tương đồng và khác biệt nào giữa thể thơ song thất lục bát và thể thơ lục bát?
4. Theo văn bản, vì sao thể thơ song thất lục bát vẫn được sử dụng để sáng tác trong thời kì hiện đại?
5. Trình bày suy nghĩ của em về nhận định của tác giả đối với thể thơ song thất lục bát: "Đó thực sự là một thể thơ đặc sắc mà người Việt đã sáng tạo nên để có thể gửi gắm vào trong đó tâm hồn sâu lắng của mình".

Viết

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)

Phân tích tác phẩm văn học là làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Ở bài học này, em sẽ được thực hành viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát, qua đó vừa củng cố kĩ năng đọc hiểu thể loại này, vừa tiếp tục phát triển kĩ năng viết bài nghị luận với đối tượng cụ thể là thơ song thất lục bát.

Yêu cầu:

- Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (tên tác phẩm, tên tác giả), nêu được nhận định chung của người viết về tác phẩm.
- Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (vần, nhịp, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.
- Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

Phân tích bài viết tham khảo

Hồn tôi vang tiếng trống trường

TRƯA VẮNG

Hồn tôi đấy: căn trường nho nhỏ,
Nước vôi xanh, bờ cỏ tươi non
Lâu rồi, còn thoảng mùi thơm,
Chân đi nghe động tới hồn ngây thơ

Sâu rộng quá những giờ vui trước!
Nhịp cười say trên nước chưa trôi.
Trưa hè thường thấy hai tôi
Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn

Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?
Trang sách đầu chép hết giấy mơ.
Ngả mình trên bóng nhung tơ,
Tôi nguyền: sau lớn làm thơ suốt đời!

Cỏ mấy bận xanh rồi lại tạ,
Gió lùa thu trong lá bao lần…
Bạn trường, những bóng phù vân,
Xót thương mái tóc nay dần hết xanh.

Hồn xưa dậy: chim cành động nắng,
Lá reo trên hồ lặng lờ trong
Trưa im, im đến não nùng,
Tôi ngờ trống học trong lòng trưa vang...

(Hồ Dzếnh, *Quê ngoại*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 62 – 63)

Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm, nêu nhận định chung về tác phẩm.

Hồ Dzếnh (1916 – 1991) là tác giả đã khẳng định được tên tuổi từ phong trào Thơ mới. Các thi phẩm của ông gợi cho người đọc ấn tượng về một giọng thơ ấm áp, chân thật. Đọc thơ ông, ta có cảm giác như ông đang kể câu chuyện cuộc đời mình. Bài thơ *Trưa vắng* in trong tập thơ *Quê ngoại* (1942) là một sáng tác tiêu biểu cho giọng thơ, hồn thơ của thi sĩ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài thơ mở đầu bằng lời chia sẻ:

Hồn tôi đấy: căn trường nho nhỏ,
Nước vôi xanh, bờ cỏ tươi non
Lâu rồi, còn thoảng mùi thơm
Chân đi nghe động tới hồn ngây thơ.

Phân tích để làm rõ nội dung chủ đề của bài thơ.

Đó là câu chuyện của "hồn tôi" được nhà thơ kể lại, một thế giới ăm ắp những kỉ niệm, những xúc cảm thân thương. Nơi ấy có ngôi trường "nho nhỏ" tác giả từng gắn bó thời thơ ấu. Ngôi trường ấy được quét "nước vôi xanh", có "bờ cỏ tươi non" và "thoảng mùi thơm", rộn vang tiếng "chân đi",... Hình ảnh ngôi trường lưu lại trong tâm hồn tác giả rõ mồn một từng chi tiết, được cảm nhận qua cả thị giác, khứu giác và thính giác, như vẫn đang hiện hữu với vẻ đẹp xinh xắn, tinh khôi. Những câu thơ song thất lục bát giàu vần điệu (mỗi khổ thơ gồm một cặp câu thơ 7 chữ và một cặp lục bát luôn có tới 7 tiếng được gieo vần, điều không một thể thơ nào khác có được) dẫn dắt người đọc vào thế giới tâm hồn của thi sĩ, ở đó, những câu chuyện diễn ra từ thuở cắp sách đến trường mà có cảm giác như đang sống động trước mắt.

Chỉ ra những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của thể thơ song thất lục bát trong việc thể hiện nội dung chủ đề.

Trong thế giới của kí ức ấy, có bao kỉ niệm không thể nào quên, khiến tác giả kể một cách say sưa:

Sâu rộng quá những giờ vui trước!
Nhịp cười say trên nước chưa trôi.
Trưa hè thường thấy hai tôi
Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn.

Phân tích các phần kế tiếp nhau theo bố cục của bài thơ.

Khi miêu tả "những giờ vui trước" là "sâu rộng" (biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, dùng cảm nhận không gian để miêu tả thời gian), thi nhân muốn thể hiện những xúc cảm đang ngập tràn tâm hồn mình. Đó là niềm vui một thời cùng anh trai (tác giả có hai người anh trai, nhân vật "hai tôi" chính là người anh cả) của mình đùa chơi trên sông, nghịch trò "ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn". Câu thơ "Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn" miêu tả những trò chơi tuổi dại khờ năm xưa, đồng thời gợi ra biết bao trò tinh nghịch khác (nhờ hiệu quả của phép đối), giờ đã trở thành kỉ niệm vô giá của hai anh em.

Những năm tháng không thể nào quên ấy không chỉ luôn sống trong kí ức mà còn trở thành nguồn động lực để đi tới tương lai: trở thành nhà thơ vì thấy cuộc đời quá đẹp!

Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?
Trang sách đầu chép hết giây mơ.

Ngả mình trên bóng nhung tơ,
Tôi nguyền: sau lớn làm thơ suốt đời!

Vẻ đẹp của cuộc đời và tình yêu tha thiết dành cho cuộc đời được thi sĩ thể hiện qua câu hỏi tu từ: "Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?". Vì muốn ghi lại những vẻ đẹp ấy, thể hiện tình yêu ấy, tác giả đã nguyện "làm thơ suốt đời". Câu thơ "Tôi nguyền: sau lớn làm thơ suốt đời!" có thể sử dụng một trong hai cách ngắt nhịp: 2/2/2/2 hoặc 2/6. Nếu cách ngắt đều đặn theo nhịp 2/2/2/2 tạo cảm nhận về một lời giãi bày, tâm sự, thì cách ngắt nhịp 2/6 lại tạo ra sự biến điệu: hai tiếng đầu là lời "tuyên thệ" dõng dạc, tự hứa với lòng mình; sáu tiếng còn lại là nội dung "tuyên thệ" đầy tâm huyết, thiết tha. Dù chọn cách ngắt nhịp nào thì hai tiếng "tôi nguyền" vẫn được ngắt riêng, thể hiện một quyết tâm mạnh mẽ, dứt khoát, không gì lay chuyển được. Lời nguyện ước năm ấy của "tôi" đã trở thành hiện thực, và chúng ta nhận ra rằng mỗi phút giây mà con người trải qua không phải là một sự trôi đi, biến mất trong dĩ vãng, mà là một sự lắng lại, tiếp tục hiện hữu, như phù sa bồi đắp nên đôi bờ. Đời thơ ấy đã lắng đọng nên hồn thơ ấy.

Kể từ đó, thời gian thấm thoắt thoi đưa:

Cỏ mấy bận xanh rồi lại tạ,
Gió lùa thu trong lá bao lần...
Bạn trường, những bóng phù vân,
Xót thương mái tóc nay dần hết xanh.

Cuộc sống đã có biết bao biến đổi: cỏ cây đã bao lần héo úa rồi lại xanh tươi; trời đất đã bao độ thu đến rồi tàn; bạn học cùng mái trường năm ấy giờ như "bóng phù vân", mỗi người mỗi ngả; bản thân thi sĩ cũng dần bạc mái đầu. Dấu chấm lửng nằm giữa những câu thơ miêu tả thiên nhiên và miêu tả con người không tạo sự ngăn cách giữa hai nhóm đối tượng này, mà như một khoảng lặng thẫn thờ của thi sĩ, chất chứa những ngậm ngùi trước dòng chảy của thời gian.

Tuy vậy, với Hồ Dzếnh, cuộc sống có thay đổi thế nào thì dấu ấn của những kỉ niệm xưa vẫn không phai mờ trong tâm trí:

Hồn xưa dậy: chim cành động nắng,
Lá reo trên hồ lặng lờ trong
Trưa im, im đến não nùng,
Tôi ngờ trống học trong lòng trưa vang...

Người yêu thơ không khó để nhận ra sự đồng điệu về xúc cảm giữa khổ thơ này với những câu thơ "Gì sâu bằng những trưa thương nhớ/ Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!" và "Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh/ Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!" trong bài thơ *Nhớ đồng* của Tố Hữu. Buổi trưa ở xứ nhiệt đới là khoảng thời gian nghỉ ngơi, là quãng lặng giữa hai buổi làm việc

Liên hệ, mở rộng.

trong ngày. Chính quãng lặng của trưa vắng ấy đã trở thành một khoảng thời gian đặc biệt, có thể khiến tâm hồn con người sống dậy những hồi tưởng, hoài niệm. Trong buổi trưa vắng hôm ấy, không rõ tiếng trống làm thức dậy kỉ niệm xưa hay kỉ niệm xưa làm dậy vang tiếng trống trong hồn thi nhân. Dấu chấm lửng cuối bài thơ thể hiện âm vang tiếng trống trường năm xưa còn chưa dứt. Với thi nhân, quá khứ không chỉ là những hoài niệm. Quá khứ vẫn đang hiện hữu trong hiện tại.

Bài thơ được viết bằng ngôn ngữ tự nhiên, mộc mạc và giàu biểu cảm như một tự truyện ngọt ngào, thể hiện những rung cảm nhẹ nhàng mà sâu lắng của tâm hồn thi nhân. Thể thơ song thất lục bát xen kẽ từng cặp câu thơ bảy chữ và cặp câu thơ lục bát đầy biến tấu, giàu vần điệu, ngắt nhịp đa dạng, có khả năng chuyển tải những xúc cảm muôn màu, rất phù hợp để nhà thơ bộc bạch lòng mình. Bài thơ làm sống dậy trong ta những kỉ niệm của tuổi ấu thơ, thuở cắp sách tới trường, khiến ta thêm yêu quý, trân trọng những phút giây mình đã và đang sống.

Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ song thất lục bát.

Người đọc

Những người quan tâm, có nhu cầu tìm hiểu về thể thơ song thất lục bát và tác phẩm thơ được phân tích.

a. *Lựa chọn đề tài*

Nhớ lại các tác phẩm thơ song thất lục bát mà em đã học hoặc đã đọc, chẳng hạn: *Ai tư vãn* (Lê Ngọc Hân), *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến), *Hai chữ nước nhà* (Trần Tuấn Khải), *Đêm khuya tự tình với sông Hương* (Hàn Mặc Tử), *Tiếng đàn mưa* (Bích Khê),... Chọn trong số đó một tác phẩm em cảm thấy thú vị, có nhiều xúc cảm để phân tích.

b. *Tìm ý*

Để tìm ý cho bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát, em cần thực hiện các bước sau:

– Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (nếu có) và những thông tin khác có liên quan để viết phần Mở bài và liên hệ, mở rộng khi phân tích. Ví dụ: Bài viết tham khảo đã sử dụng các thông tin về tác giả Hồ Dzếnh và một số câu thơ trong bài *Nhớ đồng* của Tố Hữu.

– Xác định bố cục của tác phẩm và nội dung chính của từng phần. Ví dụ: Bài thơ *Trưa vắng* gồm 5 khổ thơ, mỗi khổ thể hiện một nội dung cụ thể. Bài viết tham khảo đã phân tích lần lượt từng khổ thơ.

– Xác định những nỗi niềm tâm tư, xúc cảm chủ đạo trong tác phẩm. Ví dụ: Bài thơ *Trưa vắng* là tâm sự của tác giả khi hồi tưởng những kỉ niệm về thời còn đi học.

– Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng để truyền tải nội dung chủ đề như đặc điểm của thể thơ song thất lục bát (vần, nhịp,...), từ ngữ (đặc biệt là các từ ngữ chỉ xúc cảm, trong đó có cả từ tượng thanh, từ tượng hình,...), biện pháp tu từ (điệp thanh, điệp vần, so sánh, ẩn dụ),... Ví dụ: Trong bài viết tham khảo, cách sử dụng dấu chấm lửng, thủ pháp đối, câu hỏi tu từ,... của bài thơ *Trưa vắng* đã được khai thác để làm rõ những nội dung tác giả muốn thể hiện.

Nghị luận về một tác phẩm thơ song thất lục bát, bài viết nên kết hợp phân tích nội dung và nghệ thuật để làm rõ sự hô ứng, hoà quyện của hai phương diện này trong cùng một (hoặc một nhóm) câu thơ. Việc triển khai bài viết sẽ thuận lợi hơn khi lần lượt phân tích theo trình tự các phần của tác phẩm thơ.

c. *Lập dàn ý*

Tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một dàn ý chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhan đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm.

– *Thân bài*: Lần lượt phân tích các phần theo bố cục tác phẩm:

+ Phần 1 (từ câu... đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,... và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+ Phần 2 (từ câu... đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,... và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+ ...

Ngoài cách phân tích tác phẩm theo bố cục, có thể phân tích theo cách lần lượt đi từ nội dung đến hình thức nghệ thuật hoặc ngược lại.

– *Kết bài*: Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

2 VIẾT BÀI

Việc thực hiện bài viết đòi hỏi triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý. Mỗi ý trong phần Thân bài nên được viết thành một đoạn văn. Khi viết, lựa chọn những từ ngữ chính xác, phù hợp, thể hiện được quan điểm và tình cảm của người viết, tránh sử dụng những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì. Nên sử dụng hiệu quả các thông tin ngoài tác phẩm (nếu có), giúp cho việc phân tích các giá trị của tác phẩm được rõ ràng, nổi bật hơn.

Lưu ý: Với trường hợp tác phẩm thơ dài, có thể chỉ trích dẫn ở mỗi phần những câu thơ, đoạn thơ quan trọng và phân tích sâu. Tuỳ điều kiện, thời gian làm bài để có cách xử lí thích hợp.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát và dàn ý đã lập, rà soát các phần để chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo gợi ý ở bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Kiểm tra việc triển khai dàn ý.	– Rà soát xem đã triển khai đầy đủ các ý chưa, nếu thiếu thì phải bổ sung. – Rà soát xem bài viết đã phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật (đặc biệt là đã khai thác những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát) của tác phẩm chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung. – Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Nếu chưa cân đối thì cần điều chỉnh.
Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt.	Chỉnh sửa các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn và văn bản (nếu có).

Nói và nghe

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)

Văn học nảy sinh từ cuộc sống, phản ánh nhiều mặt, nhiều vấn đề của cuộc sống. Em có thể chọn một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ một tác phẩm văn học mà em đã học (hoặc đã đọc) làm đề tài thảo luận. Tham gia thảo luận nhóm sẽ giúp em cải thiện kĩ năng nói trước đám đông và phát triển tư duy phản biện.

1 TRƯỚC KHI THẢO LUẬN

Trước khi thảo luận, em cần thực hiện tốt việc chuẩn bị theo các bước sau:

– Thành lập nhóm và lựa chọn vấn đề đáng quan tâm trong đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc để thảo luận, ví dụ: sức huỷ hoại của chiến tranh, khát vọng hạnh phúc của con người được gợi ra từ tác phẩm *Chinh phụ ngâm*,...

Mục đích thảo luận

Để có cái nhìn đúng đắn, sâu sắc và toàn diện hơn về vấn đề, đồng thời tạo được không khí thân thiện, sự đồng cảm trong một bối cảnh sinh hoạt cụ thể.

Người nghe

Các thành viên tham gia thảo luận và những người tham dự buổi thảo luận do có nhu cầu tìm hiểu về vấn đề.

– Phân công người điều hành (chủ trì) và thư kí (có nhiệm vụ ghi lại nội dung cuộc thảo luận).

– Thống nhất nguyên tắc khi thảo luận: Các thành viên tham gia thảo luận cần tuân thủ sự điều hành của người chủ trì; khi phát biểu cần nói ngắn gọn, rõ ràng, không lặp lại các ý người khác đã trình bày mà cần có sự tiếp nối, phát triển những ý đó một cách hợp lí; người nghe cần lắng nghe với thái độ tôn trọng, không ngắt lời người nói.

– Mỗi người cần nắm nội dung khái quát và các chi tiết trong tác phẩm văn học có liên quan đến vấn đề được lựa chọn để chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. Có thể chuẩn bị thêm tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... để hỗ trợ cho phần trình bày.

2 THẢO LUẬN

– Mở đầu: Người chủ trì nêu vấn đề thảo luận đã được thống nhất ở phần chuẩn bị.

– Triển khai:

+ Theo sự chỉ định của người chủ trì, các thành viên trình bày ý kiến thảo luận với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Chú ý sử dụng ngôn ngữ cơ thể và điều chỉnh ngữ điệu nói cho phù hợp với nội dung trình bày; kết hợp hiệu quả ngôn ngữ nói với các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, đoạn phim ngắn,...

+ Khi một thành viên phát biểu, các thành viên còn lại lắng nghe, ghi chép vắn tắt nội dung ý kiến, đặt câu hỏi, góp ý, phản biện.

+ Thư kí ghi chép nội dung các ý kiến thảo luận thành biên bản.

– Kết thúc: Người chủ trì tổng kết các nội dung chính đã thảo luận; khẳng định ý nghĩa của việc thảo luận về vấn đề trong đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học, cảm ơn sự đóng góp của các thành viên tham gia.

3 ĐÁNH GIÁ

– Đánh giá ý nghĩa của vấn đề thảo luận, chất lượng các ý kiến phát biểu.

– Trao đổi, rút kinh nghiệm về cách sử dụng kết hợp ngôn ngữ nói, ngôn ngữ cơ thể (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) và các phương tiện hỗ trợ; cách tổ chức, điều hành buổi thảo luận.

Củng cố, mở rộng

1. Những nỗi niềm xúc cảm của người chinh phu (*Chinh phụ ngâm*) và khách tha hương (*Tiếng đàn mưa*) có điểm chung nào không? Vì sao?

2. Điều gì khiến thể thơ song thất lục bát có thế mạnh khi thể hiện những nỗi niềm xúc cảm, những khát vọng riêng tư của con người?

3. Tìm đọc một tác phẩm thơ song thất lục bát viết về người phụ nữ. So sánh hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm đó với hình tượng người chinh phụ trong tác phẩm *Chinh phụ ngâm*.

4. Chọn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát mà em yêu thích.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn trích.
- Nội dung chủ đề của đoạn trích.
- Một số nét đặc sắc về nghệ thuật được thể hiện trong đoạn trích.

Nỗi sầu oán của người cung nữ[1]

Trích *Cung oán ngâm khúc*, NGUYỄN GIA THIỀU[2]

Trong cung quế[3] âm thầm chiếc bóng,
Đêm năm canh trông ngóng lần lần.
Khoảnh[4] làm chi bấy chúa xuân,
Chơi hoa cho rữa nhuỵ dần lại thôi.
Lầu đãi nguyệt[5] đứng ngồi dạ vũ[6],
Gác thừa lương[7] thức ngủ thu phong[8].

[1] Đoạn trích thuộc tác phẩm *Cung oán ngâm khúc*, từ câu 209 đến câu 244. Tác phẩm *Cung oán ngâm khúc* gồm 356 câu thơ, kể về nỗi ai oán của người cung nữ tài sắc, lúc đầu được nhà vua sủng ái, nhưng chẳng bao lâu đã bị lạnh nhạt. Trong cung cấm, nàng than thở cho thân phận mình và oán trách nhà vua phụ bạc, muốn thoát khỏi cuộc sống ấy để trở về với cuộc đời tự do trước khi vào cung. Nhưng nàng vẫn tiếp tục bị vây hãm trong "chiếc lồng son" cung điện, tiếp tục phải ôm nỗi buồn đau sầu thảm và oán hờn chất chứa, với hi vọng mong manh đến một ngày lại được nhà vua sủng ái như xưa.

[2] Nguyễn Gia Thiều (1741 – 1798) quê ở xứ Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Ông sáng tác bằng cả chữ Hán (*Ôn Như thi tập*, khoảng một nghìn bài, đã thất truyền) và chữ Nôm (tiêu biểu là *Cung oán ngâm khúc*).

[3] *Cung quế*: theo *Nam bộ yên hoa kí*, vua Trần Hậu Chủ (Trung Quốc) xây cho ái phi Trương Lệ Hoa một cung có cửa sổ tròn như vầng trăng, giữa sân trồng một cây quế, nên về sau từ *cung quế* hay *vách quế* được dùng để chỉ nơi ở của cung phi, người đẹp.

[4] *Khoảnh*: chơi ác, chơi khăm.

[5] *Lầu đãi nguyệt*: lầu đợi trăng, chờ ngắm trăng lên.

[6] *Dạ vũ*: mưa đêm.

[7] *Gác thừa lương*: gác hóng gió mát.

[8] *Thu phong*: gió thu.

Phòng tiêu[1] lạnh ngắt như đồng,
Gương loan[2] bẻ nửa, dải đồng[3] xé đôi.
Chiều ủ dột giấc mai[4] khuya sớm,
Vẻ bâng khuâng hồn bướm[5] vẩn vơ.
Thâm khuê[6] vắng ngắt như tờ,
Cửa châu gió lọt, rèm ngà[7] sương gieo.
Ngấn phượng liễn[8] chòm rêu lỗ chỗ,
Dấu dương xa[9] đám cỏ quanh co.
Lầu Tần[10] chiều nhạt vẻ thu,
Gối loan[11] tuyết đóng, chăn cù[12] giá đông.
Ngày sáu khắc tin mong nhạn vắng[13],
Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền[14].
Lạnh lùng thay giấc cô miên[15],
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u[16].
Tranh biếng ngắm trong đồ tố nữ[17],
Mặt buồn trông trên cửa nghiêm lâu[18].

---

[1] *Phòng tiêu*: phòng ở có vách trát vữa trộn hồ tiêu tán nhỏ (tạo hương thơm và giữ ấm), chỉ nơi ở của người nữ.
[2] *Gương loan*: gương có khắc hình chim loan (thường đặt trong phòng ở của vợ chồng).
[3] *Dải đồng*: dải gấm thắt nút thành từng vòng, ngụ ý vợ chồng đồng tâm gắn bó, quấn quýt yêu thương nhau.
[4] *Giấc mai*: giấc ngủ dưới gốc mai, chỉ giấc mộng đẹp. (Theo *Long thành lục*, Triệu Sư Hùng (người đời Tuỳ, Trung Quốc) khi đi qua núi La Phù thì trời tối, mơ thấy mình vào nghỉ ở một quán ven đường. Chủ quán là một cô gái đẹp xiêm y trắng toát toả hương thơm thoang thoảng mang rượu ra mời. Triệu Sư Hùng uống say, khi tỉnh dậy thấy mình nằm dưới gốc mai hoa trắng, ngát hương, mới biết vừa nằm mộng.)
[5] *Hồn bướm*: tâm hồn mơ màng như trong giấc mộng. (Theo *Trang Tử*, Trang Chu nằm mộng thấy mình hoá thành bướm, bay lượn rất thảnh thơi, tỉnh dậy lại thấy mình là Trang Chu, nên băn khoăn không biết mình là Trang Chu vừa hoá thành bướm, hay là bướm vừa hoá thành Trang Chu.)
[6] *Thâm khuê*: khuê phòng kín đáo, chỉ nơi ở của người nữ.
[7] *Cửa châu, rèm ngà*: cửa treo rèm làm bằng ngọc châu hoặc bằng ngà, chỉ nơi ở của người nữ một cách tao nhã.
[8] *Phượng liễn*: xe kéo tay có hình chim phượng, nhà vua thường dùng để đến chỗ ở của cung nữ; *ngấn phượng liễn*: dấu xe phượng liễn.
[9] *Dương xa*: cỗ xe do dê kéo. (Theo *Tấn thư*, Tấn Vũ Đế có nhiều cung phi, thường ngồi xe do dê kéo (không có người điều khiển) để đến với các cung phi. Xe chạy tới chỗ nào thì vua ở lại đó. Các cung phi muốn được vua sủng ái thường dùng lá trúc rửa nước muối để nhử dê kéo xe tới.)
[10] *Lầu Tần*: lầu của vua Tần, chỉ cung điện của nhà vua nói chung.
[11] *Gối loan*: gối thêu hình chim loan, chỉ gối của vợ chồng.
[12] *Chăn cù*: chăn dệt bằng lông thú, đắp rất ấm.
[13] *Tin mong nhạn vắng*: mong nhưng không nhận được tin. (Theo *Hán thư*, Tô Vũ thời nhà Hán đi sứ Hung Nô bị vua Hung Nô giam giữ, bắt chăn dê ở núi Bắc Hải. Vua Hán không thấy Tô Vũ về bèn hỏi vua Hung Nô, nhưng vua Hung Nô nói dối rằng Tô Vũ đã chết. Vua Hán bèn bày chuyện đi săn, phao tin rằng nhận được thư do Tô Vũ gửi buộc vào chân chim nhạn. Vua Hung Nô tưởng thật, đành thả cho Tô Vũ về. Về sau, "tin nhạn" được dùng để chỉ việc đưa tin, thông báo tin tức.)
[14] *Tiếng lắng chuông rền*: tiếng người yên ắng và tiếng chuông vang rền.
[15] *Cô miên*: giấc ngủ trong nỗi cô đơn.
[16] *Thâm u*: u tối, tù mù.
[17] *Đồ tố nữ*: tranh vẽ những cô gái đẹp.
[18] *Nghiêm lâu*: lầu tôn nghiêm, chỉ nơi vua ở.

Một mình đứng tủi ngồi sầu,
Đã than với nguyệt, lại rầu với hoa.
Buồn mọi nỗi lòng đà[1] khắc khoải,
Ngán trăm chiều bước lại ngẩn ngơ.
Hoa này bướm nỡ thờ ơ,
Để gầy bông thắm để xơ nhuỵ vàng.
Đêm năm canh lần nương vách quế,
Cái buồn này ai dễ giết nhau.
Giết nhau chẳng cái lưu cầu[2],
Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa!
Tay nguyệt lão[3] chẳng xe[4] thì chớ,
Xe thế này có dở dang không?
Đang tay[5] muốn dứt tơ hồng,
Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra!

(*Những khúc ngâm chọn lọc*, tập I, Lương Văn Đang – Nguyễn Thạch Giang – Nguyễn Lộc *giới thiệu, biên khảo và chú giải*, Sđd, tr. 153 – 156)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

(1) *Đà*: đã.
(2) *Lưu cầu*: vốn là tên một hòn đảo, nơi nổi tiếng về nghề rèn dao kiếm; ở đây ý nói không cần dùng dao kiếm mà vẫn có thể giết người.
(3) *Nguyệt lão*: cụ già ngồi dưới trăng, chỉ người làm mối. (Theo *Tục U quái lục*, thời nhà Đường – Trung Quốc, có người tên là Vi Cố trọ ở Tống Thành. Một đêm, Vi Cố đi dạo, gặp một cụ già ngồi dưới trăng xem sách, tựa lưng vào một chiếc túi đựng đầy các sợi chỉ đỏ. Vi Cố hỏi, cụ già cho biết cuốn sách ghi việc hôn nhân và những sợi chỉ đỏ dùng để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ chồng.)
(4) *Xe*: xe duyên.
(5) *Đang tay*: nỡ ra tay, chấp nhận làm một việc mà một người có tình cảm không thể làm.

Bài 3

HỒN NƯỚC NẰM TRONG TIẾNG MẸ CHA[1]

Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ
đã chia sẻ vui buồn với cha ông.

Hoài Thanh

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc" (Hồ Chí Minh). Trải qua cả ngàn năm chịu sự đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc với dã tâm đồng hoá, trong đó có việc huỷ diệt ngôn ngữ, dân tộc Việt vẫn giữ gìn được tài sản vô giá ấy và làm cho nó ngày càng trở nên phong phú, giàu có. Tiếng Việt đã trở thành "ngôi đền" vĩ đại, lưu giữ hồn thiêng của quê hương xứ sở, bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc.
- Đọc hiểu các đoạn trích từ những truyện thơ Nôm tiêu biểu nhất và một bài thơ Nôm nổi tiếng, em sẽ cảm nhận được phần nào sự giàu có, phong phú của tiếng Việt. Các tác giả đã nâng niu, trân trọng tiếng nước mình, để từ đó sáng tạo nên những tác phẩm có sức lay động lòng người, có giá trị nhân văn bền vững. Mỗi tác phẩm là một minh chứng cho vẻ đẹp kì diệu, cho sức sống mãnh liệt của tiếng Việt và tâm hồn dân tộc.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.
- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.
- Có một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ quốc ngữ.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự.
- Tự hào, trân trọng những di sản văn hoá, văn học của dân tộc; có ý thức gìn giữ và phát triển tiếng Việt.

[1] Một câu thơ trích trong bài thơ *Phố Hàng Gai ngắn bên Hồ Kiếm* của Huy Cận.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện thơ Nôm

- Truyện thơ Nôm là thể loại tự sự bằng thơ, được viết bằng chữ Nôm; hình thành vào khoảng thế kỉ XVI – XVII, phát triển mạnh và đạt được nhiều thành tựu to lớn ở cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. Ở giai đoạn đầu, một số truyện thơ Nôm được sáng tác bằng thể thơ Đường luật hoặc song thất lục bát; sau đó các tác giả chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát.

- Truyện thơ Nôm có đề tài, chủ đề rộng mở, phong phú; có giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực sâu sắc. Cốt truyện của truyện thơ Nôm thường được triển khai theo trình tự thời gian với mô hình cơ bản: *gặp gỡ – chia li – đoàn tụ*. Khi tiếp thu nguồn cốt truyện từ văn học dân gian hoặc văn học Trung Quốc, các tác giả truyện thơ Nôm đã có những đóng góp riêng, tạo nên những tác phẩm mới có giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Một số truyện thơ Nôm lấy đề tài từ đời sống thực tế và có cốt truyện do tác giả tự sáng tạo (*Phạm Tải – Ngọc Hoa, Sơ kính tân trang, Truyện Lục Vân Tiên*).

- Nhân vật chính trong truyện thơ Nôm là những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện (hình thể, tâm hồn, đức hạnh, trí tuệ, tài năng,...) nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở, gian nan. Những trắc trở, gian nan ấy không chỉ phản ánh thực trạng xã hội đương thời mà còn là cái "nền" để các tác giả làm nổi bật vẻ đẹp của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Họ hiếu thảo với mẹ cha, thuỷ chung trong tình yêu, giàu lòng nhân hậu và đức hi sinh; đồng thời rất mạnh mẽ, can đảm khi đối diện với những tai hoạ, khổ đau, bất hạnh; dũng cảm, kiên cường đấu tranh để bảo vệ tình yêu, hạnh phúc gia đình, giữ gìn phẩm giá. Nhiều nhân vật đã được khắc hoạ ở cả hai phương diện: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động,...) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,...). Đặc biệt, lời thoại của nhân vật đã được chú ý ở cả hai hình thức: đối thoại và độc thoại. Trong một số tác phẩm, lời thoại đã được cá thể hoá và trở thành phương tiện thể hiện tính cách nhân vật. Nhiều tác giả truyện thơ Nôm đã sử dụng thành công bút pháp tả cảnh ngụ tình để thể hiện thế giới nội tâm nhân vật.

- Truyện thơ Nôm là thể loại có đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học và thể thơ lục bát của dân tộc. Trong các tác phẩm đỉnh cao, ngôn ngữ truyện thơ Nôm giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân, được "tinh chế" bởi ngòi bút tài hoa, điêu luyện của tác giả; thể thơ lục bát được hoàn thiện và đạt tới sự nhuần nhuyễn, không chỉ có khả năng biểu đạt mọi cung bậc tình cảm tinh tế của con người mà còn đảm nhận xuất sắc chức năng kể chuyện.

Lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện

- Lời đối thoại là hình thức thể hiện của lời nhân vật khi đối tượng hướng đến là một hoặc nhiều người tham gia giao tiếp trực tiếp.

- Lời độc thoại là hình thức thể hiện của lời nhân vật khi đối tượng hướng đến không phải là người tham gia đối thoại trực tiếp. Trong kịch, độc thoại được sử dụng để nhân vật tự nói với chính mình, khán giả chỉ là người "nghe trộm", nhờ đó biết được những cảm xúc sâu kín của nhân vật. Trong truyện (bao gồm cả truyện thơ), đặc biệt là trong truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, độc thoại được sử dụng để tái hiện tiếng nói nội tâm hay trạng thái cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. Lúc này, độc thoại được gọi bằng một thuật ngữ xác định hơn là độc thoại nội tâm.

Chữ Nôm và chữ quốc ngữ

- Chữ Nôm là chữ viết cổ dùng để ghi âm tiếng Việt, được ông cha ta sáng tạo dựa theo kí hiệu văn tự Hán. Chữ Nôm được hình thành vào khoảng thế kỉ X và đã được sử dụng để sáng tác thơ văn khoảng từ thế kỉ XII – XIII. Sự ra đời của chữ Nôm thể hiện tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc; đánh dấu bước phát triển vượt bậc về văn hoá và khẳng định vị trí, vai trò của tiếng Việt. Hàn Thuyên được cho là người có công đầu trong việc phát triển, phổ biến chữ Nôm. Nhiều tác giả đã sử dụng chữ Nôm để sáng tạo nên những tác phẩm kiệt xuất, xây dựng những thể loại đặc sắc cho nền văn học trung đại Việt Nam: thơ Nôm Đường luật (Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương,...); truyện thơ Nôm (nhiều tác giả khuyết danh, Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Du, Phạm Thái, Nguyễn Đình Chiểu,...); ngâm khúc (Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Nhạ,...); hát nói[1] (Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Chu Mạnh Trinh,...).

- Chữ quốc ngữ là chữ viết dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt. Chữ quốc ngữ được hình thành từ đầu thế kỉ XVII, trong quá trình các tu sĩ Dòng Tên[2] truyền đạo Công giáo tại Việt Nam. Trong đó, những người có công lớn nhất là giáo sĩ Phran-xít-xcô đờ Pi-na[3] (Francisco de Pina) và giáo sĩ A-lếch-xăng đờ Rốt[4] (Alexandre de Rhodes). Nhiều trí thức người Việt đã có đóng góp quan trọng trong việc truyền bá, phổ biến chữ quốc ngữ thời kì đầu như: Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của,... Sau khi ra đời, chữ quốc ngữ được chỉnh lí, thay thế dần chữ Hán và chữ Nôm; từ năm 1945, có vị thế văn tự chính thức của quốc gia.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Kim – Kiều gặp gỡ* (trích *Truyện Kiều*), Nguyễn Du

VĂN BẢN 2. *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*), Nguyễn Đình Chiểu

VĂN BẢN 3. *Tự tình (bài 2)*, Hồ Xuân Hương

---

(1) *Hát nói*: thể thơ được dùng để sáng tác phần lời cho bài hát ca trù; số câu trong bài, số chữ trong các câu, cách gieo vần,... của bài hát nói tương đối tự do.

(2) *Dòng Tên* (còn gọi là Dòng Chúa Giê-su): một dòng tu của Giáo hội Công giáo, được Giáo Hoàng phê chuẩn năm 1540.

(3) Phran-xít-xcô đờ Pi-na (1585 – 1625) là giáo sĩ người Bồ Đào Nha, đến Đàng Trong năm 1617, người có công sáng tạo chữ quốc ngữ.

(4) A-lếch-xăng đờ Rốt (1593 – 1660) là giáo sĩ người Pháp, đến Đàng Trong năm 1624, người có công hoàn thiện và phổ biến chữ quốc ngữ.

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc bộ phim có câu chuyện tình yêu để lại cho em ấn tượng đẹp.

ĐỌC VĂN BẢN

Kim – Kiều gặp gỡ[1]

Trích *Truyện Kiều*[2], NGUYỄN DU

Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách[3] đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
Hài văn[4] lần bước dặm xanh[5],
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao[6].
Chàng Vương[7] quen mặt ra chào,
Hai kiều e lệ nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh[8].

Theo dõi

Sự xuất hiện của nhân vật Kim Trọng.

---

[1] Nhan đề đoạn trích do người biên soạn đặt.

[2] *Truyện Kiều* có tên chữ là *Đoạn trường tân thanh* (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột), được sáng tác bằng thể loại truyện thơ Nôm, gồm 3 254 câu thơ lục bát. Cốt truyện được triển khai thành ba phần: *gặp gỡ – chia li – đoàn tụ*, kể về cuộc đời chìm nổi của Thuý Kiều, một người con gái tài sắc, đức hạnh vẹn toàn. Phần *gặp gỡ* giới thiệu gia đình họ Vương, ca ngợi tài sắc chị em Thuý Kiều, Thuý Vân; miêu tả sự kiện Thuý Kiều và Kim Trọng gặp gỡ, tương tư, hẹn hò, đính ước, thề nguyền. Phần *chia li* kể về mười lăm năm lưu lạc của Thuý Kiều. Ngay khi Kim Trọng phải về quê hộ tang chú thì gia đình Thuý Kiều mắc nạn. Thuý Kiều nhờ Thuý Vân trả nghĩa cho Kim Trọng, còn nàng quyết bán mình cứu cha. Kiều bị Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh lừa đẩy vào lầu xanh của Tú Bà. Sau đó nàng được Thúc Sinh chuộc về làm vợ lẽ nhưng bị vợ cả là Hoạn Thư ghen tuông, hành hạ nên phải trốn đi; rồi nàng lại bị Bạc Bà, Bạc Hạnh lừa bán vào lầu xanh. Ở đây, Kiều gặp được Từ Hải, một người anh hùng hào hiệp, nghĩa khí. Từ Hải cưới Kiều, giúp nàng đền ơn, báo oán. Nhưng chàng bị quan tổng đốc Hồ Tôn Hiến lừa gạt dụ hàng rồi bội ước; Từ Hải chết, Thuý Kiều tự vẫn ở sông Tiền Đường. Nàng được sư Giác Duyên cứu sống, cho nương nhờ ở Chiêu Ẩn am. Sau nửa năm về quê chịu tang chú, Kim Trọng trở lại, biết tin người yêu cùng gia đình mắc nạn, vô cùng xót thương, đau đớn. Dù đã nên duyên cùng Thuý Vân nhưng Kim Trọng luôn nhớ thương và kiên trì lặn lội, kiếm tìm Thuý Kiều. Phần *đoàn tụ* kết thúc ở sự kiện Thuý Kiều được đoàn viên cùng gia đình, cùng chàng Kim nối lại mối duyên xưa nhưng là duyên bầu bạn.

Đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ* nằm ở phần 1 của cốt truyện (*gặp gỡ*) từ câu 141 đến câu 184: Nhân tiết Thanh minh, Thuý Kiều cùng hai em du xuân, tình cờ gặp ngôi mộ của Đạm Tiên, một ca nữ nổi danh tài sắc mà bạc mệnh. Thuý Kiều đã bày tỏ niềm cảm thương sâu sắc cho thân phận Đạm Tiên. Cũng ở đây, nàng đã gặp Kim Trọng, giữa hai người lập tức nảy sinh tình cảm yêu thương, quyến luyến. Thuý Kiều trở về nhà với tâm trạng "ngổn ngang trăm mối".

[3] *Khách*: chỉ Kim Trọng.

[4] *Hài văn*: giầy có thêu những đường vân nổi.

[5] *Dặm xanh*: chỉ lối đi trên bãi cỏ xanh.

[6] *Cây quỳnh cành dao*: quỳnh và dao là hai giống cây cảnh thường được trồng cùng nhau; ở đây ý nói khi Kim Trọng bước đi thì cảnh vật xung quanh cũng như bừng lên vẻ đẹp tươi sáng, hài hoà.

[7] *Chàng Vương*: Vương Quan, em trai của Thuý Kiều và Thuý Vân.

[8] *Nhà trâm anh*: nhà quyền quý.

Nền phú hậu bậc tài danh[1],
Văn chương nết đất thông minh tính trời[2].
Phong tư tài mạo tót vời[3],
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa[4].
[...] Bóng hồng[5] nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan thu cúc[6] mặn mà cả hai.
Người quốc sắc[7] kẻ thiên tài[8],
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê.
Rốn ngồi[9] chẳng tiện dứt về chỉn khôn[10].
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa người còn nghé theo.
Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
Kiều từ trở gót trướng hoa[11],
Mặt trời gác núi chiêng đà thu không[12].
Gương nga[13] chênh chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước[14] cây lồng bóng sân.
Hải đường lả ngọn đông lân[15],
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời:



Theo dõi

Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảm xúc, tâm trạng của các nhân vật.

Hình dung

Bức tranh thiên nhiên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(1) *Nền phú hậu*: nền nếp gia đình giàu có; *bậc tài danh*: người tài giỏi, nổi tiếng.
(2) *Văn chương nết đất*: theo quan niệm xưa, một người có tài năng đặc biệt (ở đây là tài năng văn chương) là do linh khí, mồ mả tổ tiên hun đúc nên; *thông minh tính trời*: trí thông minh do trời phú cho.
(3) *Phong tư*: dáng điệu, phong thái; *tài mạo*: vẻ mặt thông minh, tuấn tú; *tót vời*: hơn hết thảy, tột đỉnh.
(4) *Vào trong phong nhã*: chỉ tính cách phong lưu, tao nhã; *ra ngoài hào hoa*: chỉ việc giao tiếp rộng rãi, ứng xử lịch sự, hào hiệp.
(5) *Bóng hồng*: chỉ người con gái.
(6) *Xuân lan thu cúc*: ý nói hai chị em Thuý Kiều, Thuý Vân mỗi người có một vẻ đẹp riêng (như hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu).
(7) *Người quốc sắc*: người có sắc đẹp nổi tiếng trong cả nước, chỉ Thuý Kiều.
(8) *Kẻ thiên tài*: người có tài năng đặc biệt được trời phú cho, chỉ Kim Trọng.
(9) *Rốn ngồi*: ngồi nán lại.
(10) *Chỉn khôn*: thật là khó.
(11) *Trướng hoa*: trướng có thêu hoa, chỉ phòng riêng của người con gái.
(12) *Thu không*: tín hiệu đóng cửa thành lúc gần tối (tiếng trống hoặc chiêng).
(13) *Gương nga*: chỉ vầng trăng.
(14) *Vàng gieo ngấn nước*: ánh trăng vàng chiếu rọi xuống mặt nước.
(15) *Đông lân*: nhà hàng xóm phía đông.

"Người mà đến thế thì thôi[1],
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!
Người đâu gặp gỡ làm chi[2],
Trăm năm biết có duyên gì hay không?"
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu[3] ngụ trong tính tình.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, Nguyễn Thạch Giang *khảo đính và chú giải*, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1991, tr. 27 – 30)

Theo dõi

Lời người kể chuyện và lời nhân vật.

SAU KHI ĐỌC



- **Nguyễn Du** (1765 – 1820) quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc đời Nguyễn Du gắn với một thời đại lịch sử đầy biến động nên trải nhiều thăng trầm. Ông không chỉ có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú, am hiểu sâu sắc về con người mà còn có trái tim mang nặng nỗi thương đời.

Nguyễn Du để lại một sự nghiệp văn chương quý giá, gồm có: ba tập thơ chữ Hán (*Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục*) và một số tác phẩm chữ Nôm (*Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu, Thác lời trai phường nón, Văn tế thập loại chúng sinh, Truyện Kiều*). Với những đóng góp to lớn ở cả hai bộ phận sáng tác chữ Hán và chữ Nôm, Nguyễn Du được suy tôn là đại thi hào của dân tộc. Năm 2013, Nguyễn Du được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm 250 năm ngày sinh của ông.

- *Truyện Kiều* là kiệt tác của Nguyễn Du và của nền văn học dân tộc. Nguyễn Du đã sử dụng cốt truyện từ tiểu thuyết *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) để sáng tạo nên một tác phẩm mới. Ông đã sáng tác *Truyện Kiều* bằng ngôn ngữ, thể loại văn học của dân tộc; với cảm hứng trước "những điều trông thấy" và ngòi bút của một thiên tài.

Truyện Kiều có giá trị nhân đạo lớn lao và giá trị hiện thực sâu sắc. Nguyễn Du đã bày tỏ nỗi xót thương, đồng cảm với những số phận bi kịch; khẳng định, đề cao vẻ đẹp, quyền sống và những khát vọng chính đáng của con người (tình yêu, hạnh phúc, tự do và công lí,...). Nhà thơ cũng tố cáo, lên án thực trạng của một xã hội mà đồng tiền và cái ác "lên ngôi".

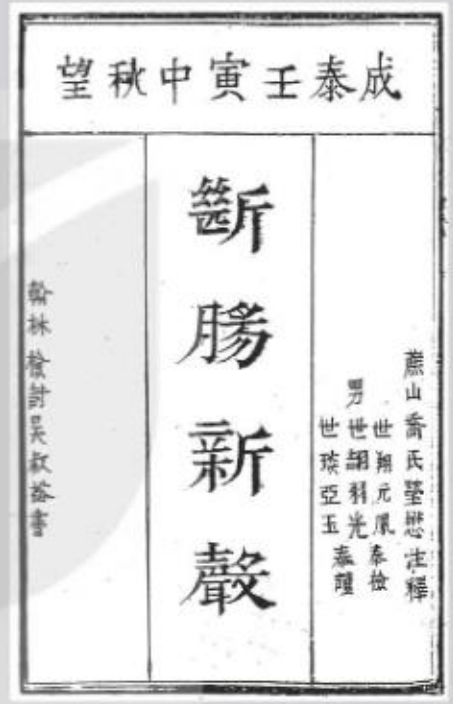
---

(1) *Người mà đến thế thì thôi*: chỉ Đạm Tiên, được chôn ở ngôi mộ mà Thuý Kiều và hai em tình cờ gặp trong ngày Thanh minh.
(2) *Người đâu gặp gỡ làm chi*: chỉ Kim Trọng.
(3) *Câu tuyệt diệu*: chỉ câu thơ hay tuyệt, ẩn chứa ý tình của Thuý Kiều.

Truyện Kiều của Nguyễn Du đạt được nhiều thành tựu lớn về nghệ thuật: xây dựng nhân vật, kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ và thể thơ,... Nguyễn Du đã tổ chức lại cốt truyện, lược bỏ hoặc thay đổi trình tự nhiều chi tiết, sự kiện. Các nhân vật trong *Truyện Kiều* được miêu tả qua ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, diễn biến nội tâm. Thế giới nội tâm nhân vật được thể hiện bằng ngôn ngữ đối thoại và độc thoại, bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình,... Đặc biệt, *Truyện Kiều* đánh dấu bước phát triển vượt bậc của ngôn ngữ văn học dân tộc và sự hoàn thiện của thể thơ lục bát truyền thống.

Em có biết?

- *Truyện Kiều* đã hoà nhập vào đời sống tinh thần của dân tộc, hình thành nên những sinh hoạt văn hoá, văn học độc đáo của người Việt như *vịnh Kiều, lẩy Kiều, đố Kiều*,...
- *Truyện Kiều* đã được dịch ra khoảng hai mươi ngôn ngữ với hơn bảy mươi bản dịch.


成泰壬寅中秋望
斷腸新聲
藝林檢討吳敬梓著
藍山喬氏鑒懋注釋
世翔元凰參校
男世翊羽光
世琦亞玉
世理

Bìa cuốn *Đoạn trường tân thanh*, bản in năm Nhâm Dần (1902), đời vua Thành Thái

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đoạn trích có những nhân vật nào và kể về sự việc gì?

2. Ở mười hai dòng thơ đầu, nhân vật Kim Trọng được giới thiệu và miêu tả bằng lời của ai? Qua đó, em hình dung được những gì về nhân vật?

3. Trong mười dòng thơ tiếp theo, Nguyễn Du đã tập trung miêu tả cảm xúc, tâm trạng của những nhân vật nào? Phân tích từ ngữ tiêu biểu được tác giả sử dụng để thể hiện cảm xúc, tâm trạng của các nhân vật đó.

4. Trong mười bốn dòng thơ cuối, Nguyễn Du đã sử dụng nhiều phương tiện (lời người kể chuyện, lời nhân vật, bút pháp tả cảnh ngụ tình) để thể hiện thế giới nội tâm của nhân vật Thuý Kiều. Em hãy:

a. Phân tích đặc điểm của bức tranh thiên nhiên (thời gian, không gian, sự vật). Miêu tả bức tranh thiên nhiên ấy, tác giả muốn thể hiện trạng thái cảm xúc nào ở nhân vật?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. Chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật. Lời nhân vật được thể hiện ở hình thức nào và điều gì giúp em nhận biết hình thức ngôn ngữ đó?

c. Cho biết nhân vật đã bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ gì trong lời nói của mình.

5. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Du trong đoạn trích.

6. Nêu chủ đề của đoạn trích; qua đó, nhận xét về tư tưởng, tình cảm của tác giả.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích 2 – 4 dòng thơ miêu tả thiên nhiên mà em cho là đặc sắc trong đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ*.

Thực hành tiếng Việt

CHỮ NÔM

1 Theo em, với việc sáng tạo chữ Nôm, ông cha ta đã thể hiện những tư tưởng, khát vọng gì?

2 Các tác giả văn học trung đại Việt Nam đã sử dụng chữ Nôm để sáng tạo nhiều tác phẩm đặc sắc cho nền văn học dân tộc. Hãy kể tên một số tác phẩm mà em biết.

3 Em đọc *Truyện Kiều* thông qua văn tự nào? Theo em, hiện nay *Truyện Kiều* có cần được lưu truyền bằng hình thức văn tự mà Nguyễn Du đã dùng để sáng tác không? Vì sao?

Sơ giản về chữ Nôm

- Chữ Nôm là hệ thống chữ viết căn bản theo nguyên tắc ghi âm (ghi âm tiết). Chữ Nôm được cấu tạo theo hai phương thức chính:

– Phương thức vay mượn: Dùng một chữ Hán có sẵn để ghi một âm tiết tiếng Việt giống hoặc gần với âm Hán Việt của chữ Hán đó. Ví dụ: chữ 女 âm Hán Việt đọc là *nữ*, âm Nôm có thể đọc là *nữ* hoặc *nỡ, nữa, nhỡ, lỡ*; chữ 皮 âm Hán Việt đọc là *bì*, âm Nôm có thể đọc là *bì* hoặc *bìa, bầy, bể, vào, vừa,...*

– Phương thức tự tạo: Kết hợp kí hiệu văn tự Hán với kí hiệu chỉnh âm để tạo ra một chữ Nôm. Ví dụ: chữ 𠊛 (*vào*) là sự kết hợp của kí hiệu 包, âm đọc Hán Việt là *bao* với kí hiệu chỉnh âm 入 (*nhập*, có nghĩa là *vào*).

- Chữ Nôm bảo tồn được nhiều chứng tích của tiếng Việt cổ xưa. Nhờ có chữ Nôm, nhiều tác phẩm văn học được lưu truyền ở cả hình thức văn tự và truyền miệng. Nhưng chữ Nôm có hạn chế lớn là muốn đọc được phải có hiểu biết về chữ Hán. Hiện nay, nhiều tác phẩm sáng tác bằng chữ Nôm đã được chuyển đổi hình thức văn tự thành chữ quốc ngữ.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Nhân vật anh hùng mà em yêu thích là ai? Điều gì ở nhân vật ấy gây ấn tượng nhất với em?

ĐỌC VĂN BẢN

Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga[1]

Trích *Truyện Lục Vân Tiên*[2], NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô.
Kêu rằng: "Bớ đảng hung đồ[3],
Chớ quen làm thói hồ đồ[4] hại dân".
Phong Lai mặt đỏ phừng phừng:
"Thằng nào dám tới lẫy lừng[5] vào đây?
Trước gây việc dữ tại mầy[6],
Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng".

Theo dõi

Hành động và lời nói của Lục Vân Tiên.

[1] Nhan đề do người biên soạn đặt.

[2] *Truyện Lục Vân Tiên* gồm 2 082 câu thơ lục bát (số lượng câu thơ có sự khác nhau giữa các bản in), kể về Lục Vân Tiên, một chàng trai khôi ngô tuấn tú, văn võ song toàn. Trên đường đi thi, Lục Vân Tiên đã ra tay trừng trị bọn cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. Nàng mời Lục Vân Tiên về nơi cha mình đang làm quan để được đền ơn cứu mạng nhưng chàng từ chối. Kiều Nguyệt Nga tự nguyện gắn bó suốt đời với Lục Vân Tiên, nàng vẽ một bức chân dung chàng và luôn mang theo bên mình.

Sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin mẹ mất liền trở về quê chịu tang; trên đường về, chàng bị đau mắt nặng, rồi mù cả hai mắt. Lục Vân Tiên bị Trịnh Hâm lừa đẩy xuống sông nhưng được giao long cứu và được gia đình ông Ngư cưu mang. Sau đó, chàng bị cha con Võ Công bội ước, hãm hại, đem bỏ vào hang sâu; Lục Vân Tiên được Du thần và ông Tiều cứu giúp.

Nghe tin Lục Vân Tiên đã chết, Kiều Nguyệt Nga rất đau khổ và thề sẽ thủ tiết suốt đời. Nàng từ chối lời cầu hôn của con trai Thái sư đương triều, khiến tên Thái sư nổi giận, tâu vua bắt Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua. Khi thuyền tới biên giới, nàng ôm tấm hình Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử và được Phật Bà Quan Âm cứu, đưa nàng dạt vào vườn nhà họ Bùi. Bùi Kiệm muốn ép Kiều Nguyệt Nga lấy hắn nên nàng phải trốn vào rừng, nương náu ở nhà một bà cụ làm nghề dệt vải.

Lục Vân Tiên được tiên cho thuốc, mắt sáng lại, trở về thăm cha và qua thăm cha của Kiều Nguyệt Nga. Chàng lại đi thi, đỗ trạng nguyên, rồi được nhà vua cử đi dẹp giặc Ô Qua. Vân Tiên thắng giặc nhưng bị lạc trong rừng và gặp lại Kiều Nguyệt Nga. Chàng trở về triều, tâu vua hết sự tình. Những kẻ gian ác bị trừng trị; Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được đoàn tụ, hạnh phúc.

Đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga* nằm ở phần đầu của tác phẩm, từ câu 123 đến câu 180, kể lại sự việc Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga.

[3] *Đảng hung đồ*: nhóm những kẻ tàn ác, lũ hung bạo; ở đây chỉ bọn cướp do Phong Lai cầm đầu.

[4] *Thói hồ đồ*: thói càn bậy.

[5] *Lẫy lừng*: nổi tiếng tới mức khắp nơi ai cũng biết; ở đây dùng với nghĩa là ầm ĩ, hung hăng.

[6] *Mầy*: mày.

Vân Tiên tả đột hữu xông[1],
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang[2].
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong[3].
Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,
Hỏi: "Ai than khóc ở trong xe nầy?"
[...] Thưa rằng: "Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con nầy tì tất[4] tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
Sai quân đem bức thơ[5] về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia[6].
Làm con đâu dám cãi cha,
Ví dầu ngàn dặm đường xa cũng đành[7].
Chẳng qua là sự bất bình,
Hay vầy[8] cũng chẳng đăng trình[9] làm chi.
Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.
Trước xe quân tử[10] tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.
Chút tôi liễu yếu đào[11] thơ,
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần[12].
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.

Hình dung

Hình ảnh Lục Vân Tiên giữa vòng vây của bọn cướp.

Theo dõi

Lời nói của nhân vật Kiều Nguyệt Nga.



---

(1) *Tả đột hữu xông*: đánh mạnh ở cả bên trái, bên phải, thể hiện thế tấn công, tung hoành dũng mãnh.
(2) *Triệu Tử*: Triệu Vân, hiệu là Tử Long, một dũng tướng của Lưu Bị thời Tam quốc, nổi tiếng võ nghệ cao cường; *Đương Dang*: Đương Dương (địa danh nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), nơi diễn ra trận đánh ác liệt giữa Tào Tháo và Lưu Bị. (Lưu Bị thua trận, phải bỏ cả vợ con, chạy về phía nam; Triệu Tử Long một mình phá vòng vây, tung hoành giữa hàng vạn quân của Tào Tháo, cứu được A Đẩu, con trai duy nhất của Lưu Bị.)
(3) *Thân vong*: mất mạng, chết.
(4) *Tì tất*: người hầu gái.
(5) *Bức thơ* (từ địa phương): bức thư.
(6) *Nghi gia*: gả chồng.
(7) Không trái lời được, phải nghe theo.
(8) *Hay vầy*: biết như vậy.
(9) *Đăng trình*: lên đường đi xa.
(10) *Quân tử*: từ phụ nữ thời xưa dùng để gọi người đàn ông với ý tôn trọng.
(11) *Liễu, đào*: ẩn dụ chỉ người phụ nữ mềm yếu, mong manh; ở đây thể hiện ý khiêm nhường.
(12) Chỉ việc gặp phải bọn cướp.

Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có bạc vàng cũng không.
Gẫm câu báo đức thù công[1],
Lấy chi cho phỉ[2] tấm lòng cùng ngươi".
Vân Tiên nghe nói liền cười:
"Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi[3],
Làm người thế ấy cũng phi[4] anh hùng".

Theo dõi

Lời đáp của Lục Vân Tiên.

(*Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, tập I,
Ca Văn Thỉnh – Nguyễn Sĩ Lâm – Nguyễn Thạch Giang *biên khảo và chú giải*,
NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980, tr. 97 – 100)

SAU KHI ĐỌC



• **Nguyễn Đình Chiểu** (1822 – 1888) quê gốc ở tỉnh Thừa Thiên (nay là thành phố Huế) nhưng được sinh ra ở quê mẹ là phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Ông đỗ tú tài năm 1843, năm 1849 ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì mẹ mất, phải về Gia Định chịu tang. Trên đường về, Nguyễn Đình Chiểu ốm nặng, bị mù cả hai mắt. Ở quê mẹ, ông dạy học và bốc thuốc. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Nguyễn Đình Chiểu đã tham gia phong trào kháng chiến chống giặc. Ông là tấm gương mẫu mực về nghị lực sống phi thường, khí tiết thanh cao và lòng yêu nước tha thiết, mãnh liệt.

Nguyễn Đình Chiểu để lại một di sản văn chương quý giá, gồm các tác phẩm truyện thơ Nôm: *Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp*; một số bài văn tế và thơ Đường luật. Năm 2021, Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm 200 năm ngày sinh của ông.

• *Truyện Lục Vân Tiên* ngợi ca những con người hiếu thảo, nhân hậu, thuỷ chung, nghĩa khí; lên án những kẻ phi nghĩa, bất nhân; thể hiện khát vọng công lí và ước mơ của nhân dân về mẫu người anh hùng "cứu khốn, phò nguy". Tác phẩm cũng kết tinh nhiều thành tựu nghệ thuật: xây dựng được nhiều nhân vật có tính cách rõ nét, sinh động; ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của nhân dân; kết hợp tính cổ điển, bác học với chất dân gian và đậm đà màu sắc Nam Bộ.

---

[1] *Báo đức thù công*: báo đáp ơn đức, đền trả công lao.
[2] *Phỉ*: thoả mãn, mãn nguyện.
[3] *Kiến nghĩa bất vi*: thấy việc nghĩa mà không làm, trích từ câu *Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã* (Thấy việc nghĩa mà không làm không phải là người có dũng khí) trong *Luận ngữ*.
[4] *Phi*: không phải.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định bố cục của đoạn trích và nêu nội dung chính của từng phần.

2. Hãy chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời đối thoại của các nhân vật trong đoạn trích.

3. Đọc mười bốn dòng thơ đầu và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Chỉ ra lí do khiến Lục Vân Tiên quyết định ra tay trừng trị bọn cướp.

b. Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu thể hiện tính cách của nhân vật Lục Vân Tiên.

c. Cho biết người kể chuyện thể hiện thái độ, tình cảm như thế nào đối với nhân vật Lục Vân Tiên.

4. Nêu cảm nhận của em về nhân vật Kiều Nguyệt Nga. Những từ ngữ, hình ảnh nào khiến em có cảm nhận như vậy?

5. Câu nói nào của Lục Vân Tiên đã thể hiện quan niệm của nhân vật về người anh hùng? Em có đồng tình với quan niệm đó không? Vì sao?

6. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong đoạn trích.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích nét tính cách mà em yêu thích ở một nhân vật trong đoạn trích.

Thực hành tiếng Việt

CHỮ QUỐC NGỮ

1 Dựa vào thông tin trong bài 3 và từ các nguồn tài liệu tham khảo, thực hiện những yêu cầu sau:

a. Nêu một số điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của chữ quốc ngữ.

b. Chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau cơ bản nhất giữa chữ quốc ngữ và chữ Nôm.

2 Theo em, việc chuyển đổi từ chữ Nôm sang chữ quốc ngữ đã có tác động như thế nào đối với đời sống văn hoá, xã hội của nước ta?

Sơ giản về chữ quốc ngữ

- Chữ quốc ngữ là hệ thống chữ viết ghi âm, dùng các con chữ trong chữ viết La-tinh để ghi tiếng Việt; giữa chữ và âm, giữa cách viết và cách đọc có sự tương ứng. Chỉ cần học thuộc bảng chữ cái và nắm được cách ghép vần là có thể đọc được tất cả các chữ (tiếng) trong tiếng Việt. Nhờ vậy, chữ quốc ngữ giúp cho việc học tiếng Việt dễ dàng hơn, góp phần phát triển đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội,... của đất nước.

3 Tìm một số ví dụ cho thấy trong chữ quốc ngữ hiện nay có trường hợp một âm được viết bằng những con chữ khác nhau (tương tự trường hợp âm /k/ được viết bằng 3 con chữ: k, q, c).

4 Trao đổi về những lỗi chính tả thường gặp và thử xác định lí do của việc mắc những lỗi đó.

• Hiện nay, chữ quốc ngữ đã đạt tới sự ổn định về hình thức và được coi là hoàn thiện. Tuy còn tồn tại một số trường hợp không có mối quan hệ một đối một giữa âm và chữ (ví dụ: âm /k/ được viết bằng 3 con chữ: k (trong *kỉ*, *kẻ*, *kể*), q (trong *quý*, *qua*, *quê*), c (trong *cá*, *cơm*, *còn*); ngược lại, một con chữ như a có thể dùng để ghi âm /a/ (trong *tai*, *cao*,...) hoặc âm /ă/ (trong *tay*, *cau*,...);...) nhưng những "vênh lệch" đó không gây khó khăn đáng kể nào đối với người học và người dùng tiếng Việt. Trong nhiều thập kỉ qua, đã có một số nỗ lực cải tiến chữ quốc ngữ với mong muốn làm cho chữ quốc ngữ chặt chẽ hơn, tiện dụng hơn nhưng chưa mang lại kết quả.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Tự tình
(Bài 2)

HỒ XUÂN HƯƠNG

Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom[1],
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.
Mõ thảm không khua mà cũng cốc[2].
Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om[3]?
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ,
Sau giận vì duyên để mõm mòm[4].
Tài tử văn nhân[5] ai đó tá?
Thân này đâu đã chịu già tom[6]!

(Hồ Xuân Hương, *Thơ và đời*,
Lữ Huy Nguyên *tuyển, soạn, giới thiệu*, NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr. 38)

[1] *Bom*: giàn cao, nơi gà đậu hoặc nơi đặt bu gà trên thuyền.
[2] *Cốc*: từ mô phỏng âm thanh của tiếng mõ.
[3] *Om:* vang to, ồn ào.
[4] *Mõm mòm*: quá độ chín, ý nói duyên phận lỡ làng.
[5] *Tài tử văn nhân*: chỉ người có học thức, tài hoa, tao nhã (*tài tử*: người đàn ông có tài; *văn nhân*: người có học thức, có tài văn chương).
[6] *Già tom*: già sọm đi, héo hon, hom hem.

SAU KHI ĐỌC

- **Hồ Xuân Hương** (1772 – 1822) quê ở huyện Quỳnh Lưu, trấn Nghệ An, nay là tỉnh Nghệ An. Tên tuổi Hồ Xuân Hương gắn liền với nhiều bài thơ Nôm được truyền tụng (*Thiếu nữ ngủ ngày, Vịnh cái giếng, Vịnh quạt, Vịnh hang Thánh Hoá, Mời trầu, Bánh trôi nước*,...) và tập *Lưu hương kí*. Năm 2021, Hồ Xuân Hương được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm 250 năm ngày sinh của bà.

Thơ Nôm Hồ Xuân Hương có phong cách rất độc đáo: khác biệt so với thơ ca bác học đương thời, gần gũi với ngôn ngữ và tinh thần thơ ca dân gian, trong đó nổi bật là tính đa nghĩa độc đáo của ngôn ngữ và hình tượng thơ, sự đan cài giữa tiếng nói trữ tình sâu lắng và tiếng cười trào lộng sảng khoái thường thấy trong ca dao hài hước hoặc truyện tiếu lâm. Thơ Hồ Xuân Hương góp phần quan trọng vào việc hình thành, khẳng định những giá trị nhân văn đặc sắc của văn học trung đại Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX. Đó là thái độ phản kháng đối với tư tưởng nam quyền và định kiến xã hội về nữ giới, cảm thông với thân phận người phụ nữ, tôn vinh vẻ đẹp hình thể, phẩm chất và bản lĩnh của họ. Đó còn là tinh thần đề cao tình yêu sự sống tự nhiên, tán đồng và cổ vũ những khát vọng táo bạo, chính đáng của con người.

- Chùm thơ *Tự tình* gồm ba bài, kết tinh nhiều nét đặc sắc về tư tưởng và nghệ thuật của thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Theo nhiều tài liệu, bài thơ trên đây được xem là bài số 2 trong chùm thơ đó.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định thể thơ, đề tài và bố cục của bài thơ.

2. Hai câu đề miêu tả thời gian, không gian nào và gợi tâm trạng gì?

3. Hai câu thực và hai câu luận thể hiện những trạng thái cảm xúc nào?

4. Chỉ ra sự chuyển mạch cảm xúc của bài thơ trong hai câu thơ kết.

5. Nêu chủ đề của bài thơ. Chủ đề đó giúp em hiểu thêm điều gì về tư tưởng, tình cảm của tác giả?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Viết

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay)

Trong phần Đọc, em đã được học các tác phẩm tiêu biểu của nền văn học trung đại Việt Nam. Ở đó, có những con người đã đối diện với nhiều vấn đề của thân phận, của thời đại một cách thành thực, can đảm; thể hiện những quan niệm nhân sinh sâu sắc. Em hãy lấy nguồn cảm hứng từ những thông điệp có ý nghĩa lâu bền ấy để bày tỏ suy nghĩ, quan điểm về một vấn đề cần phải giải quyết của thế hệ mình trong xã hội hiện đại.

Yêu cầu:

- Giới thiệu được vấn đề nghị luận (một vấn đề cần giải quyết trong đời sống của học sinh hiện nay).
- Trình bày được ý kiến bàn luận về vấn đề với hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực.
- Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lí lẽ sắc bén.
- Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

Phân tích bài viết tham khảo

Trưởng thành qua nỗi buồn

Trái đất luôn có ngày và đêm, cũng như con người luôn có niềm vui và nỗi buồn song hành trên mỗi bước đường đời. Dù không được ai chào đón, những nỗi buồn vẫn cứ đến và trở thành một phần tất yếu của cuộc sống. Chúng ta không thể chối từ kẻ "không mời mà đến" kia nhưng hoàn toàn có thể chủ động lựa chọn cách "đón tiếp" nó. Lo lắng, sợ hãi, né tránh hay bình tĩnh, vững vàng, can đảm đối diện với nỗi buồn? Để cho nỗi buồn dẫn dắt, chi phối, vùi lấp chúng ta hay biến nó thành "bài tập" để trưởng thành? Đó là những câu hỏi mỗi chúng ta cần tự trả lời.

Giới thiệu vấn đề nghị luận.

Tôi đã và sẽ luôn chọn cách trưởng thành qua nỗi buồn! Với tôi, trưởng thành qua nỗi buồn không bao giờ là con đường bằng phẳng, dễ dàng. Tất nhiên, có những nỗi buồn trong sáng, man mác như làn gió nhẹ khiến ta nhận ra mình "đang lớn khôn". Nhưng ở đây, tôi muốn nói đến nỗi buồn nảy sinh từ những thất bại, đổ vỡ, nghịch cảnh, tai hoạ; có thể khiến chúng ta chán nản, thất vọng, đau khổ,

Trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề.

day dứt, oán giận,... Để có thể biến những nỗi buồn ấy thành cơ hội trưởng thành, tôi đã học cách "chấp nhận" và can đảm đối diện với nó. Trước đây, tôi thường giấu kín nỗi buồn vì cảm thấy tự ti, sợ hãi và muốn "chạy trốn" nó. Cũng có lúc tôi chán nản, giận dữ với tất cả những ai liên quan đến nỗi buồn khổ của tôi. Tôi quay cuồng trong những câu hỏi: Tại sao điều đó lại xảy ra với mình? Vì sao mình lại phải gánh chịu nỗi buồn khổ này? Sao người ta có thể đối xử như thế với mình? Nhiều khi, tôi tự mắng mỏ, trách móc bản thân. Rốt cuộc, tâm trạng chỉ càng thêm u ám, nặng nề. Nhưng rồi tôi hiểu ra rằng, tôi còn trẻ, tôi có "quyền" được sai lầm, thất bại và những nỗi buồn khổ kia cũng là một phần của cuộc đời tôi đang sống. Và giống như bóng đêm, như ngày mưa phùn gió bấc hay nắng lửa oi nồng, như dông bão, chúng rồi cũng sẽ qua đi, thì tôi không hoảng sợ hay dằn vặt nữa. Chỉ riêng việc "đồng ý" với sự tồn tại của nỗi buồn, tin rằng nó không thể là "mãi mãi" cũng đã giúp tôi bình tĩnh lại và mạnh mẽ hơn.

Đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.

Trên hành trình trưởng thành, tôi dần học được cách "bỏ đói" nỗi buồn và nuôi dưỡng niềm vui. Tôi từng có lúc chìm đắm trong nỗi buồn và càng quanh quẩn với nó, tôi càng mệt mỏi, chán nản, không muốn làm gì nữa. Giờ thì khác rồi, mặc dù nhiều lần tôi vẫn phải khóc khi nỗi buồn ập đến, nhưng sau đó tôi đã có thể trấn tĩnh để xếp nó vào một góc trong tâm trí, rồi dứt khoát "bỏ đi", làm việc gì đó mà tôi thích. Tôi chạy bộ, nghe nhạc, xem một bộ phim, đọc một cuốn sách, tán chuyện với bạn bè,... Thói quen buộc mình phải hoàn thành những công việc hằng ngày cũng thường xuyên "cứu" tôi khỏi nỗi buồn: từ việc chăm sóc bản thân, sắp xếp lại góc học tập, dọn căn phòng bừa bộn, cho đến hoàn thành "một lô" bài tập dang dở, bổ sung phần kiến thức bị "lỗ mỗ" mà tôi vẫn định nhờ bạn giảng lại cho... Nhiều khi, chỉ cần tập trung thời gian và tâm trí vào việc nuôi dưỡng những niềm vui nho nhỏ và hoàn thành công việc mỗi ngày, nỗi buồn bị "đói" sẽ tự bỏ đi thôi!

Nêu và phản bác ý kiến trái chiều.

Tôi cũng học được cách tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết. Không ít bạn cho rằng, chia sẻ chẳng ích gì, có khi lại càng buồn thêm. Bởi vì, mọi người lại thương hại hoặc xì xào, bàn tán hay phán xét. Ngay cả khi họ có thiện chí, thì cũng không ai hiểu vấn đề bằng chính bản thân mình. Cho nên cứ "giấu kín" nỗi buồn khổ của mình thì sẽ đỡ bị tổn thương và đỡ "mất thời gian". Đúng là chia sẻ với người khác về những gì khiến mình đang buồn khổ cũng rất khó khăn. Tôi cũng từng có suy nghĩ như vậy. Khi thì tôi xấu hổ vì mình có lỗi, khi thì sợ người mình yêu quý phải lo lắng hay thất vọng về mình. Nhưng rồi tôi nghĩ: mình có gia đình, có bạn bè, thầy cô – đấy là những người gần gũi, yêu thương và có trách nhiệm với mình nên chắc chắn sẽ sẵn sàng giúp đỡ khi mình "kêu cứu". Thế là tôi chia sẻ và luôn nhận được sự trợ giúp. Có chuyện, tôi kể

với bố, mẹ hoặc chị gái; có chuyện tôi chỉ nói được với bạn thân; cũng có việc, tôi tâm sự và hỏi ý kiến một thầy giáo, cô giáo mà mình yêu quý, tin tưởng. May mắn chưa gặp phải chuyện buồn nào quá nghiêm trọng, nhưng tôi biết, nếu cần, mình còn có thể tìm sự hỗ trợ từ các bác sĩ hoặc chuyên gia tâm lí.

Nhấn mạnh giải pháp quan trọng nhất để giải quyết vấn đề.

Trải nghiệm cũng cho tôi thấy, dù luôn có gia đình, bạn bè, thầy cô bên cạnh, thì "điểm tựa" quan trọng nhất vẫn là chính mình. Vì thế, trưởng thành qua nỗi buồn không thể thiếu đi tình yêu thương, sự tự tin và tự hào về bản thân. Hãy biết ân hận, xấu hổ khi làm điều sai trái nhưng cũng cần biết tin tưởng và tha thứ cho mình. Lúc phải thất vọng về mình, tôi luôn cố gắng nhớ lại những điều đúng đắn đã làm, những thành công, dù bé nhỏ, đã đạt được. Nó cho tôi niềm tin vào chính mình. Thay vì chán ghét bản thân, tôi cho mình cơ hội chuộc lỗi. Mỗi lúc có thêm một cảm xúc, suy nghĩ đúng đắn, làm thêm được một việc tốt, thì những ân hận, buồn bã, đau khổ trong lòng tôi vợi đi, tan dần. Yêu thương và tự hào về bản thân sẽ là "kháng thể" khiến cho nỗi buồn không bao giờ lấn át hoặc "hạ gục" được chúng ta!

Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.

Với tôi, nỗi buồn không chỉ là "kẻ khó ưa", "kẻ không mời đáng ghét" mà còn là người thầy có thể dạy cho ta những bài học, dẫu khắc nghiệt nhưng cần thiết cho sự trưởng thành. Trưởng thành qua nỗi buồn quả thực là một hành trình gian khó. Nhưng tôi tin rằng, với lòng can đảm, sự kiên trì cùng niềm tin vào bản thân, vào con người, chắc chắn chúng ta sẽ "chuyển hoá" được mọi nỗi buồn, biến chúng thành cơ hội để phát triển và hoàn thiện bản thân.

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Đề tài cho bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống rất phong phú, đa dạng. Em nên lựa chọn vấn đề mình thực sự quan tâm và có ý nghĩa với nhiều người, đồng thời phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Sau đây là một số đề tài gợi ý để em lựa chọn:

– Tình bạn khác giới ở tuổi học trò.

Mục đích viết

Thuyết phục người đọc đồng tình với người viết về giải pháp giải quyết một vấn đề trong đời sống của lứa tuổi học sinh; từ đó có nhận thức và hành động đúng.

Người đọc

Những người quan tâm đến các vấn đề trong đời sống của lứa tuổi học sinh.

– Cách giải quyết mâu thuẫn, xung đột ở lứa tuổi học trò.

– Cách ứng xử khi xảy ra xung đột giữa các thế hệ trong gia đình.

– Cách sử dụng thời gian rảnh rỗi.

– Cách giải quyết khi bị tổn thương vì những thông tin sai lệch hay bình luận tiêu cực trên mạng xã hội.

b. *Tìm ý*

Sau khi xác định được đề tài, em hãy tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

– *Vấn đề cần được giải quyết là gì?*

Em xác định rõ vấn đề, nêu tầm quan trọng, sự cần thiết của việc giải quyết vấn đề đối với lứa tuổi học sinh hiện nay. Ví dụ, bài viết tham khảo bàn về nỗi buồn – một trạng thái cảm xúc quen thuộc, phổ biến, có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của con người nói chung, lứa tuổi học sinh nói riêng, nhất là trong tình trạng áp lực ngày càng tăng của cuộc sống hiện đại.

– *Ý kiến của em về vấn đề như thế nào?*

Muốn nêu ý kiến cá nhân, em cần hiểu rõ vấn đề phải giải quyết. Ví dụ, trong bài viết tham khảo, tác giả đã tập trung bàn luận về nỗi buồn nảy sinh từ sai lầm, thất bại, thất vọng,... những điều dễ khiến con người rơi vào tình trạng chán nản, tuyệt vọng; tuy nhiên, khi vượt qua những thử thách đó, con người sẽ trưởng thành hơn.

– *Có thể xuất hiện ý kiến nào trái ngược với quan điểm của người viết? Cần dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để phản bác?*

Việc dự kiến và đưa ra các ý kiến trái ngược thể hiện cái nhìn đa chiều, toàn diện của người viết về vấn đề đang bàn. Việc phản bác ý kiến trái chiều sẽ có tác dụng củng cố chắc chắn hơn quan điểm của người viết. Ở bài viết tham khảo, tác giả đưa ra các ý kiến trái chiều như: chia sẻ với người khác về nỗi buồn cũng chẳng ích gì, có khi càng buồn hơn; giấu kín nỗi buồn khổ của mình có khi đỡ bị tổn thương hơn,...

– *Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề?*

Vấn đề được bàn luận trong bài viết này đòi hỏi em phải đề xuất giải pháp dựa trên những hiểu biết về đời sống của lứa tuổi học sinh và những trải nghiệm của bản thân. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, giải pháp được nêu là: khi con người rơi vào tình trạng buồn bã, đau khổ, cần can đảm đối diện với nó và tìm cách vượt lên, tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống cũng như tự tin vào chính mình, tìm kiếm sự giúp đỡ của những người có kinh nghiệm,...

c. *Lập dàn ý*

Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu vấn đề, nêu sự cần thiết phải bàn luận về vấn đề.

– *Thân bài*:

+ Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề.

- Luận điểm 1 (khía cạnh thứ nhất): Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ.
- Luận điểm 2 (khía cạnh thứ hai): Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ.
- Luận điểm 3 (khía cạnh thứ ba): Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ.
- ...

+ Nêu ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó.

+ Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

– *Kết bài*: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra.

2 VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần chú ý:

– Tạo sự gần gũi giữa người viết và người đọc, coi vấn đề được đặt ra trong bài có thể là vấn đề chung mà cả người viết và người đọc đều cần phải quan tâm giải quyết.

– Hệ thống luận điểm cần chặt chẽ; lí lẽ cần sáng rõ, hợp lí; bằng chứng cần đầy đủ, đa dạng (có sự kết hợp của nhiều loại bằng chứng: trải nghiệm của bản thân, sự thật mà người đọc có thể kiểm chứng, số liệu thống kê, ý kiến của chuyên gia, kết quả nghiên cứu khoa học,...).

– Khi phản bác những ý kiến trái chiều, cần sử dụng lời lẽ và giọng điệu đúng mực.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đối chiếu bài viết của em với các yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; từ đó, xác định những nội dung cần chỉnh sửa để hoàn thiện bài viết. Việc chỉnh sửa cần bám sát những tiêu chí cơ bản sau:

– Vấn đề cần giải quyết được nêu một cách rõ ràng, đầy đủ.

– Hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ xác đáng, bằng chứng đầy đủ.

– Giải pháp để giải quyết vấn đề hợp lí, khả thi, có sức thuyết phục.

– Bài viết không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp, liên kết và mạch lạc.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay

Trong phần Viết, em đã được hướng dẫn và thực hành viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết của lứa tuổi học sinh trong cuộc sống hiện đại. Ở phần Nói và nghe, em hãy trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.

1 TRƯỚC KHI NÓI

– Em có thể tìm đề tài từ thực tế đời sống của lứa tuổi học sinh, từ trải nghiệm cá nhân hoặc tham khảo một số vấn đề sau: sự xung đột giữa các thế hệ trong gia đình, bạo lực học đường, "ném đá" tập thể trên mạng xã hội, sử dụng ngôn ngữ dung tục trong giao tiếp với bạn bè,...

– Em chuẩn bị nội dung bài nói bằng cách trả lời một số câu hỏi như:

+ Lí do lựa chọn vấn đề để trình bày là gì?

+ Có thể dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình về vấn đề được bàn luận?

+ Cần đưa ra những hướng giải quyết nào cho vấn đề?

+ Việc bàn luận về vấn đề có ý nghĩa như thế nào?

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình về cách giải quyết vấn đề; từ đó tác động đến nhận thức và hành động của người nghe.

Người nghe

Những người quan tâm đến các vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Mở đầu: giới thiệu vấn đề, có thể giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp bằng cách chia sẻ một trải nghiệm cá nhân hay kể một câu chuyện.

– Triển khai:

+ Nêu ngắn gọn lí do lựa chọn vấn đề.

+ Trình bày ý kiến về vấn đề. Chú ý sử dụng các lí lẽ và bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của mình, ưu tiên những trải nghiệm cá nhân và những sự thật mà người nghe có thể kiểm chứng được.

+ Nêu giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

+ Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và điều chỉnh ngữ điệu nói cho phù hợp với nội dung trình bày.

– Kết thúc: khẳng định ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng: • Nêu câu hỏi về những điểm còn băn khoăn xoay quanh vấn đề. • Bày tỏ sự đồng tình, chia sẻ hoặc đưa ra ý kiến phản biện quan điểm của người nói (đặc biệt là những ý kiến liên quan đến cách giải quyết vấn đề). • Nhận xét, đánh giá về nội dung và cách trình bày bài nói.	Tiếp thu và phản hồi ý kiến của người nghe với thái độ lịch sự và tinh thần cầu thị: • Làm rõ những vấn đề mà người nghe yêu cầu giải thích. • Trao đổi về những ý kiến mà người nghe nêu lên nhằm chia sẻ hoặc phản biện. • Lắng nghe ý kiến nhận xét, đánh giá của người nghe để rút kinh nghiệm, hoàn thiện kĩ năng chuẩn bị và trình bày bài nói.

Củng cố, mở rộng

1. So sánh và nêu nhận xét về cách miêu tả nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ* (từ câu *Bóng hồng nhác thấy nẻo xa* đến câu *Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*) với đoạn trích sau:

Hai nàng tránh không được, phải cùng bước ra chào. Kim Trọng chắp tay cúi lễ rồi lui ra thì thấy Thuý Kiều mày nhỏ mà dài, mắt trong mà sáng, mạo như trăng thu, sắc tựa hoa đào; còn Thuý Vân thì tinh thần tĩnh chính[1], dung mạo[2] đoan trang, có một phong thái riêng, khó mô tả.

[1] *Tĩnh chính*: an tĩnh, trong sáng, mẫu mực.
[2] *Dung mạo*: dáng vẻ, vẻ mặt.

Bị sắc đẹp quyến rũ, Kim Trọng bất giác thần hồn phiêu bạt, nghĩ thầm: "Nọc tương tư[1] *này tai hại lắm đây". Lại âm thầm phát thệ*[2]*: "Mình mà không được hai nàng làm vợ thì suốt đời sẽ chẳng lấy ai". Nhưng vì ngại có Vương Quan, không tiện đứng lâu, đành cùng nhau từ biệt.*

Đồng thời, Vương Viên ngoại[3] *cũng sai người đem kiệu đến đón. Hai nàng lên kiệu về nhà.*

(Thanh Tâm Tài Nhân, *Kim Vân Kiều truyện*,
Nguyễn Đức Vân – Nguyễn Khắc Hanh *dịch*, Nguyễn Đăng Na *giới thiệu và hiệu đính*,
NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008, tr. 17 – 18)

2. Kẻ bảng vào vở theo mẫu dưới đây và điền thông tin phù hợp về các văn bản đọc trong bài:

STT	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Chủ đề	Đặc sắc nghệ thuật

3. Tự chọn một đoạn thơ (tối thiểu 12 câu) trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) hoặc *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu) và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định bố cục của đoạn trích và nêu ý chính của từng phần.

b. Phân tích hình tượng thiên nhiên hoặc hình tượng con người trong đoạn trích.

c. Chỉ ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Vị trí, bố cục và nội dung chính của đoạn trích.
- Lời người kể chuyện, diễn biến tâm trạng và đặc điểm tính cách của nhân vật.
- Chủ đề của đoạn trích và tư tưởng, tình cảm của tác giả.
- Một số đặc điểm nghệ thuật của *Truyện Kiều* và truyện thơ Nôm được thể hiện trong đoạn trích.

---

[1] *Nọc tương tư*: ý nói đem lòng yêu mến, nhớ nhung.
[2] *Phát thệ*: nói lời thề nguyền, lời ước nguyện.
[3] *Vương Viên ngoại*: Vương ông, cha của Thuý Kiều, Thuý Vân, Vương Quan.

Kiều ở lầu Ngưng Bích[1]

Trích *Truyện Kiều*, NGUYỄN DU

Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân[2],
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung[3].
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng[4] mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng[5],
Tin sương luống những rày trông mai chờ[6].
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son[7] gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai[8],
Quạt nồng ấp lạnh[9] những ai đó giờ?
Sân Lai[10] cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm[11].
Buồn trông cửa bể[12] chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

---

[1] Đoạn trích thuộc phần 2 của cốt truyện (*chia li*), từ câu 1 033 đến câu 1 054: Thuý Kiều bán mình chuộc cha, bị Mã Giám Sinh lừa vào lầu xanh của Tú Bà. Nàng phẫn uất tự tử nhưng không thành. Tú Bà buộc phải cho nàng ra ở tại lầu Ngưng Bích, nói là đợi người chuộc về làm vợ nhưng thực chất là giam lỏng để tìm kế hãm hại. Nhan đề đoạn trích đặt theo sách *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục, 2008.

[2] *Khoá xuân*: khoá kín tuổi xuân, ý nói Tú Bà giam lỏng Kiều tại lầu Ngưng Bích.

[3] Ý nói Thuý Kiều rất cô đơn, chỉ có "non xa", "trăng gần" làm bạn.

[4] *Bẽ bàng*: xấu hổ, tủi thẹn.

[5] *Chén đồng*: chén rượu thể hiện sự đồng tâm, đồng lòng, tức chén rượu thề Thuý Kiều cùng Kim Trọng uống dưới trăng trong đêm thề nguyền.

[6] *Tin sương*: tin tức; ý cả câu: Thuý Kiều tưởng tượng Kim Trọng ngày đêm mong chờ tin tức của mình.

[7] *Tấm son*: tấm lòng son sắt, gắn bó, thuỷ chung.

[8] *Tựa cửa hôm mai*: ý nói cha mẹ ngày đêm tựa cửa chờ mong con.

[9] *Quạt nồng ấp lạnh*: chỉ việc con cái chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ (mùa đông lạnh thì con vào nằm trước, ấp cho chăn chiếu ấm lên để cha mẹ nằm; mùa hè nóng thì con quạt cho cha mẹ ngủ).

[10] *Sân Lai*: sân của Lai Tử, người nước Sở thời Xuân thu (Trung Quốc), nổi tiếng hiếu thảo, khi tuổi đã bảy mươi vẫn thường mặc áo màu sặc sỡ, múa trước sân, giả vờ ngã như trẻ con để mua vui cho cha mẹ; ở đây ý nói Thuý Kiều buồn thương vì cha mẹ đã già mà mình không được ở bên để chăm sóc.

[11] *Gốc tử*: gốc cây tử (cây thị), chỉ cha mẹ; *gốc tử đã vừa người ôm*: ý nói cha mẹ đã già rồi.

[12] *Cửa bể*: nơi dòng sông tiếp giáp với biển.

Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh[1],
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*,
Nguyễn Thạch Giang *khảo đính và chú giải*, Sđd, tr. 98 – 99)

ĐỌC MỞ RỘNG

1 Tìm đọc một số văn bản truyện truyền kì, thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin cơ bản mà em thu nhận được từ văn bản.

2 Trao đổi với các bạn về:

– Chủ đề, không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện của một truyện truyền kì đã đọc.

– Chủ đề, một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ thể hiện qua bài thơ đã đọc.

– Chủ đề và một số yếu tố của truyện thơ Nôm thể hiện trong tác phẩm đã đọc như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

3 Học thuộc lòng một số đoạn trích truyện thơ Nôm và một số bài thơ song thất lục bát mà em yêu thích.

[1] *Duềnh*: vũng (vụng) sông hoặc vũng biển.

Bài 4

KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG

Người đọc phải tự mình khám phá bộ mã nằm ngay trong văn bản và hoạt động này tương đương với việc họ đem lại ý nghĩa cho văn bản.

Uốp-phờ-gang I-dơ (Wolfgang Iser)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Tác phẩm văn học là thế giới của cái đẹp, vẫy gọi người đọc khám phá. Cái đẹp đó thường được thể hiện kín đáo trong ngôn từ, hình tượng, trong các thủ pháp nghệ thuật,... Để chạm tới được vẻ đẹp của văn chương, người đọc có thể tiếp cận bằng những con đường khác nhau, sử dụng những cách thức khác nhau.
- Trong bài học này, hai văn bản nghị luận văn học góp phần giúp em hiểu được con đường, cách thức khám phá vẻ đẹp văn chương của nhà nghiên cứu, phê bình văn học; văn bản thơ kết nối về chủ đề cho thấy một tác phẩm văn chương có thể được tiếp nhận khác nhau bởi những đối tượng có hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm khác nhau.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; biết cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp; biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó; có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học

Văn bản nghị luận văn học có thể bàn luận về nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có tác phẩm văn học – trung tâm của hoạt động sáng tạo, kết nối tác giả với người đọc. Văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học là loại văn bản nhằm làm sáng tỏ các phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm, thể hiện quan điểm, thái độ, cách đánh giá và kiến giải của người viết về tác phẩm. Vì vậy, nó cần được triển khai theo một hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc, dựa trên lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Những văn bản như thế không nhất thiết phải bàn luận một cách toàn diện về tác phẩm mà có thể đi sâu vào một hoặc một số khía cạnh nổi bật của tác phẩm.

Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu văn bản

- Hoạt động đọc hiểu văn bản không thể thiếu nhân tố người đọc. Bằng sự tiếp nhận của mình, người đọc góp phần làm phong phú thêm ý nghĩa của tác phẩm văn học; tạo nên lịch sử tiếp nhận tác phẩm; tác động trở lại đối với hoạt động sáng tạo của nhà văn.
- Bối cảnh tiếp nhận tác phẩm bao gồm: bối cảnh thời đại, xã hội và hoàn cảnh riêng của mỗi cá nhân. Bối cảnh tiếp nhận có vai trò quan trọng, chi phối hoạt động tiếp nhận tác phẩm văn học, góp phần vào việc định hướng giá trị, trình độ tiếp nhận của người đọc. Mỗi thời đại hay mỗi xã hội đều có định hướng giá trị riêng, có mặt bằng trình độ tiếp nhận nhất định, những điều đó có ảnh hưởng đến từng cá nhân. Hoàn cảnh riêng của cá nhân cũng chi phối sự tiếp nhận của người đọc, trong đó, hoàn cảnh sống, học tập của cá nhân và cả hoàn cảnh cụ thể tại thời điểm đọc đều ảnh hưởng đến tâm thế tiếp nhận.

Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

- Cách dẫn trực tiếp là sử dụng nguyên văn từ ngữ, câu, đoạn,... của một văn bản gốc vào bài viết, bài nói. Trong bài viết, phần dẫn trực tiếp cần được đặt trong dấu ngoặc kép.
- Cách dẫn gián tiếp là sử dụng ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách của mình. Tuy được diễn đạt lại nhưng ý tưởng trong văn bản gốc cần được thể hiện một cách trung thành. Trong bài viết, phần dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.

Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu

Khi viết, chúng ta cần tìm kiếm ý tưởng, thông tin từ nhiều nguồn và đưa những ý tưởng, thông tin phù hợp vào bài viết theo cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp. Ghi chú nguồn đúng quy cách là yêu cầu bắt buộc để tránh bị coi là đạo văn. Nguồn của tài liệu tham khảo thường bao gồm thông tin về tác giả và xuất xứ văn bản gốc. Mức độ cụ thể của thông tin về nguồn trích dẫn tuỳ thuộc vào tính chất của văn bản, chẳng hạn, bài nghiên cứu khoa học chuyên sâu thì thông tin về nguồn trích dẫn cần đầy đủ hơn bài viết của học sinh.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người*, Nguyễn Đăng Na

VĂN BẢN 2. *Từ "Thằng quỷ nhỏ" của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi*, Trần Văn Toàn

VĂN BẢN 3. *Ngày xưa*, Vũ Cao

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Kể tên một vài tác phẩm văn học Việt Nam viết về số phận bi kịch của con người.

2. Ở bài 1, em đã được học tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*. Hãy chia sẻ cảm nhận về một chi tiết mà em ấn tượng nhất trong tác phẩm.

ĐỌC VĂN BẢN

Người con gái Nam Xương[1] – một bi kịch của con người

NGUYỄN ĐĂNG NA[2]

(1) *Người con gái Nam Xương* (*Nam Xương nữ tử truyện*) là một trong 11 truyện viết về đề tài phụ nữ của Nguyễn Dữ. Vũ Thị Thiết là nhân vật hoàn toàn có thật. Ngày nay, tại Lý Nhân, Hà Nam[3] còn đền thờ nàng. Kể từ khi nàng mất tới nay đã gần 5 thế kỉ, biết bao thế hệ, từ Lê Thánh Tông (1442 – 1497) – vị vua anh minh văn võ kiêm toàn đến các nhà khoa bảng "cưỡi đầu thiên hạ đã ba phen" như Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)... đều đã phải rơi lệ xót thương cho thân phận nàng và gửi gắm niềm thương cảm của mình vào những bài thơ đề vịnh miếu vợ chàng Trương.

Theo dõi

Cách đặt vấn đề của tác giả.

(2) Cuộc đời Vũ Nương tuy ngắn ngủi, nhưng nàng đã kịp làm trọn nghĩa vụ của một kiếp đàn bà: làm con, làm dâu, làm vợ, làm mẹ. Mọi nỗi gian lao vất vả, nào khi sinh nở chẳng ai đỡ đần,

Theo dõi

Nhận xét của tác giả về cuộc đời nhân vật Vũ Nương.

[1] *Người con gái Nam Xương*: một cách dịch tên tác phẩm *Nam Xương nữ tử truyện* của Nguyễn Dữ (bản dùng ở bài 1 dịch là *Chuyện người con gái Nam Xương*).

[2] Nguyễn Đăng Na (1942 – 2014) quê ở Đồng Tháp, là nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Một số công trình tiêu biểu: *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại* (tập I, 1997; tập II, 2001; tập III, 2000), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam* (2006),...

[3] *Lý Nhân, Hà Nam*: địa danh thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay.

nào một thân vừa nuôi con thơ, vừa chăm sóc thuốc thang cho mẹ chồng già yếu…, rồi khi mẹ chồng nằm xuống, lại một mình lo việc ma chay tế lễ, chôn cất,… Tất cả những việc ấy, đối với nàng nào đáng kể chi, miễn sao có ngày hội ngộ, chồng sẽ trở về! Ngay như công danh, nàng cũng chẳng màng. Khi chồng ra đi, nàng giãi bày nỗi niềm của mình: "Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu […] chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi". Mong mỏi bao trùm cả cuộc đời nàng là "cái thú vui nghi gia nghi thất", vợ chồng sum họp, con cái đề huề, được làm vợ, làm mẹ!

Sau ba năm đợi chờ, Trương Sinh trở về với hai chữ bình yên đúng như sở nguyện. Hạnh phúc đã mỉm cười, ước mơ đang đi vào hiện thực… Nhưng, oái oăm thay cho cuộc đời: Ngày sum họp cùng chồng, cũng là ngày nàng phải vĩnh viễn lìa xa tổ ấm. Và đau đớn hơn, kẻ đẩy nàng vào cái chết bi thảm không phải ai xa lạ, mà là chính người chồng nàng hằng "ba năm giữ gìn một tiết" đợi chờ và đứa con trai duy nhất mà nàng suốt ba năm nâng niu bú mớm. Hai người thân thương nhất, gần gũi nhất lại là kẻ gây ra oan trái cho đời nàng! Mà họ đâu phải là kẻ độc ác và nàng đâu có phải là kẻ phản bội chồng con! Đứa trẻ thì ngây thơ, chỉ kể lại những điều mà đêm đêm mẹ thường dạy khi cha vắng nhà; nó không thể phân biệt được giữa đùa với thật vì mới có ba tuổi đầu và tin lời mẹ. Còn người chồng thì cả ghen, hàm hồ và mù quáng.

Theo dõi

Nét tính cách của nhân vật Trương Sinh được tác giả tập trung phân tích.

(3) Là người cùng làng, chàng thừa biết đức hạnh của vợ. Chính vì "mến vì dung hạnh" của nàng, chàng mới "xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về". Nhưng, ghen tuông là ghen tuông! Cái tâm lí ghen tuông rất lạ. Dù mới cưới nhau mà Trương Sinh vẫn "phòng ngừa quá sức". Song, khi đó hai người còn ở bên nhau và "nàng cũng giữ gìn khuôn phép" nên chưa xảy ra chuyện gì. Nay đã có khoảng trống về thời gian và không gian: ba năm xa cách. Chàng không thể kiểm soát được tất cả mọi hành vi của vợ. Ghen tuông thường đa nghi, mà đa nghi dễ dẫn đến định kiến. Do đó chỉ cần một cớ rất nhỏ, có khi hết sức mơ hồ, thậm chí chẳng cần một cớ gì cũng có thể tưởng tượng ra thành sự việc nghiêm trọng, một sự phản bội ô nhục làm bại hoại gia phong… Cái hàm hồ của tính ghen tuông thường dẫn đến tan cửa nát nhà và oan khiên giáng xuống.

Chú ý

Lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng để bày tỏ suy nghĩ về nhân vật Trương Sinh.

Ở đây ta cũng nên có một chút cảm thông với Trương Sinh. Ba năm đời lính làm chàng mệt mỏi chán chường. Về tới nhà, lại gặp cảnh đau lòng: "Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi". Nỗi buồn tê tái đè nặng lên trái tim anh lính Trương Sinh. Nếu như đối với Vũ Nương, chỗ dựa để có thể tồn tại là con và chồng, thì đối với Trương Sinh, chỗ dựa để sống được là con và vợ. Thế mà, hình như có một người đàn ông thứ hai nào đó không rõ mặt mũi, họ tên đã len lỏi vào gia đình chàng, đã chiếm mất tình cha con của chàng: "Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít". Đứa bé đã có hai người cha: một người xuất hiện khi chàng vắng nhà và một người là chàng. Chỗ dựa thứ nhất không còn.

Tuy nhiên, sự sụp đổ ấy chưa quan trọng đối với chàng. Chỉ đến lúc đứa bé kia khẳng định: "Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến" thì cơn ghen mới thực sự bùng lên. Chỗ dựa thứ hai hoàn toàn sụp đổ! Sự nghi ngờ vợ "không có gì gỡ ra được". Đứa bé không biết nói dối. Chàng tin con. Mọi chi tiết đứa bé cung cấp đều chứng tỏ người đàn ông kia hành tung hết sức mờ ám, bí hiểm: đêm nào cũng đến, chỉ nín thin thít, chẳng bao giờ bế Đản... Đã thế, họ lại xoắn xuýt bên nhau: "mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi". Sự bí ẩn về người đàn ông đó như những mũi dao xoáy vào tâm can và khơi vào đúng chỗ yếu nhất của chàng: tính đa nghi và cả ghen. Đã ghen, cần gì chứng cớ. Huống chi, nay chứng cớ đã rành rành ra đấy. Cái li kì trong "vụ án" đẩy mâu thuẫn gia đình Trương Sinh đến cực điểm và châm ngòi cho quả bom ghen tuông bùng nổ.

Tuy căng thẳng như vậy, song cái án "ngoại tình" sẽ được giải quyết ngay lập tức chỉ cần một điều kiện cực kì giản đơn: Trương Sinh cho biết ai đã cung cấp nguồn tin kia. Nhưng, điều kiện ấy như một thách thức trái tim ghen tuông của chàng. Chàng không nói! Cũng chẳng cần nói và không đủ can đảm nói. Cái định kiến về việc vợ hư đã đóng đinh vào đầu rồi. Chàng chẳng còn đủ tỉnh táo để suy xét lời đứa con nói. Ngay những lời van xin đến rớm máu của vợ, chàng cũng chẳng để lọt vào tai: "Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa". Cơn ghen ở anh lính nông dân vốn không được học hành bùng ra thành những lời "la um lên cho hả giận", rồi chuyển sang ngấm ngầm dấm dứt "lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, và đánh đuổi đi". Vũ Nương không thể chứng minh cho nỗi oan của mình. Họ hàng làng xóm "bênh vực và biện bạch cho nàng cũng chẳng ăn thua". Cuối cùng, Vũ Nương chỉ còn biết bày tỏ tấm lòng trong trắng bằng cách "gieo mình xuống sông mà chết".

Nỗi oan của Vũ Nương sẽ còn đeo đẳng mãi lấy nàng, nếu như không có một đêm tình cờ đứa bé nói: "Cha Đản lại đến kia kìa!". Người cha thứ hai của bé Đản – nguyên nhân gây ra cái chết bi thảm cho Vũ Nương lại xuất hiện. "Chàng hỏi đâu. Nó chỉ bóng chàng ở trên vách:

Chú ý

Cách tác giả phân tích chi tiết chiếc bóng trên vách – chi tiết mang tính thắt nút – mở nút.

– Đây này!

Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản".

Té ra chỉ là một trò đùa! Một trò đùa trong thương nhớ nhưng đem tới cái chết oan khiên vì lòng ghen mù quáng. Vợ chồng yêu nhau quyến luyến không rời như hình với bóng. Nàng là hình, chàng là bóng. Bóng với hình quấn quýt không rời: "mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi". Nàng chết, hình đã mất, bóng đâu còn! Sự lẻ loi đơn chiếc và nỗi ân hận sẽ là một hình phạt giày vò Trương Sinh mãi mãi.

Lấy hình tượng cái bóng người và lời nói ngây thơ của đứa con để đẩy câu chuyện tới đỉnh điểm là nét độc đáo riêng của Nguyễn Dữ, không thể tìm thấy trong bất cứ truyện truyền kì nào của Việt Nam cũng như của các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

Tuy nhiên, công bằng mà xét, cái bi kịch của Vũ Thị Thiết một phần là do nàng. Từ trước, nàng đã biết chồng "có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức". Vậy mà, lúc chồng vắng nhà, đặc biệt vào ban đêm, nàng lại trỏ bóng mình mà bảo con rằng, đấy là cha nó. Bé Đản tin mẹ, nên tưởng cái bóng kia là cha mình thật. Nào ngờ, có một người khác – Trương Sinh, cũng xưng là cha. Nó ngạc nhiên là phải, vì điều người bố thật vừa xưng cha với nó, mẹ chưa từng bảo. Đầu óc ngây thơ của đứa bé vẫn đinh ninh rằng, mình có hai người cha: một người do mẹ trỏ cho và một người tự nhận. Nó cảm thấy hai người cha của mình rất khác nhau, nên đã đem ra so sánh. Giá như Vũ Nương biết tâm lí chồng, tránh đi những gì có thể khiến Trương Sinh ghen tuông ngờ vực thì đâu đến nỗi. Vợ chồng mà chẳng biết tính của nhau, dù có thương yêu nhau, chẳng trước thì sau, bi kịch ắt xảy đến. Đấy cũng là một khía cạnh Nguyễn Dữ muốn nói với người đời.

Chú ý

Vì sao tác giả cho rằng "bi kịch của Vũ Thị Thiết một phần là do nàng"?

(4) Là nhà văn nhân đạo, Nguyễn Dữ không muốn những người đức hạnh, nết na như Vũ Nương bị chết. Song, hiện thực là hiện thực. Vũ Nương đã chết! Để minh oan và bù đắp cho lòng ngay thẳng, hiếu thảo, thuỷ chung của nàng, tác giả đã tưởng tượng ra [...] cảnh Vũ Nương hội ngộ với Trương Sinh. [...] Tái hợp là nguyện vọng của mọi người. Cái tài của Nguyễn Dữ là ông đã dung hoà được hiện thực với ước mơ, giữa cái tồn tại với cái ảo ảnh. Vũ Nương trở về dương thế, nhưng chỉ hiện ra "ở giữa dòng mà nói vọng vào: – [...] thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa". Ảo ảnh chập chờn và mau chóng tan biến. Chia li là vĩnh viễn. Người chết chẳng thể nào sống lại: "trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất". Hiện thực trở về. Đấy chính là nét đặc sắc trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ mà các tác giả sau chẳng thể vượt qua. Ảo ảnh đoàn tụ mau chóng tan biến để lại một hiện thực đắng cay chẳng ai muốn nhưng không thể đảo ngược lại được: Trương Sinh sống trong cảnh "phòng không vắng vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya". Đứa trẻ mồ côi, người chồng cô đơn, người vợ bị chết... Đấy là bi kịch gia đình.

Chú ý

Nhận định của người viết về nét độc đáo ở truyện truyền kì Nguyễn Dữ.

(5) Có thể nói, với *Người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ đã vượt khỏi những công thức thông lệ về hình tượng người phụ nữ trong thể truyền kì. Vũ Nương không phải là hình tượng một trang liệt nữ, nàng chỉ là một người đàn bà bình thường như bao người vợ, người mẹ trong đời thực. Phản ánh số phận Vũ Thị Thiết, Nguyễn Dữ đã đề cập tới cái bi kịch muôn thuở của con người. Có lẽ vì vậy mà *Người con gái Nam Xương* vẫn còn sức hấp dẫn đối với người đọc ngày nay.

Chú ý

Cách tác giả kết thúc vấn đề.

(Nguyễn Đăng Na, *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr. 217 – 221)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định vấn đề được bàn luận và bố cục của bài nghị luận.
2. Từ luận đề, tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào?
3. Đọc phần (2) và cho biết, theo tác giả, bi kịch của nhân vật Vũ Nương là gì. Tác giả đã làm sáng tỏ bi kịch ấy qua những lí lẽ và bằng chứng nào?
4. Đọc phần (3) và cho biết, theo tác giả, điều gì đã khiến Vũ Nương gieo mình xuống sông tự tử. Em có suy nghĩ gì về cách lí giải của tác giả?
5. Nét đặc sắc nào trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ được làm rõ ở phần (4)?
6. Đọc phần (3) và phần (5), cho biết tác giả đã làm nổi bật nét độc đáo trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ bằng cách nào. Những câu văn nào giúp em hiểu rõ về nét độc đáo đó?
7. Phần (5) có vai trò gì trong bài nghị luận? Câu văn nào giúp em xác định được vai trò ấy?
8. Một số chi tiết và nhân vật trong tác phẩm *Người con gái Nam Xương* không được tác giả bài nghị luận phân tích, chẳng hạn như chi tiết người mẹ dặn dò trước khi Trương Sinh ra trận, các nhân vật Linh Phi, Phan Lang,... Từ đó, em có suy nghĩ gì về việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Em có đồng tình với những phân tích của tác giả bài viết "*Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người* về chi tiết chiếc bóng trên vách không?

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) để trả lời câu hỏi trên.

Thực hành tiếng Việt

CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

1 Xác định phần dẫn trong các câu sau, cho biết phần đó được dẫn theo cách trực tiếp hay gián tiếp. Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra điều đó?

a. *Khi chồng ra đi, nàng giãi bày nỗi niềm của mình: "Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu [...], chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi".*

(Nguyễn Đăng Na, "*Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người*)

Nhận biết cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

- Đọc ví dụ sau:

Hoài Thanh nói rõ quan niệm của ông về phê bình: "Điều tôi ngại nhất là mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá".

(Đỗ Đức Hiểu, *14 tháng Bảy 1789 và "Thi nhân Việt Nam"*)

b. *Theo như lời thầy giáo của tôi bảo, người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng, quanh đáy.*

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

2 Hãy chuyển cách dẫn trực tiếp trong các câu dưới đây sang cách dẫn gián tiếp:

a. *Nỗi oan của Vũ Nương sẽ còn đeo đẳng mãi lấy nàng, nếu như không có một đêm tình cờ đứa bé nói: "Cha Đản lại đến kia kìa!".*

(Nguyễn Đăng Na, *"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người*)

b. *Thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn đã khẳng định: "Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.".*

(*Theo* Hoàng Vĩnh, *Con người đã làm gì với tự nhiên?*)

c. *Trong "Thi nhân Việt Nam", Hoài Thanh đã bộc lộ thành thực một tâm trạng:*

"Dầu có ưa thơ người này người khác, mỗi lúc buồn đến, tôi lại trở về với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí tôi hàng tháng, lúc nào cũng như văng vẳng bên tai. Bởi vì thơ Lư nhiều bài thực không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thổn thức cùng hoà theo tiếng thổn thức của lòng ta".

(Lê Quang Hưng, *"Nắng mới" – sự thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng*)

Trong ví dụ trên, người viết đã dùng cách dẫn trực tiếp, đánh dấu phần dẫn bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

- Đọc ví dụ sau:

*M. Go-rơ-ki đã kể chuyện **ông đọc nhiều như thế nào trước khi thành nhà văn lớn**. Muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn.*

(Trần Đình Sử, *Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa*)

Trong ví dụ trên, bộ phận in đậm là phần dẫn gián tiếp lời kể của nhà văn M. Go-rơ-ki, phần dẫn này không được đặt trong dấu ngoặc kép.

Chuyển đổi từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp

- Phân tích ví dụ sau:

Hoài Thanh nói rõ quan niệm của ông về phê bình: "Điều tôi ngại nhất là mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá".

(Đỗ Đức Hiểu, *14 tháng Bảy 1789 và "Thi nhân Việt Nam"*)

Có thể chuyển từ cách dẫn trực tiếp trong ví dụ trên sang cách dẫn gián tiếp như sau:

Trong "Thi nhân Việt Nam", Hoài Thanh bày tỏ sự ngại ngùng, khó chịu khi được gọi là nhà phê bình.

- Từ việc phân tích ví dụ trên, có thể thấy, khi chuyển từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp, cần:

– Lược bỏ dấu ngoặc kép, dấu hai chấm đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp.

– Diễn đạt lại nội dung phần dẫn trực tiếp sao cho thích hợp, đảm bảo trung thành với ý được dẫn trong văn bản gốc.

3 Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 5 – 7 câu) có nội dung liên quan đến ý kiến dưới đây, trích dẫn ý kiến đó theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp:

Cái tài của Nguyễn Dữ là ông đã dung hoà được hiện thực với ước mơ, giữa cái tồn tại với cái ảo ảnh.

(Nguyễn Đăng Na, *"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người*)

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Em đã đọc tác phẩm văn học nào viết về những con người có ngoại hình khác lạ? Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về tác phẩm ấy.

ĐỌC VĂN BẢN

Từ *Thằng quỷ nhỏ*[1] của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi

TRẦN VĂN TOÀN[2]

(1) Theo tôi, *Thằng quỷ nhỏ* (xuất bản lần đầu năm 1990) của Nguyễn Nhật Ánh không chỉ hàm chứa những thông điệp sâu sắc mà còn gợi mở nhiều suy ngẫm về phẩm chất của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.

Trước tiên là nhan đề của tác phẩm: *Thằng quỷ nhỏ*. Chữ "quỷ" mà Nguyễn Nhật Ánh sử dụng ở đây để chỉ sự kì dị trong nhân dạng[3]. Quỳnh – người mang biệt danh thằng quỷ nhỏ – được miêu tả với những đặc điểm: hai vành tai to, mỗi khi Quỳnh có tâm trạng nó lại ve vẩy như cánh bướm; thêm vào đó, là chiếc mũi to, đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi. Những nét kì dị ấy vì gắn với gương mặt của nhân vật nên trở thành những khiếm khuyết không thể che giấu và nó trở thành dấu hiệu thường trực để nhận biết về nhân vật.

Theo dõi

Cách giải thích của tác giả bài nghị luận về nhan đề của tác phẩm văn học được bàn luận.

---

(1) *Thằng quỷ nhỏ* là truyện dài tiêu biểu của Nguyễn Nhật Ánh. Truyện gồm 21 chương, nhân vật chính là Quỳnh, cậu bé có biệt danh "thằng quỷ nhỏ" bởi ngoại hình khác thường. Câu chuyện xoay quanh các nhân vật trong lớp học của Quỳnh như Nga, Khải, Hạnh, Luận,... Nếu các bạn trong lớp chỉ lấy Quỳnh làm trò tiêu khiển thì Nga, học sinh mới của lớp, được xếp ngồi cạnh Quỳnh, lại coi cậu như một người bạn. Sự thân thiết của họ thường xuyên bị Luận, một học sinh nghịch ngợm trêu đùa ác ý. Về sau, Luận bớt trêu chọc khi vô tình biết được hoàn cảnh khó khăn của Quỳnh. Khải, lớp phó của lớp có tình cảm với Nga, nhưng Khải càng bộc lộ thì Nga càng giữ khoảng cách. Quỳnh cũng nảy sinh tình cảm với Nga, nhưng cậu giấu kín trong lòng, chỉ trong một lần Nga đến nhà Quỳnh khi cậu không ở nhà, vô tình phát hiện ra cuốn vở ghi chép những vần thơ của Quỳnh, cô mới biết Quỳnh có tình cảm với mình. Điều này khiến Nga tránh mặt và xa cách cậu, bởi cô chỉ coi Quỳnh là bạn. Biến cố xảy ra với gia đình Quỳnh khi mẹ cậu bị ngã, sau đó bị liệt, Quỳnh phải đưa mẹ về quê chăm sóc, không thể từ biệt Nga. Trong một lần tình cờ gặp Luận, Nga mới biết về hoàn cảnh tội nghiệp của Quỳnh. Quỳnh gửi lại cho Nga cuốn sách về nghệ thuật cắm hoa (với lời đề tặng: "Mến tặng Nga – Khải") và chùm hoa thạch thảo – loài hoa tượng trưng cho sự lưu luyến lúc chia tay. Nga nhận quà và ngẩn ngơ nhìn ra sân nắng. Cô nghĩ mình sẽ trồng trước nhà một bụi thạch thảo.

(2) Trần Văn Toàn sinh năm 1973, quê ở Nam Định (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), là giảng viên, nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Một số công trình tiêu biểu: *Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945* (viết chung, 2016), *Lược sử văn học Việt Nam* (viết chung, 2022),...

(3) *Nhân dạng*: những đặc điểm bề ngoài như dáng người, nước da, khuôn mặt,... khiến nhìn thấy có thể nhận ra một người, phân biệt với những người khác.

Cái nhân dạng tưởng như hoàn toàn bề ngoài ấy, trên thực tế, đã quyết định toàn bộ nhân cách và vị thế tồn tại của Quỳnh. Nhân dạng lạ lẫm với chúng bạn đã khiến cậu bé ấy phải chịu thân phận một kẻ lạc loài. Trong mắt mọi người, Quỳnh chỉ là một thằng hề, để tiêu khiển, để mua vui cho đám đông hồn nhiên, vô tâm: "Họ lấy anh làm trò tiêu khiển. Anh giúp họ giải buồn hoặc thoả mãn tính hiếu kì hoặc lấp đầy những phút giây nhàn rỗi.". Ngay cả với Hạnh, cô lớp trưởng luôn đúng mực, người luôn đứng ra trấn áp những kẻ bày trò tai quái với Quỳnh thì giữa họ vẫn có một khoảng cách mênh mông: "Bàn có hai người, nhưng mỗi người ngồi tít một đầu, chừa khoảng trống ở giữa.". Các lớp học của Nguyễn Nhật Ánh, được viết từ những kí ức xưa cũ, luôn chật chội. Anh có riêng một truyện dài với nhan đề: *Bàn có năm chỗ ngồi*. Vậy nên, cái bàn học chỉ với hai chỗ ngồi và khoảng trống ở giữa là một ngoại lệ. Cái ngoại lệ ấy, hẳn có nguyên nhân từ sự dị thường trong ngoại hình của Quỳnh. Cái khoảng trống ấy là khoảng chân không ngăn cách Quỳnh với thế giới còn lại. Quỳnh như thuộc về một thế giới khác. Lạc lõng và lạc loài. Sự lạc loài ấy, cái khoảng cách ấy đã che khuất tất cả tồn tại đích thực của Quỳnh. Sự bất hạnh trong cuộc sống của Quỳnh là một bí mật với cả lớp. Và cả những phẩm chất đẹp đẽ của Quỳnh dù vẫn hiện diện nhưng chẳng ai nhận thấy giá trị đích thực của nó. Mấy chiếc chân bàn lung lay trong lớp đã được đóng lại nhưng không ai đánh giá đúng ý nghĩa đôi bàn tay khéo léo của Quỳnh. Trái tim nhân hậu của chú bé ấy mãi mãi chỉ là những bí mật của riêng Nga – người duy nhất, vì những ngẫu nhiên, đã nhận ra và chứng kiến những gì Quỳnh làm cho bạn bè, cho những đứa trẻ nghèo quanh nhà mình. Không ai muốn biết. Tất cả đều dừng lại trước một kẻ có ngoại hình lạ lẫm, kì dị.

Theo dõi

Những lí lẽ và bằng chứng tác giả sử dụng để phân tích thái độ của các nhân vật trong truyện đối với Quỳnh.

Chẳng những thế, sự lạc loài khiến mọi tình cảm của một con người bình thường, nếu xuất hiện ở Quỳnh, thì trong mắt bạn bè đều là một cái gì khác thường, kệch cỡm. Tình cảm bạn bè của Quỳnh và Nga là đề tài cho mấy câu vè quái ác của Luận. Không ai tin được bên trong cái dung mạo dị thường của Quỳnh lại tồn tại những tình cảm của một con người bình thường. Ngay cả Nga, dù đã xem Quỳnh là bạn, nhưng khi thấy Quỳnh chép một số bài thơ tình trong sổ tay thì một phản xạ tự nhiên của cô là: "Nga mỉm cười nhủ bụng: hoá ra anh chàng này cũng mơ mộng gớm, thế mà mình cứ tưởng!". Và khi, một cách tình cờ, biết được tình cảm đặc biệt mà Quỳnh dành cho mình thì Nga đã thật sự hoảng sợ: "Cứ hình dung đến cảnh phải đi chơi bên cạnh một con người có cái mũi to tướng và hai vành tai cũng to tướng không kém, lại không ngừng ve vẩy, Nga bất giác rùng mình.".

Những cảm giác của Nga trước Quỳnh là rất chân thực. Đó là cảm giác khi tiếp xúc một cách quá gần gũi với một tồn tại khác mình, lạc loài với mình. Để tô đậm cái thân phận lạc loài của Quỳnh trong mắt Nga, Nguyễn Nhật Ánh đưa ra chân dung của Khải: một cậu học sinh đẹp trai, chững chạc, là học sinh tiên tiến. Cũng như Quỳnh,

Khải thích Nga. Nhưng Khải không mặc cảm như Quỳnh. Ngoại hình dễ ưa và những lợi thế khác khiến Khải tự tin để đến nhà Nga. Và đây là phản ứng của Nga trước hai cách thức bày tỏ tình cảm của hai người bạn trai: "Khi Khải lì lợm "tiến tới" thêm một bước, Nga càng ghét Khải. Với Quỳnh, mọi chuyện không giống như vậy. Tình yêu của Quỳnh là một tình yêu cháy bỏng nhưng lặng lẽ. Nga biết được hoàn toàn do tình cờ. Và Nga chẳng cảm thấy ghét Quỳnh. Nga chỉ sợ.". Rất rõ ràng: với Khải, Nga ghét. Với Quỳnh, Nga sợ. "Ghét" là sự xa cách với đồng loại. Nhưng "sợ" lại là sự xa cách với kẻ khác loại với mình. Nhưng đừng trách cô bé ấy. Phải chăng, sự sợ hãi trước một tồn tại khác loài với mình là một đặc điểm phổ biến của nhân tính?

Chú ý

Quan điểm của tác giả về nhân dạng của con người.

(2) Vậy là, mọi nông nỗi của Quỳnh đều bắt đầu từ ngoại hình dị thường, lạc loài của chú bé ấy. Chứng kiến câu chuyện của Quỳnh, người đọc nhận thấy một sự thật: nhân dạng hoá ra không phải là bề ngoài, một thứ "nước sơn" như lời khẳng định của một câu tục ngữ. Nhân dạng cũng được nhào nặn và xét đoán theo các chuẩn mực giá trị. Nhân dạng là của riêng một cá nhân nhưng nó lại được định giá bởi cộng đồng. Nó không phải chỉ là những cơ quan để thực hiện các chức năng sinh học mà còn được nhào trộn và định giá theo chuẩn mực, quy tắc thẩm mĩ của một cộng đồng. Một kẻ có nhân dạng dị thường, lạc loài khó có thể được chấp nhận có một tâm hồn bình thường trong mắt người khác.

Những nghiên cứu về nhân học cho thấy: trong bất kì một xã hội nào, luôn tồn tại các quy chuẩn. Các quy chuẩn này trong khi thiết lập những giới hạn được xem là hợp thức bao giờ cũng hàm ẩn trong nó sự bãi trừ, gạt bỏ những gì đi chệch ra ngoài giới hạn đã được định ra. Từ đây mà hình thành cặp nhị phân: bình thường và bất bình thường. Bình thường và bất bình thường trong trí tuệ, trong giới tính, trong hành vi,... và cả trong nhân dạng nữa. Trong trường hợp của chú bé Quỳnh, thì sự bất bình thường trong nhân dạng đã mặc nhiên ấn định cho sinh thể bé nhỏ ấy vị thế của một kẻ lạc loài trong mắt đồng loại. Một mặt, bạn bè dành cho Quỳnh một ứng xử đầy khoảng cách và trịch thượng nhưng mặt khác, bản thân Quỳnh cũng thấy ứng xử ấy của cộng đồng là tự nhiên, chú chấp nhận nó, dù trong lặng lẽ, trong buồn tủi nhưng không hề có ý định bất bình và phản kháng. Chuẩn mực, như thế, mang trong nó quyền lực và sức mạnh áp đặt. Nó bắt những cá nhân phải tuân thủ mà không có quyền được phản biện.

Theo dõi

Lí giải của tác giả về cách ứng xử và phản ứng của chúng ta trước một chân dung khác lạ.

Những tiêu chuẩn về nhân dạng tưởng như có tính thẩm mĩ, tưởng như khách quan và đầy nhân tính của chúng ta kì thực là một quyền lực mang trong nó hoạt động loại trừ với những gì còn lại, những gì thuộc về số ít, những gì lệch chuẩn,

những gì dị thường. Điều này giải thích tại sao trong truyện cổ tích, sự kì dị trong nhân hình chỉ là vỏ bọc nhất thời của nhân vật chính diện. Sớm muộn gì thì nhân vật đó cũng trút bỏ lốt ngoài kì dị để tìm được sự hài hoà giữa nhân hình và nhân tính. Lí do: ở thể loại tuy huyễn tưởng trong thế giới hình tượng nhưng lại mang đậm những quy chuẩn của cộng đồng như truyện cổ tích thì một sự lệch pha giữa nhân hình và nhân tính là không được phép tồn tại. Có thể thấy: không chỉ nhân tính mà ngay cả nhân hình cũng đều được phân loại, điều chỉnh bởi những quy chuẩn, đều là những tạo tác mang tính văn hoá.

(3) Từ *Thằng quỷ nhỏ*, tôi muốn đi đến một vài thảo luận về những phẩm chất cần có ở một tác phẩm viết cho thiếu nhi.

Trước tiên, chúng ta vẫn thường nghĩ, một tác phẩm văn học thiếu nhi phải góp phần hình thành những chuẩn mực văn hoá của một cộng đồng trong tâm hồn của trẻ thơ. Điều này không sai, nhưng có lẽ là chưa đủ. Bởi lẽ, cũng cần nhận diện đầy đủ về những gì đã bị đặt ra ngoài chuẩn mực ấy. Không nên đối xử với những ngoại lệ, những bất thường như những gì sai lạc, như những tồn tại thứ cấp mà có lẽ cần hình dung về chúng như những tồn tại khác. Hiểu đó là một tồn tại khác sẽ giúp chúng ta biết tôn trọng những khác biệt chứ không miệt thị và xa lánh. Không hiểu điều đó, thì ngay một đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ nhất cũng có thể có những hành vi thật tàn nhẫn (hãy nhớ lại những chế nhạo tai quái mà Luận dành cho Quỳnh). Trong bối cảnh hiện nay, toàn cầu hoá là một tình thế tồn tại song song, thậm chí là đan xen của những nền văn hoá khác biệt một cách gay gắt. Sự tôn trọng những khác biệt vì thế đang là đạo lí sống của con người trong một thời đại mới. Học cách ứng xử trước những khác biệt ngay trong nội tại một nền văn hoá chính là những trải nghiệm khởi đầu để sống với những khác biệt giữa những nền văn hoá. Chính từ đây mà tác phẩm sẽ là nơi đánh thức và nuôi dưỡng tình yêu thương, sự trân trọng một tồn tại khác với những nỗ lực để thấu hiểu và tôn trọng.

Chú ý

Quan điểm của tác giả về phẩm chất của một tác phẩm văn học thiếu nhi.

Thứ hai, không nên biến những nhân vật trong các tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo. Những nhân vật trong *Thằng quỷ nhỏ* (cũng như nhiều nhân vật khác trong sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh) đều không phải là những nhân vật hoàn hảo. Khải đẹp trai, có tình cảm chân thành nhưng có phần lạm dụng những chiến thuật, tiểu xảo, có lúc nhỏ nhen. Nga nhân hậu nhưng không thật sâu sắc. Luận tinh nghịch, có khi vô tâm nhưng cũng biết chạnh lòng... Đọc *Thằng quỷ nhỏ*, tôi rất có ấn tượng khi Nguyễn Nhật Ánh

Chú ý

Quan điểm của tác giả về nhân vật trong tác phẩm văn học thiếu nhi.

miêu tả cảm giác sợ hãi của Nga trước những nét dị thường trong chân dung của Quỳnh, cái cách Nga chạy trốn khỏi tình cảm của Quỳnh... Một cây bút thiên về cảm hứng hoàn hảo sẽ miêu tả Nga với những cảm thông cao thượng hơn nhưng vì thế sẽ xa lạ hơn và vì thế ý đồ giáo dục của nó cũng lộ liễu hơn và khó được chấp nhận hơn với người đọc hiện nay. Nguyễn Nhật Ánh chọn một giải pháp khác: anh miêu tả một lòng tốt đầy giới hạn mà chúng ta vẫn thường gặp và vì thế đặt người đọc (những cô bé, những cậu bé) trước những giới hạn của chính bản thân mình. Điều này sẽ khơi gợi sự ngẫm ngợi trong lòng người đọc và từ đó hình thành một sự tự điều chỉnh, tự giáo dục trong mỗi đứa trẻ.

Cuối cùng, phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải. Qua lăng kính của một người lớn đã đi qua bao bể dâu của cuộc đời, của tình người, tuổi thơ được phát hiện lại, được trục vớt từ trong những hoài niệm, được chiếu sáng từ những thao thức về giá trị. Một tác phẩm viết cho thiếu nhi sâu sắc, theo tôi, đều phải ít nhiều mang trong mình một tuổi thơ được nhìn từ một lăng kính như thế.

Suy luận

Vì sao tác giả bài nghị luận cho rằng, cần phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải?

(*Theo* Trần Văn Toàn, *Từ "Thằng quỷ nhỏ" của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi*, in trong *Nguyễn Nhật Ánh – Hiệp sĩ của tuổi thơ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr. 146 – 159)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Văn bản bàn luận về vấn đề gì? Theo em, phạm vi của vấn đề bàn luận trong văn bản này có gì khác với văn bản "*Người con gái Nam Xương*" – *một bi kịch của con người*?
2. Xác định các luận điểm chính trong văn bản. Các luận điểm ấy có quan hệ với nhau như thế nào?
3. Đọc phần (1) và cho biết tác giả bài nghị luận đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để phân tích nhân dạng của Quỳnh và thái độ của các nhân vật khác đối với nhân dạng ấy. Em có nhận xét gì về các lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng?
4. Đọc phần (2) và cho biết tác giả có quan điểm như thế nào về nhân dạng của con người. Em hãy dẫn ra một vài lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản giúp làm sáng tỏ quan điểm của tác giả.

5. Trong phần (2), tác giả đã lí giải như thế nào về cách ứng xử của chúng ta trước một nhân dạng đặc biệt? Việc liên tưởng đến truyện cổ tích trong đoạn cuối của phần này có tác dụng gì?

6. Trong phần (3), theo tác giả, một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi cần có những phẩm chất gì? Những câu văn nào giúp em nhận ra điều đó?

7. Trong đoạn cuối của bài nghị luận, tác giả cho rằng: "phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải". Em có suy nghĩ gì về quan điểm này?

8. Nhận xét về nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả thể hiện ở văn bản (cách đặt vấn đề, tổ chức luận điểm, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng, ngôn ngữ,...).

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Không nên biến những nhân vật trong các tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo.

(Trần Văn Toàn, *Từ "Thằng quỷ nhỏ" của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi*)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 7 – 9 câu) chia sẻ suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Thực hành tiếng Việt

CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN TÀI LIỆU

1 Trong hai cách trích dẫn tài liệu sau, cách nào đúng quy định? Dựa vào đâu em xác định như vậy?

a. Cách 1: *Một nền giáo dục phiến diện, có thể sản sinh ra những người nông cạn về tinh thần, những con người một chiều kích.*

Cách 2: *Một nền giáo dục phiến diện, có thể sản sinh ra những người nông cạn về tinh thần, "những con người một chiều kích" như Hơ-bớt Mác-kiu-dơ (Herbert Marcuse) đã nói.*

(Huỳnh Như Phương, *Hãy cầm lấy và đọc*)

b. Cách 1: *Nhưng có một điều chắc chắn, để đi đến đích, em sẽ phải trải qua không ít thử thách, gian nan. Những lúc như vậy, hãy luôn nhớ rằng, "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông." (Nguyễn Bá Học).*

(*Theo* Đoàn Công Lê Huy, *Câu chuyện về con đường*)

Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu

- Khi viết, ta thường tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau để có thể tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, sâu sắc hơn.
- Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn theo nhiều cách. Có thể chọn cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp tuỳ vào mục đích của người viết. Tuy nhiên, dù chọn cách dẫn nào thì người viết cũng cần nêu rõ tác giả được trích dẫn và xuất xứ của tài liệu, đồng thời truyền tải trung thực nội dung ý tưởng, thông tin được trích dẫn để thể hiện sự tôn trọng đối với công sức lao động của người khác và tránh đạo văn. Ví dụ:

Cách 2: *Nhưng có một điều chắc chắn, để đi đến đích, em sẽ phải trải qua không ít thử thách, gian nan. Những lúc như vậy, hãy luôn nhớ rằng, đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*

2 Dấu hiệu nào trong các đoạn trích sau cho thấy người viết tuân thủ quy định khi tham khảo tài liệu và trích dẫn? Từ đó, em rút ra bài học gì trong việc tham khảo và trích dẫn tài liệu?

a. *Vũ Nương trở về dương thế, nhưng chỉ hiện ra "ở giữa dòng mà nói vọng vào: – [...] thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa". Ảo ảnh chập chờn và mau chóng tan biến. Chia li là vĩnh viễn. Người chết chẳng thể nào sống lại: "trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất".*

(Nguyễn Đăng Na,
*"Người con gái Nam Xương" –
một bi kịch của con người*)

b. *Sau này, tâm hồn thi sĩ, ngòi bút tài hoa của Hoàng Cầm cũng khiến ta chẳng thể nào quên nụ cười của những cô gái miền quê Kinh Bắc:*

Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu toả nắng.

(*Bên kia sông Đuống*)
(Lê Quang Hưng, *"Nắng mới" –
sự thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng*)

(1) *Trong mắt mọi người, Quỳnh chỉ là một thằng hề, để tiêu khiển, để mua vui cho đám đông hồn nhiên, vô tâm: "Họ lấy anh làm trò tiêu khiển. Anh giúp họ giải buồn hoặc thoả mãn tính hiếu kì hoặc lấp đầy những phút giây nhàn rỗi.".*

(Trần Văn Toàn,
*Từ "Thằng quỷ nhỏ" của
Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những
phẩm chất của một tác phẩm
viết cho thiếu nhi*)

Ở ví dụ trên, tác giả đã trích dẫn theo cách đặt những câu văn trích từ tác phẩm *Thằng quỷ nhỏ* của Nguyễn Nhật Ánh trong dấu ngoặc kép. Đó là dẫn trực tiếp.

(2) *Trần Đình Sử quan niệm đọc văn chính là hành trình người đọc khám phá ý nghĩa thú vị bên trong tác phẩm văn chương, bởi theo ông, ý nghĩa của tác phẩm là điều có sức hấp dẫn lớn đối với độc giả ("Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa").*

Trong ví dụ trên, ý kiến của nhà nghiên cứu Trần Đình Sử được trích dẫn theo lối gián tiếp.

c. *Từ hơn nửa thế kỉ trước đây, Nguyễn Tuân đã sớm cảm thấy cái sức truyền cảm tuy kín đáo nhưng khó cưỡng lại ấy trong văn chương của Thạch Lam khi viết một câu văn đúng và đẹp lạ lùng: "Đọc "Hai đứa trẻ", thấy bận bịu vô hạn về một tấm lòng quê hương êm mát và sâu kín." (Nguyễn Tuân, "Thạch Lam", trích lại trong "Thạch Lam, văn và đời").*

(Đỗ Kim Hồi, *Thạch Lam – Đôi điều cảm nhận*)

3 Trong tạo lập văn bản, việc không dẫn nguồn tài liệu khi dùng lời hoặc ý của người khác và việc trích dẫn theo cách gián tiếp khác nhau như thế nào?

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Ngày xưa

VŨ CAO[1]

Mẹ tôi ru cháu chiều chiều
Thường là ru mấy câu Kiều cháu nghe:
"Mây Tần khoá kín song the
Bụi hồng lẽo đẽo đi về chiêm bao..."
Tôi rằng: cháu hiểu làm sao
Những câu thơ tự thuở nào, mẹ ơi!
Mẹ nhìn, chẳng trả lời tôi,
Hai tay ôm cháu, mẹ ngồi vẫn ru:
"Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này..."
Con tôi đôi má tròn đầy
Lại ngon giấc ngủ thơ ngây chiều chiều.



Bâng khuâng mẹ nói một điều:
– Nghĩ mà thương phận cô Kiều ngày xưa...

(Vũ Cao, *Thơ với tuổi thơ*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2001)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Bà ru cháu bằng những câu Kiều, mặc dù cháu còn rất nhỏ, chưa thể hiểu được. Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì?
2. Bài thơ cho thấy *Truyện Kiều* đã được tiếp nhận theo những cách nào?
3. Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về sức sống của *Truyện Kiều* trong lòng người dân Việt Nam?
4. Em có nhận xét gì về hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, ngôn từ, hình ảnh, cách tổ chức, sắp xếp ý thơ,...)?

[1] Vũ Cao (1922 – 2007) quê ở Nam Định (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), từng tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Thơ ông thường viết về đề tài kháng chiến và những tình cảm cách mạng, ngôn ngữ và hình ảnh thơ trẻ trung, tươi mới và giàu cảm xúc. Tác phẩm tiêu biểu: *Núi Đôi* (thơ, 1956), *Đèo Trúc* (thơ, 1973), *Từ một trận địa* (truyện ngắn, 1973),...

Viết

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện)

Trong bài 1 và bài 3, em đã được khám phá vẻ đẹp của truyện truyền kì và truyện thơ Nôm. Ở những lớp trước, em cũng đã được học nhiều tác phẩm truyện hiện đại. Phần Viết của bài học này sẽ hướng dẫn em cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện, trên cơ sở đó, em được củng cố tri thức về thể loại truyện, đồng thời tiếp tục rèn luyện nhằm nâng cao kĩ năng phân tích tác phẩm văn học.

Yêu cầu:

- Giới thiệu khái quát tác phẩm truyện cần phân tích (nhan đề, tác giả, thể loại), nêu nhận xét chung về tác phẩm.
- Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ người kể chuyện, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.
- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

Phân tích bài viết tham khảo

Nốt nhạc trầm trên đỉnh non cao

Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) là nhà văn có sở trường về truyện ngắn và bút kí. Sáng tác của ông ghi được dấu ấn trong lòng người đọc bởi sự nhẹ nhàng, trong trẻo mà sâu lắng; bởi tình yêu và sự gắn bó thiết tha với đất nước, con người. *Lặng lẽ Sa Pa* – một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của ông – được hoàn thành sau chuyến đi thực tế Lào Cai năm 1970, thuộc mảng đề tài cuộc sống và con người miền Bắc trong công cuộc lao động và dựng xây đất nước. Truyện có sức hấp dẫn bởi tình huống truyện độc đáo, nhân vật được xây dựng bằng bút pháp lí tưởng hoá, không khí truyện thấm đẫm chất thơ, ẩn chứa những thông điệp sâu xa.

Giới thiệu và nêu nhận xét khái quát về tác phẩm.

Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm.

Sự cống hiến, hi sinh lặng thầm của những người lao động bình dị là chủ đề nổi bật của *Lặng lẽ Sa Pa*. Chủ đề ấy được thể hiện qua một số nhân vật, trong đó rõ nét nhất là hình tượng anh thanh niên. Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống và làm việc trong hoàn cảnh khắc nghiệt: một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2 600 mét, quanh năm chỉ có cây cỏ với mây mù. Không phải công việc, mà chính nỗi cô đơn mới là thử thách khó vượt qua nhất với anh. Chi tiết anh thanh niên lăn cây chặn đường để có thể gặp được bất cứ ai cho vơi bớt nỗi "thèm người" đã gây cho người đọc ấn tượng thật khó quên ngay khi nhân vật mới được giới thiệu.

Bằng việc chọn lựa các chi tiết đắt giá, nhà văn đã làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp nơi anh: tinh thần trách nhiệm, lí tưởng sống cao đẹp và thái độ sống tích cực trước gian khổ, khó khăn. Mưa tuyết dữ dội lúc 1 giờ sáng không làm anh bỏ cuộc. Sự yên lặng đáng sợ của non cao không khuất phục được anh. Đó là bởi anh ý thức sâu sắc ý nghĩa công việc mình làm. Nó giải toả nỗi cô đơn của anh. Nó giúp anh hiểu công việc chính là sợi dây vô hình kết nối giữa anh và đồng đội, khiến anh cảm thấy sống "thật hạnh phúc" bởi được góp sức vào sự nghiệp chung.

Dưới ngòi bút của Nguyễn Thành Long, anh thanh niên còn là người biết tổ chức cuộc sống. "Thế giới" sống của anh gắn với vườn hoa, với một khung cảnh sinh hoạt ngăn nắp, những trang sách như từng ô cửa kết nối anh với thế giới bên ngoài đỉnh Yên Sơn bốn mùa mây phủ. Trong cư xử với mọi người, anh cũng rất ấm áp, chân tình. Từ việc tặng củ tam thất cho vợ bác lái xe, cắt hoa tặng cô kĩ sư đến việc từ chối khi người hoạ sĩ muốn kí hoạ chân dung của mình,... tất cả đều cho thấy sự ân cần, chu đáo và khiêm tốn của một chàng trai trẻ.

Có thể nói, những nhân vật như anh thanh niên, ông kĩ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét đã giúp Nguyễn Thành Long làm sáng tỏ chủ đề của tác phẩm. Câu chuyện về họ khiến người ta hiểu hơn về cái "lặng lẽ" của Sa Pa. Sa Pa lặng lẽ đâu chỉ bởi "những dinh thự cũ kĩ" mà chỉ nghe tên người ta đã "nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi". Cái lặng lẽ của Sa Pa là giai âm của những nốt nhạc trầm trên đỉnh non cao, nó hoà vào bài ca lao động dựng xây đất nước trong một giai đoạn đầy khó khăn, thử thách.

Bên cạnh chủ đề về lẽ sống, truyện còn thể hiện những suy ngẫm của nhà văn về giới hạn của nghệ thuật trước cuộc đời. Đứng trước anh thanh niên, người hoạ sĩ cảm thấy rõ "sự bất lực của nghệ thuật". Những suy tư của ông: Làm thế nào "cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà hoạ sĩ vào giữa bức tranh đó?"... chính là những trăn trở về việc làm sao để thể hiện được một cách chân thật nhất vẻ đẹp của những con người

bình dị quanh mình, kéo nghệ thuật lại gần hơn với đời sống. Chất liệu của sáng tác đã có, nhưng để "hoàn thành được sáng tác", người nghệ sĩ còn cần có tài năng và trái tim ấm nóng tình người.

Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Không chỉ mang thông điệp giàu ý nghĩa nhân văn, *Lặng lẽ Sa Pa* còn hấp dẫn người đọc bởi nghệ thuật kể chuyện độc đáo. Nhà văn đã sáng tạo được tình huống truyện bất ngờ, ấy là cuộc gặp gỡ ngắn ngủi mà thú vị giữa người hoạ sĩ già, cô kĩ sư trẻ và anh thanh niên trong một chuyến đi qua Sa Pa. Tình huống ấy giống như một lát cắt, một khoảnh khắc đắt giá của đời sống, qua đó chân dung nhân vật được hiện hình sắc nét, tư tưởng của tác phẩm thấm vào người đọc một cách tự nhiên. Nghệ thuật tạo dựng không khí truyện cũng rất đáng chú ý. Tác phẩm được bao bọc trong không gian ngập tràn ánh sáng, đầy chất thơ. Không gian Sa Pa "bắt đầu với những rặng đào", các đồng cỏ, để rồi mở ra một vùng thiên nhiên "đẹp lạ kì" với những cây thông "rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc", những ngọn đèo "mạ bạc", những rừng cây "hừng hực như một bó đuốc lớn" dưới mặt trời, những bông hoa muôn hồng ngàn tía "rực rỡ". Phải là không gian đầy màu sắc và ánh sáng, thanh khiết và trong trẻo ấy mới có thể tương ứng và làm nền cho những con người lặng lẽ toả sáng giữa non cao. Ngôn ngữ tác phẩm cũng nhẹ nhàng, tinh tế, đầy chất trữ tình. Những từ ngữ như "lặng lẽ", "im lặng", "lặng yên" được lặp lại nhiều lần là có dụng ý. Chúng vừa thể hiện được không khí lặng lẽ, mơ màng của cảnh vật, vừa diễn tả được những khoảng trầm tư của lòng người và khắc sâu hơn sự hi sinh âm thầm của những con người đang sống và làm việc nơi đây. Không đặt tên cho các nhân vật cũng là một dụng ý nghệ thuật của Nguyễn Thành Long. Dường như với ông, họ là những con người bình dị như bao người giữa cuộc đời này, "Không ai nhớ mặt đặt tên/ Nhưng họ đã làm ra Đất Nước" (Nguyễn Khoa Điềm). Nhìn sâu hơn, trong những nhân vật mang tính chất "vô danh" ấy, chỉ có anh thanh niên không được xưng hô bằng những từ ngữ gắn với nghề nghiệp đặc thù. Phải chăng, khi gọi nhân vật là "anh thanh niên", nhà văn muốn nhấn mạnh hơn, tập trung hơn vào sự cống hiến của thế hệ trẻ, của tuổi trẻ trong sự nghiệp dựng xây đất nước? Điều này giúp tăng tính khái quát cho hình tượng nhân vật.

Khẳng định giá trị và ý nghĩa của tác phẩm.

Có thể nói, *Lặng lẽ Sa Pa* là một truyện ngắn tiêu biểu, giàu sức gợi của Nguyễn Thành Long. Tuy đã ra đời cách đây hơn nửa thế kỉ, nhưng tác phẩm vẫn đem đến cho người đọc hôm nay nhiều rung cảm trước một lối văn nhẹ nhàng, trong sáng, thấm đượm chất trữ tình và những bài học, suy ngẫm về lí tưởng, lẽ sống.

(*Nhóm biên soạn*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Trong chương trình Ngữ văn cấp Trung học cơ sở, em đã được học nhiều tác phẩm truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện ngắn hiện đại,... Hãy lựa chọn một tác phẩm mà mình yêu thích để phân tích. Em có thể phân tích toàn bộ tác phẩm hoặc chỉ lựa chọn một đoạn trích, một khía cạnh tiêu biểu. Các tác phẩm truyện thơ Nôm thường tương đối dài, bởi vậy em nên lựa chọn trích đoạn biểu đạt một nội dung trọn vẹn, có độ dài vừa phải. Chẳng hạn, với *Truyện Kiều*, em có thể phân tích đoạn miêu tả vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều, đoạn Kiều thề nguyền cùng Kim Trọng, đoạn Kiều ở lầu Ngưng Bích hay đoạn Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều,... Đối với những tác phẩm truyện truyền kì hay truyện ngắn hiện đại có dung lượng vừa phải, em có thể phân tích trọn vẹn tác phẩm hoặc lựa chọn một khía cạnh tiêu biểu để phân tích, chẳng hạn: bi kịch của người phụ nữ trong *Chuyện người con gái Nam Xương* hoặc hình tượng các cô gái thanh niên xung phong trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi*,...

Mục đích viết

Phân tích để làm rõ nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm truyện.

Người đọc

Những người quan tâm đến thể loại truyện và có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn về tác phẩm được phân tích.

b. *Tìm ý*

Để tìm ý cho bài văn phân tích một tác phẩm truyện, em có thể đặt ra và trả lời các câu hỏi sau:

– *Nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là gì? Có thể phân tích chủ đề ấy như thế nào?*

Làm rõ nội dung chủ đề là một yêu cầu cơ bản của bài văn phân tích tác phẩm truyện. Theo bài viết tham khảo, chủ đề của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* là sự cống hiến và hi sinh thầm lặng của những người lao động bình dị. Từ đó, bài viết phân tích chủ đề qua hình tượng anh thanh niên – nhân vật chính của tác phẩm. Bài viết tham khảo cũng phân tích một nội dung chủ đề khác của truyện là những trăn trở, suy ngẫm của nhà văn về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời.

– *Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có những nét đặc sắc gì về nghệ thuật? Những nét đặc sắc đó đem đến hiệu quả thẩm mĩ như thế nào?*

Bên cạnh đặc trưng chung của thể loại truyện, mỗi tác phẩm ra đời trong các thời kì khác nhau, thuộc các thể loại truyện khác nhau sẽ có những đặc điểm riêng. Với truyện truyền kì, khi phân tích đặc sắc về hình thức nghệ thuật, em cần chú ý các yếu tố cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian nghệ thuật, chi tiết,... đặc biệt là tác dụng

của các yếu tố kì ảo. Với truyện thơ Nôm, em cần tập trung làm rõ sự kết hợp giữa yếu tố tự sự với yếu tố trữ tình. Đối với truyện ngắn hiện đại, em cần chú ý đến các vấn đề như ngôi kể, cốt truyện, ngôn ngữ, nghệ thuật kể chuyện mang đặc trưng của thời hiện đại,... Em không nhất thiết phải phân tích tất cả các nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm, mà nên đi sâu khai thác những yếu tố tiêu biểu, hơn nữa cần chú ý làm nổi bật những yếu tố thể hiện rõ đặc trưng thể loại. Bài viết tham khảo đã lựa chọn phân tích hiệu quả thẩm mĩ của tình huống truyện, nghệ thuật tạo dựng không khí truyện, ngôn ngữ và nghệ thuật xây dựng nhân vật.

– *Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có giá trị, ý nghĩa gì?*

Sau khi phân tích, em cần nêu được thông điệp mà tác giả gửi gắm và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Bài viết tham khảo đã khái quát giá trị của tác phẩm, từ đó giúp người đọc hiểu hơn về sức hấp dẫn của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.

c. *Lập dàn ý*

Em cần sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý chặt chẽ, hợp lí. Có thể tổ chức theo nhiều cách khác nhau (phân tách nội dung và nghệ thuật: phân tích nội dung trước, nghệ thuật sau hoặc ngược lại; phân tích theo các vấn đề chính trong tác phẩm truyện). Gợi ý:

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả, thể loại) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.

– *Thân bài*:

+ Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (phân tích hiện thực đời sống; hình tượng con người; tư tưởng, tình cảm của nhà văn;...), có lí lẽ và bằng chứng.

+ Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ người kể chuyện, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng, có lí lẽ và bằng chứng.

– *Kết bài*: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

2 VIẾT BÀI

– Triển khai bài viết trên cơ sở dàn ý đã lập. Tuy vậy, nội dung bài viết có thể có thay đổi so với dàn ý nếu cần thiết.

– Chú ý đảm bảo yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học, bám sát đặc trưng thể loại truyện:

+ Tổ chức hệ thống luận điểm hợp lí, mỗi luận điểm cần được phân tích, chứng minh bằng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, tránh kể lại nội dung văn bản.

+ Tập trung vào những nét nổi bật của tác phẩm, tạo điểm nhấn cho bài viết.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm truyện và dàn ý đã lập để chỉnh sửa các phần. Việc chỉnh sửa cần chú ý các vấn đề sau:

– Nếu thiếu các thông tin giới thiệu tác giả, tác phẩm thì cần bổ sung.

– Nếu việc phân tích nội dung chủ đề và các yếu tố nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm chưa đủ rõ, chưa chính xác thì cần chỉnh sửa.

– Nếu các luận điểm chưa chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng chưa đạt yêu cầu, thiếu sức thuyết phục thì cần chỉnh sửa.

– Điều chỉnh dung lượng các ý để đảm bảo bài viết có bố cục hợp lí.

– Rà soát và chỉnh sửa lỗi chính tả, diễn đạt để đảm bảo chuẩn mực về ngôn ngữ.

Nói và nghe

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (*Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*)

Trong Chương trình Trung học cơ sở, em đã được làm quen với nhiều môn học, trong đó có môn Ngữ văn. So với các môn học khác, môn Ngữ văn có đặc thù vừa là môn học công cụ, vừa là môn học mang tính thẩm mĩ – nhân văn. Học tốt môn Ngữ văn vừa giúp em phát triển các năng lực chung, vừa phát triển năng lực đặc thù gắn với môn học (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học). Những năng lực ấy sẽ là hành trang quan trọng giúp em vững bước, trưởng thành. Chắc hẳn em đã từng trăn trở làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn. Trong phần Nói và nghe của bài học này, em hãy tập trung thảo luận vấn đề làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn, từ đó sẽ có được tâm thế chủ động, tích cực trong học tập.

1 TRƯỚC KHI THẢO LUẬN

– Để chuẩn bị cho hoạt động thảo luận, trước hết cần thực hiện các bước: thành lập nhóm, phân công người điều hành (chủ trì) và thư kí, thống nhất nguyên tắc thảo luận như đã thực hành ở bài 2.

– Do phạm vi đề tài thảo luận có thể mở rộng hoặc thu hẹp một cách linh hoạt nên cần xác định quy mô và thời gian thảo luận: Nếu quy mô lớn và thời gian dài, vấn đề thảo luận sẽ được bàn luận rộng và sâu hơn. Nếu quy mô nhỏ và thời gian ngắn, cần lựa chọn những khía cạnh tiêu biểu của vấn đề để thảo luận.

Mục đích thảo luận

Làm rõ cách tiếp cận hiệu quả đối với môn Ngữ văn, từ đó có tâm thế chủ động, tích cực và phương pháp học tập phù hợp để đạt được mục tiêu một cách thuận lợi.

Người nghe

Những người quan tâm đến vấn đề được thảo luận, muốn tham gia và đóng góp ý kiến trong buổi thảo luận.

– Mỗi thành viên tham gia thảo luận cần chuẩn bị ý tưởng và nội dung thảo luận. Để bàn luận về những cách thức, phương pháp học tập hiệu quả môn Ngữ văn, em cần tìm hiểu những nội dung cụ thể sau:

+ Ngữ văn cũng là một môn học như tất cả các môn học khác, vì vậy, để học tốt môn này, em cần có những phương pháp học tập chung. Hãy suy nghĩ các phương pháp chung ấy là gì.

+ Ngữ văn còn là một môn học có những nét đặc thù, đặt ra yêu cầu về phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho học sinh. Em cần có phương pháp học tập như thế nào để đáp ứng những đặc trưng của môn học? (Có thể tự đặt ra và trả lời các câu hỏi như: *Vì sao học môn Ngữ văn cần phải mở rộng vốn đọc? Cần đọc những gì, đọc như thế nào? Vì sao học Ngữ văn cần phải chú ý thực hành kĩ năng viết? Để viết tốt các kiểu văn bản, ta cần phải làm gì? Học Ngữ văn có liên quan gì đến vốn sống, vốn trải nghiệm của mỗi người? Học Ngữ văn không chỉ là học đọc và viết, mà còn là học nói và nghe, vậy cần phải rèn luyện kĩ năng nói và nghe như thế nào?...*)

2 THẢO LUẬN

– Mở đầu: Người chủ trì nêu vấn đề thảo luận đã được thống nhất ở phần chuẩn bị.

– Triển khai:

+ Mỗi thành viên phát biểu ý kiến dưới sự điều hành, kết nối của người chủ trì.

+ Người chủ trì nhắc nhở nếu người tham gia thảo luận phát biểu quá thời gian quy định.

+ Những thành viên khác lắng nghe và trao đổi.

Khi thảo luận, người nói và người nghe cần chú ý:

Người nói	Người nghe
• Đưa ra ý kiến thảo luận đúng chủ đề, bám sát mạch thảo luận, tránh nói lạc đề, xa đề, thiếu kết nối với các ý kiến thảo luận trước đó. • Các ý kiến được làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng xác đáng. • Trình bày rõ ràng, mạch lạc; kết hợp giữa lời nói, cử chỉ, điệu bộ và các phương tiện hỗ trợ (nếu có). • Đảm bảo thời gian theo quy định.	• Lắng nghe với tinh thần tôn trọng người nói; ghi chép các nội dung chính trong ý kiến phát biểu của mỗi thành viên tham gia thảo luận và những chỗ cần trao đổi với người nói. • Ý kiến trao đổi cần rõ ràng, ngắn gọn; có thể đặt ra các câu hỏi để người nói giải đáp.

– Kết thúc: Người chủ trì tổng kết những nội dung chính đã thảo luận, khẳng định ý nghĩa thiết thực của việc thảo luận về vấn đề: *Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*; cảm ơn sự đóng góp của các thành viên tham gia.

3 ĐÁNH GIÁ

– Đánh giá ý nghĩa của vấn đề thảo luận, chất lượng các ý kiến phát biểu. Việc đánh giá nội dung cuộc thảo luận cần tập trung vào các yêu cầu sau:

+ Thảo luận đúng chủ đề: *Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*

+ Các ý kiến thảo luận tập trung, không tản mạn.

+ Thông qua thảo luận, tìm được phương pháp, cách thức học tập môn Ngữ văn một cách hiệu quả.

– Trao đổi, rút kinh nghiệm về cách sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ cơ thể và các phương tiện hỗ trợ; về cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận. Việc đánh giá cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận cần tập trung vào các yêu cầu sau:

+ Xây dựng được tinh thần dân chủ và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

+ Những người tham gia thảo luận (chủ trì, thư kí, thành viên) thực hiện đúng vai trò của mình.

+ Thực hiện đúng tiến trình tổ chức một cuộc thảo luận.

Củng cố, mở rộng

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện luận đề, hệ thống luận điểm và những lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu của mỗi luận điểm trong hai văn bản: *"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người* và *Từ "Thằng quỷ nhỏ" của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi.*

2. Chỉ ra sự tương đồng và khác biệt trong cách đặt vấn đề và cách tổ chức luận điểm của hai văn bản *"Người con gái Nam Xương" – một bi kịch của con người* và *Từ "Thằng quỷ nhỏ" của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi.* Từ đó, em rút ra bài học gì khi thực hành viết bài văn nghị luận văn học?

3. Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) phân tích vẻ đẹp ngôn từ của một đoạn trích truyện thơ Nôm hoặc tác dụng của yếu tố kì ảo trong một truyện truyền kì, trong đó có sử dụng cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Luận đề của văn bản.
- Hệ thống luận điểm và cách triển khai luận điểm.
- Cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.
- Ngôn ngữ của bài nghị luận.

Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng, một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường

NGUYỄN KHẮC PHI[1]

Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng

(Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng)

LÝ BẠCH[2]

Phiên âm:

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

Dịch nghĩa:

Bạn cũ rời khỏi lầu Hoàng Hạc, ở phía tây,
Xuôi xuống Dương Châu giữa tháng Ba mùa hoa khói
Bóng cánh buồm lẻ loi xa lẩn trong khoảng không xanh biếc,
Chỉ thấy Trường Giang chảy miệt bên trời.

[1] Nguyễn Khắc Phi sinh năm 1934, quê ở Hà Tĩnh, là nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Một số công trình tiêu biểu: *Thơ văn cổ Trung Hoa – Mảnh đất quen mà lạ* (1999), *Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc qua cái nhìn so sánh* (2001), *Nguyễn Khắc Phi tuyển tập* (2006), *Văn học Trung đại Việt Nam – Nghiên cứu và bình luận* (2018).
[2] Lý Bạch (701 – 762) là nhà thơ lớn thời Đường (Trung Quốc). Ông đã để lại hơn một nghìn bài thơ, được tôn là "thi tiên" (bậc tiên thơ).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Dịch thơ:

Bạn từ lầu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng.
Bóng buồm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.

(Ngô Tất Tố *dịch*, in trong *Thơ Đường*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987, tr. 74)

Những cuộc đưa tiễn bao giờ cũng để lại trong lòng người đi, kẻ ở những ấn tượng và kỉ niệm khó quên. Trong xã hội xưa, khi điều kiện đi lại và trao đổi thư từ còn rất khó khăn, những cuộc chia tay càng dễ để lại cho đôi bên những nỗi nhớ nhung, lo âu thấp thỏm. Đó là những lí do giải thích vì sao "thơ tống biệt", nói đầy đủ hơn là "thơ tống hành tặng biệt" (thơ tiễn chân và thơ từ biệt) chiếm một tỉ lệ khá cao trong văn học cổ điển. Lý Bạch là một người giao thiệp rất rộng, tính tình hồn nhiên cởi mở, suốt đời đi lại xê dịch nên tác phẩm viết về đề tài tiễn biệt chiếm tỉ lệ rất cao trong sự nghiệp thơ văn của ông.

[...] Lần tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng, lòng nhà thơ cũng nao nức, xao động song rung động theo một kiểu khác và được biểu hiện hoàn toàn khác.

Hai câu thơ mở đầu thiên về nói tới người ra đi (Mạnh Hạo Nhiên) và tường thuật sự việc (nêu lên đầy đủ các yếu tố của một cuộc đưa tiễn) song trong đó vẫn chứa đựng bao niềm lưu luyến của người đưa tiễn.

Không bao lâu sau khi rời khỏi quê hương, Lý Bạch đã kết giao với Mạnh Hạo Nhiên, nhà thơ tiền bối, nhà thơ hơn mình đến hơn chục tuổi và bấy giờ danh tiếng đã lừng lẫy. Lý Bạch luôn nói về người bạn vong niên ấy với tất cả sự tôn kính và ngưỡng mộ:

Ngô ái Mạnh phu tử,
Phong lưu thiên hạ văn...

(*Ta yêu Mạnh phu tử đã nổi tiếng phong lưu khắp thiên hạ...*)

Mối quan hệ đặc biệt thân tình ấy đã thể hiện đầy đủ, sinh động qua chỉ một từ "cố nhân". Lý Bạch là "chủ" tiễn khách song không phải là tiễn khách tại nhà mình, quê mình, thậm chí cũng không phải là nơi nhiệm sở như trường hợp Bạch Cư Dị ở *Tỳ bà hành* mà là tiễn khách nơi đất khách, ở một điểm dừng chân trên bước đường ngao du, hơn nữa, lại là một thắng tích nổi tiếng gắn với những truyền thuyết từng làm xao động tâm hồn bao thế hệ. Cuộc tiễn chân diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật, trong

không khí cực kì phồn vinh của xã hội Thịnh Đường. Bạn ra đi giữa một ngày xuân đẹp (*tam nguyệt, yên hoa*), bạn đi về Dương Châu, thành phố phồn hoa nổi tiếng nhất của cả vùng Giang Nam đương thời mà Lý Bạch trước đó đã từng đặt chân tới. Cho nên, qua lời thơ bề ngoài có vẻ như trung tính, đạm bạc, ta không chỉ thấy phút giây bịn rịn của buổi tiễn đưa mà còn thấy sự nao nức của người đưa tiễn. Dường như do một lí do đặc biệt nào đó mà Lý Bạch không thể cùng đi với Mạnh Hạo Nhiên về Dương Châu đấy thôi. Đó chính là cái nền vững chắc tạo điều kiện cho việc xây dựng tứ thơ bay bổng ở hai câu tiếp theo.

Nhận xét về hai câu thơ trên cũng như cách mở đầu thường thấy ở thơ tứ tuyệt Lý Bạch, có nhà nghiên cứu nhận định: "Nhiều bài trường thi, ca hành của Lý Bạch thường hạ bút vang dội, khí thế khác thường, đem đến sức truyền cảm nghệ thuật kinh hồn bạt vía cho người đọc song phần mở đầu thơ tuyệt cú của ông lại thường bình dị tự nhiên, chẳng có gì là đột ngột, gân guốc, tựa như nhìn không thấy sự suy nghĩ quá sâu xa, tinh tường. Ở hai câu đầu, nhà thơ thường chỉ tường thuật một cách giản đơn hoàn cảnh hoặc nguyên do sự việc mà thôi. Bài thơ này cũng không phải là ngoại lệ"[1]. Ngôn từ không chỉ bình dị tự nhiên mà lại còn sát hợp. Các dòng sông lớn ở Trung Quốc thường chảy theo hướng tây – đông, Hoàng Hạc lâu lại ở phía trên dòng nên đặt trạng ngữ "tây" trước động từ "từ", dùng động từ "há" trước Dương Châu là rất chuẩn xác. Động từ "từ" (từ giã, từ biệt) được sử dụng khá đắt, mang sắc thái biểu cảm và có tác dụng gợi cảm cao. Tác giả nói mình đưa tiễn "cố nhân" song không nói cố nhân từ giã mình mà lại nói "từ biệt lầu Hoàng Hạc". Như vậy, vừa kết hợp xác định địa điểm đưa tiễn, vừa đem lại cho bản thân hình ảnh lầu Hoàng Hạc một ý nghĩa hoán dụ, lại vừa gợi cho độc giả liên tưởng tới động tác, tâm tư của cả người đi, kẻ ở: sau khi tiễn bạn ở bến sông, có lẽ Lý Bạch đã vội rời chân *lên tít lầu cao* để tiếp tục ngóng theo và Mạnh Hạo Nhiên, sau khi lên thuyền, có lẽ cũng đang ngước trông lên lầu cao tiếp tục vẫy tay từ biệt.

Hai câu đầu đã được người xưa gọi là "lệ cú" (câu đẹp), danh cú, song ai cũng thừa nhận hai câu sau mới là linh hồn của cả bài thơ. Hầu hết hai câu kết ở những bài thơ thuộc đề tài tống biệt của Lý Bạch đều dùng cảnh để biểu hiện tình (dụng cảnh kết tình) song thủ pháp rất đa dạng. *So sánh, nhân cách hoá, đồng nhất tình và cảnh* là những thủ pháp hay được sử dụng.

Nhân cách hoá như:

Xuân phong tri biệt khổ

Bất khiển liễu điều thanh.

---

[1] Chiêm Anh – Trương Thuỵ Quân, *Lý Bạch đại từ điển*, Quảng Tây giáo dục xuất bản xã, 1995, tr. 473 (chú thích của tác giả Nguyễn Khắc Phi).

(*Gió xuân xót li biệt,*

Chẳng khiến liễu xanh cành.)

(*Lao Lao đình*, Tương Như *dịch*)

Người xưa có tập tục bẻ cành liễu để tặng người đi xa. Đến vật vô tri như gió xuân cũng thấu hiểu nỗi đau xót của tình li biệt.

So sánh như:

Thỉnh quân thí vấn đông lưu thuỷ,

Biệt ý dữ chi thuỳ đoản trường.

(*Xin bạn thử hỏi dòng nước chảy về đông xem tình ý biệt li và dòng nước bên nào ngắn bên nào dài.*)

(*Từ biệt nơi quán rượu Kim Lăng làm thơ để lại*)

Không riêng gì Lý Bạch, các nhà thơ cổ điển lúc viết thơ tống biệt vẫn hay dùng những thủ pháp ấy, thậm chí đôi lúc còn viết những câu thơ hao hao câu thơ trong bài *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng.*

Như Hứa Hồn ở đời Đường:

Li tâm bất dị Tây Giang thuỷ,

Trực tống chinh phàm vạn lí hành.

(*Tình biệt li chẳng khác gì dòng nước sông Tây Giang đưa mãi cánh buồm người ra đi tới nơi vạn dặm.*)

[...] Đọc lại tất cả những câu thơ trên kể cả những câu của Lý Bạch, rồi so sánh chúng với hai câu cuối của bài thơ đang phân tích, ta có thể lí giải vì sao xưa nay hai câu thơ đó đã được đánh giá cao đến nhường ấy.

Ở tất cả những câu thơ vừa dẫn, đâu ta cũng thấy dấu vết ít nhiều rõ rệt của nỗi lòng con người: "biệt khổ", "biệt ý", "li tâm", còn ở *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*, tình đã hoà tan vào cảnh. Dù có cường điệu mối tình li biệt đến bao nhiêu chăng nữa, cho dù là dài hơn "nước sông Tây Giang", dài hơn "dòng nước chảy về đông" thì vẫn là có giới hạn và có thể so sánh được. Mối tình của Lý Bạch ở lầu Hoàng Hạc lúc tiễn Mạnh Hạo Nhiên thì không gì có thể đưa ra so sánh, nó không thể so sánh với sông Trường Giang, không thể so sánh với bầu trời, hay nói chuẩn xác hơn, cả sông Trường Giang, cả bầu trời đều không thể so sánh với nó mà nó hoà tan man mác vào cả bầu trời mông mênh, vào cả dòng sông bất tận, vào cả vũ trụ bao la vì cuối cùng cả bầu trời và dòng sông cũng đã hoà nhập làm một! Đáng chú ý là

hai câu thơ đã vẽ ra một cảnh tượng mênh mông song đồng thời cũng khắc hoạ được những đường nét tinh tế. Từ bản thân "chiếc buồm cô độc", đến "bóng" của nó, đến bóng "xa"... xa dần của nó cho đến lúc nó mất hút vào bầu trời bát ngát là cả một quá trình, quá trình chuyển dịch ngày càng xa của con thuyền và quá trình ngóng trông theo vời vợi của cặp mắt người đưa tiễn. Thuyền đã mất hút song người tiễn đưa vẫn còn đứng đó, chơ vơ, đơn côi trên lầu Hoàng Hạc. Chiếc buồm hẳn là màu trắng; mảng trắng, vệt trắng rồi điểm trắng ấy, dưới bầu trời biếc, trên dòng nước mùa xuân trong xanh hẳn là "mục tiêu" dễ thấy, dễ tăng cường thị lực Lý Bạch, song quan trọng hơn là từ phía Lý Bạch, dù ở thời Thịnh Đường thuyền bè đi lại trên sông Trường Giang tấp nập như lá tre, tất cả thị lực của Lý Bạch chỉ đặt vào ở một điểm duy nhất đó mà thôi!

Hai câu cuối, bên ngoài như vẫn tiếp tục nói về người ra đi song thực chất đã chuyển sang nói tâm tình người ở lại. Bên ngoài như là thơ tả cảnh thuần tuý – mà xét về yêu cầu tả cảnh cũng đạt mức xuất sắc – song thực chất là tả tình.

Hàm súc, khêu gợi, ý tại ngôn ngoại, lời cạn ý sâu, lấy cảnh nói tình, từ nhỏ thấy lớn... tất cả những đặc trưng thi pháp ấy của thơ Đường nói chung, của thơ tuyệt cú nói riêng, chúng ta đều có thể tìm thấy trong sự thể hiện mẫu mực ở *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* của Lý Bạch.

(Theo *Nguyễn Khắc Phi tuyển tập*, NXB Giáo dục, 2006, tr. 908 – 914)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 5

ĐỐI DIỆN VỚI NỖI ĐAU

Nỗi đau là một phần của cuộc sống, chúng ta có thể học cách sống với nó và hướng tới hạnh phúc.

Ca-ren Xan-man-xon (Karen Salmansohn)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Cuộc sống có niềm vui, nỗi buồn, nụ cười, nước mắt,... Có những lúc, con người phải đối mặt với thử thách, rơi vào mâu thuẫn khó giải quyết, chịu đựng đau đớn và mất mát. Văn học, bằng cách thể hiện những tình thế gay gắt, những sự việc bi thảm,... đã khơi dậy nỗi xúc động thống thiết, đem đến những trải nghiệm căng thẳng và lo âu sâu sắc cho người đọc. Qua đó, văn học đồng thời hướng ta đến những tình cảm nhân văn cao cả, thôi thúc ta hành động tích cực, xứng đáng với hai chữ Con Người.
- Các kịch bản thuộc thể loại bi kịch và truyện ngắn kết nối về chủ đề trong bài học này thể hiện những tình huống đau đớn của con người, giúp em nhận diện sự phong phú, phức tạp của cuộc sống. Niềm thương cảm và nỗi khiếp sợ sẽ gợi ra cho em những suy tư về khả năng loại bỏ những điều tương tự trong các quan hệ đời sống.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.
- Nhận biết được đặc điểm của câu rút gọn, câu đặc biệt và hiểu được chức năng của các kiểu câu này để sử dụng một cách hiệu quả.
- Viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Coi trọng những giá trị nhân văn cao đẹp; lựa chọn hành động và cách ứng xử phù hợp để có được hạnh phúc chân chính.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Bi kịch

- Bi kịch là một thể loại của kịch, thể hiện xung đột không thể giải quyết giữa khát vọng cao đẹp của con người với khả năng, tình thế thực hiện. Xung đột bi kịch nảy sinh do mâu thuẫn giữa cái thiện với cái ác, cái cao cả với cái thấp hèn, cái mới với cái cũ, cái tiến bộ với cái phản tiến bộ, giữa các mặt khác nhau của tính cách, giữa mong muốn chủ quan và điều kiện khách quan, giữa các giá trị khác nhau của đời sống,... Các xung đột này tạo nên bởi hành động có ý thức của nhân vật trong việc thực hiện cái tất yếu mà nó tự thấy trước là không tránh khỏi bị tai hoạ. Qua hành động, nhân vật bộc lộ tính cách, phẩm chất của mình. Nhân vật bi kịch có sức mạnh lớn lao, phẩm chất cao cả, mang trong mình những lí tưởng, khát vọng đẹp đẽ,... nhưng phải đối mặt với số phận nghiệt ngã, những quyết định khó khăn, sự không thuận lợi của hoàn cảnh,... Lời thoại của nhân vật thường thể hiện sự căng thẳng, những giằng xé nội tâm, có tính hùng biện, triết lí, hoặc có tính chất mĩ lệ, trau chuốt,...

- Đề tài của bi kịch thường mượn từ lịch sử hay huyền thoại, đề cập những vấn đề lớn, có tính vĩnh cửu của cuộc sống con người. Cốt truyện của bi kịch biểu thị chuỗi hành động tuân theo quy tắc nhân quả, dẫn tới kết cục bi thảm của nhân vật chính. Kết thúc bi thảm của nhân vật có ý nghĩa thức tỉnh, dự báo một cái gì tốt đẹp hơn sẽ nảy sinh trong cuộc sống và trong mỗi con người.

Câu rút gọn và câu đặc biệt

- Câu rút gọn là câu có thành phần câu (thường là thành phần chính) bị tỉnh lược. Việc tỉnh lược chủ yếu do phương châm tiết kiệm trong việc sử dụng ngôn ngữ, nhất là khi nói (lược bỏ những thông tin đã biết hoặc bị coi là lặp, thừa), hoặc do dụng ý của người sử dụng (không muốn nêu rõ sự vật, sự việc nào đó trong câu).

- Câu đặc biệt là câu không được cấu tạo theo mô hình câu hai thành phần, thường dùng để gọi – đáp; nhấn mạnh cảm xúc; liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng; xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Rô-mê-ô (Romeo) và Giu-li-ét (Juliet)* (trích), Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare)

VĂN BẢN 2. *Lơ Xít (Le Cid)* (trích), Coóc-nây (Corneille)

VĂN BẢN 3. *Bí ẩn của làn nước,* Bảo Ninh

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

Tình yêu là đề tài phổ biến trong văn học, nghệ thuật. Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về một tác phẩm viết về đề tài này.

ĐỌC VĂN BẢN

Rô-mê-ô và Giu-li-ét[1]

Trích, UY-LI-AM SẾCH-XPIA

HỒI THỨ HAI
CẢNH II

VƯỜN NHÀ CA-PIU-LÉT

Rô-mê-ô ra

Rô-mê-ô: – Kẻ chưa từng bị thương thì há sợ gì sẹo!

Giu-li-ét xuất hiện trên cửa sổ

Chú ý

Lời thoại của hai nhân vật có gì đặc biệt?

Ấy nhè nhẹ chứ nào! Ánh sáng nào vừa loé trên cửa sổ kia? Đó, phương đông đó, và nàng Giu-li-ét là mặt trời. Vừng đông đẹp tươi ơi, hãy hiện ra đi, hãy giết chết ả Hằng Nga đố kị, héo hon và nhợt nhạt vì đau buồn khi thấy kẻ hầu[2] của ả lại đẹp hơn ả. Ả ghen với em thế thì em theo ả làm gì? Bộ cánh đồng cốt của ả xanh xao nhợt nhạt, chỉ hợp với những đồ ngu xuẩn[3], em hãy vứt nó đi… Ôi người mà ta sùng kính, người mà ta yêu đương! Ôi, giá nàng biết nhỉ!... Nàng đang nói… Không, nàng im lặng… Gì kia? Đôi mắt nàng như lên tiếng, và ta nóng lòng muốn đáp lại ánh mắt nàng… Ta liều quá, nàng có nói với ta đâu. Nguyên là hai ngôi sao đẹp nhất bầu trời có việc phải đi vắng, đã tha thiết nhờ mắt nàng lấp lánh chờ đến lúc sao về. Ừ, nếu mắt nàng lên thay cho sao, và sao xuống nằm dưới đôi mày kia thì sao nhỉ? Vẻ rực rỡ của đôi gò má nàng sẽ làm cho các vì tinh tú nọ phải hổ ngươi[4], như vừng dương làm ánh đèn phải

---

[1] Tóm tắt vở kịch: Dòng họ Ca-piu-lét (Capulet) và Môn-ta-ghiu (Montague) ở thành Vê-rô-na (Verona) nước Ý vốn có mối thâm thù. Gia đình Ca-piu-lét tổ chức đêm hội hoá trang nhân dịp con gái họ là Giu-li-ét tròn 14 tuổi. Rô-mê-ô, con trai nhà Môn-ta-ghiu cùng các bạn hoá trang đi vào nhà Ca-piu-lét. Chàng gặp Giu-li-ét xinh đẹp, say đắm nàng và cũng nhận được sự đồng cảm của nàng. Người thân Vương chủ thành Vê-rô-na là bá tước Pa-rít (Paris) đang muốn cầu hôn Giu-li-ét. Nửa đêm tiệc tan, Rô-mê-ô vượt tường nhảy vào vườn nhà Ca-piu-lét. Rô-mê-ô và Giu-li-ét cùng thổ lộ tình yêu say đắm (Hồi thứ Hai, Cảnh II). Họ nhờ tu sĩ Lâu-rân (Laurence) làm phép cưới bí mật. Mối hận thù giữa hai dòng họ lại bị khoét sâu do anh họ Giu-li-ét là Ti-bân (Tibalt) giết người của họ Môn-ta-ghiu là Mơ-kiu-xi-ô (Mercutio), Rô-mê-ô giết Ti-bân và bị đi đày biệt xứ. Gia đình Ca-piu-lét yêu cầu nàng nhận lời lấy Pa-rít. Giu-li-ét đến nhờ tu sĩ Lâu-rân giúp đỡ. Theo kế hoạch của tu sĩ Lâu-rân, Giu-li-ét giả vờ nhận lời lấy Pa-rít, trong hôn lễ, nàng uống thuốc ngủ (có hiệu lực trong 42 giờ), trong khi đó Lâu-rân cho người đi báo với Rô-mê-ô. Người của Lâu-rân không báo tin được cho Rô-mê-ô, trong khi đó, Rô-mê-ô nhận được hung tin do người nhà báo. Chàng bí mật trở về Vê-rô-na, mua sẵn một lọ thuốc độc. Gặp Pa-rít ở hầm mộ, chàng giết Pa-rít, tìm đến nơi Giu-li-ét nằm, uống thuốc độc chết. Giu-li-ét tỉnh dậy, thấy Rô-mê-ô đã chết liền lấy con dao mà Rô-mê-ô mang theo bên mình rồi tự sát. Tại hầm mộ, Lâu-rân kể lại mọi chuyện, Vương chủ thành Vê-rô-na lên án hai dòng họ. Hai bên tự nguyện xoá mối hận thù và dựng bức tượng vàng Rô-mê-ô và Giu-li-ét.

[2] Ý nói những nàng trinh nữ được coi là thị nữ của thần Mặt Trăng.

[3] Ý nói những cô gái không chịu đi lấy chồng.

[4] *Hổ ngươi*: xấu hổ, tự lấy làm thẹn.

thẹn thùng; còn cặp mắt kia trên bầu trời sẽ rọi khắp khoảng không một làn ánh sáng tưng bừng đến nỗi chim chóc sẽ lên tiếng hót vang vì tưởng là đêm đã tàn. Kìa nàng tì má lên tay! Ước gì ta là chiếc bao tay nhỉ, để được mơn trớn má đào!

Giu-li-ét: – Ôi chao!

Rô-mê-ô: – Kìa, nàng vừa lên tiếng! Hỡi nàng tiên lộng lẫy, hãy nói nữa đi! Đêm nay trên đầu ta, nàng toả ánh hào quang như một sứ giả nhà trời có đôi cánh, đang cưỡi những áng mây lười nhẹ lướt trên không trung, khiến kẻ trần tục phải cố ngước đôi mắt thịt mà chiêm ngưỡng.

Giu-li-ét: – Ôi Rô-mê-ô, hỡi Rô-mê-ô! Sao chàng lại mang tên đó nhỉ? Chàng hãy từ bỏ thân phụ đi, từ bỏ tên họ đi; hoặc không thì chàng hãy thề là chàng yêu em đi, em sẽ không còn là con cháu nhà Ca-piu-lét nữa.

Suy luận

Tại sao Giu-li-ét mong Rô-mê-ô từ bỏ tên họ?

Rô-mê-ô (*nói một mình*): – Ta cứ đứng nghe thêm nữa, hay nên lên tiếng nhỉ?



Giu-li-ét: – Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi. Nhưng nếu chẳng phải là người họ Môn-ta-ghiu thì chàng cũng vẫn là chàng. Chàng ơi! Hãy mang tên họ nào khác đi! Thế nào là họ Môn-ta-ghiu nhỉ? Cái tên đó đâu có phải là bàn tay, bàn chân, cánh tay, bộ mặt, một bộ phận nào đó của thân thể con người... Cái tên nào có nghĩa gì? Bông hồng kia, giá gọi bằng một tên khác, thì hương thơm cũng vẫn ngạt ngào. Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-mê-ô nữa, thì mười phân chàng cũng vẫn vẹn mười... Rô-mê-ô chàng ơi, chàng hãy từ bỏ tên họ đi. Cái tên kia đâu có phải xương thịt của chàng, chàng hãy đổi nó lấy cả tấm thân em.

Rô-mê-ô: – Đúng là từ miệng nàng nói ra nhé! Chỉ cần được nàng gọi là người yêu là tôi xin tức thì nhận tên thánh mới; từ nay trở đi, tôi không muốn bao giờ là Rô-mê-ô nữa.

Giu-li-ét: – Người là ai, mà nhờ đêm tối, chợt biết được điều tôi ấp ủ trong lòng vậy?

Rô-mê-ô: – Tôi không biết xưng danh cùng nàng thế nào. Nàng tiên yêu quý của tôi ơi, tôi thù ghét cái tên của tôi, vì nó là kẻ thù của nàng. Nếu chính tay tôi đã viết tên đó, thì tôi xin xé nát nó ra.

Giu-li-ét: – Tai nghe chưa trọn một trăm chữ từ miệng đó nói ra mà đã nhận ra tiếng ai rồi. Chẳng phải chàng Rô-mê-ô, họ nhà Môn-ta-ghiu đó ư?

Rô-mê-ô: – Hỡi nàng tiên kiều diễm, nếu nàng chẳng ưa tên họ đó, thì tôi chẳng phải Rô-mê-ô mà cũng chẳng thuộc họ Môn-ta-ghiu.

Giu-li-ét: – Chàng làm thế nào mà tới được chốn này? Và chàng tới làm gì? Tường vườn này cao, vượt qua thật khó. Và chàng thử nghĩ lại xem mình là ai. Nếu bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây thì chàng khó lòng thoát chết.

Rô-mê-ô: – Tôi vượt được tường này là nhờ đôi cánh của tình yêu; mấy bức tường đá ngăn sao được ái tình. Mà cái gì tình yêu dám làm là làm được. Người nhà nàng ngăn sao nổi tôi.

Chú ý

Điều gì đã làm cho Rô-mê-ô có thể gặp gỡ Giu-li-ét?

Giu-li-ét: – Họ mà bắt gặp chàng thì họ giết chàng mất.

Rô-mê-ô: – Nàng ơi, ánh mắt kia còn nguy hiểm cho tôi hơn hai chục lưỡi kiếm của họ. Nàng hãy nhìn tôi với khoé mắt yêu thương là tôi chẳng ngại gì hằn thù của họ nữa.

Giu-li-ét: – Em cầu mong cho họ đừng bắt gặp chàng nơi đây.

Rô-mê-ô: – Đã có áo choàng của nàng Đêm che cho tôi khỏi bị họ nom thấy. Vả chăng, nếu chẳng được nàng đoái hoài thì thà cứ để họ bắt gặp. Thà để cho lòng căm thù của họ chấm dứt đời tôi còn hơn kéo dài kiếp sống mà thiếu tình nàng.

Giu-li-ét: – Ai đưa lối cho chàng tới đây?

Rô-mê-ô: – Ái tình, ái tình đã xui tôi tìm kiếm. Ái tình đã cho tôi lời khuyên, và tôi đã cho ái tình đôi mắt. Tôi chẳng phải là tay thuỷ thủ, nhưng giá nàng có ở nơi bờ biển xa xăm nhất, thì tôi cũng sẵn sàng liều mình vì báu vật.

(Uy-li-am Sếch-xpia, *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, in trong *William Shakespeare – Những vở kịch nổi tiếng*, Đặng Thế Bính *dịch*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2017, tr. 58 – 61)

SAU KHI ĐỌC



- **Uy-li-am Sếch-xpia** (1564 – 1616) là nhà viết kịch kiệt xuất ở Anh thời đại Phục hưng. Sáng tác của ông thấm đẫm tình yêu và lòng tin đối với con người. Đặc điểm nổi bật trong sáng tác của ông là nội dung đa dạng, tư tưởng lớn lao, hình tượng sắc nét, ngôn ngữ điêu luyện. Ông được coi là "nhà pháp sư" của ngôn ngữ Anh. Sếch-xpia đã sáng tác gần 40 vở kịch thuộc nhiều thể loại, nổi bật nhất là bi kịch. Các vở bi kịch nổi tiếng của ông được cả thế giới biết đến: *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, *Hăm-lét (Hamlet)*, *Mắc-bét (Macbeth)*, *Vua Lia (Lear)*, *Ô-ten-lô (Othello)*,...
- *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* được sáng tác vào khoảng năm 1594 – 1595, là vở kịch năm hồi viết bằng thơ xen lẫn văn xuôi, dựa trên một câu chuyện có thật từng xảy ra ở I-ta-li-a thời trung cổ. Vở kịch được coi là bản tình ca say đắm nhất, ca ngợi tình yêu trong sáng, chân thành, thuỷ chung, dám vượt lên hận thù để giành lấy quyền tự do và hưởng hạnh phúc.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Sự việc Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét diễn ra trong tình thế như thế nào?
2. Hãy nhận xét cách bày tỏ tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét.
3. Phân tích các hình thức thoại và chỉ ra vai trò của chúng trong việc thể hiện diễn biến tâm trạng của hai nhân vật Rô-mê-ô và Giu-li-ét.
4. Đoạn trích cho thấy những xung đột gì trong toàn bộ vở kịch?
5. Từ phần tóm tắt nội dung vở kịch, hãy cho biết hành động thổ lộ tình yêu trong đêm ở vườn nhà Ca-piu-lét có liên hệ như thế nào với chuỗi hành động tiếp theo của hai nhân vật Rô-mê-ô, Giu-li-ét và kết cục của vở kịch.
6. Qua nội dung tóm tắt vở kịch, hãy cho biết kết cục tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét đã tác động như thế nào đến hai dòng họ Ca-piu-lét và Môn-ta-ghiu.
7. Tìm một tác phẩm nghệ thuật hiện đại (văn học, hội hoạ, âm nhạc, điện ảnh,...) lấy đề tài từ câu chuyện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Nêu một điểm tương đồng giữa tác phẩm đó với vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Uy-li-am Sếch-xpia.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Dựa vào xung đột mà Sếch-xpia đề cập trong vở *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* và thực tiễn cuộc sống, hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về khát vọng tình yêu của con người.

Thực hành tiếng Việt

CÂU RÚT GỌN

1 Tìm câu rút gọn trong các lời thoại kịch sau và cho biết thành phần nào của câu bị tỉnh lược:

Giu-li-ét: – *Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi. Nhưng nếu chẳng phải là người họ Môn-ta-ghiu thì chàng cũng vẫn là chàng. Chàng ơi! Hãy mang tên họ nào khác đi! Thế nào là họ Môn-ta-ghiu nhỉ?* [...] *Rô-mê-ô chàng ơi, chàng hãy từ bỏ tên họ đi. Cái tên kia đâu có phải xương thịt của chàng, chàng hãy đổi nó lấy cả tấm thân em.*

Nhận biết câu rút gọn

• Câu rút gọn có thể là câu có chủ ngữ hoặc vị ngữ bị tỉnh lược. Ví dụ:

(1) – *Anh đang làm gì?*

– *Đọc sách.* (rút gọn chủ ngữ)

(2) – *Ai đã trồng những cây hoa này?*

– *Mẹ tôi.* (rút gọn vị ngữ)

Ngoài ra, câu rút gọn cũng có thể là câu tỉnh lược cả thành phần chủ ngữ và vị ngữ, chỉ giữ lại thành phần cung cấp thông tin cần thiết, cốt lõi trong một

Rô-mê-ô: – *Đúng là từ miệng nàng nói ra nhé! Chỉ cần được nàng gọi là người yêu là tôi xin tức thì nhận tên thánh mới; từ nay trở đi, tôi không muốn bao giờ là Rô-mê-ô nữa.*

(Sếch-xpia, *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*)

2 Dựa vào ngữ cảnh, hãy chuyển các câu rút gọn tìm được ở bài tập 1 thành câu đầy đủ. So sánh câu rút gọn và câu đầy đủ để làm rõ tác dụng của việc dùng câu rút gọn trong ngữ cảnh đó.

3 Những câu văn in đậm sau rút gọn thành phần nào? Nêu tác dụng của việc dùng câu rút gọn trong các ngữ cảnh.

a. – *Nhưng chiếc tàu chuyển động chứ?*

– ***Thưa ngài, không****! Nó bập bềnh trên sóng, chứ chẳng chuyển động chút nào.*

(Giuyn Véc-nơ, *Hai vạn dặm dưới biển*)

b. *Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần.* ***Ngày nào ít: ba lần.***

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*)

4 Đọc các đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

a. – *Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?*

– *Chưa.*

– *Tổ chim sẽ bị chìm mất.*

(Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi*)

b. *Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

c. – *Cậu làm trò gì thế? Sao lại ăn trộm hòn đá này?*

– *Chúng ta không ăn trộm! – Hắn nhún vai. – Chúng ta chỉ mượn tạm thôi! Dùng xong sẽ mang trả lại! Tớ cũng tò mò muốn biết nơi nào được gọi là trung tâm của vũ trụ.*

(Hà Thuỷ Nguyên, *Thiên Mã*)

ngữ cảnh giao tiếp cụ thể như trạng ngữ, bổ ngữ hoặc định ngữ. Ví dụ:

– *Bao giờ anh đi Hà Nội?*

– *Ngày mai.* (chỉ giữ lại trạng ngữ)

Chú ý: Câu rút gọn là câu có thể khôi phục thành phần bị tỉnh lược để thành câu đầy đủ.

• Khi rút gọn câu, cần lưu ý: không làm cho câu trở nên cộc lốc, thiếu tính lịch sự; hạn chế dùng câu rút gọn khi nói với người trên hoặc những người mình kính trọng. Ví dụ:

– *Hôm nay con có đi học không?*

– *Không.* (câu nói không lễ phép)

Trong một số ngữ cảnh, câu rút gọn có thể gây hiểu lầm. Ví dụ: Truyện cười dân gian *Mất rồi* kể chuyện một người có việc đi xa, dặn con ở nhà có ai hỏi thì bảo bố đi vắng. Sợ con mải chơi quên mất, ông ta viết mấy câu vào giấy, đưa cho con, bảo có ai hỏi thì cứ đưa tờ giấy. Tối đến, sẵn có ngọn đèn, đứa con lấy giấy ra xem, chẳng may để giấy cháy mất. Hôm sau, có người khách lại chơi, hỏi:

– *Bố cháu có nhà không?*

Nó ngẩn ra, rồi sực nhớ, sờ vào túi. Không thấy giấy, liền nói:

– *Mất rồi!*

Câu "Mất rồi!" không trả lời trực tiếp câu hỏi của người hỏi mà hướng đến thông tin về tờ giấy. Câu đầy đủ phải là: "Tờ giấy bị mất rồi". Dùng câu rút gọn chủ ngữ trong trường hợp này khiến người khách hiểu đối tượng mất là người bố.

d. *Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên.*

(Nguyễn Tuân, *Cô Tô*)

Yêu cầu:

(1) Chỉ ra các câu rút gọn.

(2) Khôi phục các thành phần bị tỉnh lược để câu rút gọn thành câu đầy đủ.

(3) Nêu tác dụng của việc dùng câu rút gọn trong mỗi trường hợp.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Trong mỗi con người đều có hai mặt cảm xúc và lí trí, đôi khi, hai mặt này có thể xung đột dữ dội. Hãy kể lại một trải nghiệm cá nhân khi em kiềm chế cảm xúc và dùng lí trí để quyết định hành động của mình.

ĐỌC VĂN BẢN

Lơ Xít[1]

Trích, COÓC-NÂY

HỒI III

LỚP IV

ĐÔNG RÔ-ĐRI-GƠ, SI-MEN, EN-VI-A

Đông Rô-đri-gơ: – Thôi! Kiện mà chi cho mất công nhiều,
Giành lấy vinh dự bắt ta đừng sống nữa!

Si-men: – En-vi-a! Ta ở đâu đây? Ta thấy gì? Thật, giả?
Rô-đri-gơ tại nhà này! Rô-đri-gơ trước mắt ta sao!

Đông Rô-đri-gơ: – Đừng tiếc máu ta! Cứ điềm nhiên nếm hạnh phúc ngọt ngào
Nhìn ta chết và mối thù em rửa sạch!

Theo dõi

Việc Rô-đri-gơ muốn được chết.

[1] Tóm tắt vở kịch: Đông Rô-đri-gơ (Don Rodrigue), con trai Đông Đi-e-gơ (Don Diègue), yêu Si-men (Chimène), con gái Đông Goóc-ma-xờ (Don Gormas). Một cuộc cãi cọ diễn ra giữa hai ông bố dẫn đến việc Đông Goóc-ma-xờ tát Đông Đi-e-gơ. Để rửa nhục, Đông Đi-e-gơ yêu cầu con trai trả thù Đông Goóc-ma-xờ. Rô-đri-gơ đấu tranh tư tưởng, cuối cùng, ý thức về bổn phận và danh dự dòng họ đã khiến chàng quyết đấu kiếm với Đông Goóc-ma-xờ. Đông Goóc-ma-xờ bị Rô-đri-gơ đâm chết. Sau đó, Rô-đri-gơ đến yêu cầu Si-men hãy giết chàng để trả thù cho cha. Si-men thừa nhận lòng dũng cảm của Rô-đri-gơ và tuyên bố cũng sẽ làm bổn phận của mình là đòi nhà vua xử tội kẻ giết người. Lúc đó, giặc Mô sắp sửa tấn công, Rô-đri-gơ được cử đi đánh giặc. Chàng đã chiến thắng trở về. Si-men tiếp tục đòi lấy đầu Rô-đri-gơ. Hiệp sĩ Đông Xăng-sơ (Don Sanche), vốn yêu Si-men, tình nguyện đấu kiếm với Rô-đri-gơ để trả thù cho Si-men. Đông Xăng-sơ thua, nhưng Rô-đri-gơ đã tha chết cho chàng. Thấy Đông Xăng-sơ trở về, tưởng Rô-đri-gơ đã bị giết, Si-men đã không giấu được cảm xúc, bộc lộ rõ tình yêu với Rô-đri-gơ và sự đau đớn của mình. Nhà vua tuyên bố danh dự của Si-men được bảo toàn và có thể chấp duyên lành với Rô-đri-gơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Si-men: – Ôi đau đớn!

Đông Rô-đri-gơ: – Hãy nghe ta!

Si-men: – Em chết mất!

Đông Rô-đri-gơ: – Một phút thôi!

Si-men: – Chàng đi đi! Để em từ biệt cõi đời!

Đông Rô-đri-gơ: – Chỉ xin em cho nói một câu thôi!
Rồi sau đó trả lời bằng mũi kiếm!

Si-men: – Ôi! Mũi kiếm! Mà máu cha em còn đậm!

Đông Rô-đri-gơ: – Si-men em!

Si-men: – Cất khỏi mắt em cái vật đáng kinh kia!
Nó oán trách đời ai và tội ác nặng nề!

Đông Rô-đri-gơ: – Ngược lại, nên nhìn nó để khích lệ lòng căm ghét,
Nung nấu hận thù, cho ta được sớm về cõi chết.

Si-men: – Nó đẫm máu em!

Đông Rô-đri-gơ: – Hãy đâm ngập nó vào trong máu của ta,
Và như vậy, màu máu em sẽ bị xoá nhoà.

Si-men: – Ôi tàn nhẫn, chỉ một ngày thôi đã giết
Cha, bằng gươm, con gái, bằng cái nhìn oan nghiệt.
Cất gươm đi, em không chịu nổi nữa rồi!
Muốn em nghe, lại làm em chết mất thôi!

Đông Rô-đri-gơ: – Xin theo ý! Nhưng ta không bỏ điều mong muốn
Bằng tay em kết liễu cuộc đời sầu muộn.
Chớ mong chờ ở lòng âu yếm của ta
Sự hối hận đê hèn về hành động đúng vừa qua!
Cơn nóng nảy vội vàng khôn đường lấy lại
Nhục cha ta, phủ lên đời ta vết nhơ tai hại.
Biết không em? Với khách anh hào
Một cái tát xúc phạm người sâu nặng biết bao!
Nhục cả cho ta, ta đã tìm người gây nhục,
Tìm thấy: ta trả thù danh dự, thù cha cùng một lúc.
Và sẽ còn làm vậy nữa nếu như cần!
Nói thực thà, đâu phải trong thâm tâm
Ta chẳng có lúc vì em mà ngả nghiêng, rời rã,
Thầm oán trách cha ta, và oán trách cả bản thân ta nữa!

Chú ý

Nỗi đau của Si-men.

Đấy, sức mạnh tình yêu: xúc phạm lớn dường này
Mà ta vẫn phân vân nên rửa hận hay thôi!
Trong cái thế: mất lòng em hoặc chịu điều sỉ nhục,
Ta suy nghĩ: hay chính tay ta đã quá vội vàng một lúc,
Tự kết tội mình đã hành động quá thô.
Nhan sắc em biết đâu đã thắng cả mối thù
Nếu để chống lại vẻ hương trời sắc nước
Ta quên rằng: mất danh dự thì yêu em không thể được!
Rằng: dẫu tình ta trong tim em dào dạt chan hoà,
Cao thượng, em yêu chiều, thì đê mạt, ghét sâu xa.
Nghe tiếng gọi con tim và làm theo lệnh nó
Là không xứng tình em và tiêu tan phẩm giá.
Ta nói mãi, em ơi! Dẫu lòng chua xót khóc than,
Đến nhắm mắt xuôi tay vẫn muốn nhắc em rằng:
Ta đã lỗi cùng em nhưng buộc lòng ta phải làm thế ấy
Để rửa vết nhơ và xứng tình em vậy.
Giờ đây, danh dự, thù cha, vẹn cả đôi đường,
Ta đến vì em đền đáp nỗi đau thương,
Ta đến đây, dâng em máu hồng đổ xuống,
Nghĩa trước trả đầy, tình nay giữ trọn.
Ta biết mất cha thù kia em phải báo đền,
Ta chẳng muốn cướp của em lễ vật hi sinh.
Hãy can đảm cắt ngang chớ ngại,
Trả lại cha, thay máu đào đã chảy,
Tính mạng của người đã tự hào làm đổ máu cha em!

Si-men: – A, Rô-đri-gơ, tuy thù sâu nhưng nói thực nỗi niềm,
Em không thể trách chàng đã tránh điều đê tiện,
Dù cay đắng trăm ngàn, giày vò, đau đớn,
Chẳng buộc tội chàng, chỉ khóc điều bất hạnh xót xa.
Em biết: danh dự đòi hỏi gì sau điều sỉ nhục lớn kia.
Ở một tâm hồn thanh cao, dạt dào sức sống.

Chú ý

Sự "phân vân" của Rô-đri-gơ.

Theo dõi

Si-men đánh giá hành động của Rô-đri-gơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hành động chàng, không ngoài nghĩa vụ con người cao thượng,
Đã đồng thời nhắc em, làm nghĩa vụ của em.
Tài oan nghiệt kia đã nhắc em bằng chiến thắng của mình
Nó đã trả vẹn thù cha và giữ tròn danh dự.



Em cũng thế: điều cân nhắc, băn khoăn, suy nghĩ
Là giữ gìn danh dự, trả thù cha.
Than ôi! Nghĩ tình chàng mà tuyệt vọng ngẫn ngơ:
Nếu phụ thân em chết vì điều bất hạnh khác.
Em đã thấy nơi chàng niềm an ủi lòng duy nhất,
Và giữa đau thương đôi cảm giác êm đềm
Được ngón tay chàng lau nước mắt cho em.
Chua xót bấy! Mất cha, lại phải mất chàng cùng một lúc!
Vì danh dự, lửa lòng đành dập tắt!
Nghĩa vụ khắt khe cay đắng trăm đường
Buộc lòng mình, giết kẻ mình thương!
Bởi rốt cuộc, dù âu yếm cũng chớ hòng mong ước
Tình cảm yếu hèn ngăn cánh tay trừng phạt.
Lòng thuỷ chung dầu nồng thắm nâng niu,
Cao thượng này phải đáp lòng cao thượng người yêu:
Giết cha em, chàng chứng tỏ cùng em xứng đáng,
Để xứng chàng, em cũng phải đòi chàng thế mạng.

(Coóc-nây, *Lơ Xít*, Hoàng Hữu Đản *dịch*, in trong *Bi kịch cổ điển Pháp*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1978, tr. 204 – 209)

Theo dõi

Si-men làm gì để xứng đáng với người mình yêu?

SAU KHI ĐỌC



- **Coóc-nây** (1606 – 1684) là nhà viết kịch xuất sắc của nền bi kịch cổ điển Pháp. Kịch Coóc-nây có tính chất duy lí, thường thể hiện quan hệ cá nhân và xã hội thông qua sự đấu tranh giữa lí trí và dục vọng của con người. Một số vở kịch tiêu biểu: *Mê-đê (Médée)* (1635), *Lơ Xít* (1636), *Xin-na* (Cinna) (1640), *O-ra-xơ (Horace)* (1640),...
- *Lơ Xít* được sáng tác dựa trên một vở kịch về biến cố lịch sử có thật ở Tây Ban Nha thế kỉ XI: người anh hùng – hiệp sĩ Rô-đri-gơ Đi-a-dờ (Rodrigue Diaz) chiến thắng giặc Mô (chính giặc Mô gọi ông bằng danh hiệu "Xít", nghĩa là "Ngài", "Tôn ông" để thể hiện sự kính phục). Coóc-nây đã tập trung thể hiện cuộc đấu tranh nội tâm của nhân vật giữa một bên là danh dự, bổn phận với dòng họ và một bên là tình yêu nam nữ.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Vì sao Rô-đri-gơ đến gặp Si-men sau khi đã giết cha của nàng?
2. Rô-đri-gơ đánh giá như thế nào về việc chàng giết cha của Si-men? Vì sao chàng không "Nghe tiếng gọi con tim và làm theo lệnh nó"?
3. Chỉ ra diễn biến tâm trạng của Si-men trong đoạn trích.
4. Phân tích sự giằng xé nội tâm của hai nhân vật Rô-đri-gơ và Si-men. Từ đó, hãy chỉ ra xung đột chính của vở kịch được thể hiện trong đoạn trích.
5. Nêu nhận xét của em về phẩm chất của nhân vật Rô-đri-gơ và Si-men được thể hiện trong đoạn trích.
6. Hành động của các nhân vật trong vở kịch thể hiện quan niệm về danh dự, nghĩa vụ của con người ở thế kỉ XVII. Theo em, cách giải quyết xung đột trong vở kịch có còn phù hợp với thời đại ngày nay không? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích một chi tiết mà em thích trong đoạn trích vở kịch *Lơ Xít*.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Bí ẩn của làn nước

BẢO NINH

Các dòng sông trôi đi như thời gian, và cũng như thời gian, trên mặt nước các triền sông biết bao nhiêu là chuyện đời đã diễn ra. Nhất là về đêm, trên làn nước của dòng sông quê hương tôi lấp lánh hằng hà những đốm sáng bí ẩn, có cả điều bí ẩn của đời tôi.

Năm ấy, nhằm trúng đỉnh lũ đêm Rằm tháng Bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê canh giữ đằng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi ầm ầm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điếm canh[1] tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay tin vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ giời đất sập rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đằng sau, cơn đại hồng thuỷ đuổi bén gót.

Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp dìu vợ leo lên mái. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lôi đi trong đêm đen. Đến khi mái rạ sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng. Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp tôi đỡ vợ con trèo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

– Con trai... con trai mà... con trai... Để yên em ẵm, anh vụng...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỏi nhừ. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quẫy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sặc vói lên:

– Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy, người ơi...

Một bàn tay nhớt và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm nghỉm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thảng thốt, và "ùm", con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

– Con tôi...! – Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con.

[1] *Điếm canh*: nhà nhỏ dùng làm nơi canh giữ đê điều, hoa màu hoặc canh phòng trộm cướp.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngầu bùn, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi...

Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một ca nô cứu nạn đầy ắp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Ứa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy tôi cũng bất lực không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rực, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

– Phận chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khoẻ mà nuôi con. Ơn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ giở bọc chăn chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, chết lặng.

– Con tôi... – Tôi khóc, đỡ lấy bọc chăn. – Con tôi!

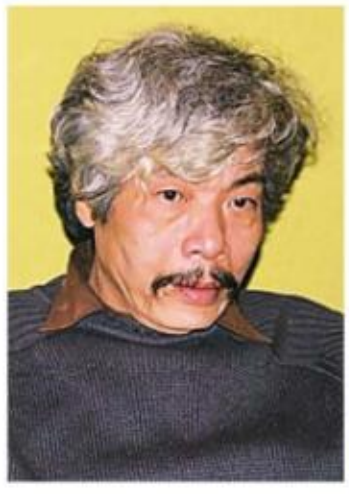
Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triền nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng ai cũng biết. Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

Có ngày nào mà tôi không ra đê ngắm làn nước trôi. Vợ tôi, con tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước. Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì khôn nguôi bởi ấy là một niềm đau không thể nói nên lời.

(Bảo Ninh, *Những truyện ngắn*,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr. 21 – 24)

SAU KHI ĐỌC

Bảo Ninh sinh năm 1952, quê ở Quảng Bình (nay thuộc tỉnh Quảng Trị). Ông vào bộ đội năm 1969 và bắt đầu viết văn sau khi giải ngũ vào năm 1975. Ông sáng tác ở nhiều thể loại. Ngoài tiểu thuyết, tạp bút, ông viết nhiều truyện ngắn, được in thành các tập: *Trại bảy chú lùn* (1987); *Truyện ngắn Bảo Ninh* (2002); *Lan man trong lúc kẹt xe* (2005); *Chuyện xưa kết đi, được chưa?* (2009);...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Cốt truyện của tác phẩm xoay quanh sự kiện nào?
2. Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Với nội dung câu chuyện được kể, việc lựa chọn ngôi kể như vậy có tác dụng gì?
3. Điều gì đã khiến nhân vật "tôi" "chết lặng"? Phân tích vai trò của chi tiết này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.
4. Theo em, vì sao nhân vật "tôi" giữ điều bí mật cho riêng mình? Im lặng chịu đựng nỗi đau có phải là lựa chọn tốt nhất của nhân vật không? Vì sao?
5. Nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của nhan đề tác phẩm. Em có thể đề xuất một nhan đề khác cho truyện được không? Giải thích ý nghĩa của nhan đề do em đề xuất.

Thực hành tiếng Việt

CÂU ĐẶC BIỆT

1 Trong các đoạn văn (a,b) và lời thoại kịch (c) dưới đây, những câu nào là câu đặc biệt? Phân tích tác dụng của câu đặc biệt trong từng trường hợp.

a. *Những hạt mưa gõ vào mái tôn tạo ra một âm thanh khác hẳn khi chúng rơi trên mái ngói.*

Rầm rầm. Rầm rầm. Rầm rầm.

Nghe như có hàng ngàn con ngựa phi ngay trên đầu.

(Nguyễn Nhật Ánh, *Tôi là Bê-tô*)

b. *Bộp! Tôi bị giáng một cú vào đầu đau điếng trong khi đang cúi xem từng vết tích. Hắn! Và một cuốn sách!*

(Hà Thuỷ Nguyên, *Thiên Mã*)

c. ***Si-men***: *– Ôi! Mũi kiếm! Mà máu cha em còn đậm!*

Đông Rô-đri-gơ: *– Si-men em!*

Si-men: *– Cất khỏi mắt em cái vật đáng kinh kia!*

Nó oán trách đời ai và tội ác nặng nề!

(Coóc-nây, *Lơ Xít*)

2 Xác định câu đặc biệt trong các lời thoại kịch (a), đoạn văn (b, c) dưới đây và điền thông tin vào các ô trong bảng (kẻ bảng vào vở):

Nhận biết câu đặc biệt

- Câu đặc biệt được cấu tạo bởi một từ hoặc một cụm từ. Ví dụ:

(1) *Trước ga Hàng Cỏ. Chặp tối. Chuyến tàu Nam vừa lên, người chen lấn đông nghịt.*

(Tô Hoài, *Ghi lại*)

Các câu "*Trước ga Hàng Cỏ.*" và "*Chặp tối.*" đều được cấu tạo bằng một cụm từ; câu trước dùng để chỉ nơi chốn diễn ra sự việc, câu sau dùng để chỉ thời gian diễn ra sự việc. Việc tách hai thông tin thành hai câu đặc biệt nhằm hướng sự chú ý của độc giả vào nơi chốn và thời gian diễn ra sự việc trước khi sự việc được miêu tả.

(2) *Và tôi vừa trở dậy bỗng nghe thấy tiếng chó Ki rộn vang từ ngoài ngõ và cao bổng tận trời xanh. Chó Ki!*

Tác dụng / Câu đặc biệt	Bộc lộ cảm xúc	Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng	Xác định thời gian, nơi chốn	Gọi – đáp

a. ***Giu-li-ét***: – *Ôi chao!*

Rô-mê-ô: – *Kìa, nàng vừa lên tiếng! Hỡi nàng tiên lộng lẫy, hãy nói nữa đi! Đêm nay trên đầu ta, nàng toả ánh hào quang như một sứ giả nhà trời có đôi cánh, đang cưỡi những áng mây lười nhẹ lướt trên không trung, khiến kẻ trần tục phải cố ngước đôi mắt thịt mà chiêm ngưỡng.*

Giu-li-ét: – *Ôi Rô-mê-ô, hỡi Rô-mê-ô! Sao chàng lại mang tên đó nhỉ? Chàng hãy từ bỏ thân phụ đi, từ bỏ tên họ đi; hoặc không thì chàng hãy thề là chàng yêu em đi, em sẽ không còn là con cháu nhà Ca-piu-lét nữa.*

(Sếch-xpia, *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*)

b. *Sói Lam chưa kịp mừng vì em chạy thoát. Bất ngờ một gã to như gấu đứng sựng trước mặt nó, hai tay vung một thân cây đang bốc cháy. Choáng váng. Đầu Sói Lam như nổ tung. Và màn đêm. Nó ngã xuống, ngã xuống, cứ xoay tròn và rơi mãi trong màn đêm đầy tia lửa.*

(Đa-ni-en Pen-nắc, *Mắt sói*)

c. *"Đêm!" – An-đéc-xen thầm nhủ.*

Lúc này, bóng đêm dễ chịu hơn ánh sáng ban ngày.

(Pau-xtốp-xki, *Xe đêm*)

3 Tìm câu đặc biệt trong văn bản *Bí ẩn của làn nước* và chỉ ra tác dụng của chúng.

4 Chỉ ra câu đặc biệt và câu rút gọn trong đoạn văn sau, từ đó nêu sự khác nhau giữa câu đặc biệt và câu rút gọn.

– Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà hoạ sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thong thả đi đến chỗ bác già.

– Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!

(Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sa Pa*)

Cứ nghĩ rằng đang trong chiêm bao! Mà rành rành đây chính là hình khối chó Ki lông vàng mượt, bụng thon, chân dài, tai vểnh đang lao tới. Không! Còn hơn thế nữa! Chó Ki đang dẫn bố tôi về!

(Ma Văn Kháng, *Khu vườn tuổi thơ*)

Câu "*Chó Ki!*" cấu tạo bằng cụm từ, thông báo về sự xuất hiện của con vật. Câu "*Không!*" cấu tạo bằng từ chỉ sự phủ định. Câu "*Còn hơn thế nữa!*" cấu tạo bằng cụm từ, thể hiện thái độ ngạc nhiên.

(3) *Mùa mưa năm nay như về sớm hơn. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông lên rất nhanh.*

– Anh ơi! – Thằng Mon lại thì thào gọi.

(Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi*)

Câu "*Anh ơi!*" cấu tạo bằng cụm từ, dùng để gọi – đáp.

• *Lưu ý*: Cần phân biệt câu đặc biệt với câu sai ngữ pháp. Chỉ dùng câu đặc biệt trong những ngữ cảnh phù hợp.

Viết

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch)

Yêu cầu:

- Giới thiệu khái quát về tác phẩm kịch (tên tác phẩm, tên tác giả, thể loại), nêu được nhận định chung về tác phẩm.
- Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm kịch (cốt truyện, nhân vật, hành động, xung đột, lời thoại,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm.
- Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm kịch để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

Phân tích bài viết tham khảo

Phân tích vở bi kịch *Yêu Ly* của Lưu Quang Thuận

Trong số những vở kịch thơ ra đời ở thời kì trước năm 1945, *Yêu Ly* của tác giả Lưu Quang Thuận được coi là một tác phẩm tiêu biểu cho thể loại bi kịch. Vở kịch lấy đề tài từ lịch sử Trung Quốc nhưng đã nói được những vấn đề chung của con người ở mọi thời đại.

Giới thiệu tác phẩm, tác giả; nêu nhận định chung về tác phẩm.

Nội dung vở kịch kể về nhân vật Yêu Ly, một hàn sĩ ở ẩn, sống trong thời đại loạn, ước mơ có cơ hội thi thố tài năng, làm nên sự nghiệp lớn. Ngũ Tử Tư – quân sư của nước Ngô, tìm gặp Yêu Ly, bày tỏ lòng ngưỡng mộ tài đức của y. Ngũ Tử Tư kể cho Yêu Ly về kế hoạch bình thiên hạ của mình. Kế hoạch muốn thành công cần loại trừ Khánh Kỵ, một đối thủ của Ngô vương. Cảm kích trước tấm lòng tri ngộ của Ngũ Tử Tư và bị thuyết phục bởi mưu đồ lớn của người này, Yêu Ly quyết góp công thực hiện việc hạ thủ Khánh Kỵ. Y dùng khổ nhục kế để lấy lòng tin của Khánh Kỵ, sai giết vợ con, tự chặt cánh tay trái của mình rồi chạy sang nước Vệ, bảo rằng vua Ngô hại gia đình mình và từ nay xin thờ Khánh Kỵ làm minh chủ. Y được Khánh Kỵ trọng dụng, cùng Khánh Kỵ bàn cách đánh quân Ngô. Thừa lúc cùng Khánh Kỵ huấn luyện thuỷ quân tập trận, Yêu Ly đâm chết Khánh Kỵ rồi tự kết án mình và tự sát.

Tóm tắt cốt truyện kịch.

Bi kịch *Yêu Ly* đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến ý nghĩa sự tồn tại của con người trong các mối quan hệ và giá trị của những mối quan hệ ấy: gia đình, cá nhân, lí tưởng, sự nghiệp, nghĩa và tình, ân và oán, đãi ngộ và phản trắc,... Con người bị đặt vào vòng xoáy của xung đột giữa các giá trị, theo đó, sự lựa chọn giá trị này cũng là sự phá vỡ giá trị khác. Không giống như hài kịch, xung đột trong bi kịch thường dẫn đến những tổn thất ghê gớm do không thể điều hoà giữa các mặt đối nghịch. Ở vở *Yêu Ly* có sự xung đột quyết liệt giữa những giá trị ngang bằng nhau: một bên là tình chồng vợ, cha con với một bên là khát vọng lập công của đấng nam nhi; một bên là thân thể cha sinh mẹ dưỡng, tình tri kỉ với một bên là ý chí phụng sự minh chủ. Giá trị nào trong số này bị hi sinh cũng sẽ gây những thương tích không thể chữa lành. Không thể dung hoà được các giá trị, vẹn toàn được các mặt đời sống, nhân vật Yêu Ly tự nguyện hi sinh bản thân, vợ con, theo đuổi mục tiêu giết kẻ thù của Ngô vương, đền ơn tri ngộ của Ngũ Tử Tư. Lời thoại sau đây thể hiện sự đau đớn của nhân vật khi quyết định lựa chọn con đường mà ông ta cho là "nghĩa lớn":

Chỉ ra chủ đề của vở bi kịch.

Phân tích xung đột kịch và nêu bằng chứng.

Hồn thê tử dẫu lìa xa thế giới
Xin theo ta ngoài cõi rét phong sương
Hiền thê ơi hôm nay ta lên đường,
Đời lũi thũi một mình ta sống trọn
Nhưng trên khổ đau hãy còn nghĩa lớn...

Việc nhân vật chủ động chọn lựa những giá trị mà mình coi trọng đã thúc đẩy hành động kịch phát triển. Yêu Ly vừa là người chiến thắng vừa là kẻ chiến bại, vừa là người có tội vừa không có tội. Yêu Ly thực hiện thành công mưu đồ hành thích Khánh Kỵ, song, chính lúc đó, nhân vật tự nhận ra sự thảm bại của con người mình: trở thành kẻ bất nhân, bất trí, bất tín:

Phân tích hành động kịch và nêu bằng chứng.

Ta vừa đâm Khánh Kỵ giữa phong ba,
Giữ vẹn lời cam kết lúc chia xa,
Nhưng khốn nỗi, lòng ta muôn cắn rứt!
Mơ bóng thê nhi nỗi niềm day dứt,
Bất tín trên đời, thêm bất trí, bất nhân.
Sống chi thêm cho sỉ nhục trăm phần?
Hỡi gươm báu giùm ta xong một kiếp!

Có thể thấy nhân vật bi kịch sa vào tình trạng bất hạnh không phải vì sự xấu xa của nó. A-rít-xtốt cho rằng có ba loại người: thật tốt, thật xấu, và ở giữa tốt và xấu, nhân vật bi kịch là loại "ở giữa", tốt nhưng có thể mắc sai lầm, mù quáng. Nhân vật Yêu Ly là người

có ý chí, tài trí, kiên định theo đuổi sự nghiệp. Việc nhân vật lựa chọn hi sinh cá nhân, gia đình, tình nghĩa tri kỉ đồng nghĩa với việc ông ta chấp nhận sự trả giá đau đớn.

Phân tích nội tâm nhân vật và nêu bằng chứng.

Phần cuối vở kịch khắc hoạ sâu sắc bi kịch nội tâm của Yêu Ly. Khánh Kỵ hay Ngô vương, ai là người xứng đáng để Yêu Ly dốc lòng phò tá? Theo các tài liệu lịch sử Trung Quốc, Khánh Kỵ là người tài trí trong thiên hạ, vua cha bị giết, phải rời cố quốc mưu tính việc khôi phục vương quyền. Ngô vương lên ngôi được là do triệt hạ cha Khánh Kỵ. Phải chăng, Yêu Ly đã vỡ lẽ tính vô luân, bất nghĩa của việc hành thích Khánh Kỵ? Vì giúp Ngô vương, ông ta đã giết một người hết mực trọng tài và biệt đãi mình. Tác giả đã diễn tả nỗi dằn vặt của nhân vật trong lời độc thoại:

Điều bất tín sẽ truyền lưu miệng thế.
Trong kiếp sống thử còn chi đáng kể?

Từ sự nhận thức về tình thế của mình, nhân vật ngộ ra sự vô nghĩa của hành động giết vợ con và tự huỷ bản thân. Ở Yêu Ly, không có sự hân hoan của người toại chí. Người chiến thắng cũng là kẻ thất bại. Sự tự trừng phạt của Yêu Ly vì thế là kết quả tất yếu của toàn bộ hành động kịch. Sự giằng xé về tinh thần ở nhân vật Yêu Ly tạo cho mạch truyện một khúc ngoặt bất ngờ, khép lại việc thanh trừng đối thủ của Ngô vương trong cuộc tranh giành ngôi vị, mở ra xung đột nội tâm dữ dội, dẫn đến kết cục đặc trưng của bi kịch – sân khấu "trắng", các nhân vật chính tiêu vong.

Trong *Yêu Ly*, thông qua sự bại vong của những con người xuất chúng, Lưu Quang Thuận gợi ra ở người đọc những cảm nhận sâu sắc về số phận con người nói chung trong hành trình sống khi phải đối mặt với những biến động ghê gớm của lịch sử, những thử thách khốc liệt hay những lựa chọn khó khăn. Đôi khi, trong một số thời điểm và hoàn cảnh, việc phân định các giá trị đời sống không hề dễ dàng. Cái chết của Khánh Kỵ và Yêu Ly, hai "người hùng" theo cách đánh giá của chính các nhân vật, đã tạo nên hiệu ứng kinh sợ, đau xót, đồng thời cũng mang đến sự thức tỉnh về những giá trị nhân văn như tình chồng vợ, cha con, lòng cao thượng, tình tri kỉ,... Ở đây, khả năng lớn của thể thơ tám chữ trong việc diễn tả những tâm trạng căng thẳng, dồn nén đã được tác giả khai thác hết sức thành công. Ưu thế của lớp từ Hán Việt trong việc khơi gợi không khí cổ kính của bối cảnh hay khí chất trượng phu của nhân vật chính cũng đã được nhà viết kịch tô đậm. Tất cả hoà hợp với nhau, tạo nên hiệu quả tác động mạnh mẽ mang tính đặc thù của một vở bi kịch đích thực.

Khẳng định ý nghĩa, giá trị của vở kịch.

Vở bi kịch *Yêu Ly* gợi ra nhiều lớp nghĩa phong phú. Người tiếp nhận tác phẩm sẽ không tìm thấy ở đó lời xác quyết về cái đúng cái sai. Qua sự xung đột giữa lí tưởng và đạo đức cùng nỗi đau đớn của con người, chúng ta cảm nhận sâu sắc hơn về các mối quan hệ đời sống, tự nhận ra đâu là điều chúng ta cần coi trọng và lựa chọn. Vở kịch không chỉ là câu chuyện của những cá nhân ở một thời xa xôi của lịch sử. Nó còn hiển hiện một tình thế mà nhân loại phải đối mặt trong suốt hành trình tồn tại của mình.

(*Nhóm biên soạn*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

– Liệt kê một số kịch bản văn học em đã học hoặc đã đọc.

– Bài viết tham khảo phân tích một vở bi kịch. Tuy nhiên, em có thể chọn một vở kịch hay trích đoạn kịch thuộc bất kì thể loại nào.

Mục đích viết

Phân tích để làm rõ một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một kịch bản văn học.

Người đọc

Những người quan tâm tới thể loại văn học kịch và có nhu cầu tìm hiểu sâu về tác phẩm được phân tích.

b. *Tìm ý*

Dựa vào những đặc trưng thể loại của vở kịch, hãy xác định những phương diện cần phân tích.

– *Xác định nội dung chủ đề qua xung đột kịch*: Hãy đọc tóm tắt nội dung vở kịch (nếu có); tìm kịch bản trọn vẹn để đọc kĩ các chi tiết; theo dõi nội dung các hồi, diễn biến các sự kiện; xác định nội dung xuyên suốt tác phẩm và vấn đề mà tác phẩm đặt ra. Chủ đề vở kịch toát ra từ xung đột kịch được thể hiện trong kịch bản. Ví dụ, bài viết tham khảo đã chỉ ra ở vở *Yêu Ly* sự xung đột quyết liệt giữa những giá trị ngang bằng nhau: một bên là tình chồng vợ, cha con với một bên là khát vọng lập công của đấng nam nhi; một bên là thân thể cha sinh mẹ dưỡng, tình tri kỉ với một bên là ý chí phụng sự minh chủ.

– *Xác định các phương diện đặc trưng của thể loại kịch*: Xem lại tri thức ngữ văn trong các bài học về kịch ở lớp 8 và lớp 9 để nắm vững đặc trưng các thể loại kịch. Từ đó, phát hiện một số đặc điểm nổi bật của thể loại thể hiện qua kịch bản mà em chọn. Ví dụ, phân tích một vở bi kịch, bài viết tham khảo đã khai thác đặc trưng nhân vật bi kịch: "Có thể thấy nhân vật bi kịch sa vào tình trạng bất hạnh không phải vì sự xấu xa của nó. A-rít-xtốt cho rằng có ba loại người: thật tốt, thật xấu, và ở giữa tốt và xấu, nhân vật bi kịch là loại "ở giữa", tốt nhưng có thể mắc sai lầm, mù quáng. Nhân vật Yêu Ly là người có ý chí, tài trí, kiên định theo đuổi sự nghiệp. Việc nhân vật lựa chọn hi sinh cá nhân, gia đình, tình nghĩa tri kỉ đồng nghĩa với việc ông ta chấp nhận sự trả giá đau đớn.".

– *Chọn một số phương diện nổi bật của văn bản kịch để đi sâu phân tích*: Căn cứ vào kịch bản em chọn, xác định một hoặc một số phương diện nổi bật ở vở kịch (hành động, lời thoại, nhân vật,...). Tiến hành khai thác các chi tiết quan trọng, xâu chuỗi các chi tiết để có những đánh giá khái quát về tác phẩm. Bài viết tham khảo nhấn mạnh động cơ hành động, mâu thuẫn nội tâm, tính lô-gíc của hành động kịch – những yếu tố làm nổi rõ xung đột bi kịch trong vở *Yêu Ly*.

– *Xác định hiệu quả thẩm mĩ của văn bản kịch*: Nếu là một vở hài kịch, hiệu quả thẩm mĩ của nó là tạo tiếng cười công phá những cái xấu để khẳng định cái đẹp, cái tốt, cái tiến bộ. Nếu là một vở bi kịch, hiệu quả thẩm mĩ của nó là sự thanh lọc tâm hồn, khiến con người qua nỗi khiếp sợ, xót thương mà tự nâng mình lên, hướng đến những giá trị nhân văn như tình yêu lứa đôi, tình cảm gia đình, tình yêu nước, yêu lí tưởng, đạo nghĩa,...

c. *Lập dàn ý*

Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu tác phẩm, tác giả; nêu nhận định chung về tác phẩm kịch.

– *Thân bài*:

+ Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm, có lí lẽ và bằng chứng.

+ Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng, có lí lẽ và bằng chứng.

– *Kết bài*: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

2 VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần chú ý:

– Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết. Trong khi viết cần kết hợp các thao tác trình bày khác nhau: phân tích, giải thích, nêu nhận định, đánh giá, so sánh,...

– Phân tích chi tiết cụ thể hoặc nêu một số chi tiết rồi đưa ra nhận định khái quát. Cần tránh kể lại nội dung tác phẩm kịch.

– Có thể bố trí các luận điểm chính của bài lần lượt theo các đặc điểm của thể loại kịch hoặc đi sâu vào đặc điểm nổi bật nhất, từ đó liên hệ với các đặc điểm còn lại.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đối chiếu bài viết của em với yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch và dàn ý đã lập để chỉnh sửa. Nên lưu ý một số điểm như sau:

– Nêu đầy đủ thông tin về tác phẩm, tác giả.

– Nếu bài viết chưa làm rõ được những phương diện chính của kịch bản thì cần làm rõ.

– Những ý kiến đánh giá, nhận xét về hiệu quả thẩm mĩ của tác phẩm cần phù hợp với vở kịch được phân tích.

Nói và nghe

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)

Trong các tác phẩm văn học, đời sống hiện lên một cách phong phú, nhiều chiều, nhiều khía cạnh. Những vấn đề mà người cầm bút đặt ra trong tác phẩm có thể cũng là những điều được công chúng quan tâm. Do vậy, khi tiếp nhận tác phẩm văn học cũng là lúc người đọc tiếp cận quan điểm của nhà văn, đối thoại với nhà văn về các vấn đề đời sống được đề cập. Trong phần *Nói và nghe* của bài học này, em sẽ thực hành thảo luận về những vấn đề đời sống mà tác phẩm gợi ra với những độc giả khác có cùng mối quan tâm.

1 TRƯỚC KHI THẢO LUẬN

– Ở bài này, có thể tổ chức thảo luận theo 2 vòng.

+ Vòng 1: Thảo luận vấn đề trong nhóm.

+ Vòng 2: Thảo luận vấn đề trong phạm vi lớp.

– Để chuẩn bị cho thảo luận ở vòng 1, cần chia lớp thành các nhóm và phân công người chủ trì, thư kí cho mỗi nhóm; đồng thời phân công người chủ trì và thư kí cho thảo luận trong phạm vi lớp ở vòng 2.

Mục đích thảo luận

Thông qua thảo luận, hiểu được suy nghĩ của những người tham gia về một vấn đề đời sống, từ đó có sự hiểu biết sâu sắc hơn về vấn đề, có nhận thức và hành động đúng đắn.

Người nghe

Những người tham gia và quan tâm đến vấn đề thảo luận.

– Các nhóm cần thống nhất lựa chọn vấn đề thảo luận dựa trên nội dung những tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc; trước hết là những tác phẩm vừa được học trong bài 5, sau đó có thể mở rộng tìm thêm đề tài từ các tác phẩm ngoài phạm vi bài 5, lựa chọn một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm mà nhiều người quan tâm. Một số đề tài gợi ý:

+ Vẻ đẹp của tình yêu (*Rô-mê-ô và Giu-li-ét*).

+ Danh dự và bổn phận của mỗi người (*Lơ Xít*).

+ Cách ứng xử của con người trước những tai hoạ, mất mát, nghịch cảnh (*Bí ẩn của làn nước*).

– Mỗi người cần nắm nội dung khái quát và các chi tiết trong tác phẩm có liên quan đến vấn đề được lựa chọn, suy nghĩ về vấn đề và ghi lại ý kiến của mình để chuẩn bị tham gia thảo luận.

2 THẢO LUẬN

– Vòng 1: Thảo luận vấn đề trong nhóm. Mỗi thành viên phát biểu ý kiến theo chỉ định của người chủ trì. Thư kí ghi chép nội dung các ý kiến thảo luận. Sau khi kết thúc thảo luận trong nhóm, mỗi nhóm cử đại diện tham gia thảo luận ở vòng 2.

– Vòng 2: Thảo luận vấn đề trong phạm vi lớp.

+ Người chủ trì nêu vấn đề thảo luận đã được thống nhất và giới thiệu trước lớp, mời đại diện các nhóm tham gia thảo luận.

+ Đại diện mỗi nhóm trình bày ý kiến dựa trên kết quả thảo luận nhóm đã thực hiện ở vòng 1. Khi đại diện của mỗi nhóm phát biểu, các thành viên trong lớp lắng nghe, ghi chép nội dung ý kiến; dự kiến các ý kiến hoặc câu hỏi để tham gia thảo luận.

+ Sau khi đại diện các nhóm phát biểu hết một lượt, dưới sự điều hành của người chủ trì, các thành viên trong lớp nêu ý kiến góp ý hoặc đặt câu hỏi cho bất kì đại diện của nhóm nào; đại diện các nhóm trao đổi, trả lời.

+ Thư kí ghi chép nội dung các ý kiến thảo luận thành biên bản.

+ Kết thúc cuộc thảo luận, người chủ trì tổng kết các nội dung chính đã thảo luận; khẳng định ý nghĩa của việc thảo luận về vấn đề đáng quan tâm trong đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học; cảm ơn sự đóng góp của các thành viên tham gia.

3 ĐÁNH GIÁ

– Đánh giá ý nghĩa của việc thảo luận về vấn đề; chất lượng các ý kiến phát biểu.

– Trao đổi, rút kinh nghiệm về cách sử dụng kết hợp ngôn ngữ nói, ngôn ngữ cơ thể và các phương tiện hỗ trợ; cách tổ chức, điều hành buổi thảo luận.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin phù hợp:

Văn bản	Nguồn gốc đề tài	Xung đột	Phẩm chất của nhân vật chính	Hành động chính trong đoạn trích	Tính chất lời thoại
Rô-mê-ô và Giu-li-ét					
Lơ Xít					

2. Tìm đọc một số vở bi kịch, chọn trong số đó một tác phẩm em yêu thích và trả lời các câu hỏi sau:

a. Nhân vật chính trong vở kịch có phẩm chất gì?

b. Xung đột chính trong vở kịch là gì?

c. Chi tiết nào em thấy thú vị nhất?

3. *Nhân vật bi kịch vừa có tội lại vừa không có tội.*

Lấy câu văn trên làm câu chủ đề, hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu).

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những dấu hiệu cho thấy văn bản thuộc thể loại bi kịch.
- Diễn biến hành động của nhân vật Phéc-đi-năng (Ferdinand).
- Sự phát triển của cốt truyện kịch xuất phát từ mâu thuẫn giữa Tể tướng và Phéc-đi-năng.

Âm mưu và tình yêu[1]

Trích, GIÔ-HAN CƠ-RÍT-XTỐP-PHƠ PHRI-ĐƠ-RÍCH SI-LƠ[2]
(JOHANN CHRISTOPH FRIEDRICH SCHILLER)

HỒI II

CẢNH 1

(Lược dẫn: *Âm mưu của Tể tướng được thực thi. Việc này đã đẩy Phéc-đi-năng và Min-pho vào một tình huống không có đường lui. Chàng đến lâu đài của Min-pho xin bà đồng ý huỷ bỏ hôn lễ nhưng bất thành.*)

CẢNH 2

(Lược dẫn: *Phéc-đi-năng đến nhà nhạc công Mi-lơ gặp Luy-dơ, nói cho nàng biết âm mưu của cha mình và trấn an nàng. Biết chuyện, ông bà Mi-lơ hết sức hoang mang, Luy-dơ rất sợ hãi và tuyệt vọng. Giữa lúc đó, Tể tướng Phôn Van-te cùng đám nhân viên pháp đình kéo đến nhà Mi-lơ. Ông ta hăm doạ, bắt bớ, mắng nhiếc ông bà Mi-lơ và Phéc-đi-năng, sỉ nhục Luy-dơ hết sức tàn độc, nặng nề khiến nàng ngã ngất.*)

TẠI NHÀ MI-LƠ (*sau khi Tể tướng sỉ nhục Luy-dơ*)

Phéc-đi-năng (*chạy lại đỡ Luy-dơ ngã ngất trong tay anh*): – Luy-dơ! Luy-dơ! Trời ơi, nàng sợ hãi ngất đi rồi!

---

[1] *Âm mưu và tình yêu* là vở kịch năm hồi được sáng tác năm 1784. Tóm tắt nội dung vở kịch: Thiếu tá Phéc-đi-năng, con trai Tể tướng Phôn Van-te (Von Walter) yêu Luy-dơ (Luise), con gái nhạc công Mi-lơ (Miller). Không phân biệt sự khác nhau về địa vị xã hội, Phéc-đi-năng quyết tâm lấy nàng Luy-dơ làm vợ. Cha của Phéc-đi-năng là một kẻ gian ác, bất chấp các thủ đoạn để ngoi lên chức tể tướng. Y đã ám sát viên tể tướng trước đó để chiếm ngôi vị. Phôn Van-te cấm Phéc-đi-năng yêu Luy-dơ. Nhằm củng cố địa vị của mình, y bắt con trai phải lấy Min-pho (Milford). Phéc-đi-năng kiên quyết bảo vệ tình yêu, doạ tố giác cha đã giết người. Một viên thư kí của Phôn Van-te là Vuôm (Wurm) (cũng đang yêu Luy-dơ) đã bày kế bắt giam vợ chồng nhạc công Mi-lơ. Để cứu cha mẹ, Luy-dơ bị buộc phải viết một bức thư tỏ tình với Phôn Ca-bơ (Von Calb), một người nàng không quen biết và thề trước tượng Chúa sẽ không tiết lộ việc này. Bức thư được Vuôm bố trí để rơi vào tay Phéc-đi-năng. Tưởng mình bị lừa dối, Phéc-đi-năng đến gặp Luy-dơ, bí mật bỏ thuốc độc vào li nước cho nàng uống và mình cùng uống. Biết mình sắp chết, Luy-dơ nói ra sự thật về bức thư nhưng tất cả đã muộn. Hai nhân vật cùng chết vì thuốc độc và vì những âm mưu của những kẻ độc ác.

[2] Giô-han Cơ-rít-xtốp-phơ Phri-đơ-rích Si-lơ (1759 – 1805) là nhà viết kịch nổi tiếng người Đức. Ông có nhiều cống hiến cho cuộc đấu tranh của nhân dân Đức chống lại tình trạng trì trệ của xã hội đương thời.

(*Mi-lơ nắm lấy gậy, che đầu, thủ thế chống cự. Bà Mi-lơ quỳ xuống chân Tể tướng.*)

Tể tướng (*giơ huân chương, với nhân viên pháp đình*): – Nhân danh Hoàng thân, hãy bắt chúng nó đi! [...] Bắt lấy nó, dù nó ngất hay nó tỉnh... Khi nào vòng sắt đeo vào cổ nó rồi, thì người ta sẽ có cách dùng đá ném cho nó tỉnh lại.

Bà Mi-lơ: – Trăm lạy Đức ông, xin ngài thương chúng tôi!

Mi-lơ (*dữ dội, kéo vợ đứng lên*): – Có quỳ gối thì hãy quỳ gối trước mặt Chúa, đừng quỳ gối trước mặt... lũ hung đồ. Đằng nào thì ta cũng xuống ngục tối rồi.

Tể tướng (*cắn môi*): – Mày tính lầm rồi, thằng khốn kiếp! Giá treo cổ vẫn còn chỗ dành cho mày! (*với nhân viên pháp đình*) – Ta phải nhắc lại lệnh của ta hay sao? (*bọn họ xô đến*)

Phéc-đi-năng (*bật dậy, ngăn giữa Luy-dơ và bọn họ, dữ dội*): – Đứa nào dám tới đây? (*cầm gươm cả vỏ, chống lại*) – Đứa nào đã bán đứt cái sọ của nó khi vào làm thuê cho pháp đình thì hãy thử động vào nàng xem! (*với Tể tướng*) – Xin ông hãy nghĩ đến chính thân ông một chút. Đừng dồn ép tôi thêm nữa.

Tể tướng (*giọng doạ nạt, với nhân viên pháp đình*): – Các người có còn muốn giữ bát cơm nữa không, đồ hèn nhát! (*bọn họ lại xông tới*)

Phéc-đi-năng: – Thề độc có tử thần cùng các loài ma quỷ, lùi lại! Tao bảo: Lùi lại! Tôi nhắc lại một lần nữa: Hãy thương tiếc lấy thân ông một chút, đừng dồn tôi đến chỗ cùng đường!

Tể tướng (*sôi sục giận dữ*): – Các ngươi tỏ lòng trung thành như thế đó sao? (*bọn tuỳ tùng lại xông tới, dữ dội hơn trước*)

Phéc-đi-năng: – Đã vậy thì... (*tuốt gươm đâm trúng mấy đứa*) – Hỡi Chúa công bằng, xin tha tội cho ta!

Tể tướng: – Ta muốn xem thử lưỡi gươm kia có nhọn chăng. (*nắm lấy Luy-dơ, tàn nhẫn kéo nàng dậy, giao cho một tên*)

Phéc-đi-năng (*cười cay đắng*): – Cha ơi cha! Hành vi của cha thật là một lời cay độc chửi vào mặt Chúa, vì Chúa đã lẫn, đã mù chọn tên đao phủ lỗi lạc đặt lên làm tên Tể tướng mạt hạng.

Tể tướng: – Lôi nó đi!

Phéc-đi-năng: – Cha nghe đây! Nếu nàng bị đem bêu trên giá nhục hình, thì Thiếu tá con trai của Tể tướng sẽ cùng đứng chịu bêu với nàng. Cha vẫn cương quyết không chuyển chăng?

Tể tướng: – Thế thì cuộc trưng bày sẽ càng thú vị chứ sao. Nhanh lên, lôi nó đi!

Phéc-đi-năng: – Tôi sẽ dùng thanh gươm sĩ quan của tôi mà che chở cho người thiếu nữ này. Cha vẫn cương quyết không chuyển chăng?

Tể tướng: – Thanh gươm của mày đã học được thói quen chịu nhơ nhuốc rồi đấy... Nhanh lên, đưa nó đi.

Phéc-đi-năng (*dữ dội gạt tên quân ra, một tay ôm Lu-y-dơ, một tay chĩa mũi gươm vào nàng*): – Thà tôi đâm lưỡi gươm này qua xác vợ tôi, còn hơn nhìn nàng bị sỉ nhục! Cha vẫn còn cương quyết không chuyển chăng?

Tể tướng: – Đâm đi, nếu mũi gươm của mày đủ nhọn!

Phéc-đi-năng (*buông Lu-y-dơ, ngước mắt nhìn trời, ghê gớm*): – Xin Chúa cao cả làm chứng cho tôi. Tôi đã dùng hết mọi thủ đoạn của loài người, bây giờ tôi chỉ còn cách dùng đến những thủ đoạn của loài ma quỷ. Được rồi, chúng mày cứ đem nàng đi! Còn ta (*thét vào tai Tể tướng*) – Ta sẽ đi kể cho tất cả xứ này nghe một câu chuyện nhan đề là: Người ta đã leo lên ghế Tể tướng bằng cách nào.

(*Ra*)

Tể tướng (*như bị sét đánh*): – Thế là thế nào, Phéc-đi-năng! Buông nó ra! (*chạy theo Thiếu tá*)

(Giô-han Cơ-rít-xtốp-phơ Phri-đơ-rích Si-lơ, *Âm mưu và tình yêu*, Nguyễn Đình Nghi *dịch*, Vụ Nghệ thuật sân khấu, 1963, tr. 61 – 64)

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một số văn bản nghị luận văn học và văn bản bi kịch. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin đáng chú ý về các văn bản mà em đã đọc.

2. Trao đổi với các bạn về:

– Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận văn học; những cách hiểu khác của em so với cách hiểu của tác giả văn bản nghị luận đối với vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học.

– Chủ đề và các yếu tố của bi kịch: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại; những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của em sau khi đọc văn bản bi kịch.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hệ thống hoá được kiến thức về loại, thể loại văn bản đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã học trong học kì I.
- Vận dụng được các kiến thức đã học và kĩ năng đã rèn luyện để giải quyết một số bài tập mang tính chất tổng hợp.

A. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. Xem lại văn bản đọc chính trong 5 bài học ở học kì I, lập bảng vào vở theo mẫu sau và ghi các thông tin cơ bản:

Văn bản	Tác giả	Loại, thể loại	Nội dung	Đặc điểm hình thức

2. Nêu sự khác biệt giữa thể loại truyện truyền kì và truyện thơ Nôm trên một số tiêu chí: chữ viết được sử dụng, các loại nhân vật được miêu tả, đặc điểm ngôn ngữ.

3. Không khí lịch sử, bối cảnh xã hội xuất hiện trong một số truyện truyền kì hoặc truyện thơ Nôm có giúp ích gì cho việc đọc hiểu tác phẩm không? Vì sao?

4. Trong học kì I, em đã được học những kiến thức tiếng Việt mới nào? Nêu những khái niệm cần nắm vững để giải quyết bài tập ở các bài học.

5. Qua việc thực hiện các bài viết trong học kì I, em hãy nêu những điểm khác nhau trong việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng ở kiểu bài nghị luận xã hội và kiểu bài nghị luận văn học.

6. Nêu những nét giống nhau và khác nhau giữa kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề và kiểu bài thảo luận về một vấn đề (lấy ví dụ từ các bài nói và nghe đã thực hiện ở học kì I để minh hoạ).

B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Với các phiếu học tập sau đây, em sẽ có điều kiện vận dụng các kiến thức đã ôn tập ở trên để luyện tập tổng hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Khóc Dương Khuê[1]

Trích, NGUYỄN KHUYẾN

[…] Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần;
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can[2].
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mải lên tiên;
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa,
Giường kia treo cũng hững hờ[3],
Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn[4].
Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, Hà Nội, 1979, tr. 146 – 147)

---

(1) Dương Khuê (1839 – 1902) là nhà thơ, bạn của Nguyễn Khuyến, từng làm quan dưới triều Nguyễn.
(2) *Chưa can*: chưa có chuyện gì đáng lo.
(3) *Giường kia treo cũng hững hờ*: dùng điển tích Trần Phồn thời Hậu Hán (Trung Quốc) sắm chiếc giường dành riêng cho người bạn thân là Từ Trĩ, mỗi lần bạn đến chơi thì đem giường xuống cho bạn nằm, khi bạn về thì treo giường lên.
(4) *Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn*: lấy điển tích tình bạn tri âm giữa Bá Nha và Chung Tử Kỳ (Bá Nha là người giỏi chơi đàn, Chung Tử Kỳ là người thấu hiểu tâm tư mà Bá Nha gửi vào tiếng đàn; khi Chung Tử Kỳ mất, Bá Nha đập đàn không chơi nữa vì cho rằng trên đời không còn ai hiểu được nỗi niềm của mình qua tiếng đàn).

b Thực hiện các yêu cầu

- **Chọn phương án đúng (làm vào vở)**

Câu 1. Những dấu hiệu nào cho thấy đoạn trích mang đặc điểm của thể thơ song thất lục bát?

A. Ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn trích

B. Số tiếng trong các câu thơ và cách hiệp vần giữa các câu thơ liền nhau

C. Các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn trích

D. Những cung bậc cảm xúc được nhà thơ thể hiện trong đoạn trích

Câu 2. Cách hiệp vần nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Tất cả các câu liền nhau đều hiệp vần với nhau

B. Chỉ có một số câu liền nhau hiệp vần với nhau

C. Chỉ có các cặp lục bát hiệp vần với nhau

D. Chỉ có các cặp câu bảy tiếng hiệp vần với nhau

Câu 3. Trạng thái cảm xúc gì của nhà thơ được thể hiện trong hai câu thơ: *Làm sao bác vội về ngay,/ Chợt nghe tôi bỗng chân tay rụng rời*?

A. Bình tĩnh, thản nhiên B. Thảng thốt, hụt hẫng

C. Tuyệt vọng, sợ hãi D. Cô đơn, thương mình

Câu 4. Trong hai câu thơ: *Ai chẳng biết chán đời là phải/ Vội vàng sao đã mải lên tiên*, biện pháp tu từ nào đã được sử dụng?

A. So sánh B. Nói quá

C. Nhân hoá D. Nói giảm nói tránh

Câu 5. Nhận định nào nêu đúng nội dung chính của đoạn trích?

A. Đoạn trích nói về những kỉ niệm thời trẻ của tác giả với bạn.

B. Đoạn trích thể hiện sự bi quan của tác giả trước một sự việc đau thương.

C. Đoạn trích là tiếng lòng bi thiết của tác giả khi nghe tin bạn quý vừa mất.

D. Đoạn trích cho thấy nhận thức của tác giả về quy luật tất yếu của đời người.

- **Trả lời câu hỏi**

Câu 1. Tâm trạng của tác giả được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

Câu 2. Những biểu hiện nào cho thấy tình cảm sâu nặng giữa tác giả và người bạn của mình?

Câu 3. Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn trích và phân tích hiệu quả nghệ thuật ở từng trường hợp.

Câu 4. Em cần làm gì để biết ý nghĩa của các điển tích được tác giả sử dụng trong đoạn trích? Phân tích tác dụng của các điển tích đó.

Câu 5. Ở những câu thơ sau, biện pháp tu từ điệp ngữ có tác dụng như thế nào trong việc diễn tả các cung bậc cảm xúc của nhà thơ?

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa:
Giường kia treo cũng hững hờ,
Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.

2. VIẾT

Viết bài văn phân tích trích đoạn bài thơ *Khóc Dương Khuê* ở phần Đọc.

3. NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về vai trò của tình bạn trong cuộc sống.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Một nét nổi bật trong sáng tác của Nam Cao[1]

Trích *Nam Cao và khát vọng về một cuộc sống lương thiện, xứng đáng*,
NGUYỄN VĂN HẠNH[2]

Đọc những tác phẩm của Nam Cao[3] viết cách đây đã trên dưới nửa thế kỉ[4], nhất là những truyện như *Chí Phèo*, *Lão Hạc*, *Sống mòn*, thấy Nam Cao không chỉ mới mẻ trong thời đại của mình, mà vẫn rất gần gũi với chúng ta hôm nay. Nam Cao và

[1] Tên văn bản do người biên soạn đặt.
[2] Nguyễn Văn Hạnh (1931 – 2023) quê ở tỉnh Quảng Nam (nay thuộc thành phố Đà Nẵng), là nhà giáo, nhà nghiên cứu văn học. Các tác phẩm chính: *Cơ sở lí luận văn học* (viết chung, 1971), *Chuyện văn chuyện đời* (2004),...
[3] Nam Cao (1917 – 1951) là nhà văn xuất sắc trong nền văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945; sau 1945, ông tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, hi sinh trong một chuyến công tác.
[4] Tính đến thời điểm bài viết này được công bố (năm 1992).

Vũ Trọng Phụng[1], mỗi người một vẻ, chắc chắn là hai nhà văn xuất sắc nhất trong nền văn học hiện đại của ta ở nửa đầu thế kỉ XX.

Nam Cao có sở trường trong xây dựng nhân vật, thể hiện ở nghệ thuật miêu tả ngoại hình, khắc hoạ tính cách, phân tích nội tâm. Một số nhà nghiên cứu nhấn mạnh hai loại nhân vật chủ yếu trong tác phẩm của Nam Cao: nông dân và trí thức tiểu tư sản. Trên thực tế, Nam Cao miêu tả nhiều loại người, nhưng ông tập trung sự chú ý vào tầng lớp lao động nghèo, những người có số phận hẩm hiu, không tìm được chỗ đứng của mình trong xã hội, bị vứt ra bên lề cuộc sống. Họ thuộc thế giới những người cùng khổ, ở "dưới đáy" của xã hội, những con người bị tha hoá, bị què quặt cả về thể xác và tinh thần vì bị áp bức, hành hạ, vì tăm tối mặt mũi lo chạy ăn từng bữa, vì sự bế tắc mục ruỗng của xã hội, vì sự hèn nhát, sợ hãi của chính mỗi người. Nam Cao thật ra không miêu tả các thành phần xã hội, mà đi sâu vào các số phận, các *kiếp người* như chính nhà văn thường nói.

Nhiều nhân vật của Nam Cao là những con người hiền lành, chất phác, nhưng đời sống quá vất vả, cơ cực. Đó là những người già cả không nơi nương tựa, những em bé mồ côi không ai chăm sóc, những người đàn bà không biết đến hạnh phúc lứa đôi, gia đình, vì nghèo, vì tàn tật, xấu xí, vì tệ nạn xã hội (*Nghèo*, *Dì Hảo*, *Lão Hạc*, *Một bữa no*, *Từ ngày mẹ chết*, *Ở hiền*,...). Một loại nhân vật khác là những tay trộm cướp, lưu manh, du thủ du thực. Dưới con mắt của Nam Cao, những con người phá phách này cùng với những người điên, những người câm, những người kì quặc đủ loại càng tô đậm thêm bộ mặt cùng quẫn, mất nhân tính của xã hội. Bên cạnh đó, ta còn gặp những con người có trình độ học vấn, có ý thức hơn về thân phận, có nhiều băn khoăn về ý nghĩa của cuộc sống, về giá trị làm người (*Trăng sáng*, *Đời thừa*, *Truyện người hàng xóm*, *Sống mòn*,...). Chính qua những nhân vật như Điền, Hộ, Lộc, Thứ,... nhà văn đã trực tiếp gửi gắm những suy nghĩ của mình về cuộc sống, về nghệ thuật.

Thông thường, ở một tài năng tiểu thuyết thì sức mạnh tư duy tập trung ở hình tượng nhân vật. Đọc Nam Cao, người ta có ấn tượng rõ rệt về các nhân vật có tính cách nổi bật, đồng thời lại cảm nhận sâu sắc cách nhìn của tác giả đối với cuộc sống, tấm lòng của tác giả đối với con người. Ở Nam Cao, có sự kết hợp giữa năng lực quan sát, miêu tả, nắm bắt rất tài tình những chi tiết của cuộc sống, xây dựng những hình tượng, những bức tranh xã hội sinh động với một giọng trữ tình kín đáo, thiết tha, vừa xót thương cho những người bất hạnh, vừa chua chát trước những điều nhố nhăng, vô nghĩa, luôn luôn khát khao sự thay đổi hướng về cái nhân bản, tốt đẹp.

Tác phẩm của Nam Cao không nhiều, phần lớn lại là truyện ngắn. Nhưng có thể nói Nam Cao là một trong số ít nhà văn của chúng ta đã để lại cho văn học nhiều nhân vật không thể nào quên được, buộc người đọc phải nghĩ về họ, thông qua họ mà nghĩ về

[1] Vũ Trọng Phụng (1912 – 1939) là nhà văn hiện thực trào phúng nổi tiếng, cùng thời với Nam Cao.

cuộc sống. Chí Phèo, Thị Nở, lão Hạc, Thứ, Hoàng là những nhân vật như thế. Nếu các nhân vật mang vào tác phẩm của nhà văn chất đời thường, sự sinh động, thì giọng trữ tình lại mang đến sự ấm áp rất tiêu biểu cho chiều sâu tâm hồn và bản sắc tài năng của Nam Cao. Ông trân trọng mọi biểu hiện của sự sống, trăn trở, đau buồn nhưng không bao giờ mất hi vọng. Đọc Nam Cao, con người muốn sống chu đáo hơn, nhân ái hơn.

(*Theo* Nguyễn Văn Hạnh, *Nam Cao và khát vọng về một cuộc sống lương thiện, xứng đáng*, in trong *Nam Cao – Về tác gia và tác phẩm*, Bích Thu *biên soạn và tuyển chọn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 179 – 180)

b Thực hiện các yêu cầu

- **Chọn phương án đúng (làm vào vở)**

Câu 1. Người viết đánh giá cao sở trường nào của Nam Cao trong sáng tạo văn học?

A. Xây dựng cốt truyện hấp dẫn
B. Kể chuyện sinh động, lôi cuốn
C. Khắc hoạ sắc nét tính cách nhân vật
D. Tả cảnh thiên nhiên tinh tế, gợi cảm

Câu 2. "Nhiều nhân vật của Nam Cao là những con người hiền lành, chất phác, nhưng đời sống quá vất vả, cơ cực." – sau câu văn này, tác giả triển khai đoạn văn theo hướng nào?

A. Phản bác ý của câu vừa nêu, sau đó đưa ra ý được cho là đúng
B. Chứng minh cho ý của câu vừa nêu, sau đó khái quát lại
C. Nhận xét câu vừa nêu, bổ sung cho ý đầy đủ hơn
D. Giải thích câu vừa nêu, bổ sung cho ý đầy đủ hơn

Câu 3. Tên một số tác phẩm của Nam Cao được nhắc đến ở bài viết nhằm mục đích gì?

A. Minh hoạ cho ý kiến được tác giả nêu trước đó
B. Cho thấy sự phong phú trong sáng tác của Nam Cao
C. Cho thấy tác giả am hiểu về các sáng tác của Nam Cao
D. Nêu bật những đóng góp của Nam Cao đối với nền văn học

Câu 4. Dòng nào sau đây nêu đúng những nét chung giữa các nhân vật trong truyện của Nam Cao?

A. Đó là những người cùng chung nghề nghiệp
B. Đó là những người cùng thành phần xã hội
C. Đó là những người cùng hoàn cảnh sống
D. Đó là những kiếp người đau khổ, bất hạnh

Câu 5. Theo nội dung đoạn trích, điều gì không có tác dụng tạo nên sức hấp dẫn của truyện Nam Cao?

A. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình, khắc hoạ tính cách, phân tích nội tâm nhân vật

B. Mục đích sáng tác và hoàn cảnh ra đời của từng tác phẩm

C. Cách nhìn của tác giả về cuộc sống, tấm lòng của tác giả đối với con người

D. Giọng trữ tình ấm áp, thể hiện niềm trân trọng mọi biểu hiện của sự sống

- **Trả lời câu hỏi**

Câu 1. Có thể xem văn bản *Một nét nổi bật trong sáng tác của Nam Cao* thuộc loại văn bản nghị luận văn học được không? Vì sao?

Câu 2. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả trong văn bản.

Câu 3. Tác giả đã lí giải như thế nào về sự thành công của Nam Cao trong sáng tác văn học?

Câu 4. Những nội dung nào đã triển khai trong bài viết cho phép tác giả đi đến kết luận: "Đọc Nam Cao, con người muốn sống chu đáo hơn, nhân ái hơn"?

Câu 5. Văn bản trên giúp em hiểu được những gì về nhà văn Nam Cao?

2. VIẾT

Viết bài văn nghị luận phân tích một truyện ngắn được sáng tác trong những năm gần đây.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống của lứa tuổi học sinh, lập dàn ý cho bài nói và tập trình bày.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 1

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
1	bi kịch	một thể loại của kịch thể hiện xung đột giữa một bên là những khát vọng, lí tưởng cao đẹp và một bên là thực tế lịch sử, xã hội không cho phép thực hiện những khát vọng, lí tưởng đó	116, 117, 120, 126, 127,...
2	bối cảnh tiếp nhận	những yếu tố khách quan (bối cảnh thời đại, xã hội) và yếu tố chủ quan (hoàn cảnh riêng của mỗi cá nhân) có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới việc tiếp nhận tác phẩm văn học của người đọc	87, 88
3	cách dẫn gián tiếp	dẫn lời hoặc ý tưởng của người khác nhưng không dùng nguyên văn mà diễn đạt lại bằng ngôn ngữ của mình, không sử dụng dấu ngoặc kép (nếu dẫn trong văn bản viết)	87, 88, 93, 94, 100,...
4	cách dẫn trực tiếp	dẫn nguyên văn từ ngữ, câu, đoạn của văn bản gốc, phần dẫn đặt trong dấu ngoặc kép (nếu dẫn trong văn bản viết)	87, 88, 93, 94, 100,...
5	câu đặc biệt	câu được cấu tạo bởi một từ hoặc cụm từ, không xác định được chủ ngữ hay vị ngữ, chỉ được chấp nhận trong một ngữ cảnh xác định	116, 117, 130, 131
6	câu rút gọn	câu có thành phần câu (thường là thành phần chính) bị tỉnh lược nhưng vẫn đảm bảo nội dung thông tin nhờ ngữ cảnh	116, 117, 121, 122, 123,...
7	chơi chữ	biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa và quy tắc kết hợp từ ngữ một cách sáng tạo trong ngữ cảnh nhằm mang lại những cách hiểu khác lạ hay liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người tiếp nhận	39, 40, 44, 45
8	chữ Hán	chữ viết có nguồn gốc từ Trung Quốc cổ đại, phổ biến và tương đối ổn định từ thời nhà Hán (khoảng thế kỉ III trước Công nguyên), được biến đổi khi du nhập vào các nước lân cận như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam	16, 17, 35, 41, 43,...
9	chữ Nôm	chữ viết cổ (hình thành vào khoảng thế kỉ X, phổ biến từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XX), mượn cách viết của chữ Hán nhưng đã được cải biến thành chữ ghi âm tiếng Việt (nên còn được gọi là "quốc âm", "quốc ngữ")	43, 49, 60, 63, 64,...
10	chữ quốc ngữ	chữ viết mượn hệ thống chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt, hình thành vào khoảng đầu thế kỉ XVII, được chỉnh lí nhiều lần, từng bước thay thế chữ Hán và chữ Nôm, từ năm 1945 có vị thế văn tự chính thức của quốc gia	23, 63, 65, 70, 74,...
11	điển tích, điển cố	câu chuyện, sự việc hay câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong văn bản của các tác giả đời sau	8, 9, 17

12	điệp thanh	biện pháp tu từ sử dụng cách lặp lại thanh điệu cùng loại (thanh bằng hoặc thanh trắc) để làm tăng tính nhạc, nâng cao hiệu quả biểu đạt	39, 40, 47, 48, 57
13	điệp vần	biện pháp tu từ sử dụng những tiếng có vần giống nhau, đặt gần nhau nhằm tăng tính nhạc, tăng hiệu quả biểu đạt	39, 40, 47, 48, 57
14	hành động (kịch)	toàn bộ sự việc, biến cố gắn với các hoạt động thể hiện khát vọng, ý chí, tính cách của nhân vật kịch; được tổ chức theo nguyên tắc nhân quả, làm cơ sở cho sự phát triển của cốt truyện và xung đột kịch	116, 117, 121, 125, 127,...
15	không gian (nghệ thuật)	những yếu tố biểu đạt không gian dùng để tạo nên bối cảnh trong tác phẩm văn học, gắn với dụng ý nghệ thuật của tác giả trong việc thể hiện hình tượng, biểu đạt ý nghĩa tác phẩm	8, 9, 16. 18, 22, 34,...
16	ngâm khúc	một thể loại văn học thời trung đại có nội dung trữ tình đặc thù, dù sáng tác bằng chữ Nôm hay chuyển ngữ từ nguyên tác chữ Hán cũng chủ yếu sử dụng thể thơ song thất lục bát để diễn tả tâm trạng sầu muộn, nuối tiếc, xót thương cho thân phận người phụ nữ	17, 41, 43, 50, 51,...
17	nhân vật (bi kịch)	hình tượng nhân vật trung tâm trong một vở bi kịch, có tính cách và hành động thể hiện rõ đặc điểm, bản chất của xung đột bi kịch; nổi bật ở khát vọng lớn lao, hành động hết mình vì lí tưởng cao cả và sự thất bại trong thực tế	116, 117, 118, 121, 127,...
18	song thất lục bát	thể thơ ra đời vào thời trung đại của văn học Việt Nam, kết hợp đan xen từng cặp câu 7 tiếng với từng cặp câu lục bát, được sử dụng nhiều trong ngâm khúc và trong một số tác phẩm thơ hiện đại	39, 40, 41, 43, 47,...
19	thời gian (nghệ thuật)	những yếu tố biểu đạt thời gian dùng để tạo nên bối cảnh trong tác phẩm văn học, gắn với dụng ý nghệ thuật của tác giả trong việc thể hiện hình tượng, biểu đạt ý nghĩa tác phẩm	8, 9, 16, 18, 22,...
20	truyện thơ Nôm	thể loại tự sự có hình thức thơ (thường là lục bát, song thất lục bát hoặc Đường luật), viết bằng chữ Nôm, phát triển mạnh trong các thế kỉ XVIII, XIX; cốt truyện thường được khai thác từ văn học dân gian và văn học Trung Quốc nhưng cũng có thể lấy từ đời sống thực tế; hình thành và phát triển thành hai dòng: truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học	63, 64, 65, 66, 73,...
21	truyện truyền kì	thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại, sử dụng kết hợp yếu tố kì ảo với yếu tố hiện thực để thể hiện những vấn đề của đời sống	8, 9, 16, 22, 35,...
22	xung đột (bi kịch)	xung đột nảy sinh từ mâu thuẫn không thể dung hoà giữa các giá trị (cái thiện với cái ác, cái cao cả với cái thấp hèn, cái mới với cái cũ,...), giữa lí tưởng, khát vọng và khả năng, cách thức thực hiện; có kết thúc là sự tổn thất không thể tránh khỏi của lực lượng đại diện cho cái thiện, cái cao cả, cái mới	116, 117, 121, 127, 132,...

PHỤ LỤC 2

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	Tên riêng nước ngoài	Phiên âm	Trang
1	Achilleus	A-sin	17
2	Alexandre de Rhodes	A-lếch-xăng đờ Rốt	65
3	Aristotle	A-rít-xtốt	133, 135
4	Capulet	Ca-piu-lét	118, 119, 121,...
5	Chimène	Si-men	123, 124, 125,...
6	Cinna	Xin-na	127
7	Corneille	Coóc-nây	117, 123, 126,...
8	Don Diègue	Đông Đi-e-gơ	123
9	Don Gormas	Đông Goóc-ma-xờ	123
10	Don Rodrigue	Đông Rô-đri-gơ	123, 124, 130,...
11	Don Sanche	Đông Xăng-sơ	123
12	Ferdinand	Phéc-đi-năng	139, 140, 141
13	Francisco de Pina	Phran-xít-xcô đờ Pi-na	65
14	Hamlet	Hăm-lét	120
15	Hans Christian Andersen	Han Cri-xti-an An-đéc-xen	8
16	Horace	O-ra-xơ	127
17	Johann Christoph Friedrich Schiller	Giô-han Cơ-rít-xtốp-phơ Phri-đơ-rích Si-lơ	139, 141
18	Juliet	Giu-li-ét	117, 118, 119,...
19	Karen Salmansohn	Ca-ren Xan-man-xon	116
20	Laurence	Lâu-rân	118
21	Le Cid	Lơ Xít	117, 123, 126,...
22	Lear	Lia	120
23	Luise	Luy-dơ	139, 140, 141
24	Macbeth	Mắc-bét	120
25	Médée	Mê-đê	127
26	Mercutio	Mơ-kiu-xi-ô	118
27	Mikhail Prishvin	Mi-khai-in Pri-sơ-vin	29
28	Milford	Min-pho	139
29	Miller	Mi-lơ	139, 140
30	Montague	Môn-ta-ghiu	118, 119, 121
31	Othello	Ô-ten-lô	120
32	Paris	Pa-rít	118
33	Rodrigue Diaz	Rô-đri-gơ Đi-a-dờ	127
34	Romeo	Rô-mê-ô	117, 118, 119,...
35	Seattle	Xi-át-tơn	28, 94
36	Tibalt	Ti-bân	118
37	Troy	Tơ-roa	17
38	Verona	Vê-rô-na	118
39	Von Calb	Phôn Ca-bơ	139
40	Von Walter	Phôn Van-te	139
41	William Shakespeare	Uy-li-am Sếch-xpia	117, 120, 121
42	Wolfgang Iser	Uốp-phờ-gang I-dơ	87
43	Wurm	Vuôm	139

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: TRẦN MAI THANH HẰNG – NGUYỄN THỊ NHIỆM
Biên tập tái bản: TRẦN MAI THANH HẰNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: PHẠM VIỆT QUANG – NGÔ QUANG THẾ
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM – TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 9 – TẬP MỘT

Mã số: G1HH9V003h26
In ..... bản (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.
Đơn vị in: ..... Địa chỉ: .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/89-09/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ....
In xong và nộp lưu chiểu quý..... năm ....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-39239-8
Tập hai: 978-604-0-39240-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 9, tập một
2. Ngữ văn 9, tập hai
3. Toán 9, tập một
4. Toán 9, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 9
6. Công nghệ 9
   Định hướng nghề nghiệp
7. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà
8. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Trồng cây ăn quả
9. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Chế biến thực phẩm
10. Lịch sử và Địa lí 9
11. Mĩ thuật 9
12. Âm nhạc 9
13. Giáo dục công dân 9
14. Tin học 9
15. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9
16. Giáo dục thể chất 9
17. Tiếng Anh 9 – Global Success – SHS

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39239-8

9 786040 392398

Giá: 19.400 đ